

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN HỮU NHƯỢNG

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN
AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN HỮU NHƯỢNG

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN
AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 92 29 001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Trần Hải Minh
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Thọ

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng em. Các tài liệu được trích dẫn trong luận án là trung thực, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Hữu Nhượng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI LUẬN ÁN	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Khái quát giá trị chủ yếu của các công trình được tổng quan và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	25
Chương 2: VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	30
2.1. Khái quát về Phật giáo và an sinh xã hội	30
2.2. Cơ sở giáo lý về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội	45
2.3. Nội dung vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội	49
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội	59
Chương 3: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	74
3.1. Khái quát về Phật giáo Việt Nam và hệ thống tổ chức của Phật giáo Việt Nam hiện nay	74
3.2. Thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội thời gian qua.....	77
3.3. Đánh giá thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam thời gian qua.....	108
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	128
4.1. Quan điểm phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay	128
4.2. Giải pháp phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay	132
KẾT LUẬN	176
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	178
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	179

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

ASXH	: An sinh xã hội
BHXHVN	: Bảo hiểm xã hội Việt Nam
BHYT	: Bảo hiểm y tế
CNTT	: Công nghệ thông tin
CSSK	: Chăm sóc sức khỏe
DVXH	: Dịch vụ xã hội
GHPG	: Giáo hội Phật giáo
GHPGVN	: Giáo hội Phật giáo Việt Nam
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
KHCN	: Khoa học công nghệ
PH	: Phật giáo
PGVN	: Phật giáo Việt Nam
TNTG	: Tín ngưỡng tôn giáo
TNXH	: Trách nhiệm xã hội
TTHC	: Thủ tục hành chính
UBND	: Ủy ban nhân dân
XĐGN	: Xóa đói giảm nghèo

DANH MỤC SƠ ĐỒ - BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1. Cấu trúc của an sinh xã hội	39
Bảng 3.1. Thống kê các hoạt động từ thiện, nhân đạo của GHPGVN (tính đến ngày 11/01/2024).....	84

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong tiến trình đổi mới đã mở ra điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường và hoàn thiện chính sách ASXH. An sinh xã hội là chương trình do Nhà nước cùng các chủ thể xã hội thực hiện nhằm bảo đảm mọi người dân có thu nhập tối thiểu và cơ hội tiếp cận tối thiểu đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

An sinh xã hội có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Đề cao các vấn đề xã hội và triển khai ASXH trước hết đòi hỏi nhận thức đúng: đầu tư nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội và ASXH chính là đầu tư cho phát triển. Phát triển con người giữ vị trí mục tiêu trung tâm của phát triển xã hội; đây là nền tảng lý luận cho các giải pháp thực tiễn đối với những vấn đề xã hội trong đời sống. Trên nền tảng san sẻ trách nhiệm và thực hiện công bằng xã hội, chính sách an sinh xã hội được thực thi qua nhiều hình thức, cách thức và biện pháp khác nhau. Xuất phát từ nhận thức rằng đầu tư nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội và ASXH chính là đầu tư cho phát triển; đồng thời khẳng định phát triển con người là mục tiêu đích thực của phát triển xã hội.

Kinh tế giữ vai trò trọng yếu nhưng không phải cứu cánh, cũng không có mục đích tự thân; phát triển kinh tế phải hướng tới phục vụ con người. Việc giải quyết các vấn đề xã hội - nhất là những vấn đề bức xúc - và thực hiện ASXH đều nhằm phục vụ đời sống người dân, từ cá nhân đến cộng đồng. Do đó, chính sách kinh tế và chính sách xã hội cùng chia sẻ mục tiêu vì con người và vì xã hội của những người lao động. Phẩm chất nhân văn của phát triển con người và xã hội được quyết định bởi chất lượng giải quyết các vấn đề xã hội, chất lượng chính sách xã hội và ASXH, trên nền các điều kiện và tiền đề kinh tế. An sinh xã hội là một hợp phần của hệ thống các vấn đề xã hội, hơn nữa còn là hợp phần nổi bật, nổi trội nhất trong hệ thống đó.

Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực xây dựng một xã hội phát triển bền vững, công bằng và nhân văn, vấn đề ASXH giữ vai trò then chốt nhằm bảo đảm

quyền con người, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy ổn định xã hội. Bên cạnh vai trò chủ đạo của Nhà nước, các tổ chức xã hội, tôn giáo - đặc biệt là Phật giáo - ngày càng có nhiều đóng góp thiết thực vào quá trình này.

Phật giáo, với truyền thống “từ bi”, “cứu khổ ban vui”, đã gắn bó lâu đời với đời sống tinh thần và văn hóa của dân tộc Việt Nam. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, Phật giáo không chỉ là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng mà còn là lực lượng tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, cứu trợ thiên tai, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, hỗ trợ người nghèo, người khuyết tật và người già neo đơn. Những hoạt động này không chỉ thể hiện giá trị đạo đức của Phật giáo mà còn góp phần giảm tải gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội quốc gia.

Theo Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục triển khai Nghị quyết 25-NQ/TW (khóa IX) liên quan đến công tác tôn giáo trong giai đoạn mới, Nhà nước xác định rằng phát huy các nguồn lực của tôn giáo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Tại Việt Nam, hệ thống chính sách ASXH hiện hành bao gồm bốn nhóm chính: (1) chính sách việc làm bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo; (2) chính sách bảo hiểm; (3) chính sách trợ giúp xã hội; (4) chính sách dịch vụ xã hội cơ bản. Đến nay, Phật giáo đã tham gia vào toàn bộ các nội dung cơ bản của ASXH ở mức độ đa dạng: bảo đảm thu nhập tối thiểu, giảm nghèo bền vững; trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát triển bảo hiểm xã hội (kể cả bảo hiểm y tế) và bảo đảm tiếp cận DVXH ở mức tối thiểu. Đồng thời, các hoạt động của Phật giáo còn hướng vào giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo bền vững, cũng như hỗ trợ thiết yếu về giáo dục, y tế và chỗ ở cho người dân.

Thực tiễn trên cho thấy Phật giáo đang giữ vai trò ngày càng quan trọng trong việc tham gia và hỗ trợ thực hiện ASXH ở Việt Nam, song vẫn còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và lý giải một cách khoa học. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò của Phật giáo trong việc góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần, hạn chế các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, đồng thời bổ sung nguồn

lực xã hội, giảm gánh nặng cho Nhà nước trong bảo đảm ASXH và thúc đẩy xây dựng xã hội hài hòa, công bằng, nhân văn. Việc làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của Phật giáo trong công tác ASXH, kết hợp với đánh giá thực trạng hoạt động và cơ chế phát huy nguồn lực Phật giáo, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường sự tham gia của Phật giáo vào lĩnh vực này, có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn, góp phần củng cố mối quan hệ hài hòa giữa tôn giáo và Nhà nước, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của ASXH trong việc bảo đảm quyền con người, Phật giáo được xem là một chủ thể quan trọng trong tiến trình thực hiện các mục tiêu ASXH ở Việt Nam hiện nay. Việc phát huy vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực này không chỉ phù hợp với định hướng phát triển bền vững mà còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tác giả, với tư cách là thành viên của Hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình và nghiên cứu sinh bậc Tiến sĩ chuyên ngành Triết học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nhận thấy bên cạnh những đóng góp tích cực của Phật giáo trong công tác ASXH, vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập cần được điều chỉnh và hoàn thiện để hoạt động này mang lại hiệu quả hơn, đặc biệt trong việc hướng đến các nhóm xã hội yếu thế như người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em và đồng bào dân tộc thiểu số. Xuất phát từ nhận thức đó, tác giả lựa chọn đề tài "*Vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay*" làm luận án Tiến sĩ Triết học, với mong muốn góp phần làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực tiễn và đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH ở Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững và nhân văn của xã hội Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam; luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, luận án tiến hành phân tích, hệ thống hóa và khái quát các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH, qua đó xác định khoảng trống nghiên cứu và những nội dung cần tiếp tục làm rõ trong phạm vi luận án.

Thứ hai, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH ở Việt Nam.

Thứ ba, phân tích và đánh giá thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam và nguyên nhân của thực trạng.

Thứ tư, trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, luận án đề xuất quan điểm và một số giải pháp chủ yếu phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH ở Việt Nam, góp phần vào quá trình xây dựng xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận, phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. An sinh xã hội là nội dung rộng, trong phạm vi nghiên cứu đề tài, tác giả nghiên cứu lĩnh vực chính của ASXH mà Phật giáo tham gia như: 1) Hoạt động xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; 2) Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; 3) Hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; 4) Hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương; 5) Hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS.

Về thời gian, luận án nghiên cứu nội dung nêu trên từ năm 2017 đến nay (từ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ VIII).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo, trong đó có công tác ASXH. Đồng thời, luận án được xây dựng trên nền tảng giáo lý của Phật giáo, đặc biệt là các tư tưởng cốt lõi như từ bi, nhân quả - duyên khởi, vô ngã và cứu khổ, vốn thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn, bình đẳng và hướng thiện của đạo Phật - những giá trị tương đồng với mục tiêu bảo đảm ASXH và phát triển con người toàn diện.

Bên cạnh đó, luận án kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học đã công bố, đồng thời tham khảo các nguồn tư liệu thực tiễn từ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các tổ chức tôn giáo khác có liên quan đến nội dung, phạm vi và đối tượng nghiên cứu. Những cơ sở này bảo đảm cho luận án tính khoa học, khách quan và giá trị thực tiễn, phù hợp với bối cảnh phát triển tôn giáo và chính sách ASXH ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như phương pháp: khảo sát, điều tra xã hội học; phân tích - tổng hợp; phương pháp lịch sử - logic; phương pháp khái quát hóa; phỏng vấn cá nhân, phương pháp quan sát.

- *Phương pháp phỏng vấn*: thu thập thông tin dựa trên tiếp xúc trực tiếp về mặt tâm lý - xã hội giữa nhà nghiên cứu và người được hỏi, bám sát chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của nghiên cứu. Tác giả sử dụng hệ thống câu hỏi cấu trúc để hỏi chuyên gia phục vụ luận án; dữ liệu thu được là phản hồi của người được phỏng vấn. Hoạt động phỏng vấn có thể trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại và thư điện tử (email).

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp*. Đây là một nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận cơ bản, được sử dụng nhằm xử lý, khái quát và xây dựng tri thức khoa học từ các nguồn tài liệu, dữ liệu và kết quả nghiên cứu liên

quan đến đề tài. Với phương pháp này, Luận án hệ thống hóa các quan điểm, công trình và tư tưởng khoa học đã có, từ đó rút ra nhận định, khoảng trống nghiên cứu và hướng phát triển lý luận mới. Làm rõ cơ sở lý luận, các phạm trù và khái niệm khoa học có liên quan đến đề tài; tổng hợp kết quả phân tích thực tiễn, số liệu, tài liệu để hình thành kết luận khái quát và các đề xuất giải pháp. Trong Luận án, tác giả sử dụng ở hai cấp độ: i) *Phân tích lý luận*: Xem xét, so sánh, đối chiếu các học thuyết, quan điểm triết học, chính trị - xã hội, tôn giáo học để chỉ ra nền tảng khoa học cho vấn đề nghiên cứu; Tổng hợp thực tiễn, hệ thống hóa các dữ liệu từ thực tiễn hoạt động của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, từ đó rút ra quy luật, mô hình và bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và ứng dụng.

- *Phương pháp lịch sử - logic*: Đó là hoạt động phân tích, so sánh, đối chiếu cho phép tác giả chỉ ra được những tương đồng, cũng như sự khác biệt giữa các đối tượng nghiên cứu, trong những thời điểm khác nhau.

Đó là nghiên cứu lịch sử vấn đề kết hợp phân tích làm sáng tỏ

- *Phương pháp khái quát hóa*: Khảo cứu tài liệu là kỹ thuật thu thập dữ liệu cấp hai (thứ cấp) dựa trên các tài liệu hoặc tuyên bố đã công bố, không phải do tác giả trực tiếp thu thập lần đầu. Do kho tài liệu in và trên Internet phong phú, phương pháp này tỏ ra hiệu quả về chi phí, thời gian, công sức, đồng thời cho tốc độ tiếp cận nhanh và khối lượng thông tin rất lớn. Tuy nhiên, quá trình vận dụng dễ gặp rào cản: dữ liệu thu được có thể thiên lệch, không cập nhật, hoặc chưa sát với mục tiêu nghiên cứu; thêm vào đó, chính sự đa dạng nguồn tin có thể làm nhiều quá trình chọn lọc. Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả đã trải nghiệm rõ nghịch lý “thừa thông tin” liên quan đến ASXH và vai trò Phật giáo đối với ASXH.

- *Phương pháp quan sát*. Là phương pháp thu thập thông tin qua các tri giác nghe, nhìn trực tiếp nhằm thu được thông tin về hành vi của đối tượng nghiên cứu. Theo phương pháp này, trong quá trình nghiên cứu, tác giả quan sát việc thực hiện các hoạt động của các cơ sở tôn giáo trong việc thực hiện ASXH để đưa ra những nhận định, đánh giá một cách khách quan, thực tế.

5. Đóng góp mới của luận án

Một là, Luận án xây dựng khung lý thuyết, làm sáng tỏ và sâu sắc thêm những vấn đề lý luận về vai trò Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. Luận án đưa ra một số khái niệm, kết luận mang tính khoa học, góp phần hoàn thiện lý luận và là cơ sở để tăng cường vai trò Phật giáo trong việc thực hiện ASXH.

Hai là, luận án phân tích và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, phù hợp trong quan điểm, định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp trong xu thế hội nhập và phát triển đất nước hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án có ý nghĩa quan trọng trong việc làm sáng tỏ nền tảng triết học cho vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH. Bằng cách phân tích các giá trị cốt lõi của Phật giáo như từ bi, vô ngã, nhân duyên và cứu khổ, luận án chỉ ra rằng những giá trị này không chỉ mang tính đạo đức mà còn là các phạm trù triết học định hướng hành động xã hội. Điều đó chứng minh rằng triết lý Phật giáo có khả năng hình thành nên những chuẩn mực hành vi, chi phối sự lựa chọn và thực hành của con người trong đời sống cộng đồng, qua đó góp phần giải thích bản chất nhân văn và vai trò xã hội của tôn giáo.

Dưới góc độ triết học xã hội, luận án khẳng định Phật giáo là một thiết chế có khả năng điều hòa các quan hệ xã hội thông qua việc nuôi dưỡng lòng nhân ái, thúc đẩy tinh thần liên đới và đề cao trách nhiệm cộng đồng. Những phân tích này bổ sung cơ sở lý luận cho mô hình đa chủ thể an sinh, trong đó tôn giáo được nhìn nhận như một chủ thể tinh thần có thể hỗ trợ Nhà nước trong việc đáp ứng nhu cầu phúc lợi của con người. Qua đó, luận án góp phần làm phong phú lý luận về vai trò của các giá trị tinh thần trong phát triển bền vững và nâng cao chất lượng đời sống xã hội.

Trên phương diện triết học nhân sinh, luận án chỉ ra rằng việc thực hiện ASXH của Phật giáo là sự hiện thực hóa lý tưởng “cứu khổ - ban vui”, thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức và hành động, giữa giá trị đạo đức và thực tiễn xã hội. Điều này khẳng định tôn giáo không chỉ thuộc lĩnh

vực niềm tin mà còn là một hình thức thực hành đạo đức có khả năng chuyển hóa đời sống con người. Như vậy, luận án đóng góp vào việc phát triển một hệ hình lý luận toàn diện hơn về vai trò của tôn giáo trong quá trình kiến tạo một xã hội nhân văn, hài hòa và bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án khẳng định các giá trị triết học của Phật giáo như từ bi, vô ngã, cứu khổ có khả năng chuyển hóa thành những hành động an sinh xã hội cụ thể và hiệu quả. Điều này chứng minh rằng đạo đức tôn giáo không chỉ tồn tại ở bình diện tư tưởng mà có thể tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội. Qua phân tích thực tiễn, luận án làm rõ vai trò của triết lý Phật giáo trong việc nuôi dưỡng lòng nhân ái, giảm bớt khổ đau và hỗ trợ những nhóm yếu thế. Đây là cơ sở quan trọng để thúc đẩy các hoạt động nhân văn trong cộng đồng.

Luận án đồng thời chỉ ra rằng nguồn lực tinh thần của Phật giáo có thể được vận dụng một cách hiệu quả trong quản lý và hoạch định chính sách ASXH. Thông qua tính cố kết cộng đồng và khả năng định hướng hành vi, Phật giáo trở thành một lực lượng bổ trợ đáng kể cho Nhà nước trong chăm lo phúc lợi xã hội. Những kết quả nghiên cứu giúp phát hiện các mô hình hỗ trợ xã hội mang tính bền vững, lấy đạo đức và sự tự điều chỉnh cộng đồng làm nền tảng. Điều này mở rộng hướng tiếp cận trong phát triển xã hội theo tinh thần nhân bản.

Ngoài ra, luận án cung cấp luận cứ để nhận diện tôn giáo như một chủ thể xã hội có khả năng tác động tích cực tới sự hài hòa và ổn định xã hội. Việc phát huy triết lý nhân sinh của Phật giáo trong ASXH góp phần củng cố các giá trị thiện lành và tăng cường sự liên đới xã hội. Những giải pháp đề xuất trong luận án có thể áp dụng trong thực tiễn nhằm xây dựng các mô hình an sinh dựa trên đạo đức và trách nhiệm cộng đồng. Qua đó, luận án đóng góp vào việc định hướng phát triển một xã hội nhân văn, công bằng và bền vững.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình đã công bố của tác giả, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục; nội dung của Luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Nghiên cứu về vai trò của Phật giáo với việc thực hiện ASXH ở Việt Nam đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, nhiều công trình khoa học đã được công bố. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này có thể được chia thành các nhóm sau:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến an sinh xã hội

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Trong những năm vừa qua, vấn đề tôn giáo, vai trò tôn giáo đối với các hoạt động ASXH đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu cũng như những người làm công tác thực tiễn. Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đề tài ở những góc độ nhất định.

An sinh xã hội là một trong những vấn đề trọng yếu đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. An sinh xã hội đã và đang thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong nước và trên thế giới quan tâm, nghiên cứu với những góc độ khác nhau, có thể kể đến các công trình chủ yếu như:

Mạc Văn Tiến (2005) trong tác phẩm *An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực* [91] tác giả đã tập hợp các bài viết nghiên cứu, bài trao đổi tại các Hội thảo trong và ngoài nước. Cuốn sách được kết cấu làm 3 phần: Một số vấn đề về ASXH; Bảo hiểm xã hội (BHXH); Phát triển nguồn nhân lực. Nội dung chính các bài viết cũng đã đề cập đến ASXH, ý nghĩa, vai trò, sự tác động của ASXH đối với đời sống con người hiện nay.

Tác giả Nguyễn Văn Định (2008) trong nghiên cứu *Giáo trình An sinh xã hội* [44] tác giả đã đề cập đến một số lý thuyết như: Khái niệm, vai trò, bản chất của ASXH; hệ thống các chính sách ASXH, như bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo, quỹ dự phòng; nêu ra sự cần thiết, các nguyên tắc và nội dung của quản lý nhà nước về ASXH. Đây là một trong tài liệu giúp tác giả tham khảo phân lý luận của Luận án.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010) *Chiến lược an sinh xã hội 2011 - 2020* [10] đã xác định một hệ thống ba tầng lưới hỗ trợ nhau nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu cho mọi người dân: (i) phòng ngừa rủi ro nhóm chính sách hỗ trợ có việc làm, tạo thu nhập, tham gia thị trường lao động để chủ động phòng ngừa rủi ro về đời sống, sức khỏe; (ii) giảm thiểu rủi ro nhóm chính sách BHXH, BHYT, bảo hiểm nông nghiệp để bù đắp phần thu nhập suy giảm; (iii) khắc phục rủi ro nhóm chính sách trợ giúp xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản nhằm hỗ trợ người dân vượt qua rủi ro bất ngờ. Đây cũng là nền tảng để tác giả hoàn thiện khung lý thuyết của Luận án.

Trong tác phẩm (2012) *An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020* [84] của tác giả Vũ Văn Phúc, công trình tập hợp các đóng góp của các nhà quản lý cùng chuyên gia nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực gắn với ASXH. Các bài viết tiếp cận đa chiều; tựu trung, ASXH tại Việt Nam nhằm cải thiện không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

Nguyễn Thị Nga (2012) *Tiếp cận an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay trên quan điểm phát triển bền vững* [78], tác giả cho rằng ASXH có nhiều quan điểm, cách nhìn nhận khác nhau, nhưng dù tiếp cận dưới góc độ nào đi chăng nữa, thì về bản chất, ASXH là vấn đề vừa có tính kinh tế, vừa có tính xã hội, vừa có tính nhân đạo rất sâu sắc.

Mai Ngọc Cường (2013) trong nghiên cứu *Về an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020* [20] đã phản ánh tổng quát về ASXH như: khái niệm, cấu trúc, nội dung của ASXH. Theo tác giả, ASXH hiểu theo nghĩa hẹp là sự đảm bảo thu nhập và một số điều kiện thiết yếu khác cho cá nhân, gia đình và cộng đồng khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do họ bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm; cho những người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những người yếu thế, người bị thiên tai địch họa...

Đặng Nguyên Anh (2015) *Đảm bảo an sinh xã hội: Định hướng mô hình và giải pháp* [1], tác giả đã hệ thống hóa khái niệm, chức năng, cấu trúc và các nguyên tắc nền tảng của hệ thống ASXH, qua đó tạo cơ sở lý luận cho việc định hướng mô hình và giải pháp ASXH ở Việt Nam.

Công trình nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan (2020) *Chính sách ASXH ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn* [64] như một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội của Nhà nước Việt Nam. Tác giả tập trung hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về an sinh xã hội, làm rõ nội hàm, nguyên tắc và vai trò của ASXH trong quá trình phát triển KT-XH. Trên cơ sở đó, công trình phân tích thực trạng chính sách ASXH ở Việt Nam, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, bất cập trong tổ chức thực hiện chính sách.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước

William Reichenstein và William Meyer (2011) *Social Security Strategies: How to Optimize Retirement Benefits (Chiến lược ASXH: Làm thế nào để tối ưu hóa lợi ích hưu trí)* [115] tại trang <https://www.amazon.ca>, truy cập tháng 3/2022. Nhóm tác giả không chỉ hướng dẫn cách sử dụng thông tin và công nghệ tự động để tối đa hóa lợi ích ASXH; quan trọng hơn, tác phẩm phân tích các yếu tố chi phối ASXH và hưu trí của người Mỹ, đồng thời đưa ra khuyến nghị chuyên gia giúp xây dựng chiến lược ASXH thông minh nhằm tăng thu nhập và giảm rủi ro cạn kiệt tiết kiệm hưu trí.

Với cuốn sách của tác giả James Midgley (2011) *Basis of social security in Asia: Mutual aid, micro - insurance and social security* [113] (Cơ sở ASXH ở châu Á: Viện trợ lẫn nhau, bảo hiểm vi mô và ASXH). James Midgley là người đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện các hoạt động của các hiệp hội lẫn nhau và các chương trình bảo hiểm vi mô của các hiệp hội ở châu Á nơi mà các chương trình này được phát triển đặc biệt tốt. Nội dung của cuốn sách có thể tóm lược như sau: Bằng việc cung cấp bộ thông tin nền tảng để nhận biết và phân loại các hiệp hội có tương tác lẫn nhau tại các tiểu vùng/quốc gia như Nam Á, Sri Lanka, Thái Lan, Mông Cổ, Indonesia và Philippines, cuốn sách làm rõ tiềm năng của các hiệp hội trong bảo vệ thu nhập một cách hiệu quả và cho thấy cách thức hoạt động của họ có thể được lồng ghép vào việc xây dựng chiến lược ASXH toàn diện cùng một cơ sở vận hành hiệu quả ở các nước đang phát triển, góp phần thiết thực vào xóa đói, giảm nghèo và cải thiện mức sống.

Joseph Matthews Attorney (2012) trong tác phẩm *Social Security, Medicare & Government Pensions* [114] (An sinh xã hội, chăm sóc y tế và trợ cấp

chính phủ) tác giả đã đi sâu phân tích các chế độ phúc lợi và hệ thống: chăm sóc y tế, nhà ở xã hội, lương hưu; chính sách dành cho người có công; cùng các phương thức bảo đảm BHYT hiệu quả nhất.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Trong công trình của tác giả Thích Minh Châu (2001) *Triết lý Phật giáo về con người* [21], đây là một trong những nghiên cứu cơ bản về nhân sinh quan Phật giáo. Trên nền tảng giáo lý Phật giáo, tác giả phân tích quan niệm về bản chất con người với các nội dung cốt lõi như vô thường, vô ngã và khổ, từ đó làm rõ tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn và bình đẳng giữa con người với con người. Công trình cũng đề cập đến mối quan hệ giữa con người và cộng đồng xã hội trong tư tưởng Phật giáo, khẳng định ý nghĩa xã hội của việc tu tập và hành đạo. Công trình đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để luận án làm rõ nền tảng tư tưởng của Phật giáo trong các hoạt động hướng tới con người, qua đó luận giải động lực nội tại của Phật giáo trong việc tham gia thực hiện ASXH ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu của tác giả Mai Ngọc Anh (2010) *ASXH đối với nông dân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam* [2] tác giả đã tiếp cận vấn đề ASXH từ phương diện KT -XH trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường XHCN. Trên cơ sở hệ thống hóa những luận điểm cơ bản về ASXH, tác giả tập trung phân tích thực trạng đời sống của nông dân Việt Nam - nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, với các phương diện chủ yếu như thu nhập, việc làm, tiếp cận BHXH, BHYT và trợ giúp xã hội. Công trình đồng thời chỉ ra những hạn chế của hệ thống chính sách ASXH đối với khu vực nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa, từ đó khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong điều tiết, phân phối lại và bảo đảm công bằng xã hội. Công trình cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để nhận diện đối tượng thụ hưởng ASXH, tạo tiền đề cho luận án tiếp cận và làm rõ vai trò tham gia, hỗ trợ của Phật giáo đối với nông dân nghèo và các nhóm yếu thế trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

Trong công trình của tác giả Nguyễn Văn Chiêu (2014) *Chính sách ASXH và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách ASXH ở Việt Nam* [23] đã tập trung phân tích vai trò của Nhà nước với tư cách là chủ thể trung tâm trong xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống chính sách ASXH. Tác giả hệ thống hóa các vấn đề lý luận về chính sách ASXH và QLNN, đồng thời đánh giá thực trạng thực thi chính sách ở Việt Nam, chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ASXH. Đây là cơ sở khoa học để luận án xác lập mối quan hệ giữa vai trò của Nhà nước và vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH, qua đó khẳng định Phật giáo tham gia với tư cách là chủ thể xã hội hỗ trợ, không thay thế chức năng quản lý của Nhà nước.

Trong nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Nhà nước của Doãn Mậu Diệp (2015) *Cơ sở khoa học xây dựng ASXH ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020* [29] tập trung nghiên cứu việc hình thành khung lý luận và thực tiễn về sàn ASXH nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu cho người dân. Công trình làm rõ khái niệm, cấu trúc và các tiêu chí của ASXH, đánh giá mức độ bao phủ ASXH ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp gắn việc xây dựng ASXH với mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển xã hội. Công trình cung cấp các tiêu chí và chuẩn mực quan trọng để đánh giá mức an sinh tối thiểu, qua đó tạo cơ sở khoa học cho việc phân tích những đóng góp cụ thể của Phật giáo trong việc hỗ trợ các nhóm xã hội chưa được bao phủ đầy đủ bởi hệ thống ASXH của Nhà nước.

Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp.HCM (2010) *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam* [80] đã đề cập đến chức năng của Phật giáo Việt Nam, trong đó hoạt động từ thiện được quan tâm đặc biệt. Tác giả đã trình bày chi tiết những đóng góp của Phật giáo Việt Nam trong hoạt động từ thiện.

Bên cạnh đó còn một số công trình có liên quan như của tác giả Nguyễn Hữu Dũng (2011) *Bảo đảm gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong chiến lược phát triển nước ta đến năm 2020* [32], Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số tháng 1 (163); Lê Na (2019) *Phát triển tôn giáo từ 4*

nguồn lực; Tâm Đắc (2021) Hoạt động từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay, Nguồn lực tôn giáo, Sđd, tr.381; Hòa thượng Thích Trí Quảng (2020) Giải pháp tăng cường đảm bảo ASXH cho người dân của GHPGVN trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, trong cuốn Phật giáo với hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, sđd, tr. 41- 49...

Trong bài viết của tác giả Dương Quang Điện (2016) *Hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo Việt Nam* [35] đã tập trung phân tích một lĩnh vực cụ thể trong việc Phật giáo tham gia đời sống xã hội, đó là hoạt động từ thiện - xã hội. Tác giả khái quát các hình thức từ thiện xã hội của Phật giáo Việt Nam, làm rõ vai trò của Giáo hội PGVN tăng ni, phật tử trong việc chăm lo cho người nghèo, người gặp khó khăn và các nhóm yếu thế trong xã hội. Bài viết cũng chỉ ra những đóng góp tích cực của Phật giáo đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ổn định xã hội. Công trình có ý nghĩa thực tiễn rõ nét, song chủ yếu tiếp cận từ góc độ xã hội học và quản lý hoạt động tôn giáo, chưa đi sâu luận giải nền tảng triết học và nhân sinh quan Phật giáo chi phối các hoạt động từ thiện - xã hội. Đây là điểm mà luận án tiếp tục kế thừa và phát triển.

Trong nghiên cứu của tác giả Trần Hồng Liên (2017) *Hoàng pháp và từ thiện của ni giới Phật giáo Việt Nam* [69] đã đề cập đến 2 yếu tố căn bản trong giáo lý Phật giáo là từ bi và trí tuệ. Phát triển 2 yếu tố này chính là triển khai hoạt động hoàng pháp (trí tuệ) và từ thiện (từ bi). Trong kỷ yếu hội thảo (2017), *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện* [97], Trường đại học KHXXH và nhân văn. Nội dung các bài viết cho thấy có một sự khá gần gũi giữa công tác xã hội và các hoạt động từ thiện mà Phật giáo hiện nay đang thực hiện. Tuy nhiên, các bài viết chủ yếu mang tính gợi mở vấn đề mà chưa có những nghiên cứu chuyên sâu theo từng hệ phái, tông phái.

Trong nghiên cứu của tác giả Trần Hồng Liên (2018) trong bài *Học tập tinh thần linh hoạt, sáng tạo của Ni trưởng Huệ Giác* [70] tác giả đã đề cập trực tiếp đến hoạt động từ thiện - xã hội của ni trưởng Huệ Giác, đã thực hiện hoạt động từ thiện - xã hội cho Phật giáo VN trên tinh thần linh hoạt và sáng tạo.

Trong công trình của tác giả Nguyễn Văn Định (2019) *Chính sách ASXH trong nhà nước pháp quyền Việt Nam* [33] đã tập trung nghiên cứu ASXH trong khuôn khổ xây dựng và hoàn thiện XHCN ở Việt Nam. Tác giả phân tích cơ sở lý luận của chính sách ASXH, làm rõ vai trò của Nhà nước với tư cách là chủ thể trung tâm trong việc bảo đảm ASXH thông qua hệ thống pháp luật và chính sách công. Công trình cũng đánh giá thực trạng chính sách ASXH ở Việt Nam, chỉ ra những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế cần khắc phục trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tác giả đã cung cấp khung phân tích quan trọng để luận án xác định rõ vị trí và giới hạn của vai trò Phật giáo trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền, qua đó khẳng định Phật giáo không thay thế chức năng của Nhà nước mà tham gia ASXH với tư cách là một chủ thể xã hội bổ trợ, đồng hành cùng Nhà nước.

Trong bài viết của tác giả Nguyễn Ngọc Dung (2020) *Phật giáo Việt Nam trong ASXH - giáo lý và thực tiễn* [31] tác giả tiếp cận vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH từ hai phương diện gắn bó chặt chẽ với nhau là giáo lý Phật giáo và thực tiễn hoạt động Phật sự ở Việt Nam hiện nay. Tác giả phân tích những nội dung cốt lõi của giáo lý Phật giáo liên quan đến tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn, coi đây là nền tảng tư tưởng thúc đẩy Phật giáo tham gia các hoạt động ASXH. Trên cơ sở đó, bài viết khảo sát một số hình thức thực tiễn mà Phật giáo Việt Nam tham gia vào lĩnh vực ASXH như từ thiện, cứu trợ, chăm lo cho người nghèo, người yếu thế và các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội. Đây cũng là công trình có giá trị trực tiếp đối với luận án khi bước đầu làm rõ mối liên hệ giữa giáo lý Phật giáo và thực tiễn ASXH, song mới dừng lại ở mức độ mô tả và khái quát, chưa tiếp cận vấn đề một cách hệ thống dưới góc độ triết học xã hội. Đây là cơ sở để luận án tiếp tục phân tích sâu vai trò của Phật giáo như một chủ thể xã hội đặc thù trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu của tác giả Thích Thanh Điện (2020) *Một số hoạt động Phật sự góp phần bảo đảm an sinh xã hội trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế* [43] gồm nhiều bài viết của các tác giả liên quan đến vai trò của Phật giáo

đối với công tác ASXH, như: Một số hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay, tác giả Quang Dương Điện (tr 47); Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội và sự vận dụng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập. Nguyễn Văn Sáu (tr 211); Hoạt động từ thiện và ASXH của Ban Từ thiện xã hội, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay: thực trạng và một số vấn đề đặt ra. Nội dung chính của các bài viết đã đề cập đến một số chính sách của Đảng và Nhà nước về ASXH và sự vận dụng của Giáo hội PGVN trong thời kỳ phát triển và hội nhập, phân tích thực trạng về một số hoạt động ASXH hiện nay.

Trong nghiên cứu của tác giả Đỗ Lan Hiền và Vũ Thị Mai Hiền (2020) *Tôn giáo và phát triển bền vững* [57] các nhà nghiên cứu đã tuyển tập những bài nghiên cứu về tôn giáo liên quan đến an ninh và an ninh con người, đến phát triển bền vững và chính sách của một số quốc gia giúp chúng ta hiểu biết và tham gia hành động hướng tới các giao điểm phức tạp giữa đức tin và hành vi, con người và chính sách, giữa tính bền vững và ổn định. Một sự hiểu biết chung sâu sắc như vậy bảo đảm mang đến sự cam kết tham gia hành động cùng nhau và qua đó giúp nhau tốt đẹp hơn. Bài viết: *Tình nguyện, từ thiện và tôn giáo: Bài học từ Mỹ* của tác giả Brett G.Scharff [57, tr 69] đã cung cấp thông tin về đặc điểm và mô hình của hoạt động từ thiện và tình nguyện ở Mỹ và mối quan hệ của chúng với tôn giáo. Mô tả mối quan hệ giữa việc từ thiện hướng tới tôn giáo và các loại hình từ thiện khác, cả về thời gian và tiền bạc. Bài viết cũng đã đề cập đến khung pháp lý áp dụng cho các hoạt động kinh tế của tôn giáo và các tổ chức từ thiện khác.

Trong nghiên cứu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020) *Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam* [54] của Viện Tôn giáo và tín ngưỡng. Trong công trình các tác giả đã chia gồm 3 phần: *Phần 1. Lý luận chung về nguồn lực tôn giáo*, gồm tập hợp các bài viết lý luận về tôn giáo và mục tiêu phát triển bền vững. Theo tác giả thì ASXH là sứ mệnh để tôn giáo phát triển. Khi công tác tôn giáo tham gia vào các hoạt động ASXH thì gặp một số trở ngại như: Định kiến xã hội, thiếu tính chuyên nghiệp, hoạt động ASXH nó không còn là mục đích tự thân mà là một cạnh tranh để thu hút tín đồ, hoạt động ASXH

để được vinh danh, hoạt động ASXH trở lên hảo huyền khi chưa cải thiện được đời sống giáo chúng mà cơ sở thờ tự xây dựng với quy mô lớn, tốn kém. *Phần 2.* Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm trên thế giới. Phần này tập trung các công trình liên quan đến nguồn lực hoạt động tôn giáo một số nước trên thế giới như: *Tình nguyện, từ thiện và tôn giáo: Bài học từ Mỹ* của tác giả Brett G.Scharff; Kinh nghiệm phát triển nguồn lực tôn giáo cho xã hội từ Đức; Kinh tế tự viện của Phật giáo Đài Loan (Trung Quốc); Hợp tác với các nhà lãnh đạo tôn giáo để ngăn chặn và ứng phó với bạo lực thế giới... *Phần 3.* Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm ở Việt Nam, có thể kể đến một số bài viết tiêu biểu như: Huy động từ thiện xã hội của GHPGVN hiện nay.

Tác giả Hòa thượng Thích Thanh Điện (Chủ biên) (2020) với công trình *Phật giáo với vấn đề an sinh xã hội* [34], nội dung cuốn sách được kết cấu thành ba chương; Chương 1: An sinh xã hội và những yếu tố tác động đến hoạt động ASXH của GHPGVN; Chương 2: Hoạt động an sinh xã hội của GHPGVN, thực trạng và một số vấn đề đặt ra; Chương 3: Phương hướng và giải pháp đẩy mạnh ASXH của GHPGVN trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Cuốn sách đã góp phần làm sáng tỏ thêm những đóng góp của Phật giáo trong công tác ASXH.

Trong nghiên cứu của Nhà xuất bản Tôn giáo (2020) với tác phẩm *Giáo hội Phật giáo Việt Nam với hoạt động an sinh xã hội* [81] tác giả đã tập hợp 33 bài viết về đóng góp, thực tiễn và các giải pháp về các hoạt động của Phật giáo với việc thực hiện ASXH. Cuốn sách tán dương công đức của quý Tôn đức Tăng, Ni đã lèo lái GHPGVN qua các thời kỳ, cũng như trí tuệ tập thể, đã đánh giá những mặt thành tựu và hạn chế của GHPGVN, đồng thời đưa ra các khuyến nghị thực tiễn, góp phần phát triển bền vững GHPGVN trong sứ mệnh “phụng sự nhân sinh, tốt đời, đẹp đạo; sáng soi đạo pháp, hộ quốc, an dân”.

Trong nghiên cứu của tác giả Thích Nhật Từ (2020) *Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* [92] cho rằng: ảnh hưởng của Phật giáo đối với đạo đức và lối sống người Việt là hết sức to lớn; Phật giáo thường xuyên khuyến khích tăng ni, Phật tử cùng các nhà hảo tâm đề cao từ bi hỉ xả và thực hành cứu giúp cộng đồng qua những chương trình xã hội. Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các

giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao để thúc đẩy hoạt động này trong thời gian tới. Trọng tâm gồm: điều chỉnh cách thức hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chính sách đầu tư khai thác thế mạnh vùng dân tộc thiểu số, miền núi; tăng cường sự tham gia của đồng bào và người dân vùng đặc biệt khó khăn trong khâu thiết kế, thực thi, giám sát chính sách...

Trong nghiên cứu của tác giả Dương Quang Điện (2020) *Phật giáo với vấn đề ASXH* [35] công trình đã trình bày có tính hệ thống, tiếp cận trực diện mối quan hệ giữa Phật giáo và ASXH trong bối cảnh Việt Nam đương đại. Tác giả làm rõ cơ sở lý luận của ASXH và luận giải những giá trị cốt lõi của Phật giáo như từ bi, cứu khổ, cứu nạn, vị tha và nhập thế, coi đây là nền tảng tư tưởng thúc đẩy Phật giáo tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Trên cơ sở đó, công trình phân tích thực tiễn Phật giáo Việt Nam tham gia các hoạt động ASXH thông qua từ thiện, cứu trợ, chăm lo người nghèo, người yếu thế và các nhóm dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, các phân tích vẫn chủ yếu đặt trong khuôn khổ mô tả và tổng kết thực tiễn, chưa xây dựng một khung phân tích triết học một cách toàn diện về vai trò của Phật giáo như một chủ thể xã hội đặc thù trong hệ thống ASXH ở Việt Nam. Đây là điểm luận án kế thừa và tiếp tục phát triển.

Công trình của tác giả Thích Thanh Điện (2020) *Phật giáo trong vấn đề an sinh xã hội* [34] đã tập hợp nhiều bài viết tiếp cận vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH từ các góc độ khác nhau, kết hợp giữa giáo lý Phật giáo và thực tiễn hoạt động Phật sự. Các bài viết trong công trình làm rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam, phân tích những đóng góp cụ thể của GHPGVN, tăng ni và phật tử trong việc tham gia các hoạt động ASXH, từ thiện, nhân đạo và hỗ trợ cộng đồng. Công trình có giá trị tư liệu và thực tiễn phong phú, phản ánh sinh động sự tham gia của Phật giáo vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong sách chủ yếu tiếp cận theo hướng tôn giáo học và tổng kết thực tiễn, chưa đặt vấn đề vai trò của Phật giáo trong ASXH vào một khung lý luận triết học thống nhất. Đây là cơ sở để luận án tiếp tục luận giải sâu hơn vai trò của Phật giáo dưới góc độ triết học.

Trong bài viết tác giả Đỗ Quang Hưng (2020), *Phật giáo đồng hành cùng an sinh xã hội* [59] đã tập trung phản ánh sự tham gia tích cực của PGVN trong các hoạt động ASXH, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước đối mặt với nhiều vấn đề xã hội nảy sinh từ quá trình phát triển và hội nhập. Tác giả nhấn mạnh tinh thần đồng hành của Phật giáo với dân tộc và xã hội, coi các hoạt động từ thiện, nhân đạo và hỗ trợ cộng đồng là biểu hiện sinh động của tinh thần nhập thế Phật giáo. Mặc dù mang tính thời sự và truyền thông, bài viết góp phần cung cấp những dẫn chứng thực tiễn quan trọng để luận án làm rõ tính hiện thực và sức sống xã hội của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, qua đó hỗ trợ cho các phân tích mang tính lý luận.

Trong công trình của tác giả Thích Nhật Từ (2020) *Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* [92] đã tập trung phân tích vai trò của GHPGVN trong việc tham gia bảo đảm ASXH cho một nhóm xã hội đặc thù là đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Tác giả làm rõ các hoạt động cụ thể của Giáo hội trong lĩnh vực ASXH, từ cứu trợ, hỗ trợ sinh kế đến chăm lo đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, qua đó làm rõ tính nhập thế và TNXH của PGVN trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết của tác giả Nguyệt Thu (2020) *Phật giáo đồng hành cùng an sinh xã hội* [93] phản ánh sự đồng hành của PGVN với xã hội trong việc giải quyết các vấn đề ASXH. Tác giả tập trung mô tả các hoạt động từ thiện, cứu trợ, hỗ trợ người nghèo và các nhóm yếu thế do Phật giáo thực hiện, coi đây là biểu hiện cụ thể của tinh thần nhập thế và truyền thống đồng hành cùng dân tộc của PGVN. Mặc dù mang tính báo chí và thời sự, bài viết cung cấp nguồn tư liệu thực tiễn quan trọng, góp phần bổ sung minh chứng cho luận án trong việc khẳng định tính hiện thực và vai trò xã hội của Phật giáo trong thực hiện ASXH.

Tác giả Nguyễn Ngọc Dung (2020) trong bài viết *Phật giáo Việt Nam trong an sinh xã hội - giáo lý và thực tiễn* [31], theo tác giả thì ASXH được hiểu là trạng thái bảo đảm cho cá nhân và cộng đồng xã hội tồn tại một cách bền vững. Về mặt học thuyết, Phật giáo cung cấp nền tảng đạo đức khuyến khích lối sống lành mạnh, hài hòa với tự nhiên; qua đó tạo chuyển hóa trong tương tác xã hội, từ đối

kháng sang hợp tác và tính liên thuộc, cùng hướng đến các giá trị nhân văn sâu sắc. Với hàng loạt chương trình an sinh có tâm vóc, Phật giáo Việt Nam đóng góp đáng kể vào giảm nghèo, chăm lo người khó khăn, cơ nhỡ; phối hợp với Nhà nước và các tổ chức xã hội khác hiện thực hóa chính sách ASXH một cách hiệu quả.

Trong bài viết của Nguyễn Văn Thành (2021) *Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo đảm an sinh xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đồng bào dân tộc thiểu số* [98] đã phân tích vai trò của GHPGVN trong việc tham gia bảo đảm ASXH cho đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình. Tác giả làm rõ các hoạt động cụ thể của Giáo hội trong lĩnh vực ASXH, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và thích ứng với bối cảnh hội nhập quốc tế. Bài viết cho thấy Phật giáo không chỉ tham gia các hoạt động cứu trợ mang tính ngắn hạn mà còn hướng tới các giải pháp ASXH lâu dài cho cộng đồng.

Công trình của Lê Thị Mai (2021) *Vai trò xã hội của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay* [72] đã tiếp cận Phật giáo như một chủ thể xã hội có vai trò ngày càng rõ nét trong đời sống xã hội Việt Nam đương đại. Tác giả phân tích các phương diện thể hiện vai trò xã hội của Phật giáo, bao gồm hoạt động tôn giáo, văn hóa, giáo dục, từ thiện và ASXH. Công trình nhấn mạnh tinh thần nhập thế của PGVN trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển và hội nhập. Công trình cung cấp cơ sở để luận án nhận diện vai trò xã hội của Phật giáo nói chung, qua đó đi sâu phân tích vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH như một biểu hiện cụ thể của tinh thần nhập thế và TNXH của PGVN

Trong nghiên cứu của tác giả Dương Quang Điện (Hòa thượng Thích Thanh Điện) (2021) *Phật giáo Việt Nam với hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn, chủ biên* [40], các bài viết có liên quan đến Luận án như: Phật giáo với việc đảm bảo ASXH cho người dân trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế, tác giả Thích Thanh Điện và Quách Thị Kiều (tr.68); Vai trò đảm bảo ASXH cho người dân của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tác giả Thích Đạo Thịnh (tr.163); Vai trò của Phật giáo trong hoạt động ASXH ở Việt Nam hiện nay, tác giả Phạm Hồng Tung, Bùi Văn Tuấn (tr.219); Phật giáo với công tác ASXH: Triển vọng và rào cản, tác giả Đỗ Lan

Hiền (tr.373); Phật giáo với công tác ASXH: Thực trạng và giải pháp. Theo một số tác giả trên, để phát huy vai trò của Phật giáo đối với thực hiện ASXH cần thực hiện một số giải pháp như: Thực hiện tốt một số chính sách của Đảng và nhà nước, tăng cường công tác tuyên truyền làm thay đổi nhận thức về vai trò của Phật giáo đối với thực hiện ASXH, nâng cao một số hoạt động đối với công tác ASXH, huy động nguồn lực xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Trong bài viết của tác giả Trần Thị Vân Anh (2021), *An sinh xã hội với phát triển bền vững: Tiếp cận dưới góc nhìn quyền con người* [3], tác giả đã tiếp cận ASXH như một quyền cơ bản của con người, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tác giả nhấn mạnh rằng ASXH không chỉ dừng lại ở các chính sách trợ giúp mang tính phúc lợi mà còn là sự bảo đảm quyền tiếp cận các DVXH cơ bản của con người. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa ASXH và phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, công trình đánh giá thực trạng thực hiện quyền ASXH ở Việt Nam và đề xuất các định hướng hoàn thiện chính sách theo chuẩn mực quyền con người. Công trình góp phần làm rõ cơ sở lý luận để xem xét các hoạt động ASXH của Phật giáo như một hình thức tham gia bảo đảm và thực hành quyền con người từ phía xã hội dân sự và tôn giáo, qua đó bổ sung cho vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực ASXH.

Trong nghiên cứu của tác giả Dương Quang Điện (2021) *Hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế* [39], các bài viết như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo đảm ASXH hướng tới mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số (tr 54); Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Ninh với công tác bảo đảm ASXH: Một số gợi ý cho tỉnh Hòa Bình (tr 60). Cuốn sách đã đề cập đến tình hình hoạt động của Phật giáo một số tỉnh trên cả nước: Thực tiễn và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Giáo hội Phật giáo một số địa bàn. Đây cũng là tài liệu có giá trị để tác giả tiếp tục nghiên cứu và tham khảo hoàn thiện Luận án của mình.

Trong nghiên cứu bài viết của Nguyễn Thanh Bình và Phan Thành Quốc (2021) *Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay* [89] đã tập trung làm rõ sự tham gia của PGVN vào các hoạt động xã hội trong bối cảnh hiện nay. Các tác giả phân tích những hình thức cụ thể mà Phật

giáo tham gia công tác xã hội, trong đó ASXH được xem là một nội dung trọng tâm, gắn với hoạt động từ thiện, nhân đạo và hỗ trợ cộng đồng. Bài viết nhấn mạnh tinh thần nhập thế và TNXH của PGVN trước những vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình phát triển đất nước. Công trình có giá trị thực tiễn rõ nét, cung cấp những dẫn chứng sinh động để luận án làm rõ vai trò xã hội của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, tuy nhiên cách tiếp cận vẫn mang tính mô tả, chưa được đặt trong một khung phân tích triết học mang tính hệ thống.

Trong bài viết của tác giả Dương Quang Điện (2021) *Phát huy vai trò lãnh đạo và công tác an sinh xã hội ở địa phương* [38] của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tây Ninh tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của tổ chức Giáo hội trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động ASXH ở địa phương. Thông qua việc phân tích các mô hình và hình thức tham gia ASXH của Phật giáo tại tỉnh Tây Ninh, bài viết cho thấy sự phối hợp giữa Giáo hội Phật giáo với chính quyền và các tổ chức xã hội trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tác giả đã làm rõ vai trò tổ chức - thể chế của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH ở cấp địa phương, là cơ sở thực tiễn để luận án phân tích Phật giáo như một chủ thể xã hội có khả năng tham gia điều tiết, bổ trợ cho hệ thống ASXH của Nhà nước.

Trong nghiên cứu của tác giả Đỗ Quang Hưng với bài viết (2021) *Phật giáo Việt Nam với công tác đảm bảo an sinh xã hội trong sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước* [59], tác giả cho các tôn giáo đều chú trọng các hoạt động từ thiện xã hội. Tuy nhiên, về phương diện bản chất, hoạt động thiện nguyện xã hội của Phật giáo mang sắc thái riêng so với nhiều tôn giáo khác, do chịu chi phối bởi một số đặc điểm giáo lý đặc thù.

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Bình - Phan Thành Quốc (2021) bài viết *Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay* [12], các tác giả đã đề cập đến 4 nội dung mà GHPGVN thực hiện hoạt động ASXH: Thứ nhất, GHPGVN đã tham gia vào hoạt động “xóa đói, giảm nghèo” cho người dân, đặc biệt những tín đồ yếu thế trong xã hội. Thứ hai, về công tác khám, chữa bệnh, nhiều Tuệ Tĩnh đường, phòng chẩn trị y học dân tộc, phòng khám đa khoa tây y đang hoạt động có hiệu quả, khám và phát thuốc miễn phí.

Thứ ba, về cơ sở dưỡng lão và trung tâm nuôi dạy trẻ em, hiện nay, công tác dưỡng lão của GHPGVN được tổ chức dựa trên nguồn lực tài chính do những phật tử quyên góp. Thứ tư, về các hoạt động hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS, phật tử của các chùa đã tích cực tham gia công tác tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS như gắn các buổi thuyết pháp với việc tuyên truyền hiểu biết về HIV/AIDS và cách phòng, tránh cho người nhiễm và người dân trong cộng đồng.

Tác giả Nguyễn Thị Huệ (2023) trong công trình *Vai trò của Phật giáo đối với công tác an sinh xã hội* [56] đã ghi nhận những kết quả ấn tượng trên các mặt công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trước yêu cầu đó, Phật giáo tăng cường tham gia ASXH bằng nhiều hoạt động thiết thực, khẳng định trách nhiệm và vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội; đồng thời cho thấy sức sống bền bỉ của Phật giáo đối với sự phát triển dân tộc qua các giai đoạn lịch sử. Do vậy, để bảo đảm an sinh, công bằng và tiến bộ xã hội, không thể vắng mặt đóng góp của Phật giáo.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước

Trong bài viết của tác giả L. Iannaccone (1998) *Introduction to the Economics of Religion* [110] Iannaccone đặt nền móng cho kinh tế học tôn giáo, tiếp cận tôn giáo như một hiện tượng xã hội có thể phân tích bằng các công cụ kinh tế học. Tác giả làm rõ cách thức các tổ chức tôn giáo huy động nguồn lực, phân phối lợi ích và tạo ra các giá trị xã hội thông qua các hoạt động tôn giáo và xã hội. Cách tiếp cận này cho phép xem xét tôn giáo như một chủ thể có khả năng tham gia cung ứng các “dịch vụ xã hội”, trong đó có phúc lợi và ASXH.

Trong công trình của Midgley, J. (2008) *Social Security, the Economy and Development* [112] đã phân tích mối quan hệ giữa ASXH, phát triển kinh tế và phát triển xã hội, nhấn mạnh vai trò của hệ thống ASXH trong việc thúc đẩy phát triển bền vững. Tác giả cho rằng ASXH không chỉ là cơ chế phân phối lại mà còn là một công cụ đầu tư xã hội, góp phần nâng cao năng lực con người và ổn định xã hội. Công trình có giá trị lý luận quan trọng đối với luận án khi cung cấp cách tiếp cận phát triển xã hội để xem xét ASXH trong mối quan hệ với các chủ thể tham gia, trong đó có các tổ chức tôn giáo. Đây là cơ

sở đề luận án luận giải vai trò của Phật giáo như một nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ và thúc đẩy các mục tiêu ASXH ở Việt Nam.

Trong năm 2018 Buddhism-based charity, philanthropy, and social work: A lesson from Vietnam” [116] bài viết phân tích rất rõ về vai trò từ thiện/philanthropy của các tổ chức Phật giáo (BBOs) trong việc mở rộng các dịch vụ xã hội, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em, người già, người HIV/AIDS... Các dịch vụ xã hội công và tư, bao gồm các trung tâm công tác xã hội, chỉ giới hạn cho những người Việt Nam khó khăn, chẳng hạn như trẻ mồ côi và những người sống với HIV/AIDS. Bài viết này xem xét hệ thống dịch vụ xã hội và các BBO tại Việt Nam bằng cách sử dụng dữ liệu thứ cấp và các phát hiện từ một nghiên cứu thực nghiệm về việc trao tặng từ thiện của Phật giáo.

Theo Báo cáo *World Social Protection Report 2017-19* [109] của Tổ chức Lao động Quốc tế tiếp cận ASXH ở tầm mức toàn cầu, coi bảo trợ xã hội là một trụ cột của phát triển bền vững và công bằng xã hội. Báo cáo hệ thống hóa khái niệm, cấu trúc và các mô hình bảo trợ xã hội, đồng thời đánh giá mức độ bao phủ ASXH trên phạm vi thế giới, chỉ ra những khoảng trống và thách thức trong việc bảo đảm an sinh cho các nhóm yếu thế.

Bài viết (2025) The Significance of Buddhist Social Work: A Study on its Impact on Community Development and Social Justice [103] (tạm dịch là: “Ý nghĩa của công tác xã hội Phật giáo: Một nghiên cứu về tác động của nó đối với phát triển cộng đồng và công bằng xã hội”). Công trình đã trình bày Phật giáo như động lực thúc đẩy phát triển cộng đồng và công bằng xã hội, tập trung vào tổ chức tự nguyện thân Phật. Gần đây, công tác xã hội Phật giáo đã trở nên nổi bật như một phương tiện để thúc đẩy phát triển cộng đồng và công bằng xã hội. Tuy nhiên, tác động và tính hiệu quả của các can thiệp công tác xã hội này vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

Tác giả Dr. Krishna Kant Sharma (2024) trong công trình *Social Welfare in Buddhism* [102] đã đề cập tầm quan trọng của các giáo lý như từ bi và tâm, đồng thời phân tích vai trò lịch sử của các tu viện Phật giáo trong giáo dục, y tế và ổn định xã hội. Nghiên cứu thảo luận về cách giáo lý Phật giáo và thực hành đạo đức Phật giáo hỗ trợ ASXH; vai trò của các cơ sở tự viện trong giáo dục, y tế, trách

nhiệm cộng đồng. Nghiên cứu bắt đầu bằng việc xem xét các khái niệm cơ bản về lòng từ bi và tình thương yêu, những điều này là nền tảng cho các phương pháp tiếp cận phúc lợi xã hội trong Phật giáo.

1.2. Khái quát giá trị chủ yếu của các công trình được tổng quan và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Khái quát giá trị chủ yếu của các công trình được tổng quan

Qua việc khảo cứu tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến ASXH và vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, có thể nhận thấy rằng phần lớn các nghiên cứu trước đây mới dừng lại ở việc tiếp cận khái quát, mang tính mô tả hoặc giới hạn trong một số khía cạnh cụ thể, chưa có nhiều công trình phân tích toàn diện, hệ thống và chuyên sâu về vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực này. Những hạn chế về phạm vi, đối tượng và nội dung nghiên cứu khiến cho việc nhận diện đầy đủ giá trị, tiềm năng và tác động xã hội của Phật giáo đối với công tác ASXH vẫn còn chưa được làm rõ. Vì vậy, luận án cần mở rộng hướng nghiên cứu, kết hợp giữa cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn, nhằm lý giải sâu hơn bản chất, nội dung và cơ chế phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính khả thi, phù hợp với bối cảnh mới. Trên cơ sở tổng thuật và phân tích các công trình tiêu biểu đã công bố, có thể khái quát một số giá trị khoa học và đóng góp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, các tác giả đã đề cập đến xây dựng và hoàn thiện chính sách ASXH trong việc phát triển hiện nay; ASXH và phát triển nguồn nhân lực; Pháp luật ASXH; Chính sách ASXH và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách ASXH ở Việt Nam; cách tiếp cận ASXH ở Việt Nam hiện nay trên quan điểm phát triển bền vững...

Thứ hai, các tác giả cũng đã đề cập đến sự cần thiết thực hiện vai trò của Phật giáo với việc thực hiện ASXH: Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam; ASXH và những yếu tố tác động đến hoạt động ASXH của GHPGVN.

Thứ ba, một số công trình đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động ASXH trong công tác tôn giáo. Nghiên cứu vai trò của việc thực hiện ASXH không chỉ trên phương diện lý luận chung mà còn được nghiên cứu ở phương diện

thực tiễn tại một địa phương, một vùng cụ thể. Qua đó cho thấy Phật giáo là một tôn giáo lớn, có ảnh hưởng rộng khắp cả nước, có khả năng kết nối các nguồn lực xã hội, vận động cộng đồng cùng tham gia các chương trình nhân đạo.

Thứ tư, các công trình cũng đã góp phần làm sáng tỏ thêm những đóng góp của Phật giáo trong công tác ASXH... từ đó đề cao lòng từ bi, vị tha, chia sẻ và không phân biệt, từ đó góp phần hình thành nền tảng đạo đức xã hội vững chắc.

Thứ năm, các công trình trên đã tiếp cận ASXH từ các góc độ chính sách, quản lý nhà nước, quyền con người và triết lý Phật giáo về con người. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu xem xét ASXH trong khuôn khổ vai trò của Nhà nước hoặc dừng lại ở bình diện lý luận Phật giáo, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam dưới góc độ triết học. Đây chính là khoảng trống lý luận mà luận án hướng tới bổ sung.

Thứ sáu, các công trình trên đã tiếp cận khá trực diện vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, đặc biệt ở phương diện hoạt động từ thiện, phật sự và tham gia bảo đảm ASXH ở cộng đồng và địa phương. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn thiên về mô tả thực tiễn hoặc tiếp cận từ góc độ xã hội học và quản lý tôn giáo, chưa đặt vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH vào một khung phân tích triết học xã hội mang tính hệ thống. Đây chính là khoảng trống lý luận mà luận án hướng tới tiếp tục nghiên cứu và làm rõ.

Các công trình trên đã đề cập đến ASXH, vai trò ASXH đối với sự phát triển bền vững đời sống xã hội. Một số công trình đã đề cập đến vai trò của Phật giáo với thực hiện ASXH. Tuy nhiên, các công trình chỉ nghiên cứu dưới dạng bài viết, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về vai trò của Phật giáo với thực hiện ASXH hiện nay. Các công trình trên là những gợi mở quan trọng để tác giả kế thừa tiếp tục hoàn thiện Luận án của mình. Những công trình và đề tài nghiên cứu được đề cập trên của các tác giả đã có nhiều đóng góp quan trọng về mặt khoa học giúp tác giả luận án có cách tiếp cận, nghiên cứu phù hợp, là nguồn tư liệu tham khảo bổ sung quý giá phục vụ đắc lực cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ của luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Qua các công trình nghiên cứu mà tác giả đã phân tích, tiếp cận, bên cạnh những kết quả đã đạt được, các công trình còn những khoảng trống nhất định về đối tượng, nội dung nghiên cứu, việc đề cập đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH chưa được các nhà khoa học nghiên cứu, giải quyết một cách đầy đủ. Do vậy, công trình tiếp tục được khảo cứu và biện giải đa chiều, kết hợp cơ sở lý luận với bằng chứng thực tiễn, để đưa ra các giải pháp phù hợp, cụ thể như:

Một là, về mặt lý luận, luận án tiếp tục nghiên cứu và làm rõ: i) một số khái niệm có liên quan đến đề tài: Phật giáo và đặc điểm của Phật giáo; ASXH; Vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. ii) Hệ thống lý luận về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH: Tinh thần cứu khổ cứu nạn của Phật giáo; tính hướng thiện của Phật giáo; Phật giáo là đạo nhập thế, hành thiện; Phật giáo đề cao giá trị nhân văn, giá trị con người; Phật giáo đề cao giá trị trách nhiệm xã hội; iii) Một số hoạt động Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam: Xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; Hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; Hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương; Hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS; iv) Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH hiện nay.

Hai là, về mặt thực trạng, Luận án tiếp tục phân tích: i) thực tiễn vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam thời gian qua, thông qua các nội dung: Xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương; hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS. Thực tế các công trình đã đề cập đến một hoặc một số nội dung đối với hoạt động thực hiện ASXH của Phật giáo, dưới dạng các bài viết nên chưa đầy đủ, toàn diện. ii) Đánh giá về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH: Những kết quả đạt được và nguyên nhân, những hạn chế và nguyên nhân.

Ba là, trên cơ sở đánh giá khách quan kết quả đã đạt được, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện ASXH của Phật giáo, tác giả đề xuất các giải pháp tăng cường vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam thời gian tới.

Tiểu kết Chương 1

Thông qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy rằng ASXH và các hoạt động ASXH của Phật giáo đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước, với những phạm vi và góc độ tiếp cận khác nhau. Các công trình đã đề cập tương đối phong phú đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của ASXH nói chung, cũng như phân tích các hoạt động ASXH của Phật giáo trên một số lĩnh vực cụ thể như xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ việc làm, chăm sóc trẻ em mồ côi, người cao tuổi không nơi nương tựa, giáo dục tình thương, chăm sóc y tế và hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội.

Những kết quả nghiên cứu này đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận, thực tiễn và cung cấp các luận cứ khoa học quan trọng, khẳng định tính tất yếu và vai trò của việc thực hiện các hoạt động an sinh xã hội trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đồng thời, các nghiên cứu cũng cho thấy Phật giáo là một chủ thể xã hội có nhiều tiềm năng và đóng góp thiết thực trong việc tham gia thực hiện các chính sách ASXH ở Việt Nam.

Tuy nhiên, qua khảo cứu có hệ thống các tài liệu liên quan, nghiên cứu sinh nhận thấy rằng mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, song vẫn chưa có nghiên cứu nào tiếp cận một cách toàn diện và đầy đủ đối với các nội dung ASXH cụ thể, bao gồm: hoạt động xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; chăm sóc trẻ mồ côi; ASXH đối với người cao tuổi không nơi nương tựa; giáo dục tình thương; chăm sóc y tế và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục làm rõ cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc. Đây chính là căn cứ quan trọng để Chương 2 đi sâu phân tích thực trạng, Chương 3 đánh giá những vấn đề đặt ra, và Chương 4 đề xuất các quan điểm, giải pháp phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan tới vấn đề “*Vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay*” cho thấy hiện đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về ASXH, về hoạt động của Phật giáo đối với ASXH ở những phạm vi và góc độ nghiên cứu khác nhau. Tác giả đã tập hợp, phân tích, đánh giá, các công trình nghiên cứu về ASXH nói chung, các công trình liên quan đến các mặt hoạt động của Phật giáo cụ thể về: Xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương; hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS....

Các công trình đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ, luận chứng để khẳng định sự cần thiết của việc thực hiện các hoạt động ASXH gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội toàn diện.

Từ việc khảo cứu các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh nhận thấy mặc dù các công trình nghiên cứu trên đã bàn đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH trên nhiều phương diện khác nhau, nhưng hiện chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện và đầy đủ đối với các nội dung như: Hoạt động xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; hoạt động ASXH đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; hoạt động ASXH trong giáo dục tình thương; hoạt động ASXH trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS. Do đó, nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng để tìm ra phương hướng, giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Chương 2

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Khái quát về Phật giáo và an sinh xã hội

2.1.1. Phật giáo và đặc điểm của Phật giáo

2.1.1.1. Khái quát chung về Phật giáo

Phật giáo là một hệ thống triết lý - tôn giáo lớn ra đời vào thế kỷ VI - V trước Công nguyên tại Ấn Độ, do Thái tử Tất Đạt Đa, sáng lập sau khi giác ngộ, trở thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật giáo không phải là một tôn giáo hữu thần theo nghĩa truyền thống, mà là một hệ thống giáo lý về con người, khổ đau và con đường giải thoát khỏi khổ đau, dựa trên trí tuệ và lòng từ bi.

Theo quan điểm Phật giáo, giáo lý của Đức Phật hướng con người đến mục tiêu giải thoát chúng sinh hữu tình khỏi vòng khổ đau của sinh tử luân hồi, thông qua quá trình diệt trừ vô minh và ái dục - hai nguyên nhân căn bản của khổ đau. Sự giác ngộ này được đạt đến nhờ trực nhận Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên, qua đó con người hiểu được quy luật nhân duyên - nhân quả chi phối mọi hiện tượng. Mục đích tối thượng của Phật giáo là đạt đến Niết bàn, trạng thái giải thoát hoàn toàn khỏi khổ đau và chấp ngã. Toàn bộ hệ thống giáo lý và phương pháp tu tập này được gọi chung là Phật pháp [85].

Về phương diện phát triển lịch sử, Phật pháp được chia thành hai nhánh lớn: *Phật giáo Nguyên thủy* và *Phật giáo Đại thừa*. Phật giáo Đại thừa phát triển mạnh ở khu vực Đông Á, hình thành nhiều tông phái và truyền thống khác nhau như Tịnh độ tông, Thiền tông, Thiên Thai tông, Chân Ngôn tông và Phật giáo Tây Tạng. Ngoài ra, theo một số cách phân loại, còn có nhánh Mật tông - phát triển chủ yếu tại Tây Tạng và Mông Cổ; tuy nhiên, nhiều học giả xem Mật tông là một bộ phận thuộc Phật giáo Đại thừa, do cùng chia sẻ nền tảng tư tưởng về Bồ Tát đạo và cứu cánh Niết bàn [99].

Các giáo lý cơ bản của Phật giáo:

Thứ nhất là tứ diệu đế: Nền tảng giáo lý của đạo Phật nằm ở Tứ diệu đế, gồm bốn chân lý về khổ, nguyên nhân của khổ và phương cách đoạn trừ

khổ. (1) *Khổ đế - chân lý về khổ*: khổ phát sinh trong mọi phương diện của đời sống - sinh, lão, bệnh, tử. (2) *Tập đế - Chân lý về sự phát sinh của khổ*: Thập nhị nhân duyên do không như thực nhận biết về 4 sự thật cao quý (Vô Minh). (3) *Diệt đế - Chân lý về diệt khổ*: Một khi gốc của mọi tham ái được tận diệt, vô minh tận diệt thì sự khổ cũng được tận diệt. Đó là trạng thái Niết bàn; (4) *Đạo đế - Chân lý về con đường dẫn đến diệt khổ*: Phương pháp để đạt sự diệt khổ là con đường diệt khổ tám nhánh, Bát chính đạo [99].

Thứ hai, bát chính đạo gồm: (1) Chính kiến: Phá vỡ vô minh nghiệp tập ngàn đời ngàn kiếp, cái thấy cái nhìn đúng với chân lý đúng với sự thật về trần gian này, một người có chính kiến là người đã thâm nhập được Phật đạo đã hòa nhập vào bể tánh giác ngộ giải thoát toàn triệt để có cái trí tuệ phủ khắp tam giới trí tuệ vượt thoát khỏi không gian và thời gian. (2) *Chính tư duy*: Suy nghĩ chân chính, không còn vương mắc trong tam giới; luôn tìm phương tiện thiện xảo để cứu giúp chúng sinh thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. (3) *Chính ngữ*: Lời nói biểu hiện chân lý “ngay đây và bây giờ”, vượt ngoài tam giới, giúp người nghe thấu đạt sự thật nhiệm màu và lìa bỏ sinh tử luân hồi. (4) *Chính nghiệp*: Tư duy - ngôn ngữ - hành động đồng bộ với chính kiến. Khi đã có chính kiến, mọi hành vi và lời nói đều thể hiện đạo lý. (5) *Chính mệnh*: Thân - mạng chân chính không bị không-thời gian hủy hoại. (6) *Chính tinh tiến*: Siêng năng, chuyên cần đúng hướng để tiến thẳng tới mục tiêu Phật dạy; thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý. (7) *Chính niệm*: Niệm chân chính vững như “nhất niệm muôn năm”: một khi thấy - biết đúng, tri kiến ấy an trụ bền bỉ. (8) *Chính định*: Định thường tại, không do vào - ra mà thành; vốn sẵn đủ, bất biến trước mọi hoàn cảnh [99].

2.1.1.2. Đặc điểm của Phật giáo

Trải qua hơn hai thiên niên kỷ phát triển, Phật giáo không chỉ lan rộng trên nhiều châu lục mà còn trở thành một bộ phận gắn bó sâu sắc với văn hóa, đạo đức và đời sống tinh thần của nhiều dân tộc, trong đó có Việt Nam. Đặc điểm của Phật giáo thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tính nhân bản và vị nhân sinh. Một trong những đặc điểm nổi bật của Phật giáo là tính nhân bản sâu sắc. Khác với nhiều tôn giáo thần

quyền, Phật giáo không nhấn mạnh sự tồn tại của một đấng sáng tạo tuyệt đối, mà đề cao con người như chủ thể có khả năng tự tu tập và chuyển hóa khổ đau để đạt đến giác ngộ [21, tr30]. Tư tưởng này được thể hiện rõ trong Tứ diệu đế - nền tảng của giáo lý Phật giáo - trong đó khổ đau của con người được nhận diện, nguyên nhân của khổ đau được phân tích, và con đường thoát khổ được vạch ra một cách thực tiễn.

Thứ hai, tính nhập thế và đồng hành cùng dân tộc. Từ những ngày đầu du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã thể hiện rõ đặc tính nhập thế, hòa mình vào đời sống dân tộc, đặc biệt trong các triều đại Lý - Trần. Không chỉ là tôn giáo, Phật giáo còn đảm nhiệm nhiều vai trò xã hội, từ giáo dục, y tế, từ thiện, đến cố vấn triều chính. Các vị thiền sư như Vạn Hạnh, Khuông Việt, Trần Nhân Tông đều đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng chính trị và văn hóa dân tộc.

Thứ ba, tính bao dung và hòa hợp. Một trong những đặc tính nổi bật giúp Phật giáo phát triển bền vững trong các xã hội đa tín ngưỡng là tinh thần bao dung và hòa hợp. Phật giáo không chủ trương truyền bá bằng bạo lực hay đối kháng với các tôn giáo khác. Giáo lý nhà Phật khuyến khích sự tôn trọng lẫn nhau, sự đối thoại tôn giáo và nhận thức đa chiều. Tại Việt Nam, tinh thần “tam giáo đồng nguyên” (Phật - Nho - Lão) là minh chứng rõ nét cho khả năng hòa hợp tôn giáo mà Phật giáo góp phần định hình [66].

Thứ tư, tính thực nghiệm và duy lý. Khác với những tôn giáo mang tính mặc khải, Phật giáo khuyến khích việc tự trải nghiệm và kiểm chứng chân lý. Đức Phật từng dạy: “Chớ vội tin điều gì chỉ vì đó là truyền thống; chớ vội tin điều gì chỉ vì đó là lời nói của bậc đạo sư”. Tư tưởng này cho thấy Phật giáo không khuyến khích niềm tin mù quáng mà yêu cầu hành giả phải thực hành, quán chiếu và tự chứng ngộ.

Thứ năm, xác nhận “người là trung tâm điểm của xã hội loài người”. Đạo Phật không tuyệt đối hóa duy tâm hay duy vật; mọi hiện tượng đều nảy sinh bởi con người và nhằm phục vụ con người. Tất cả giáo lý của Phật giáo - như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Ngũ giới, Thập thiện - đều xoay quanh việc giúp con người nhận ra bản chất khổ đau của cuộc đời, từ đó tìm cách chuyển hóa tâm thức và sống hạnh phúc, an lạc hơn.

Thứ sáu, đó là mục tiêu “kiến thiết một xã hội mới” với nền tảng cốt lõi là xây dựng con người mới. Tư tưởng “con người tự chiến thắng con người” được hiểu như một quá trình tự giác ngộ và chuyển hóa, trong đó con người chủ động xóa bỏ những nguyên nhân dẫn đến khổ đau và bất công trong xã hội như bóc lột, áp bức, độc tài hay xâm lược. Khi những yếu tố tiêu cực ấy được triệt tiêu, hệ quả tất yếu là sự hình thành của một hình thái xã hội mới, tiến bộ và nhân văn hơn [86].

Phật giáo cho rằng: Xã hội mới là một xã hội không còn khổ đau, bất công, hận thù và tham lam, mà thay vào đó là: Yêu thương và chia sẻ; Bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau và sống hài hòa với con người và thiên nhiên.

Thứ bảy, tính thích ứng cao với hoàn cảnh lịch sử - xã hội. Phật giáo có khả năng thích nghi linh hoạt với các điều kiện lịch sử - xã hội khác nhau mà vẫn giữ được cốt lõi giáo lý. Trong lịch sử, Phật giáo từng đồng hành cùng dân tộc trong các cuộc chiến chống xâm lược, xây dựng quốc gia, phát triển văn hóa. Trong thời đại ngày nay, Phật giáo tiếp tục đổi mới phương thức hoằng pháp, ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức các chương trình tu học trực tuyến, và xây dựng các mô hình Phật giáo gắn với bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống và chăm sóc sức khỏe tinh thần.

2.1.2. An sinh xã hội

2.1.2.1. Khái niệm an sinh xã hội

An sinh xã hội là một khái niệm chính trị, pháp lý, được nêu trong Điều 25 của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10/12/1948, khẳng định: “1. Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình kể cả thức ăn, quần áo, nhà ở, y tế và những dịch vụ cần thiết; ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, góa bụa, già yếu, hay thiếu phương kế sinh nhai do những hoàn cảnh ngoài ý muốn. 2. Sản phụ và trẻ em được đặc biệt săn sóc và giúp đỡ. Tất cả các con, dầu là chính thức hay ngoại hôn, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau” [111].

An sinh xã hội - dù được diễn giải khác nhau giữa các quốc gia - theo tác giả hiểu là cơ chế bảo vệ xã hội đối với công dân thông qua các biện pháp công cộng, nhằm giảm thiểu hệ lụy khi thu nhập bị gián đoạn hoặc suy giảm

bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già hoặc tử vong; đồng thời bảo đảm dịch vụ y tế và trợ cấp cho gia đình đông con.

Ở Việt Nam, tại Khoản 2, Điều 59 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” và đã được luật hóa tại khoản 2, Điều 29 Hiến pháp năm 2013: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.” [87]. Tinh thần của nó được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật khác như: Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật..., bảo đảm ASXH luôn được coi là nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước và toàn xã hội, để người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia bảo hiểm xã hội và bảo đảm hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống ổn định, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân.

Hiện có rất nhiều quan niệm khác nhau về ASXH. Trong cuốn “*Giáo trình nhập môn an sinh xã hội*” thì “ASXH là một hệ thống các cơ chế, chính sách, các giải pháp của nhà nước và cộng đồng nhằm đảm bảo mọi thành viên trong xã hội đối phó với các rủi ro, các cú sốc về kinh tế - xã hội làm cho họ suy giảm hoặc mất nguồn thu nhập, do bị ốm đau, thai sản, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì các nguyên nhân khách quan mà rơi vào cảnh nghèo khổ và cung cấp dịch vụ CSSK cho cộng đồng thông qua hệ thống chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ giúp xã hội” [61, tr 65].

“An sinh xã hội là việc nhà nước và xã hội sử dụng các công cụ, biện pháp nhằm hạn chế, khắc phục, trợ giúp các thành viên trong xã hội trước những rủi ro trong cuộc sống và những cú sốc trong kinh tế, hoặc do các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già; đồng thời, bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình nghèo đông con. ASXH được thể hiện thông qua hệ thống chính sách xóa đói, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội và ưu đãi xã hội [90, tr. 11-12].

Trong cuốn: “*Góp phần đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội ở nước ta hiện nay*” thì ASXH cần tiếp cận theo hai nghĩa: Theo nghĩa

rộng, ASXH là sự đảm bảo thực hiện các quyền để con người được an bình, đảm bảo an ninh, an toàn trong xã hội. Theo nghĩa hẹp, ASXH là sự đảm bảo thu nhập và một số điều kiện thiết yếu khác cho cá nhân, gia đình và cộng đồng khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do họ bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm; cho những người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những người yếu thế, người bị thiên tai địch họa [16, tr. 22]. Cuốn sách cũng đã đề cập đến BHXH trong hệ thống ASXH, nội dung nâng cao nhận thức về ASXH. Tác giả cũng đã đề xuất một số biện pháp nâng cao nhận thức về ASXH như: Xây dựng kế hoạch, chiến lược nâng cao nhận thức về ASXH; thực hiện tuyên truyền giáo dục về ASXH; phát triển các kênh thông tin về ASXH và huy động, xây dựng đủ nguồn lực để nâng cao nhận thức về ASXH.

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), quan niệm: “An sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con” [91, tr.12].

Qua phân tích các quan điểm trên, theo tác giả, ASXH được hiểu như sau: *Theo nghĩa rộng, ASXH là sự đảm bảo thực hiện các quyền để con người được an bình, đảm bảo an ninh, an toàn trong xã hội. Theo nghĩa hẹp, ASXH là sự đảm bảo về thu nhập, điều kiện sống cho từng cá nhân, gia đình khi họ gặp phải khó khăn, bất trắc trong cuộc sống, bị cắt thu nhập do mất khả năng lao động hoặc mất việc; và đó còn là sự bảo đảm cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.*

2.1.2.2. Cấu trúc của an sinh xã hội

Song hành với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phạm vi bao phủ và mức độ bảo vệ của hệ thống ASXH không ngừng được mở rộng; nội dung ASXH cũng ngày càng đa dạng, chính sách ASXH được hoàn thiện hơn. Với vị thế trụ cột của hệ thống chính sách xã hội, chính sách ASXH là một chính sách xã hội cơ bản của quốc gia, hướng tới bảo vệ và bảo đảm an toàn cho các thành viên trong xã hội trước những rủi ro làm giảm/mất thu nhập hoặc buộc phải tăng chi phí đột xuất vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Cho đến nay, bàn về cấu trúc của hệ thống ASXH còn nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau. Liên hợp quốc cho rằng, hệ thống ASXH bao gồm các bộ phận cấu thành (các trụ cột) cơ bản sau đây: Hệ thống BHXH (hưu trí, BHYT, chế độ trợ cấp, BHXH ngắn hạn); hệ thống trợ giúp xã hội (trợ cấp xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ nhóm yếu thế...); hệ thống trợ cấp xã hội chung (trợ cấp gia đình, dịch vụ y tế công cộng, trợ cấp người cao tuổi...); hệ thống trợ cấp tư nhân - đó là các hoạt động hỗ trợ xã hội ngoài khu vực Nhà nước, do cá nhân, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp thực hiện, như: Bảo hiểm tư nhân; tổ chức từ thiện và phi chính phủ; hỗ trợ từ gia đình, dòng họ, cộng đồng. Đồng thời, theo Liên hợp quốc khi xây dựng hệ thống ASXH cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản là: *Toàn dân* (quyền cho mọi người); *chia sẻ* (gắn bó, đoàn kết, liên kết, tương trợ, bù đắp); *công bằng và bền vững* (trách nhiệm và quyền lợi, đóng góp và hưởng lợi); *tăng cường trách nhiệm các chủ thể* (thúc đẩy nỗ lực của các chủ thể).

Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới đã nhấn mạnh đến việc phát huy nguồn lực của tôn giáo trong quá trình phát triển đất nước. Đối với Phật giáo, một tôn giáo lâu đời và quan trọng ở nước ta, không những là một tôn giáo có truyền thống đồng hành với dân tộc mà còn có những tiềm năng to lớn của một nguồn lực kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, kế thừa các quan niệm về cấu trúc của hệ thống ASXH, theo nghiên cứu sinh, hệ thống ASXH ở Việt Nam gồm các trụ cột [5]:

1) *Chính sách bảo đảm việc làm*: Theo khoản 2 Điều 3 Luật Việc làm 2013, việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm [88]. Các chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động gồm có: i) Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm: Nhà nước thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác; ii) Chính sách hỗ trợ chuyển dịch việc làm đối với người lao động ở khu vực nông thôn: Hỗ trợ chuyển đổi nghề

nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn và Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn; iii) Chính sách việc làm công: Chính sách việc làm công được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã [71, tr. 32].

2) *Chính sách bảo hiểm xã hội* (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm hưu trí bổ sung do Chính phủ quy định...). Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Cần phát triển mạnh cả các hình thức bảo hiểm bắt buộc và các hình thức bảo hiểm tự nguyện [71, tr.32].

3) *Chính sách trợ giúp xã hội* (trợ cấp xã hội, chương trình xóa đói giảm nghèo...). Chính sách trợ giúp xã hội là sự đảm bảo của Nhà nước, sự hỗ trợ của cộng đồng về thu nhập và các điều kiện sống thiết yếu bằng các hình thức và biện pháp khác nhau đối với các thành viên trong xã hội khi họ rơi vào cảnh rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, yếu thế hoặc hẫng hụt trong cuộc sống mà bản thân họ không đủ khả năng tự lo được cuộc sống của bản thân và gia đình ở mức tối thiểu [71, tr. 33]. Hoàn thiện các chính sách và hệ thống trợ giúp xã hội linh hoạt, ứng phó có hiệu quả với các biến cố, rủi ro (trợ giúp đột xuất và trợ giúp thường xuyên) là một trong những trụ cột của ASXH.

4) *Thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo bền vững*. Trụ cột của ASXH thường gắn liền với việc thực hiện có hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo bền vững. Những chương trình này không chỉ giúp cải thiện mức sống của người dân, mà còn tạo ra nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện và công bằng trong xã hội. Việc giảm nghèo bền vững không chỉ là giúp người dân thoát nghèo trong ngắn hạn, mà còn tạo điều kiện để họ duy trì được sự ổn định về kinh tế và xã hội trong dài hạn, qua đó giảm thiểu sự bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống.

5) *Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản*: Đó là hệ thống phúc lợi xã hội và hệ thống dịch vụ xã hội, nâng cao khả năng tiếp cận các DVXH, trước hết là các dịch vụ công cộng cơ bản, thiết yếu như: y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin... cho mọi người dân, nhất là đối với người nghèo, vùng nghèo phản ánh rõ nét chứng năng xã hội của Phật giáo, thông qua đó truyền bá thông điệp từ bi, nhân ái của đạo Phật vào đời sống xã hội [71, tr.34].

An sinh xã hội ở nước ta có một cấu phần đặc thù, đó là chính sách ưu đãi xã hội. Chính sách này nhằm thực hiện mục tiêu cao cả là đền ơn, đáp nghĩa đối với sự hy sinh, công lao đặc biệt và cống hiến to lớn của những người có công với cách mạng, với đất nước; thực hiện trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội chăm lo, bảo đảm cho người có công có cuộc sống ổn định và ngày càng được cải thiện [18, tr. 31].

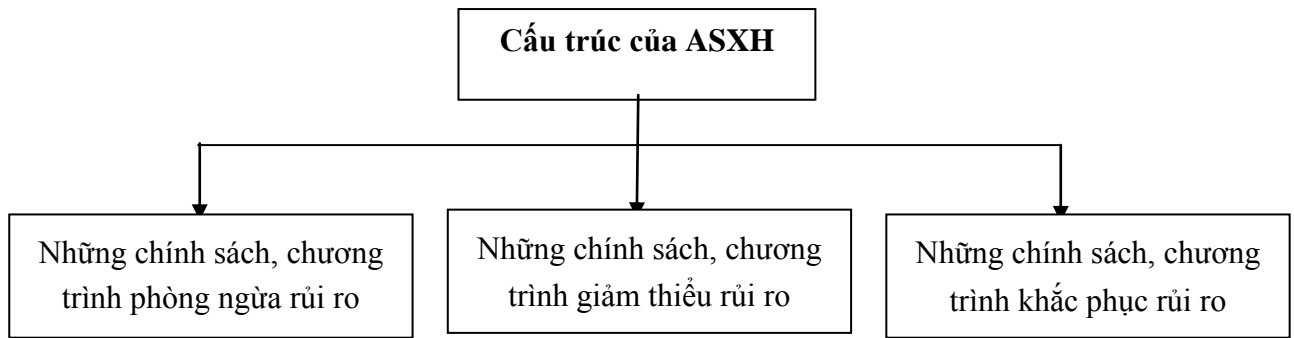
Bên cạnh tiếp cận theo trụ cột như trên, nội dung ASXH còn có thể được phản ánh qua các nội dung:

Một là, những chính sách, chương trình phòng ngừa rủi ro. Đây là tầng trên cùng của hệ thống ASXH. Chức năng của những chính sách này là hướng tới can thiệp và bao phủ toàn bộ dân cư; giúp cho mọi tầng lớp dân cư có được việc làm, thu nhập, có được năng lực vật chất cần thiết để đối phó tốt nhất với rủi ro.

Hai là, những chính sách, chương trình giảm thiểu rủi ro. Đây là tầng thứ hai, gồm các chiến lược giảm thiểu thiệt hại do rủi ro của hệ thống ASXH, có vai trò đặc biệt quan trọng. Nội dung quan trọng nhất trong tầng này là các hình thức bảo hiểm, như BHXH, BHYT... để giảm thiểu rủi ro cho cuộc sống con người.

Ba là, những chính sách, chương trình khắc phục rủi ro, bao gồm các chính sách, chương trình về cứu trợ và trợ giúp xã hội. Đây là tầng cuối cùng của hệ thống ASXH với chức năng bảo đảm an toàn cho các thành viên xã hội khi họ gặp phải rủi ro mà bản thân không tự khắc phục được, như thất nghiệp, người thiếu việc làm, người có thu nhập thấp, người già, người tàn tật, trẻ em mồ côi, khả năng mất kiểm soát (mất mùa, đói, nghèo kinh niên...).

Sơ đồ 2.1. Cấu trúc của an sinh xã hội



Nguồn: [41, tr 30]

2.1.3. Hình thức thực hiện an sinh xã hội

Bảo hiểm xã hội là một trong những hình thức cốt lõi và phổ biến nhất của hệ thống an sinh xã hội hiện đại, được thiết kế nhằm bảo vệ người lao động và gia đình họ trước các rủi ro trong cuộc sống như ốm đau, tai nạn lao động, thất nghiệp, thai sản và tuổi già. Đây là cơ chế do Nhà nước tổ chức và điều hành, dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, trong đó cả người lao động và người sử dụng lao động đều có nghĩa vụ đóng góp vào một quỹ bảo hiểm xã hội tập trung [112, tr 56]. Bảo hiểm xã hội có thể mang tính bắt buộc (đối với khu vực lao động chính quy) hoặc tự nguyện (đối với lao động phi chính thức), tùy thuộc vào quy định của pháp luật từng quốc gia. (109, tr 42). Ở Việt Nam, BHXH được xác định là một trụ cột trung tâm trong chiến lược phát triển ASXH, với hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, mở rộng đối tượng và nâng cao chất lượng dịch vụ công [64, tr 42].

Trợ giúp xã hội là một trong những hình thức thực hiện ASXH có tính nhân đạo sâu sắc, thể hiện vai trò trực tiếp và trách nhiệm công quyền của Nhà nước trong việc hỗ trợ các nhóm dân cư đặc biệt khó khăn, không đủ điều kiện tham gia các loại hình BHXH. Đây là *cơ chế cấp phát ngân sách công không hoàn lại*, hướng đến các đối tượng yếu thế như người cao tuổi neo đơn, người khuyết tật nặng, trẻ em mồ côi, người không nơi nương tựa hoặc người nghèo không có khả năng lao động [44, tr 30]. Trợ giúp xã hội không dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng như bảo hiểm xã hội, mà mang tính phân phối lại nguồn lực quốc gia nhằm thực hiện công bằng xã hội và giảm thiểu bất bình đẳng (112, tr 45). Theo quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế,

hình thức này đóng vai trò nền tảng trong hệ thống bảo vệ xã hội toàn diện, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển nơi mà khu vực lao động phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn (109, tr 32).

Phúc lợi xã hội là một thành phần quan trọng trong hệ thống ASXH, bao gồm các chương trình hỗ trợ của Nhà nước như trợ giá hàng hóa, miễn giảm học phí và viện phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ nhà ở xã hội và các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng [64, tr 43]. Phúc lợi xã hội không chỉ hỗ trợ trực tiếp đời sống vật chất mà còn nâng cao chất lượng DVYT, giáo dục và an sinh cộng đồng [109].

Dịch vụ xã hội (DVXH) là hình thức Nhà nước tổ chức cung cấp các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, nước sạch, môi trường, công nghệ thông tin và hỗ trợ pháp lý cho toàn thể người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội [64, tr 50]. Bên cạnh ý nghĩa nhân đạo, việc cung cấp DVXH cơ bản còn phản ánh *trách nhiệm công quyền của Nhà nước* trong việc thực hiện các quyền con người được quy định tại các công ước quốc tế [109]. Tại Việt Nam, nhiều chính sách được triển khai như miễn học phí cho học sinh nghèo, bảo hiểm y tế toàn dân, cung cấp nước sạch nông thôn... đã thể hiện vai trò thiết thực của DVXH cơ bản trong tiến trình phát triển xã hội hài hòa và bao trùm [3, tr 26].

2.1.4. Phương thức thực hiện an sinh xã hội

Phương thức thực hiện ASXH là cách thức tổ chức, triển khai các chính sách ASXH trong thực tiễn nhằm bảo đảm quyền được bảo vệ trước các rủi ro xã hội của công dân, đồng thời tăng cường hiệu lực và hiệu quả của các thiết chế an sinh. Các phương thức cơ bản sau đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

Phương thức Nhà nước chủ đạo. Phương thức Nhà nước chủ đạo là phương thức truyền thống và phổ biến, đặc biệt trong các mô hình nhà nước phúc lợi, nơi Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định, điều phối và thực thi các chính sách ASXH. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra thách thức về tính linh hoạt, hiệu quả quản lý và gánh nặng ngân sách đối với Nhà nước.

Phương thức xã hội hóa. Phương thức xã hội hóa là cách tiếp cận mở rộng sự tham gia của toàn xã hội trong việc thực hiện an sinh, thông qua việc huy động các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và tài trợ nguồn lực cho ASXH. Xã hội hóa còn góp phần làm phong phú các hình thức cung ứng dịch vụ an sinh, phù hợp với điều kiện KT - XH của từng địa phương và đối tượng thụ hưởng.

Phương thức đối tác công - tư. Đây là phương thức kết hợp giữa khu vực công và tư nhân trong việc cung cấp và vận hành các DVXH. Thông qua các thỏa thuận hợp tác, Nhà nước và doanh nghiệp cùng chia sẻ trách nhiệm, chi phí, rủi ro và lợi ích trong quá trình triển khai các chương trình an sinh. Tuy nhiên, việc triển khai phương thức này đòi hỏi khung pháp lý rõ ràng, cơ chế giám sát chặt chẽ và năng lực phối hợp liên ngành.

Phương thức cộng đồng - tự quản. Phương thức cộng đồng - tự quản nhấn mạnh vai trò chủ thể của người dân trong việc tự tổ chức các hoạt động an sinh tại cộng đồng. Các hình thức như quỹ tín dụng nhân dân, nhóm tương trợ xã hội, tổ chức tự giúp nhau, mô hình hợp tác xã hay nhóm phụ nữ tiết kiệm... là những ví dụ cho phương thức này. Dù có quy mô nhỏ, phương thức này đóng vai trò quan trọng trong việc lấp đầy các “khoảng trống an sinh” và thúc đẩy phát triển xã hội bền vững từ cơ sở.

2.1.5. Nguyên tắc thực hiện an sinh xã hội

Việc tuân thủ đúng và đầy đủ các nguyên tắc giúp bảo đảm quyền con người, mở rộng độ bao phủ, phát huy tính tương trợ cộng đồng, đồng thời nâng cao hiệu lực và tính minh bạch của hệ thống.

Thứ nhất, nguyên tắc bảo đảm quyền con người và quyền công dân. Nguyên tắc này khẳng định ASXH là quyền cơ bản được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nhà nước có trách nhiệm tạo cơ chế, chính sách để mọi công dân được đáp ứng nhu cầu tối thiểu về thu nhập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hỗ trợ khi gặp rủi ro. Việc thực hiện phải hướng tới bảo vệ phẩm giá con người, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Thứ hai, nguyên tắc công bằng và bao trùm. ASXH phải bảo đảm mọi nhóm dân cư đều có cơ hội tiếp cận dịch vụ mà không bị phân biệt vùng miền, giới tính, dân tộc hay điều kiện kinh tế. Nguyên tắc bao trùm yêu cầu chính sách hướng tới người yếu thế, giảm khoảng cách thụ hưởng giữa các nhóm dân cư.

Thứ ba, nguyên tắc chia sẻ rủi ro và tương trợ cộng đồng. Hệ thống ASXH hoạt động dựa trên sự chia sẻ giữa người có thu nhập cao và thấp, giữa người khỏe mạnh và người ốm yếu, giữa cá nhân - cộng đồng - Nhà nước. Các quỹ BHXH, BHYT là mô hình phân tán rủi ro theo hướng “đóng - hưởng”, tạo nền tảng ổn định thu nhập và hỗ trợ khi xảy ra biến cố. Nguyên tắc này góp phần tăng tính đoàn kết xã hội, giảm gánh nặng cho từng cá nhân, gia đình khi gặp rủi ro.

Thứ tư, nguyên tắc đa tầng và bảo đảm bền vững tài chính. Hệ thống ASXH Việt Nam vận hành theo mô hình đa tầng gồm: hỗ trợ xã hội tối thiểu; bảo hiểm xã hội bắt buộc; bảo hiểm xã hội tự nguyện; và các chương trình bổ sung. Cách tiếp cận đa tầng giúp mở rộng bao phủ, phù hợp với điều kiện của từng nhóm dân cư.

Thứ năm, nguyên tắc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội. Việc thực hiện ASXH phải dựa vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn. Điều này đòi hỏi chính sách không được vượt quá năng lực chi trả của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; đồng thời bảo đảm linh hoạt theo vùng miền, đối tượng. Sự phù hợp còn thể hiện ở việc lựa chọn mô hình, mức trợ cấp, phạm vi bảo hộ theo điều kiện thực tế của Việt Nam.

Thứ sáu, nguyên tắc Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, xã hội cùng tham gia. Nhà nước là lực lượng trung tâm hoạch định, điều phối, kiểm tra và giám sát hệ thống ASXH. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả, cần phát huy vai trò của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo, cộng đồng và chính người dân. Mô hình “Nhà nước + xã hội + công dân” giúp huy động đa dạng nguồn lực, chia sẻ trách nhiệm, tăng sức bền của hệ thống ASXH.

Thứ bảy, nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm giải trình. Mọi hoạt động từ xây dựng chính sách, phân bổ quỹ đến chi trả trợ cấp phải được công khai, minh bạch để người dân dễ tiếp cận và giám sát. Các cơ quan phụ trách ASXH phải giải trình đầy đủ với Nhà nước, Quốc hội và người dân về hiệu quả thực hiện, mức chi

trả, nguyên nhân sai sót... nhằm nâng cao sự tin cậy và tính liêm chính của hệ thống ASXH.

Thứ tám, nguyên tắc ứng dụng công nghệ và cải cách thủ tục hành chính.

Hệ thống ASXH hiện đại yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dân cư, số hóa hồ sơ BHXH - BHYT, định danh điện tử (VNeID) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Nhờ đó, người dân giảm thời gian, chi phí, hạn chế sai sót, đồng thời tăng khả năng giám sát và minh bạch trong quản lý.

2.1.6. Chủ thể thực hiện an sinh xã hội

Trong cấu trúc lý luận về ASXH và XDGN ở Việt Nam, hệ thống chủ thể tham gia mang tính đa chiều, phản ánh sự kết hợp giữa chủ thể chính trị - nhà nước và chủ thể xã hội - cộng đồng. Việc xác định rõ hệ thống chủ thể này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, bởi nó làm rõ vị trí, chức năng và giới hạn tác động của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH.

Trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo toàn diện quá trình phát triển đất nước, trong đó có mục tiêu bảo đảm ASXH và giảm nghèo bền vững. Từ góc độ triết học chính trị, vai trò của Đảng thể hiện ở việc định hướng giá trị, xác lập mục tiêu phát triển gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, khẳng định con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Quan điểm này tạo nền tảng lý luận cho việc huy động các lực lượng xã hội, trong đó có tôn giáo, tham gia vào quá trình thực hiện ASXH.

Trên cơ sở đó, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chủ thể thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Nhà nước ban hành hệ thống pháp luật, chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; đồng thời thực hiện phân bổ nguồn lực, điều tiết lợi ích và bảo đảm công bằng xã hội. Ở bình diện triết học xã hội, Nhà nước giữ vai trò thiết chế trung tâm trong phân phối lại của cải và bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản của công dân. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn lực có hạn và nhu cầu xã hội đa dạng, Nhà nước không thể đơn độc thực hiện đầy đủ mọi chức năng an sinh, mà cần đến sự tham gia của các chủ thể xã hội khác.

Trong hệ thống đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò tập hợp, vận động và giám sát xã hội. Đây là kênh kết nối giữa Nhà nước và nhân dân, góp phần bảo đảm tính dân chủ, minh bạch và đồng thuận

xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo. Đồng thời, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp với vai trò tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế và thực hiện TNXH đã bổ sung nguồn lực vật chất quan trọng cho ASXH.

Trong các chủ thể đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam xuất hiện với tư cách là một chủ thể tôn giáo - xã hội đặc thù. Từ góc nhìn triết học, Phật giáo không chỉ tham gia bằng hoạt động từ thiện, cứu trợ, hỗ trợ vật chất cho người nghèo, mà còn tác động ở tầng sâu giá trị và ý thức xã hội. Hệ thống giáo lý về từ bi, vô ngã, cứu khổ, tinh thần tương thân tương ái đã góp phần hình thành nền tảng đạo đức xã hội, củng cố vốn xã hội và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Chính sự kết hợp giữa hỗ trợ vật chất và nâng đỡ tinh thần tạo nên nét đặc thù trong vai trò của Phật giáo đối với thực hiện ASXH.

Nếu Nhà nước đại diện cho cơ chế phân phối lại mang tính thể chế, thì Phật giáo đại diện cho cơ chế chia sẻ mang tính đạo đức và tự nguyện. Hai cơ chế này không đối lập mà bổ sung cho nhau trong cấu trúc tổng thể của ASXH ở Việt Nam. Sự tham gia của Phật giáo góp phần giảm tải cho hệ thống phúc lợi công, đồng thời mở rộng không gian xã hội hóa an sinh, làm phong phú thêm hình thức hỗ trợ người nghèo và nhóm yếu thế.

Cuối cùng, cá nhân - bao gồm người nghèo và các chủ thể tham gia hỗ trợ - là trung tâm của quá trình này. Từ lập trường triết học nhân văn, ASXH chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được nhìn nhận như một chủ thể có năng lực tự phát triển, chứ không chỉ là đối tượng thụ hưởng. Trong bối cảnh đó, Phật giáo với việc nhấn mạnh tự lực, tu dưỡng và chuyển hóa nội tâm đã góp phần nâng cao ý thức tự vươn lên của mỗi cá nhân, qua đó tạo điều kiện cho giảm nghèo bền vững.

Như vậy, trong hệ thống chủ thể thực hiện XDGN và ASXH ở Việt Nam, Đảng giữ vai trò định hướng giá trị và lãnh đạo chính trị; Nhà nước giữ vai trò thể chế hóa và điều phối; các tổ chức xã hội và doanh nghiệp giữ vai trò hỗ trợ và bổ sung nguồn lực; còn Phật giáo là chủ thể tôn giáo - xã hội có khả năng kết hợp giữa hỗ trợ vật chất và nuôi dưỡng nền tảng đạo đức cộng đồng. Việc làm rõ vị trí này có ý nghĩa lý luận quan trọng để tiếp tục phân tích sâu hơn vai trò, giới hạn và điều kiện phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Cơ sở giáo lý về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội

2.2.1. Tính nhập thế, hướng thiện và hành thiện

Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo. Là đạo đề cao con người, lấy con người là trung tâm. Lối sống Phật giáo nêu cao tinh thần “cư trần lạc đạo” góp phần xây dựng lối sống có trách nhiệm, không tham quyền cố vị, không bám lấy lợi ích vật chất, sống thanh cao, tự tại. Chính thông qua thái độ từ bi, không nề hà việc cuu mang, cứu vớt những số phận bất hạnh mà Phật giáo đã cảm hóa được con người, dẫn dắt họ làm điều thiện, bỏ qua lối sống vị kỷ để quan tâm đến con người và xã hội. Sự lan tỏa đạo đức và triết lý Phật giáo một phần đã cảm hóa con người, các tăng, ni, phật tử thường xuyên học tập chánh pháp, tu luyện bản thân. Điều này cũng góp phần lý giải tại sao, Phật giáo có sức hút và độ tin tưởng mạnh mẽ của khá đông người dân Việt Nam.

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Số lượng tín đồ đạo Phật tương đối đông, ngoài số tín đồ chính thức còn những người có tâm hướng thiện (những cá nhân này tuy không thực hiện nghi lễ quy y để trở thành tín đồ chính thức nhưng vì mến mộ những lời răn của Đức Phật nên cũng khởi tâm hành thiện).

Giáo lý Phật giáo quan niệm con người cần có lòng từ, bi, hỷ, xả (Tứ vô lượng tâm). Đây là nhân tố chủ yếu giúp phát triển tâm từ bi, hạnh cứu khổ hoạt động của Phật giáo cho con người và vì con người. Trong quan niệm của Phật giáo, những việc tu phước, làm việc thiện chính là con đường để giúp con người có được một cuộc sống an bình. Kinh nhà Phật luôn nhắc đến tinh thần vô ngã, vị tha, khuyên con người sống có trách nhiệm với cộng đồng, thể hiện lòng nhân ái của mình với người khác.

Hoạt động từ thiện xã hội, bảo đảm ASXH của Phật giáo không chỉ là sự thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn của tín đồ Phật giáo mà còn đóng vai trò thực hiện công tác bảo trợ, cứu trợ xã hội rất lớn của Phật giáo. Suốt quá trình phát triển dài của đất nước, các tăng, ni, Phật tử đã là lực lượng xã hội quan trọng, đồng hành cùng Nhà nước và các tổ chức xã hội khác trong

các hoạt động từ thiện xã hội để hỗ trợ người dân, góp phần xây dựng hệ thống ASXH của nước ta, đảm bảo công bằng xã hội. Điều này phản ánh rõ nét vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống xã hội.

2.2.2. Triết lý “từ bi, cứu khổ cứu nạn, nhập thế giúp đời” của Phật giáo

Phật giáo là một tôn giáo - triết học lớn, có tầm ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống văn hóa tinh thần của nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới. Bởi vậy, nó thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các tăng, ni, Phật tử, các nhà khoa học trong và ngoài nước trên mọi khía cạnh: thế giới quan - nhân sinh quan, bản thể luận - nhận thức luận đến tinh thần “nhập thế giúp đời”, từ mọi bình diện tiếp cận của văn hóa, Việt Nam học, xã hội học, nhân học, tôn giáo học...,

Trong giáo lý của đức Phật, Lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ) là con đường dẫn đến sự giác ngộ, mà điều đầu tiên phải thực hiện được. Trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc thực hiện ASXH đòi hỏi phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm hệ thống hoạt động hiệu quả, công bằng và bền vững. Các nguyên tắc này không chỉ phản ánh quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển con người, phát triển xã hội, mà còn là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và vận hành các chính sách ASXH trong thực tế. Việc tuân thủ đúng và đầy đủ các nguyên tắc giúp bảo đảm quyền con người, mở rộng độ bao phủ, phát huy tính tương trợ cộng đồng, đồng thời nâng cao hiệu lực và tính minh bạch của hệ thống.

Triết lý vì con người của Phật giáo còn tương đồng với lý tưởng của Đảng vì sự ấm no, hạnh phúc của nhân dân, *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ghi rõ*: “Bảo đảm ASXH... trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương”. Tiếp đến, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách ASXH phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội”.

Đạo Phật được dân gian coi là phương thuốc giải thoát khỏi nỗi khổ. Nỗi khổ của chúng sinh là căn bệnh trầm kha của cả loài người mà bất kỳ ai cũng phải trải qua, để thoát khỏi nó, Đức Phật khuyên con người nên chịu khó

tu tập theo “Tứ vô lượng tâm”, “từ, bi, hỷ, xả” để triệt “tham, sân, si”. *Từ* chính là sự mến thương đối với mọi người, dù người đó có làm cho bạn đau khổ, tạo cho bạn bất hạnh, vì mến thương nên mong muốn tạo ra nhiều niềm vui. Còn *bi* chính là sự đau xót, sự cảm thông đối với những bất hạnh của người khác, mong muốn tìm ra giải pháp, cách thức để giải thoát khổ đau, bất hạnh. *Hỷ* là vui theo và làm theo những việc của người khác, nhưng tuyệt nhiên không phải là việc xấu mà chỉ làm theo những việc tốt của người khác, như việc người đó thường xuyên làm từ thiện, thường xuyên chia sẻ ngọt bùi, thì chúng ta nên học và làm theo. *Xả* là từ bỏ, không chấp, không kể lại, kêu ca, từ bỏ những nhục dục sai lầm để đạt được hạnh phúc thực sự, không kêu ca những việc đã xảy ra, những rủi ro đã gặp phải, mà đón nhận nó như một thách thức giúp chúng ta vươn lên mạnh mẽ.

2.2.3. Triết lý Phật giáo mang nhiều tính nhân văn và đề cao giá trị con người

Phật giáo ra đời để đáp ứng yêu cầu cấp thiết cần nhận hỗ trợ của những con người cụ thể để vượt qua khó khăn hiện tại của chính họ. Do vậy, trong mỗi hoạt động của mình, Phật giáo đều làm cho giá trị, nhân phẩm và quyền con người luôn được đặt lên hàng đầu. Đề cao giá trị cá nhân của mỗi con người, các hoạt động hỗ trợ của nhà chùa cũng đặt yếu tố tinh thần ở tầm quan trọng, các hoạt động của nhà chùa không chỉ dừng ở mức cứu trợ tạm thời mà còn đặc biệt quan tâm tới công tác giáo dục, hướng thiện con người. Khác với những tổ chức cứu trợ xã hội khác, chùa còn mang lại sức mạnh tinh thần, vì thế con người luôn đặt niềm tin vào Phật giáo, nơi mang lại cho con người một sức mạnh tinh thần to lớn, giúp con người có thể giải tỏa căng thẳng do áp lực cuộc sống. Để thực hiện tốt công tác ASXH, nhà chùa ngoài triển khai những hỗ trợ tức thời, trước mắt, còn phòng ngừa những vấn đề tiêu cực đến với các cá nhân, nhóm cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục. Nhiều chùa đã có trách nhiệm rất cao trong việc hướng dẫn người dân hướng thiện, tránh ác, hướng dẫn người dân làm công tác ASXH. Các trung tâm bảo trợ xã hội, nuôi trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, người già neo đơn được thành lập tại nhiều chùa. Các chương trình tiếp sức mùa thi, khoá tu mùa hè, đang được

triển khai rộng ở nhiều ngôi chùa khắp miền Tổ quốc. Nhiều trẻ đã trưởng thành từ các trung tâm bảo trợ xã hội của nhà chùa và trở thành các nhà giáo, bác sĩ, doanh nhân,.. trở thành những công dân có ích, góp phần không nhỏ cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2.4. Triết lý trách nhiệm xã hội trong tư tưởng Phật giáo

Trách nhiệm xã hội (TNXH) là một lý thuyết hoặc một tư tưởng đạo đức nhấn mạnh đến việc một cá nhân hoặc một tổ chức phải có nghĩa vụ hành động vì lợi ích của xã hội. Trách nhiệm xã hội là một vấn đề quan trọng của cả đạo đức cá nhân lẫn đạo đức xã hội. Xét từ góc độ cá nhân, ý thức về TNXH không chỉ là một đức hạnh, một tiêu chuẩn của luân lý, mà còn là một yếu tố cấu thành nhân cách con người; thực hiện TNXH là thể hiện hành vi đạo đức của con người. Xét từ góc độ xã hội, TNXH là một trong những nền tảng để gắn kết các mối quan hệ xã hội, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội; là một giá trị để đảm bảo cho quyền sống của tất cả mọi người. Ý thức về người khác, quan niệm về bổn phận đối với đất nước, nghĩa vụ đối với xã hội, lòng tốt, tính vị tha, tinh thần bao dung... là những biểu hiện cụ thể của TNXH.

Phật giáo đề cao giá trị trách nhiệm xã hội qua các nguyên lý và giáo lý của nó, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sống có trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng. Mặc dù mục tiêu cuối cùng của Phật giáo là giải thoát cá nhân khỏi khổ đau và đạt được giác ngộ, nhưng trong quá trình tu hành, Phật giáo không tách rời con người khỏi xã hội. Thực hành đạo đức và từ bi đối với mọi người là một phần quan trọng trong hành trình này. Một số giá trị trách nhiệm xã hội trong Phật giáo có thể được hiểu qua các nội dung như:

- 1) *Từ bi và bác ái*: Phật giáo nhấn mạnh việc phát triển lòng từ bi không chỉ đối với bản thân mà còn đối với tất cả chúng sinh. Trách nhiệm xã hội của một người Phật tử không chỉ là đối phó với vấn đề cá nhân, mà còn là chăm sóc và giúp đỡ cộng đồng, giảm bớt khổ đau cho những người xung quanh.
- 2) *Công bằng và bình đẳng*: Phật giáo khẳng định rằng mọi người đều có khả năng đạt được giác ngộ, và không có sự phân biệt về giai cấp hay dân tộc. Giá trị này dẫn đến việc đối xử công bằng với tất cả mọi người, đồng thời tạo dựng một xã hội công bằng và bình đẳng.
- 3) *Tôn trọng và bảo vệ môi trường*:

Trong các giáo lý của Phật giáo, việc bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống cũng là một phần của trách nhiệm xã hội. Phật giáo coi trọng sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, và trách nhiệm của con người là phải sống hài hòa với môi trường xung quanh, không gây hại đến đất đai, động vật và các sinh vật khác. 4) *Tự giác và phát triển cộng đồng*: Phật giáo khuyến khích mỗi cá nhân tự giác trong việc tu tập và phát triển trí tuệ, nhưng cũng đồng thời nhấn mạnh sự liên kết giữa cá nhân và cộng đồng. Mỗi người cần đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội qua những hành động đúng đắn, sáng suốt và có lợi cho cộng đồng. 5) *Xã hội hòa bình và không bạo lực*: Phật giáo coi trọng việc xây dựng một xã hội hòa bình, không có bạo lực. Giáo lý về không bạo lực là một trong những nguyên lý căn bản của Phật giáo, khuyến khích mọi người sống hòa bình, tránh làm tổn hại đến người khác và đối xử với tất cả mọi người bằng lòng từ bi.

Phật giáo đề cao giá trị tinh thần và nhân văn trong đời sống xã hội, đặc biệt là khái niệm về từ bi, bác ái, và sự giải thoát. Giá trị này bắt nguồn từ mục đích căn bản của Phật giáo là đạt được giác ngộ và giải thoát khỏi khổ đau thông qua việc thực hành đạo đức, trí tuệ, và thiền định.

Phật giáo khuyến khích mỗi cá nhân phát triển lòng từ bi, biết yêu thương và giúp đỡ người khác, đồng thời học cách sống hài hòa, không gây tổn hại đến bản thân và xã hội. Mục tiêu này không chỉ là để giải thoát cho bản thân, mà còn là để xây dựng một xã hội an lạc, nơi mọi người đều sống trong tình yêu thương, tôn trọng và sự chia sẻ. Bên cạnh đó, Phật giáo cũng nhấn mạnh đến việc sống đúng với “Tứ Diệu Đế” và thực hành “Bát Chánh Đạo”, những nguyên lý này không chỉ giúp cá nhân đạt được sự thanh thản nội tâm mà còn góp phần vào việc xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và hòa hợp.

2.3. Nội dung vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội

2.3.1. Phật giáo tham gia xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm

Thứ nhất, về giáo lý. Phật giáo tham gia xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm xuất phát từ về giáo lý *Từ bi* của Phật giáo. Trong Phật giáo, khái niệm từ bi (một trong những đức tính quan trọng của Phật) được coi là động lực

để giúp đỡ người nghèo khổ. Từ bi không chỉ đơn thuần là sự thương cảm mà là sự đồng cảm, chia sẻ và hành động giúp đỡ người khác thoát khỏi đau khổ. Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sinh đều có thể vượt qua nghèo khổ, đau đớn và đạt được hạnh phúc nếu có sự giúp đỡ đúng lúc và đúng cách. Chính vì thế, các tổ chức Phật giáo từ xưa đến nay luôn hướng đến việc xóa đói giảm nghèo, bảo vệ những người yếu thế trong xã hội.

Hoạt động XĐGN của Phật giáo xuất phát từ những giáo lý căn bản mang tính nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Phật giáo, phản ánh rõ tinh thần nhập thế và cứu khổ của đạo Phật. Trước hết, giáo lý *Từ bi* là nền tảng đạo đức chỉ dẫn con người biết yêu thương, chia sẻ và hành động nhằm giảm bớt khổ đau của tha nhân; từ đó, việc giúp người nghèo được xem như một biểu hiện cụ thể của lòng từ bi. Bên cạnh đó, giáo lý Nhân quả - Nghiệp báo khẳng định hành động thiện lành mang lại phước báo tốt đẹp, khiến việc giúp đỡ người nghèo trở thành một hình thức tu tập và tích đức. Như vậy, xóa đói giảm nghèo trong Phật giáo không chỉ là một hoạt động xã hội, mà còn là biểu hiện cụ thể của lý tưởng “từ bi cứu khổ” và triết lý hành động nhập thế, góp phần xây dựng xã hội nhân ái, công bằng và phát triển bền vững.

Thứ hai, phương thức thực hiện

Một là, việc phát huy tinh thần từ bi và TNXH thông qua các hoạt động từ thiện - nhân đạo. Đây là một trong những phương thức chủ yếu thể hiện vai trò nhập thế của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH. Dựa trên giáo lý từ bi, cứu khổ cứu nạn, các chùa, tự viện, tăng ni và Phật tử trên cả nước đã triển khai nhiều hình thức hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo và các nhóm yếu thế như: cấp phát lương thực, nhu yếu phẩm, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ y tế cho người già neo đơn, người khuyết tật.

Hai là, kết hợp với Nhà nước và chính quyền địa phương trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những phương thức quan trọng thể hiện vai trò xã hội của Phật giáo là sự phối hợp với Nhà nước và chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và cơ quan nhà nước trong tuyên truyền, vận động

và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

Ba là, thực hiện giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề là một nội dung thể hiện rõ tinh thần nhập thế và thực hành từ bi của Phật giáo trong lĩnh vực an sinh xã hội. Thông qua các cơ sở tự viện, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã triển khai nhiều lớp dạy nghề miễn phí như may mặc, nấu ăn, tin học, điện tử, chăm sóc trẻ và trồng trọt, nhằm giúp thanh thiếu niên, phụ nữ, người nghèo và người khuyết tật có kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự lập và việc làm ổn định. Những hoạt động này không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ kinh tế mà còn chuyển hóa tinh thần từ bi và trí tuệ Phật giáo thành năng lực phát triển con người, góp phần giảm nghèo bền vững, xây dựng xã hội nhân ái và phát triển hài hòa giữa đạo và đời.

Bốn là, hỗ trợ tâm linh - tinh thần và xây dựng ý thức tự lực vươn lên. Bên cạnh hỗ trợ vật chất, Phật giáo còn đặc biệt chú trọng đến việc chăm lo đời sống tinh thần và định hướng nhận thức cho người nghèo, coi đây là yếu tố then chốt giúp họ tự lực vươn lên và phát triển bền vững. Thông qua các khóa tu, buổi giảng pháp, sinh hoạt đạo tràng và hoạt động tư vấn tâm linh, người dân được khơi dậy niềm tin, nghị lực và ý chí vượt qua khó khăn, từ đó hình thành thái độ sống tích cực, hướng thiện. Giáo lý nhân quả và duyên khởi được vận dụng linh hoạt để giúp con người nhận thức rõ nguyên nhân của khổ đau, hiểu rằng nghèo đói không chỉ là vấn đề vật chất mà còn gắn liền với nhận thức và hành vi sống. Việc sống thiện lành, lao động chân chính, tiết kiệm và biết chia sẻ được xem như phương pháp tu tập thiết thực trong đời sống hàng ngày.

Năm là, trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, Phật giáo đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin và mạng lưới Phật tử toàn cầu để mở rộng phạm vi và hiệu quả của các hoạt động an sinh xã hội. Nhiều cơ sở Phật giáo đã thiết lập các quỹ từ thiện trực tuyến, kêu gọi ủng hộ qua các nền tảng số và mạng xã hội, đồng thời kết nối Phật tử trong và ngoài nước nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm và khởi nghiệp nhỏ cho người nghèo. Hoạt động này cho thấy Phật giáo đang đổi mới phương thức hành đạo, thích ứng với bối cảnh xã

hội hiện đại, đồng thời phát huy tinh thần nhập thế và trí tuệ trong thời đại số, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn của đạo Phật trên quy mô toàn cầu.

2.3.2. Phật giáo tham gia hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi

Thứ nhất, về giáo lý. Việc chăm sóc trẻ mồ côi trong Phật giáo không chỉ là một hành động từ thiện, mà còn là sự thể hiện đạo lý “Cứu khổ, độ sinh”. Phật giáo coi trọng việc chăm sóc trẻ em vì chúng là thế hệ tương lai của xã hội. Những em bé này, khi được nuôi dưỡng và giáo dục tốt, sẽ trở thành những công dân tốt, đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Bên cạnh đó, việc chăm sóc trẻ mồ côi còn là cách để các Phật tử tu tập lòng từ bi, tránh tâm hẹp hòi, ích kỷ, và phát triển sự giác ngộ, nhận thức về sự vô thường của cuộc đời. Mỗi hành động từ thiện là một bước đi trong quá trình tu học để hiểu rõ hơn về bản chất của cuộc sống, về sự gắn kết giữa tất cả chúng sinh.

Trong Phật giáo, các thánh đức luôn nhấn mạnh việc giúp đỡ những người yếu thế, những người không có khả năng tự bảo vệ mình, đặc biệt là trẻ em. Từ bi và cứu độ không chỉ là sự thể hiện lòng thương xót mà còn là một phương pháp tu tập để phát triển trí tuệ và lòng nhân ái. Trẻ mồ côi, với sự bất lực trong việc chăm sóc bản thân và thiếu vắng sự bảo vệ từ cha mẹ, cần sự hỗ trợ và chăm sóc để phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Các hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi của Phật giáo, như: i) Phật giáo luôn chú trọng đến việc xây dựng các cơ sở từ thiện, chùa chiền là những nơi chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mồ côi.

Thứ hai, phương thức thực hiện. Trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi, Phật giáo thực hiện các hoạt động cụ thể như: 1) Xây dựng mái ấm cho trẻ mồ côi: Nhiều ngôi chùa và các tổ chức Phật giáo đã thành lập các mái ấm, nhà tình thương để tiếp nhận và nuôi dưỡng trẻ em mất cha mẹ. 2) Giáo dục và đào tạo nghề: Ngoài việc chăm sóc về mặt vật chất, các tổ chức Phật giáo cũng chú trọng đến việc giáo dục tinh thần và học vấn cho trẻ em. 3) Chăm sóc tâm lý và tinh thần: Bên cạnh việc chăm sóc về mặt vật chất, các hoạt động Phật giáo còn chú trọng đến việc chữa lành tâm hồn cho trẻ mồ côi. 4) Hoạt động tình nguyện và quyên góp: Các Phật tử và các tổ

chức từ thiện Phật giáo thường xuyên tổ chức các buổi quyên góp, kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng để hỗ trợ trẻ mồ côi.

2.3.3. Phật giáo tham gia hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa

Thứ nhất, về giáo lý. Các hoạt động ASXH đối với người cao tuổi và người không nơi nương tựa của Phật giáo không chỉ là một hành động từ thiện mà còn là sự thể hiện của giáo lý Phật giáo về lòng từ bi và sự chăm sóc, yêu thương tất cả chúng sinh. Những việc làm này giúp duy trì giá trị nhân văn, lan tỏa lòng nhân ái và góp phần xây dựng một xã hội đoàn kết, yêu thương.

Phật giáo luôn coi trọng việc chăm sóc và hỗ trợ những người già yếu, bệnh tật, đặc biệt là những người không có khả năng tự chăm sóc bản thân. Theo giáo lý Phật giáo, “tu hành” không chỉ là việc luyện tâm, mà còn bao gồm việc thực hành lòng từ bi qua các hành động cụ thể, như chăm sóc người già, người khuyết tật, những người không nơi nương tựa.

Phật giáo khuyến khích các Phật tử giúp đỡ và tôn trọng người cao tuổi vì họ là những người đã trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc sống và đáng được yêu thương, chăm sóc. Việc chăm sóc người cao tuổi không chỉ là một nghĩa vụ đạo đức mà còn là một cách để thể hiện lòng kính trọng, tri ân đối với những người đã đóng góp cho xã hội.

Thứ hai, phương thức thực hiện. Xây dựng và vận hành các cơ sở nuôi dưỡng người già. Nhiều chùa, tự viện thành lập nhà dưỡng lão, mái ấm, trung tâm từ thiện dành cho người cao tuổi cô đơn. Các cơ sở này cung cấp nơi ăn ở ổn định, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ sinh hoạt hằng ngày và tạo không gian sinh hoạt cộng đồng. Tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế. Đây là hoạt động thiết thực giúp người cao tuổi không có điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế.

Chương trình hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm và trợ cấp. Nhiều tự viện thực hiện chương trình phát quà từ thiện, cung cấp gạo, nhu yếu phẩm, chăn màn, sữa, thuốc bổ... nhằm cải thiện điều kiện sinh hoạt hằng ngày. Một số chùa quyên góp từ Phật tử, doanh nghiệp để hỗ trợ trợ cấp định kỳ cho người già neo đơn tại địa phương.

Huy động nguồn lực xã hội thông qua Phật tử và doanh nghiệp. Nhà chùa đóng vai trò cầu nối, vận động Phật tử, các nhóm thiện nguyện, doanh nghiệp nhân ái cùng chung tay hỗ trợ người cao tuổi. Đây là phương thức huy động nguồn lực xã hội hóa hiệu quả, giúp mở rộng quy mô chăm sóc và tạo sức lan tỏa nhân ái trong cộng đồng.

Phối hợp với chính quyền và các tổ chức xã hội. Nhiều cơ sở Phật giáo phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, chính quyền địa phương để rà soát đối tượng, chia sẻ thông tin, bảo đảm trao quà đúng người, đúng nhu cầu. Sự phối hợp này làm tăng hiệu quả chính sách an sinh của Nhà nước và tránh trùng lặp trong hỗ trợ.

Thực hiện các chương trình thiện nguyện thường xuyên và đột xuất. Hoạt động của Phật giáo không chỉ diễn ra theo kế hoạch dài hạn mà còn có các chương trình đột xuất trong dịp lễ Tết, thiên tai, dịch bệnh... giúp người cao tuổi vượt qua khó khăn tạm thời. Đặc biệt, chùa là nơi người già tin cậy tìm đến khi thiếu thốn tinh thần hoặc cần hỗ trợ khẩn cấp.

2.3.4. Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương

Thứ nhất, về giáo lý. Phật giáo, với tinh thần từ bi và trí tuệ, không chỉ chú trọng đến việc giáo dục tâm linh mà còn đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục xã hội, chăm sóc những mảnh đời nghèo khó, bất hạnh. Trong đó, hoạt động ASXH trong giáo dục tình thương là một trong những lĩnh vực mà Phật giáo Việt Nam đặc biệt quan tâm. Những hoạt động này không chỉ mang tính nhân đạo mà còn là phương pháp thực hành giáo lý Phật giáo, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương dựa trên giáo lý *Từ bi* khơi dậy lòng thương yêu, đồng cảm với nỗi khổ của chúng sinh, từ đó thúc đẩy việc chăm lo, nuôi dưỡng, dạy dỗ trẻ em mồ côi, cơ nhỡ và những người thiệt thòi trong xã hội. Tiếp đó, giáo lý *Nhân quả* giúp hình thành nhận thức rằng gieo trồng việc thiện - như giáo dục, nuôi dưỡng trẻ em bằng tình thương - chính là cách tạo phước lành, mang lại an lạc lâu dài cho cả cá nhân và cộng đồng. Đồng thời, *tư tưởng Duyên khởi* thể hiện mối liên hệ giữa con người và xã hội, nhấn mạnh rằng sự phát triển của mỗi cá nhân

gắn liền với sự an vui chung của cộng đồng, do đó giáo dục tình thương là phương tiện để nuôi dưỡng nhân cách và giảm khổ đau cho đời. Cuối cùng, *tinh thần Vô ngã và hạnh Bồ thí* giúp người Phật tử hành động vô tư, không vì lợi ích cá nhân, mà hướng đến phụng sự con người bằng tình thương và trí tuệ.

Thứ hai, phương thức thực hiện. Hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương, thể hiện thông qua các nội dung như:

Một là, về tinh thần giáo dục trong Phật giáo. Giáo dục trong Phật giáo không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy tri thức hay kỹ năng sống, mà còn hướng đến việc hình thành những giá trị đạo đức, tình thương và lòng từ bi trong mỗi cá nhân. Phật giáo khuyến khích các Phật tử phát triển trí tuệ và tâm hồn, bằng cách hành động từ bi, cứu khổ cho tất cả chúng sinh. Giáo dục Phật giáo là một hình thức giáo dục tình thương, vì qua việc giáo dục, con người học cách yêu thương, tôn trọng và chia sẻ với mọi người xung quanh.

Hai là, hoạt động ASXH trong giáo dục tình thương của Phật giáo tập trung vào việc chăm sóc và giúp đỡ những đối tượng yếu thế trong xã hội, đặc biệt là trẻ em nghèo, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, và những người không có cơ hội tiếp cận giáo dục. Các hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương của Phật giáo thể hiện như:

Xây dựng trường học, lớp học và các trung tâm giáo dục: Phật giáo Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động từ thiện, trong đó xây dựng các trường học, lớp học miễn phí cho trẻ em nghèo, trẻ em vùng sâu vùng xa, đặc biệt là những em không có điều kiện đến trường. Các ngôi chùa và tổ chức Phật giáo đã thành lập các lớp học miễn phí, nơi các em không chỉ được học chữ mà còn được dạy những giá trị đạo đức, tinh thần từ bi và tình thương yêu trong Phật giáo.

Chăm sóc trẻ em mồ côi và trẻ em khuyết tật: Các hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương của Phật giáo đặc biệt chú trọng đến trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật và những em có hoàn cảnh khó khăn. Các ngôi chùa đã mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho những em bé không nơi nương tựa, giúp các em có cơ hội được phát triển trong một môi trường yêu thương và an lành.

Ba là, giáo dục tình thương trong việc phát triển nhân cách. Phật giáo chú trọng đến việc giáo dục lòng từ bi, sự khiêm nhường, tôn trọng và chia sẻ, nhằm giúp mỗi cá nhân phát triển nhân cách và trí tuệ. Giáo dục tình thương của Phật giáo không chỉ giúp đỡ những người nghèo khó mà còn giúp con người nâng cao ý thức về giá trị của cuộc sống, về sự vô thường và mối quan hệ tương quan giữa mọi người trong xã hội. Trong giáo dục tình thương, Phật giáo hướng tới: i) Tôn trọng sự khác biệt: Phật giáo dạy rằng tất cả chúng sinh đều có giá trị, không phân biệt giàu nghèo, địa vị hay chủng tộc. Qua giáo dục tình thương, Phật giáo khuyến khích các Phật tử học cách tôn trọng sự khác biệt, yêu thương và chia sẻ với tất cả mọi người. ii) Khuyến khích lòng nhân ái và sự tha thứ: Phật giáo dạy rằng mỗi người đều có khả năng thay đổi và hoàn thiện bản thân qua hành động từ bi. Giáo dục tình thương của Phật giáo giúp các em học cách tha thứ, yêu thương và giúp đỡ những người đã từng làm hại mình.

2.3.5. Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS

Thứ nhất, về giáo lý. Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS từ giáo lý sau: 1) Trước hết, giáo lý *Từ bi* là cội nguồn đạo đức của mọi hoạt động chăm sóc sức khỏe trong Phật giáo, hướng con người đến sự cảm thông và sẻ chia với nỗi khổ của người bệnh. Từ bi không chỉ là lòng thương xót mà còn là động lực hành động - khuyến khích tăng ni, Phật tử chăm sóc, nuôi dưỡng và hỗ trợ y tế cho người nhiễm HIV/AIDS mà không kỳ thị hay phân biệt đối xử. 2) Giáo lý *Vô ngã* giúp người Phật tử nhìn nhận con người trong mối quan hệ bình đẳng, không chấp ngã, không xem bệnh tật hay hoàn cảnh là nguyên nhân của sự phân biệt. Nhờ đó, việc chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS được thực hiện với tinh thần bình đẳng và tôn trọng phẩm giá con người, coi họ như những chúng sinh đang chịu khổ cần được cảm thông và giúp đỡ. 3) Trên cơ sở giáo lý Nhân quả - Duyên khởi chỉ ra rằng mọi hiện tượng và khổ đau đều do nhiều nguyên nhân, điều kiện tạo thành, không thể quy kết trách nhiệm cho cá nhân. Từ nhận thức đó, Phật giáo khuyến khích hành động nhân đạo và phòng hộ nghiệp thiện, giúp người bệnh nhận ra giá trị sống, tự nuôi

dưỡng niềm tin, tu tập và hướng thiện. Ngoài ra, tinh thần *Bình đẳng và Cứu khổ cứu nạn* trong Phật giáo thể hiện ở quan điểm “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”, coi việc chăm sóc sức khỏe, giảm đau đớn thể xác và an ủi tinh thần người bệnh là một hình thức thực hành Phật pháp thiết thực.

Như vậy, sự tham gia của Phật giáo trong hoạt động chăm sóc y tế và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS không chỉ xuất phát từ TNXH mà còn là biểu hiện sinh động của giáo lý nhân văn, bình đẳng và từ bi, góp phần lan tỏa giá trị đạo đức Phật giáo trong đời sống hiện đại và củng cố nền tảng nhân ái của ASXH Việt Nam.

Thứ hai, phương thức thực hiện. Các hoạt động an sinh này có thể được chia thành các lĩnh vực chính sau:

Một là, chăm sóc y tế. Chăm sóc y tế đối với đối tượng nhiễm HIV là một phần quan trọng trong việc quản lý và điều trị HIV/AIDS. Mục tiêu của chăm sóc y tế cho người nhiễm HIV là giúp họ duy trì sức khỏe, ngăn ngừa các biến chứng, cải thiện chất lượng sống và kéo dài tuổi thọ. Việc chăm sóc y tế đối với người nhiễm HIV bao gồm nhiều khía cạnh, từ việc điều trị bằng thuốc ARV cho đến các biện pháp phòng ngừa và hỗ trợ toàn diện. Cụ thể, các yếu tố trong chăm sóc y tế đối với người nhiễm HIV bao gồm: 1) Thành lập cơ sở y tế - từ thiện: Chùa, tu viện, tổ chức Phật giáo mở các phòng khám, bệnh viện miễn phí, đặc biệt tại các vùng nghèo; Cung cấp thuốc men, chăm sóc y tế cơ bản cho người bệnh không nơi nương tựa. 2) Cứu trợ - chăm sóc người bệnh, người già, người tàn tật: Tăng ni, Phật tử tham gia chăm sóc người bệnh, thăm hỏi bệnh nhân, đặc biệt trong các dịp lễ lớn; Nhiều người xuất gia còn tình nguyện làm y sĩ, bác sĩ, y tá với tâm nguyện cứu người. 3) Hướng dẫn chữa lành thân - tâm: Áp dụng thiền định, chánh niệm, trì chú, pháp thoại giúp người bệnh giảm đau, ổn định tâm lý và tư vấn tinh thần cho bệnh nhân ung thư, người sắp mất, giúp họ vượt qua nỗi sợ hãi, an tâm trước cái chết. 4) Tổ chức hiến máu, hiến mô, hỗ trợ y tế cộng đồng: Các hoạt động như hiến máu nhân đạo, chạy bộ gây quỹ y tế, khám bệnh lưu động, v.v. được nhiều tăng ni và Phật tử tích cực tham gia. 5) Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Việc theo dõi sức khỏe thường xuyên để phát hiện các bệnh lý liên quan như nhiễm trùng cơ hội, các bệnh nhiễm khuẩn, hoặc các bệnh ung thư là rất quan trọng để người nhiễm HIV duy trì một cơ thể khỏe mạnh. 6) Hỗ trợ các dịch vụ chăm sóc tại nhà: Đối với

những người không thể tiếp cận các cơ sở y tế, các dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà giúp họ duy trì sức khỏe và tránh phải nhập viện.

Hai là, nuôi dưỡng và hỗ trợ dinh dưỡng: Nuôi dưỡng và hỗ trợ dinh dưỡng trong Phật giáo là một phần quan trọng trong hoạt động ASXH, nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng, đặc biệt đối với những đối tượng yếu thế và người nghèo. Phật giáo không chỉ chú trọng đến sự phát triển tâm linh mà còn khuyến khích chăm sóc và hỗ trợ vật chất cho mọi người, giúp họ có cuộc sống đầy đủ về cả thể chất và tinh thần. Các hoạt động này thường được thực hiện thông qua các tổ chức từ thiện, các ngôi chùa, và các Phật tử trong cộng đồng. Hoạt động Phật giáo về nuôi dưỡng và hỗ trợ dinh dưỡng đối với người nhiễm HIV/AIDS gồm: i) Dinh dưỡng hợp lý: Người nhiễm HIV/AIDS cần một chế độ dinh dưỡng đặc biệt để hỗ trợ hệ miễn dịch của họ. ii) Hỗ trợ lương thực và thực phẩm: Trong nhiều trường hợp, người nhiễm HIV không thể tự cung cấp thực phẩm cho mình do khó khăn tài chính. Chính phủ và các tổ chức xã hội có thể cung cấp hỗ trợ lương thực cho họ. iii) Giáo dục về dinh dưỡng.

Ba là, hỗ trợ tâm lý và xã hội: Hỗ trợ tâm lý và xã hội trong Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện an sinh xã hội, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi xã hội đối diện với nhiều vấn đề tâm lý, xã hội như căng thẳng, lo âu, nghèo đói và bất bình đẳng. Một số cách Phật giáo đóng góp vào an sinh xã hội qua hỗ trợ tâm lý và xã hội đối với những người nhiễm HIV/AIDS: Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử: Kỳ thị đối với người nhiễm HIV/AIDS vẫn còn phổ biến trong nhiều cộng đồng.

Bốn là, chính sách và quyền lợi của người nhiễm HIV/AIDS. Có thể kể đến một số chính sách sau: Chính sách bảo hiểm y tế: Người nhiễm HIV cần được bao phủ bởi các chính sách bảo hiểm y tế, đảm bảo rằng họ có thể tiếp cận các dịch vụ y tế cần thiết mà không gặp phải khó khăn tài chính. Hỗ trợ về mặt pháp lý: Các tổ chức xã hội và chính phủ cần cung cấp hỗ trợ pháp lý cho người nhiễm HIV trong các vấn đề như quyền lợi lao động, quyền thừa kế, và các vấn đề liên quan đến quyền con người.

Năm là, giáo dục và truyền thông: Giáo dục và truyền thông về người nhiễm HIV từ góc độ Phật giáo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giảm kỳ

thì, nâng cao nhận thức và hỗ trợ người nhiễm HIV trong cộng đồng. Một số cách mà Phật giáo có thể góp phần vào giáo dục và truyền thông về vấn đề HIV, như: Sử dụng các phương tiện truyền thông để nâng cao nhận thức. Các phương tiện truyền thông của Phật giáo, bao gồm truyền hình, radio, tạp chí và mạng xã hội, có thể được sử dụng để truyền tải thông điệp về HIV và người nhiễm HIV. Các bài viết, video, và chương trình phát sóng có thể tập trung vào các câu chuyện của những người nhiễm HIV, giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về những thử thách mà họ phải đối mặt, cũng như cách mà Phật giáo có thể giúp họ vượt qua khó khăn. Các thông điệp từ bi, hòa bình và sự tôn trọng sẽ là nền tảng cho chiến dịch truyền thông này. Các khóa giảng dạy và bài giảng có thể tập trung vào việc phát triển lòng từ bi đối với những người đang chịu khổ đau, bao gồm cả người nhiễm HIV, giúp cộng đồng hiểu rằng họ cũng xứng đáng được yêu thương và chăm sóc. Kỳ thị và phân biệt đối xử là vấn đề lớn đối với những người nhiễm HIV, và điều này có thể được giảm bớt thông qua giáo dục cộng đồng.

Cung cấp kiến thức về phòng ngừa và điều trị HIV. Phật giáo có thể giúp nâng cao nhận thức về phòng ngừa và điều trị HIV thông qua các chiến dịch giáo dục. Các tổ chức Phật giáo có thể phối hợp với các cơ quan y tế để cung cấp thông tin về các biện pháp phòng ngừa HIV, chẳng hạn như sử dụng bao cao su, tránh tiếp xúc với máu nhiễm HIV, và những cách thức khác để bảo vệ bản thân và cộng đồng khỏi nguy cơ lây nhiễm. Phật giáo cũng có thể giải thích rằng việc điều trị HIV là một phương pháp y tế cần thiết và không nên bị coi là sự xấu hay đáng lên án.

Thúc đẩy các hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng. Phật giáo có thể tổ chức các hoạt động từ thiện để hỗ trợ người nhiễm HIV, chẳng hạn như cung cấp nhu yếu phẩm, dịch vụ y tế hoặc hỗ trợ tinh thần.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội

Có thể thấy, ở Việt Nam Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc thực hiện ASXH. Tuy nhiên, việc thực hiện vai trò của Phật giáo với thực hiện ASXH chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, có thể kể đến như:

2.4.1. Yếu tố chủ quan

Một là, giáo lý và tư tưởng Phật giáo. Giáo lý và tư tưởng Phật giáo là yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc và mang tính nền tảng đối với vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. Trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Phật giáo, các giáo lý như Từ bi, Nhân quả, Duyên khởi và Vô ngã chính là cơ sở định hướng cho hành động nhập thế và phục vụ xã hội của người Phật tử.

Trước hết, giáo lý Từ bi khơi dậy lòng thương yêu, chia sẻ và cảm thông với nỗi khổ của chúng sinh. Từ bi không chỉ là thái độ đạo đức mà còn là động lực thực tiễn thúc đẩy tăng ni, Phật tử tham gia các hoạt động nhân đạo, cứu trợ, chăm sóc người bệnh, người nghèo và các nhóm yếu thế. Chính tinh thần “cứu khổ ban vui” đã làm cho Phật giáo trở thành một lực lượng xã hội quan trọng trong việc lan tỏa lòng nhân ái và giảm thiểu bất công.

Giáo lý Nhân quả - Nghiệp báo giúp con người nhận thức rõ mối quan hệ giữa hành động và hậu quả, từ đó định hướng mỗi cá nhân sống thiện lành, tích cực đóng góp cho cộng đồng. Trong lĩnh vực ASXH, nhân quả trở thành cơ sở nhận thức đạo đức, khuyến khích hành động giúp đỡ người khác như một hình thức gieo trồng thiện nghiệp, tạo phúc cho đời.

Đồng thời, tư tưởng Duyên khởi nhấn mạnh tính liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, rằng không ai tồn tại độc lập mà đều phụ thuộc lẫn nhau. Nhận thức này làm nền tảng cho quan niệm “an vui của mỗi người gắn liền với an vui của cộng đồng”, do đó việc chăm lo an sinh cho người khác cũng chính là bảo vệ hạnh phúc của chính mình và toàn xã hội.

Cuối cùng, giáo lý Vô ngã giúp người Phật tử diệt trừ tâm vị kỷ, nuôi dưỡng tinh thần vị tha, xem việc giúp đỡ người khác là biểu hiện của sự tu tập và giác ngộ. Thực hành vô ngã dẫn đến hành động vị tha và phục vụ cộng đồng mà không mưu cầu lợi ích cá nhân, phù hợp với mục tiêu phát triển xã hội hài hòa, nhân ái.

Tuy nhiên, mức độ hiểu và vận dụng các giá trị giáo lý này còn khác nhau giữa các hệ phái và địa phương. Ở một số nơi, hoạt động an sinh được thực hiện mạnh mẽ, gắn kết chặt chẽ giữa đạo và đời; trong khi ở nơi khác, việc vận dụng giáo lý mới dừng ở mức độ tự phát hoặc mang tính nghi lễ. Sự

khác biệt này chịu ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ nhận thức Phật giáo và năng lực tổ chức của Giáo hội cơ sở. Do đó, việc nâng cao hiểu biết, thống nhất cách tiếp cận và phát huy giá trị cốt lõi của giáo lý Phật giáo là yêu cầu cấp thiết để tăng cường hiệu quả tham gia ASXH của Phật giáo trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, Thường trực Hội đồng trị sự. Thường trực Hội đồng trị sự là bộ phận điều hành thường xuyên, trực tiếp của Hội đồng Trị sự GHPGVN, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo các hoạt động Phật sự trong toàn quốc giữa hai kỳ họp của Hội đồng Trị sự.

Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN giữ vai trò then chốt trong việc thúc đẩy và tổ chức thực hiện các hoạt động ASXH của Phật giáo thể hiện các nội dung như: Hội đồng trị sự định hướng chiến lược và tổ chức hoạt động ASXH trên toàn quốc. Thường trực Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành cao nhất và thường xuyên nhất của Giáo hội, vì vậy có khả năng đưa ra định hướng, kế hoạch cụ thể cho các hoạt động từ thiện, cứu trợ, giáo dục, y tế mang tính hệ thống. Các chương trình lớn như “Tuổi trẻ hướng Phật - sống xanh”, “Xuân yêu thương”, “Cứu trợ thiên tai miền Trung”, “Tặng nhà tình thương”...đều có sự chỉ đạo, điều phối từ Thường trực Hội đồng Trị sự.

Thường trực là đầu mối làm việc với Nhà nước, MTTQ, các tổ chức quốc tế để phối hợp triển khai các hoạt động an sinh như chăm sóc người nghèo, bảo vệ trẻ em, người già neo đơn...Đồng thời, họ đại diện cho tiếng nói của Phật giáo trong các diễn đàn xã hội, từ đó tạo niềm tin với cộng đồng và huy động nguồn lực rộng rãi.

Hướng dẫn và động viên Tăng Ni, Phật tử tham gia ASXH. Thường trực Hội đồng Trị sự có vai trò chỉ đạo các Ban Trị sự tại tỉnh, thành phố, giúp thống nhất hoạt động xã hội ở cả trung ương và địa phương. Thông qua các văn bản hướng dẫn, thuyết giảng, các hoạt động giao lưu, họ khơi dậy tinh thần từ bi, phụng sự chúng sinh trong Tăng Ni và Phật tử.

Ngoài ra, với vai trò điều hành cao, Thường trực có thể giám sát, kiểm tra và điều chỉnh các chương trình ASXH sao cho đúng mục tiêu và không bị lợi dụng. Điều này giúp tăng cường uy tín của Phật giáo trong mắt cộng đồng

và xã hội, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều tổ chức thiện nguyện thiếu minh bạch. Như vậy, có thể thấy Thường trực Hội đồng Trị sự chính là trung tâm điều phối, dẫn dắt và truyền cảm hứng cho toàn GHPGVN trong việc thực hiện các hoạt động ASXH. Họ không chỉ giữ vai trò quản lý hành chính, mà còn là người hiện thực hóa tinh thần từ bi của đạo Phật vào đời sống một cách thiết thực và hiệu quả.

Ba là, các Phật tử tự tâm, tự nguyện. Các Phật tử tự tâm, tự nguyện. Hoạt động tự tâm, tự nguyện của các tín đồ ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. Đa số tín đồ Phật tử thấm nhuần tư tưởng từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo; thấm nhuần tư tưởng “Cứu một người phúc bằng hà sa” hoặc “Dù xây chín bậc phù đờ/Không bằng làm phúc cứu cho một người”. Trên tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật và truyền thống tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam, tự bản thân mỗi tăng, ni đều giác ngộ được việc làm từ thiện là trách nhiệm, bổn phận của mình, do đó, bằng những hành động cụ thể của mình đã lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân làm theo dễ dàng hơn. Ngoài ra, các vị tăng, ni, Phật tử bằng thân giáo, khẩu giáo, tạo được niềm tin sâu sắc cho mọi đối tượng và các “mạnh thường quân” ủng hộ.

Các Phật tử - với tư cách là những người thực hành và lan tỏa giáo lý Phật giáo - đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa giáo lý thành hành động cụ thể, đặc biệt là trong lĩnh vực an sinh xã hội. Dưới đây là một số cách mà Phật tử ảnh hưởng đến hoạt động của tôn giáo về ASXH: Các Phật tử chủ động tham gia và tổ chức các hoạt động từ thiện. Nhiều Phật tử cá nhân hoặc nhóm hội, như: Tham gia phát cơm từ thiện, phát quà cho người vô gia cư, người nghèo; Hỗ trợ bệnh nhân nghèo, xây nhà tình thương, cầu nối yêu thương, như: Tổ chức khám bệnh, phát thuốc miễn phí. Hiện nay, nhiều Phật tử là mạnh thường quân cho các chùa, tu viện, hoặc dự án xã hội của nhà chùa (trường học, bệnh viện từ thiện, trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi...). Phật tử sống mẫu mực, tuân thủ giới luật, thường lan tỏa tinh thần sống thiện lành, yêu thương và trách nhiệm xã hội. Họ còn tổ chức lớp học đạo đức, thiền tập, kỹ năng sống miễn phí cho giới trẻ. Ngoài ra, Phật tử không chỉ hoạt động trong phạm vi tôn giáo mà còn phối hợp với chính quyền, tổ chức xã hội, Hội

chữ thập đở, v.v. Đây là một trong những lợi thế của GHPGVN trong hoạt động ASXH hiện nay.

Bốn là, sự hoạt động tích cực của các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo. Phật giáo có ảnh hưởng to lớn trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân ta không chỉ bởi tính nhân văn, nhân đạo nằm trong giáo lý mà các giáo lý đó đã được hiện thực hóa ở cuộc sống thường nhật của mỗi con người. Trong những năm qua, các hoạt động bảo trợ xã hội của Phật giáo đã có đóng góp to lớn vào việc giải quyết những vấn đề xã hội của đất nước, góp phần củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó hình thành nên sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tương thân, tương ái, chung tay vì sự phát triển toàn diện của mỗi người và mọi người.

Sự hoạt động tích cực của các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động ASXH ở nhiều khía cạnh, có thể kể đến một số yếu tố chính sau cho thấy mối liên hệ và tác động tích cực đó, như:

Hỗ trợ trực tiếp cho người yếu thế: Các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo như chùa, tu viện, trung tâm từ thiện... thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho những đối tượng khó khăn trong xã hội như: Người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, người vô gia cư, bệnh nhân nghèo. Các hoạt động này sẽ giảm áp lực cho hệ thống phúc lợi xã hội của nhà nước, đồng thời lan tỏa tinh thần nhân ái trong cộng đồng.

Giáo dục đạo đức và tinh thần: Các cơ sở Phật giáo không chỉ cung cấp sự trợ giúp vật chất, mà còn chú trọng đến việc nuôi dưỡng tinh thần, an ủi tâm linh, khơi gợi giá trị đạo đức và lối sống tích cực cho người gặp khó khăn. Đây là một trong yếu tố làm tăng cường sự ổn định xã hội, giảm thiểu tệ nạn nhờ hướng con người đến cái thiện, sống có trách nhiệm hơn.

Tổ chức các chương trình từ thiện quy mô lớn: Nhiều cơ sở Phật giáo còn chủ động huy động nguồn lực từ cộng đồng để: Cứu trợ thiên tai, tặng quà Tết cho người nghèo, mở lớp học tình thương, tổ chức khám bệnh phát thuốc miễn phí. Các hoạt động này làm bài bản, khoa học, công khai thì sẽ huy động được sức mạnh xã hội dân sự, lan tỏa tinh thần tương thân tương ái.

2.4.2. Yếu tố khách quan

Một là, quan điểm, chính sách của Đảng, nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đến vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH.

Đảng và Nhà nước xác định tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, và sẽ tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật. Các chính sách đoàn kết tôn giáo giúp việc khuyến khích các tổ chức tôn giáo tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với hệ thống pháp luật rõ ràng, như Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 tạo khung pháp lý cho các tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp, bình đẳng và minh bạch.

Chính sách cởi mở, tôn trọng và tạo điều kiện cho tôn giáo hoạt động của Đảng và Nhà nước đã giúp Phật giáo ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng trong lĩnh vực ASXH, đó là:

1) Phát huy truyền thống từ bi, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo. Với tinh thần “từ bi - cứu khổ” của Phật giáo vốn là nền tảng đạo lý lâu đời trong văn hóa Việt Nam. Nhờ môi trường pháp lý thuận lợi, các giá trị đạo đức Phật giáo được cụ thể hóa thành hành động thiết thực, góp phần giúp đỡ người nghèo, người yếu thế, người gặp hoạn nạn.

2) Tăng cường đóng góp vào hệ thống ASXH quốc gia: Phật giáo trở thành lực lượng hỗ trợ hiệu quả cho Nhà nước trong công cuộc thực hiện chính sách ASXH. Phật giáo tích cực tham gia vào các hoạt động bảo trợ xã hội: nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ mồ côi, người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, nhiều ngôi chùa đã trở thành nơi nương tựa an toàn cho những người không có khả năng tự chăm sóc bản thân. Phật giáo góp phần vào các chương trình xóa đói giảm nghèo và cứu trợ khẩn cấp. Việc Phật giáo tổ chức các chương trình phát quà, lương thực, học bổng, xây nhà tình thương... thường xuyên tại các vùng sâu, vùng xa. Ví như trong đợt dịch COVID-19, hàng trăm tấn gạo, thực phẩm, thiết bị y tế và hàng chục tỷ đồng đã được các chùa quyên góp và phân phát đến người dân khó khăn và bệnh viện.

Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo rõ ràng, đã giúp cho việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức nhà nước và đoàn thể: Các Ban Từ thiện - Xã hội Phật giáo tại Trung ương và địa phương thường xuyên phối hợp với UBMTTQ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, các đoàn thể chính trị - xã hội... trong việc thực hiện các chương trình an sinh. Điều này tăng hiệu quả lan tỏa và kết nối nguồn lực xã hội, giúp các chính sách của Nhà nước đi vào đời sống nhân dân một cách linh hoạt, kịp thời.

Ngoài ra, với hàng triệu Phật tử trên cả nước, cùng hàng vạn tăng ni, Phật giáo trở thành nguồn lực xã hội quan trọng, góp phần lan tỏa tinh thần trách nhiệm cộng đồng và lòng từ bi. Phật giáo không chỉ đồng hành mà còn trở thành đối tác tin cậy của Nhà nước trong lĩnh vực an sinh xã hội, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đặc biệt ở các địa phương còn nhiều khó khăn. Với chính sách khuyến khích tôn giáo tham gia hoạt động xã hội, Phật giáo có điều kiện hợp tác trực tiếp với các cơ quan chức năng như MTTQ, Hội Chữ thập đỏ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội...

3) Giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho cộng đồng: Thông qua các bài giảng, khóa tu, kinh sách... Phật giáo truyền tải những giá trị cốt lõi như: hiếu thảo, trung thực, nhẫn nhịn, vị tha, không sát sinh, không tham lam, không lừa dối... các giá trị này giúp giảm thiểu tệ nạn, bạo lực, suy đồi đạo đức, đặc biệt có ảnh hưởng tích cực đến giới trẻ. Phật giáo gắn bó sâu sắc với văn hóa dân tộc Việt Nam, từ ngôn ngữ, lễ hội đến nếp sống. Các lễ hội Phật giáo như Phật Đản, Vu Lan, Rằm tháng Giêng... trở thành dịp để cộng đồng gắn kết, thể hiện lòng biết ơn, hiếu nghĩa - những giá trị đạo đức đặc trưng của người Việt. Phật giáo khuyến khích con người sống hòa ái, giúp đỡ nhau, tránh sự thù hận và chia rẽ. Trong các hoạt động cứu trợ, giúp đỡ người gặp khó khăn, hình ảnh tăng, ni và Phật tử luôn là biểu tượng của lòng từ bi, đoàn kết dân tộc. Như vậy, GHPGVN là thành viên của MTTQVN, tích cực vận động tăng ni, Phật tử tham gia các phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ chủ quyền, xây dựng nông thôn mới...

4) Chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng và chủ trương phát huy vai trò của tôn giáo trong sự nghiệp phát triển đất nước đã tạo điều kiện để mối quan hệ giữa *Nhà nước và Phật giáo ngày càng gắn bó, hợp tác sâu rộng*, đặc biệt trong lĩnh vực an sinh xã hội. Nhà nước và GHPGVN có sự đối thoại thường xuyên, công khai, trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, để cùng tìm giải pháp cho các vấn đề xã hội như nghèo đói, thiên tai, giáo dục, y tế... Các tổ chức như: Các cơ quan như Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ là cầu nối quan trọng để tạo nên sự phối hợp hiệu quả giữa chính quyền và Giáo hội (Các hội nghị “Gặp mặt chức sắc tôn giáo đầu Xuân”, “Đối thoại chính sách với các tổ chức tôn giáo” được tổ chức định kỳ, tạo không gian trao đổi thẳng thắn, cởi mở. Phật giáo tích cực phối hợp với các sở, ban ngành tổ chức các chương trình: khám bệnh miễn phí, cứu trợ thiên tai, phát cơm từ thiện, xây nhà tình nghĩa... Các hợp tác này giúp tăng hiệu quả triển khai chính sách, bảo đảm đúng đối tượng, kịp thời, giảm chông chéo và phát huy sức mạnh tổng hợp.

Pháp luật hiện hành cho phép các tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở từ thiện, y tế, giáo dục... điều này mở ra cơ hội cho Phật giáo tham gia vào các lĩnh vực vốn do Nhà nước đảm nhiệm. Sự hợp tác hiệu quả giữa Nhà nước và Phật giáo tăng cường niềm tin của nhân dân vào chính quyền, khẳng định tôn giáo là một phần không thể thiếu trong sự phát triển đất nước. Như vậy, mối quan hệ hợp tác giữa Nhà nước và Phật giáo không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác ASXH mà còn là hình mẫu cho cách ứng xử văn minh giữa chính quyền và tôn giáo - cùng hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội tiến bộ, đoàn kết và nhân văn.

Hai là, chính quyền, đoàn thể địa phương. Chính quyền địa phương có thể giúp tuyên truyền, phổ biến thông tin về hoạt động Phật giáo, từ đó nâng cao uy tín, hình ảnh tích cực của tôn giáo trong cộng đồng. Do vậy, giá trị đạo đức, từ bi, sẻ chia của đạo Phật được lan tỏa mạnh mẽ hơn đến nhiều tầng lớp nhân dân.

Ngoài ra, chính quyền địa phương tác động gián tiếp vào các hoạt động ASXH: kiểm soát, định hướng nội dung hoạt động. Chính quyền địa phương có thể đưa ra quy định hoặc định hướng về các hoạt động tôn giáo gắn với an

sinh, như: Không tổ chức hoạt động đông người trong dịch bệnh; Không nhận tiền mặt công khai nếu không đăng ký; Khuyến khích kết hợp Phật giáo - bảo vệ môi trường. Điều này giúp duy trì sự ổn định, tránh lợi dụng tôn giáo vì mục đích cá nhân hoặc mê tín, nhưng cũng có thể gây áp lực nếu quy định quá cứng nhắc. Như vậy, có thể thấy Chính quyền và đoàn thể địa phương vừa là “người đồng hành”, vừa là “người giám sát” đối với các hoạt động ASXH của Phật giáo. Sự phối hợp tốt giữa hai bên sẽ nâng cao hiệu quả, độ lan tỏa và tính bền vững của các chương trình vì cộng đồng.

Mô hình “Nhà chùa - Chính quyền - Mặt trận tổ quốc phối hợp chăm lo hộ nghèo dịp Tết” nhằm hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, người già neo đơn, trẻ em khó khăn có điều kiện đón Tết đầy đủ, ấm áp, đúng tinh thần từ bi và sẻ chia. Các hoạt động như: Phát quà Tết: Gạo, bánh chưng, nhu yếu phẩm, tiền mặt; Tặng áo ấm, học bổng cho học sinh khó khăn; Nấu bữa cơm tất niên chay cho người già neo đơn; Khám bệnh, phát thuốc miễn phí; Tổ chức văn nghệ, giao lưu, phát kinh sách, lan tỏa tinh thần yêu thương.

Hoạt động ASXH đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng xã hội sinh tồn bền vững. Đây là một lĩnh vực rộng lớn, trong đó có sự tham gia của nhà nước, cá nhân, các tổ chức xã hội khác nhau. Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn cho công tác ASXH, góp phần thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển xã hội hài hòa, bền vững. Với nhiều hoạt động như hiến máu nhân đạo, khám bệnh miễn phí, phát quà cho hộ nghèo, cứu trợ thiên tai, xây trường học vùng sâu... thường được thực hiện nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà chùa, tăng ni và các đoàn thể địa phương như: Hội Chữ Thập Đỏ; Đoàn Thanh niên; Hội Phụ nữ; Hội Người cao tuổi. Trong quá trình tổ chức Chính quyền địa phương cần đảm bảo tính minh bạch, đúng đối tượng, đồng thời phát huy được nguồn lực tổng hợp của cả xã hội.

Ba là, sự phát triển của khoa học công nghệ. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã và đang tạo ra nhiều thay đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có vai trò và hoạt động của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH. Với sự phát triển của KHCN, tác động tích cực đến việc mở rộng ảnh hưởng và hiệu quả hoạt động, như việc ứng dụng công nghệ truyền thông: Nhờ mạng xã hội,

livestream, website, Phật giáo có thể truyền tải thông điệp từ bi, trí tuệ đến đông đảo quần chúng hơn, vượt qua giới hạn không gian và thời gian; việc gây quỹ trực tuyến giúp các chùa, tổ chức Phật giáo quyên góp minh bạch, rộng rãi, hỗ trợ người nghèo, thiên tai, y tế nhanh chóng và nhiều cơ sở Phật giáo dạy thiền online, mở lớp học giáo lý từ xa, giúp phổ biến kiến thức đạo đức, tâm linh hỗ trợ con người vượt qua khó khăn tinh thần. Đồng thời, đây cũng là một kênh giám sát các hoạt động từ thiện của tín đồ đạo Phật, mọi hoạt động từ thiện, nhân đạo đều được đăng tải thường xuyên, liên tục lên các trang mạng xã hội.

Bên cạnh đó, việc phát triển của KHCN cũng là một thách thức đối với hoạt động này, như: lối sống hiện đại làm phai nhạt giá trị tâm linh. Con người ngày nay dễ bị cuốn vào nhịp sống số, công nghệ, khiến nhu cầu tìm đến Phật giáo để an trú tinh thần giảm đi. Trí tuệ nhân tạo thay thế một số vai trò tư vấn, hướng dẫn như: những chatbot tâm lý, AI trị liệu tâm lý có thể khiến vai trò an ủi, khai mở tâm linh của tăng sĩ bị giảm nhẹ và mạng xã hội cũng là nơi nhiều thông tin sai lệch về Phật giáo lan nhanh, nếu không kiểm soát tốt sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh của đạo.

Trong thời đại công nghệ số, PGVN cũng phải đổi mới với yêu cầu đổi mới nội dung và phương thức hoằng pháp. Các hình thức thuyết pháp truyền thống (giảng đường, pháp thoại trực tiếp...) đang dần bị giới hạn bởi thời gian, không gian và thói quen tiếp nhận thông tin của xã hội hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, nền tảng số hóa vào hoạt động hoằng pháp, giáo dục Phật pháp và truyền thông tôn giáo đang trở thành yêu cầu cấp thiết để tiếp cận thế hệ trẻ, đồng thời bảo vệ vị thế của Phật giáo trong không gian văn hóa - truyền thông mới.

Bốn là, sự phát triển của nền kinh tế. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo ra một nền kinh tế năng động, hiệu quả hơn, nhân dân có đời sống tinh thần và vật chất đầy đủ hơn. Hoạt động ASXH của GHPGVN cũng không nằm ngoài tác động trên. Nhiều hoạt động từ thiện, nhân đạo của tăng, ni, Phật tử tiến hành chỉ nhằm mục đích thu vén kinh phí mà chưa chú tâm đến chất lượng dịch vụ, nhiều trường hợp lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo để làm lợi cho bản thân, thậm chí sử dụng các hoạt động từ thiện, nhân đạo như một kênh quảng cáo để quảng bá hình ảnh cá nhân, tổ chức chứ không

phải thực lòng làm từ thiện. Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang có những tác động làm biến dạng các hoạt động từ thiện, nhân đạo, bảo trợ xã hội của các tôn giáo nói chung và GHPGVN nói riêng [45, tr 73].

Trong điều kiện kinh tế thị trường và xu hướng thương mại hóa tôn giáo, một số Phật tử và cơ sở tôn giáo có biểu hiện lệch chuẩn trong động cơ hành đạo, chuyển từ tinh thần “phụng sự chúng sinh” sang tư lợi cá nhân hoặc mưu cầu danh tiếng. Khi các hoạt động từ thiện - an sinh gắn liền với dòng tiền, quà tặng và tài trợ lớn, thì lợi ích kinh tế trở thành yếu tố dễ làm phai mờ giá trị đạo đức Phật giáo, khiến một số cá nhân thực hiện công tác từ thiện không còn xuất phát từ lòng từ bi chân chính, mà vì lợi ích vật chất hoặc vị thế xã hội.

Thứ hai, chênh lệch giàu nghèo và áp lực mưu sinh trong xã hội hiện đại cũng ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của một bộ phận Phật tử. Một số người tham gia công tác ASXH nhưng thiếu hiểu biết sâu sắc về giáo lý nhân quả và vô ngã, dẫn đến việc coi hoạt động thiện nguyện như một “kênh phước báu có tính trao đổi” - làm thiện để cầu danh, cầu lợi, hoặc để “mua” công đức. Hiện tượng này làm biến dạng ý nghĩa đạo đức và tinh thần vô tư, vị tha của hạnh bố thí trong Phật giáo.

Bên cạnh đó, cùng với sự tăng trưởng nhịp nhàng của nền kinh tế đất nước, người dân ngày càng có cuộc sống no đủ, thậm chí dư giả, từ đó có điều kiện hơn về vật chất, thời gian, công sức để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn hơn mình. Tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách” là truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa cha ông ta để lại; song cũng phải thừa nhận rằng, trong những giai đoạn lịch sử trước đó, nhân dân ta còn sống trong cảnh lầm than, đô hộ, chiến tranh liên miên, đa phần còn nghèo đói, họ chưa lo được cho bảo thân thì việc chia ngọt, sẻ bùi, làm từ thiện bị hạn hữu... Từ khi đổi mới đất nước (năm 1986) đến nay, nhờ định hướng tư duy kinh tế đúng đắn, Việt Nam gặt hái được những thành tựu, thu nhập đầu người tăng cao, đời sống vật chất và đời sống tinh thần được quan tâm đúng mực; theo đó, công tác đảm bảo ASXH của Nhà nước nói chung và của Phật giáo nói riêng cũng đạt được những bước tiến đáng kể.

Năm là, hội nhập quốc tế. Xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa về văn hóa tạo điều kiện thuận lợi cho GHPGVN học tập kinh nghiệm về hoạt động ASXH của các tôn giáo trên thế giới. Quá trình toàn cầu hóa tạo ra những ảnh hưởng tích

cực đối với nền kinh tế các quốc gia trên thế giới có thể phát triển và xích lại gần nhau; đồng thời, thông qua đó giúp đỡ người dân cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần và vật chất [45, tr 66]. Xu thế toàn cầu hóa và quốc tế hóa đang tạo ra nhiều chuyển biến lớn trong các hoạt động xã hội, trong đó có vai trò của Phật giáo đối với ASXH. Những ảnh hưởng này có cả mặt tích cực và thách thức, thể hiện: Mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Phật giáo ra toàn cầu: Phật giáo không còn giới hạn trong khu vực Á Đông mà đã lan rộng sang phương Tây, Châu Âu, Châu Mỹ... nhờ giao lưu văn hóa, du học, du lịch tâm linh, truyền thông số. Từ đó, giá trị từ bi, vị tha, tôn trọng sự sống của Phật giáo được cộng đồng quốc tế quan tâm và đưa vào trong các chương trình an sinh xã hội: chăm sóc sức khỏe tinh thần, hỗ trợ người vô gia cư, người nhập cư, người bị tổn thương xã hội... Bên cạnh đó, nhiều tăng sĩ, tổ chức Phật giáo Việt Nam quốc tế tham gia các hoạt động cứu trợ xuyên quốc gia, như: giúp nạn nhân chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, tạo ra mối liên kết an sinh rộng lớn.

Quá trình quốc tế hóa, hợp tác đa văn hóa - đa tôn giáo thúc đẩy vai trò Phật giáo. Phật giáo tham gia đối thoại liên tôn, cùng các tôn giáo khác thúc đẩy các giá trị đạo đức chung như hòa bình, công bằng, chăm sóc người yếu thế. Nhiều tổ chức quốc tế (UN, WHO, UNESCO) cũng mời đại diện Phật giáo tham gia thảo luận các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, giáo dục đạo đức, giảm nghèo, sức khỏe tinh thần - từ đó mở rộng vai trò của Phật giáo trong ASXH.

Xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa cũng là một trong những thách thức trong việc du nhập mạnh của các giá trị vật chất, tiêu dùng, cá nhân chủ nghĩa có thể làm mai một vai trò của Phật giáo trong giáo dục đạo đức cộng đồng. Việc nhiều thông tin trên mạng truyền thông khiến giáo lý Phật giáo dễ bị hiểu sai, hoặc bị thương mại hóa (ví dụ: du lịch tâm linh quá mức, “buôn thần bán thánh”). Ngoài ra, đây cũng là cơ hội đổi mới hoạt động ASXH theo hướng toàn cầu: Việc kết nối mạng lưới Phật giáo toàn cầu để chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau về nhân lực, tài chính, kiến thức trong các chương trình an sinh được thực hiện hiệu quả và tạo ra các sáng kiến ASXH “xanh”, bền vững, gắn với triết lý Phật giáo về bảo vệ môi trường, sống giản dị, hài hòa.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Phật giáo Việt Nam có điều kiện nâng cao vị thế trên trường quốc tế, thông qua các sự kiện lớn như Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc, giao lưu học thuật, hợp tác giáo dục và từ thiện xuyên biên giới. Điều này góp phần khẳng định vai trò mềm của Phật giáo Việt Nam trong đối thoại tôn giáo, gìn giữ hòa bình và phát triển bền vững trong khu vực và thế giới [21, tr 30].

Sáu là, cơ sở vật chất, kinh phí. Có thể nói, cơ sở vật chất là nền tảng để tổ chức các hoạt động an sinh. Nếu đầy đủ cơ sở vật chất thì chùa, tu viện có không gian để mở bếp ăn từ thiện, phòng phát thuốc, lớp học tình thương, nhà tình thương... Cũng có thể tiếp nhận người cơ nhỡ, người bệnh, trẻ em mồ côi vào sinh hoạt và chăm sóc lâu dài, làm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người yếu thế. Ngược lại, nếu cơ sở vật chất thiếu thốn thì chùa nhỏ, thiếu diện tích, cơ sở vật chất yếu kém sẽ giới hạn quy mô hoạt động, chỉ có thể giúp đỡ vài trường hợp ngắn hạn, các hoạt động từ thiện, ASXH chỉ mang tính tạm thời hoặc mang tính biểu trưng.

Kinh phí quyết định quy mô và tần suất hoạt động của tôn giáo về ASXH. Nếu kinh phí ổn định, minh bạch thì các tổ chức được các hoạt động thường xuyên, quy mô lớn hơn, chuyên nghiệp hơn và có thể hợp tác với tổ chức chính quyền hoặc quốc tế để mở rộng tác động. Ngược lại, nếu thiếu hụt kinh phí thì chỉ tổ chức được các hoạt động mùa vụ (Tết, Vu lan, Phật đản), thiếu tính liên tục, các hoạt động phụ thuộc vào đóng góp ngắn hạn, khó lập kế hoạch lâu dài, không hiệu quả. Nếu có cơ sở Khang trang, kinh phí minh bạch và sử dụng hiệu quả, sẽ tạo uy tín và lòng tin với cộng đồng, thu hút thêm nhiều Phật tử, tình nguyện viên và nhà tài trợ. Tuy nhiên, việc đầu tư quá mức vào hình thức mà bỏ quên an sinh thực chất có thể bị phản cảm, gây tranh luận xã hội, chỉ tập trung vào việc “từ thiện vật chất”, mà thiếu hỗ trợ tâm lý - giáo dục - kỹ năng, sẽ thiếu tính phát triển bền vững.

Như vậy, có thể khẳng định rằng vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH không chỉ xuất phát từ nền tảng tư tưởng - tôn giáo, mà còn chịu sự quy định, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo lý của Phật giáo; sự hoạt động tích cực của các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo; Thường trực Hội

đồng trị sự; sự tự tâm, tự nguyện của các Phật tử; cơ sở vật chất, thiết bị; sự phát triển của khoa học công nghệ; sự phát triển kinh tế; tác động của chính quyền, đoàn thể địa phương và hội nhập quốc tế.... Sự kết hợp hài hòa của các yếu tố này sẽ quyết định mức độ, phạm vi và tính bền vững trong đóng góp của Phật giáo đối với sự nghiệp ASXH ở Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết Chương 2

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và trong suốt tiến trình lịch sử đã trở thành một bộ phận quan trọng của đời sống văn hóa - tinh thần dân tộc. Trải qua các giai đoạn phát triển của đất nước, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội, góp phần hình thành bản sắc và cốt cách văn hóa Việt Nam, đồng thời đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, cùng với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, Phật giáo tiếp tục phát huy vai trò xã hội thông qua các hoạt động phật sự và hoạt động xã hội hướng tới con người, vì con người; trong đó, các hoạt động ASXH nổi lên như một điểm sáng, thể hiện rõ tinh thần “nhập thế giúp đời” của Phật giáo Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Chương 2 đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam. Cụ thể, chương 2 đã hệ thống hóa khái niệm Phật giáo và những đặc điểm cơ bản của Phật giáo; phân tích các đặc điểm của Phật giáo trong việc tham gia thực hiện ASXH; đồng thời làm rõ cơ sở lý luận của vai trò này, bao gồm: tinh thần cứu khổ cứu nạn; tính hướng thiện; quan điểm Phật giáo là đạo nhập thế, hành thiện; sự đề cao các giá trị nhân văn, giá trị con người và trách nhiệm xã hội. Trên nền tảng đó, chương này đã xác định và phân tích các nội dung hoạt động chủ yếu của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam, như: xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; chăm sóc trẻ mồ côi; hỗ trợ người cao tuổi không nơi nương tựa; giáo dục tình thương; chăm sóc y tế và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS.

Ngoài ra, Chương 2 cũng đã phân tích các yếu tố tác động đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, bao gồm: quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo; giáo lý

Phật giáo; vai trò của các cơ sở bảo trợ xã hội Phật giáo; hoạt động của Thường trực Hội đồng Trị sự; sự tham gia tự giác, tự nguyện của tăng ni, Phật tử; điều kiện cơ sở vật chất và nguồn kinh phí; sự phát triển của khoa học – công nghệ và nền kinh tế; vai trò của chính quyền, đoàn thể địa phương; cũng như tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

Những nội dung lý luận được trình bày trong Chương 2 đã hình thành hệ thống căn cứ khoa học quan trọng, làm nền tảng để Chương 3 tiếp tục đi sâu phân tích thực tiễn vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay, từ đó phục vụ cho việc đánh giá và đề xuất giải pháp ở các chương tiếp theo của luận án.

Chương 3

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Khái quát về Phật giáo Việt Nam và hệ thống tổ chức của Phật giáo Việt Nam hiện nay

3.1.1. Tổ chức của Phật giáo

Tổ chức của Phật giáo Việt Nam được thiết lập theo một hệ thống phân cấp thống nhất, mang tính tập trung, có tổ chức rõ ràng từ Trung ương đến địa phương. Kể từ khi GHPGVN được thành lập năm 1981 - trên cơ sở thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước - tổ chức Phật giáo Việt Nam đã hoạt động trong khuôn khổ pháp lý do Nhà nước quy định, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc Phật pháp truyền thống [52, tr 90].

GHPGVN tổ chức theo mô hình hành chính tương đối hoàn chỉnh, bao gồm bốn cấp: Trung ương, tỉnh/thành phố, quận/huyện/thị xã, và cơ sở tự viện. Ở cấp Trung ương, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành cao nhất, chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Giáo hội trên phạm vi cả nước. Các Ban, Viện Trung ương như Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng Ni, Ban Hoằng pháp, Ban Văn hóa, Viện Nghiên cứu Phật học,... đảm nhiệm từng mảng chức năng chuyên biệt. Ở cấp tỉnh/thành và cấp huyện/quận, Ban Trị sự GHPGVN các cấp đảm nhiệm tổ chức triển khai Phật sự và điều phối hoạt động tôn giáo tại địa phương.

Tổ chức của Phật giáo còn mang tính linh hoạt khi vẫn duy trì sự đa dạng về hệ phái như Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ, song vẫn thống nhất dưới mái nhà chung của GHPGVN. Sự thống nhất về tổ chức không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý tôn giáo, mà còn củng cố vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội, đặc biệt trong việc thực hiện các hoạt động hoằng pháp, giáo dục, từ thiện và an sinh xã hội [98, tr 43].

Hiện nay, Phật giáo Việt Nam được tổ chức thống nhất dưới sự lãnh đạo của Giáo hội PGVN - tổ chức đại diện duy nhất được thành lập năm 1981, hoạt động theo nguyên tắc “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Giáo hội có hệ

thống tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, gồm các ban ngành chuyên trách về hoằng pháp, giáo dục, văn hóa, nghi lễ, từ thiện xã hội... nhằm bảo đảm tính chuyên môn hóa và hiệu quả trong hoạt động Phật sự. Định hướng hành đạo của PGVN hiện nay mang đậm tinh thần *nhập thế, đồng hành cùng dân tộc*, tích cực thực hiện đường lối sống “tốt đời, đẹp đạo”, hòa hợp với chính sách tôn giáo của Nhà nước, tuân thủ pháp luật và phát huy giá trị nhân văn, trí tuệ, từ bi của đạo Phật trong xã hội hiện đại.

Có thể thấy, tổ chức của Phật giáo tại Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống tôn giáo và mô hình quản trị hiện đại, phản ánh vai trò chủ động, tích cực của PGVN trong tiến trình hội nhập và phát triển bền vững quốc gia.

3.1.2. Hoạt động của Phật giáo

Hoạt động của PGVN không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tôn giáo mà còn mở rộng sang nhiều phương diện của đời sống xã hội, góp phần tích cực vào quá trình xây dựng văn hóa, giáo dục đạo đức và thực hiện an sinh xã hội. Dưới sự điều hành thống nhất của GHPGVN, các hoạt động Phật sự được triển khai đồng bộ và toàn diện, phản ánh vai trò xã hội hóa ngày càng sâu rộng của Phật giáo trong thời kỳ đổi mới [63, tr 65].

Trước hết, hoạt động *hoằng pháp* giữ vai trò trung tâm, nhằm truyền bá giáo lý từ bi, trí tuệ của Đức Phật đến quần chúng. Hoạt động này được thực hiện thông qua giảng pháp, tổ chức các khóa tu, hội thảo chuyên đề, cũng như xuất bản các ấn phẩm Phật học. Tiếp đến, công tác *giáo dục Tăng Ni* được đặc biệt chú trọng, với hệ thống đào tạo chính quy từ trung cấp đến học viện PG tại ba miền Bắc - Trung - Nam. Nội dung đào tạo kết hợp giữa kiến thức Phật học và thế học, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ tu sĩ về đạo hạnh và tri thức.

Bên cạnh đó, hoạt động *từ thiện - xã hội* là một trong những điểm sáng trong thực tiễn của PG đương đại. GHPGVN và các tự viện trên toàn quốc đã tổ chức nhiều chương trình cứu trợ thiên tai, phát cơm chay miễn phí, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ bệnh nhân nghèo, và cấp học bổng cho học sinh

khó khăn. Những hoạt động này không chỉ góp phần giảm thiểu các vấn đề xã hội, mà còn lan tỏa tinh thần nhân ái và đoàn kết cộng đồng.

Ngoài ra, PG còn tích cực tham gia vào các hoạt động *bảo tồn văn hóa và môi trường*, thông qua trùng tu di tích, tổ chức lễ hội truyền thống, và kêu gọi thực hành lối sống xanh, bảo vệ sinh thái. Tất cả các hoạt động nêu trên cho thấy PG không chỉ đóng vai trò là một tôn giáo, mà còn là một lực lượng xã hội góp phần xây dựng nền tảng đạo đức, văn hóa và nhân văn của dân tộc trong bối cảnh hiện đại [72, tr 97].

3.1.3. Thách thức và triển vọng của Phật giáo Việt Nam trong xã hội hiện đại

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, PGVN đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển mới nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với không ít thách thức mang tính thời đại. Việc nhận diện đúng những thách thức và triển vọng là cơ sở quan trọng để hoạch định chiến lược phát triển đạo Phật phù hợp với nhu cầu tâm linh và xã hội hiện nay.

Những thách thức đặt ra: Một trong những thách thức đáng lưu ý là sự suy giảm niềm tin tôn giáo trong một bộ phận giới trẻ, đặc biệt tại các đô thị lớn, nơi mà đời sống vật chất, xu hướng tiêu dùng và chủ nghĩa cá nhân ngày càng lấn át các giá trị tâm linh truyền thống. Nhiều thanh thiếu niên không còn gắn bó với chùa chiền, kinh kệ hay các sinh hoạt tôn giáo như thế hệ trước, dẫn đến nguy cơ mai một truyền thống PG trong cộng đồng.

Ngoài ra, trong thời đại công nghệ số, PGVN cũng phải đối mặt với yêu cầu đổi mới nội dung và phương thức hoằng pháp. Các hình thức thuyết pháp truyền thống (giảng đường, pháp thoại trực tiếp...) đang dần bị giới hạn bởi thời gian, không gian và thói quen tiếp nhận thông tin của xã hội hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, nền tảng số hóa vào hoạt động hoằng pháp, giáo dục Phật pháp và truyền thông tôn giáo đang trở thành yêu cầu cấp thiết để tiếp cận thế hệ trẻ, đồng thời bảo vệ vị thế của PG trong không gian văn hóa - truyền thông mới.

Về triển vọng phát triển. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức, song PGVN vẫn có triển vọng phát triển lớn mạnh trong xã hội hiện đại, dựa trên

các nền tảng vững chắc về tư tưởng, tổ chức và sự đồng hành của Nhà nước. Trước hết, giáo lý từ bi, trí tuệ, vô ngã, nhân quả... của đạo Phật vẫn giữ nguyên giá trị trong việc giải quyết các vấn đề đạo đức, tâm lý và xã hội của con người hiện đại. Trong một xã hội đầy áp lực và bất định, PG có khả năng cung cấp phương pháp sống an lạc, tỉnh thức, giảm thiểu lo âu, trầm cảm - những căn bệnh tinh thần phổ biến của xã hội hiện đại.

Thêm vào đó, GHPGVN với cơ cấu tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, có khả năng huy động nguồn lực nội tại từ Tăng Ni, Phật tử, cùng với sự hỗ trợ chính sách của Nhà nước, là điều kiện quan trọng để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của PG. Trong đó, việc phát triển giáo dục Phật học, đào tạo thế hệ Tăng Ni trẻ có tri thức hiện đại, khả năng truyền thông và tiếp cận công nghệ là yếu tố then chốt để đổi mới hoạt động hoằng pháp.

Hơn nữa, trong tiến trình hội nhập quốc tế, PGVN có điều kiện nâng cao vị thế trên trường quốc tế, thông qua các sự kiện lớn như Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc, giao lưu học thuật, hợp tác giáo dục và từ thiện xuyên biên giới. Điều này góp phần khẳng định vai trò mềm của PGVN trong đối thoại tôn giáo, gìn giữ hòa bình và phát triển bền vững trong khu vực và thế giới [21, tr 30].

3.2. Thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội thời gian qua

3.2.1. Vai trò của Phật giáo trong xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm

3.2.1.1. Về xóa đói giảm nghèo

Thứ nhất, về nguồn lực

Trong tiến trình thực hiện an sinh xã hội tại Việt Nam, Phật giáo đã và đang phát huy hiệu quả các nguồn lực đặc thù của tôn giáo để tham gia vào các hoạt động nhân đạo và giảm nghèo. Trên thực tế, Phật giáo không chỉ giới hạn vai trò ở lĩnh vực tâm linh mà còn trở thành một chủ thể xã hội có khả năng đóng góp tích cực vào các vấn đề dân sinh, nhất là trong bối cảnh Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn trong việc bao phủ chính sách phúc lợi đến toàn dân.

Một là, Phật giáo có khả năng huy động hiệu quả các nguồn lực tài chính từ nhiều kênh khác nhau. Nguồn thu chủ yếu đến từ hoạt động công đức

của tín đồ, sự quyên góp tự nguyện từ cộng đồng và các nhà hảo tâm, trong đó có nhiều doanh nhân là Phật tử trong và ngoài nước. Các khoản đóng góp này thường được sử dụng vào việc hỗ trợ người nghèo, như phát quà từ thiện, xây dựng nhà tình thương, cấp học bổng, hỗ trợ y tế và sinh kế. Khác với các chương trình hỗ trợ mang tính hành chính - ngân sách của Nhà nước, nguồn lực tài chính của Phật giáo được huy động linh hoạt, nhanh chóng và mang đậm yếu tố đạo lý từ bi, bác ái. Điều này giúp Phật giáo có thể triển khai các chương trình cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp thường xuyên tại nhiều địa phương.

Trong tiến trình thực hiện an sinh xã hội, đặc biệt là công cuộc xóa đói giảm nghèo, Phật giáo Việt Nam đã huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực sẵn có cả về tài chính, cơ sở vật chất và nhân lực. Những nguồn lực này không chỉ mang tính đặc thù tôn giáo mà còn thể hiện vai trò ngày càng rõ nét của Phật giáo như một chủ thể xã hội đồng hành cùng Nhà nước trong công tác giảm nghèo. Ví dụ như, năm 2015, GHPGVN các cấp và tăng, ni, phật tử trong cả nước tiếp tục chung tay thực hiện các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn các khu dân cư... Qua đó, huy động sự đóng góp của toàn xã hội lên tới trên 1.164 tỉ đồng cho công tác này. Đến năm 2018, tổng số tiền từ thiện xã hội của GHPGVN là hơn 2.200 tỉ đồng, riêng Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp trên 700 tỉ đồng; các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng trên 80 tỉ đồng; Đồng Nai, Bến Tre, Long An trên 70 tỉ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu trên 60 tỉ đồng; Trà Vinh 50 tỉ đồng; Bình Thuận, Đắk Lắk trên 40 tỉ đồng; An Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Tây Ninh, Đà Nẵng, Cà Mau trên 30 tỉ đồng; các tỉnh còn lại từ 20 đến dưới 1 tỉ đồng. Các tăng, ni, phật tử động viên nhân dân đoàn kết giúp đỡ nhau. Ở nhiều nơi, bà con phật tử có các chương trình tương trợ lao động, hùn vốn, giúp đỡ nhau trong sản xuất [40, tr 50].

Hai là, hệ thống chùa chiền, tu viện và các cơ sở từ thiện gắn với tổ chức Phật giáo được phân bố rộng khắp trên cả nước. Đây là một thế mạnh giúp Phật giáo dễ dàng tiếp cận và hỗ trợ các nhóm yếu thế, đặc biệt là người dân tại vùng sâu, vùng xa, nơi mà chính sách an sinh của Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực tế. Các cơ sở này thường là nơi tổ chức

các hoạt động như phát gạo, phát quần áo, bếp ăn tình thương, lớp học tình thương, khám chữa bệnh miễn phí, hoặc thậm chí là dạy nghề cho người nghèo. Nhờ tính chất gần dân, linh hoạt và độ tin cậy cao trong cộng đồng, các cơ sở Phật giáo trở thành những “điểm tựa xã hội” tại chỗ trong công tác giảm nghèo.

Thứ hai, về nội dung hoạt động

Trong quá trình tham gia vào lĩnh vực an sinh xã hội, đặc biệt là xóa đói giảm nghèo, Phật giáo Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Các nội dung thực hiện này không chỉ xuất phát từ tinh thần từ bi, cứu khổ của đạo Phật mà còn ngày càng mang tính xã hội hóa, tổ chức hơn, góp phần giảm thiểu khoảng cách phúc lợi tại các địa phương còn nhiều khó khăn.

Một là, các cơ sở Phật giáo đã thường xuyên triển khai các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng yếu thế thông qua việc cung cấp lương thực, quần áo, học bổng, xây dựng nhà tình thương và hỗ trợ y tế. Đây là hình thức từ thiện phổ biến nhất, thường được thực hiện vào các dịp lễ Phật đản, Vu Lan, Tết Nguyên đán hoặc khi có thiên tai xảy ra. Hoạt động này nhằm giải quyết những khó khăn tức thời của người nghèo, người già neo đơn, trẻ mồ côi, người khuyết tật, đồng thời giúp ổn định đời sống trước mắt cho nhiều hộ gia đình thuộc diện chính sách hoặc thuộc vùng sâu, vùng xa [63, tr 68]. Nhiều chương trình còn tích hợp cả khám bệnh, phát thuốc miễn phí và tư vấn y tế, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn trong cộng đồng.

Hai là, tại một số cơ sở Phật giáo, đã xuất hiện mô hình dạy nghề đơn giản cho người nghèo nhằm giúp họ có thêm kỹ năng lao động và tạo thu nhập. Các nghề phổ biến được đào tạo bao gồm may mặc, làm đồ thủ công mỹ nghệ, nấu ăn chay, làm bánh hoặc các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cơ bản. Mặc dù phạm vi các chương trình này còn hạn chế và chủ yếu mang tính thủ công, nhưng đây là hướng tiếp cận đáng ghi nhận vì đã chuyển từ “cho cá” sang “dạy cách câu cá”. Một số chùa như chùa Kỳ Quang (TP. Hồ Chí Minh) hay chùa Bửu Trì (Cần Thơ) còn phối hợp với các tổ chức xã hội để cung cấp khóa học nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, nội dung

đào tạo vẫn còn mang tính ngắn hạn và chưa được liên kết với hệ thống giáo dục nghề nghiệp quốc gia.

Ba là, nhiều cơ sở Phật giáo tổ chức các chương trình từ thiện thường niên và hỗ trợ khẩn cấp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, như bão lũ, hạn hán, lũ quét hay đại dịch COVID-19. Các hoạt động này được triển khai nhanh chóng, huy động tài chính và nhân lực lớn trong thời gian ngắn, thể hiện tính kịp thời và tính ứng cứu cao của Phật giáo với xã hội. Trong đại dịch COVID-19, nhiều chùa đã tổ chức “siêu thị 0 đồng”, nấu cơm từ thiện cho người dân khu cách ly, hoặc tặng khẩu trang, nước sát khuẩn tại các điểm công cộng [73, tr 117]. Những hành động đó không chỉ mang giá trị cứu trợ mà còn khẳng định vai trò đồng hành của Phật giáo trong các vấn đề xã hội cấp bách.

Tóm lại, nội dung hoạt động của Phật giáo trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo vừa mang tính hỗ trợ nhân đạo tức thời, vừa bước đầu hướng tới phát triển năng lực tự chủ cho người dân nghèo thông qua các chương trình đào tạo nghề và hỗ trợ sinh kế. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả bền vững, các hoạt động này cần được kết nối với hệ thống chính sách công, mở rộng quy mô và chuyên nghiệp hóa trong tổ chức thực hiện.

Ban Từ thiện Xã hội các tỉnh thực hiện năm 2024 là 3.288.953.692.000đ (Ba ngàn hai trăm tám mươi tám tỷ chín trăm năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng). Trong đó, Tp. HCM đạt trên 689 tỷ, Bến Tre, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh đạt trên 100 tỷ [48]. Với tinh thần trách nhiệm và bổn phận của người con Phật, Ban Từ thiện Xã hội (TTXH) Phật giáo các tỉnh, thành trên cả nước đã thể hiện sự nỗ lực lớn lao, liên tục và sâu rộng trong công tác từ thiện - ASXH năm 2024. Tổng giá trị thực hiện đạt tới 3.288.953.692.000 đồng (hơn 3.288 tỷ đồng), là minh chứng rõ nét cho tinh thần nhập thế, phụng sự nhân sinh của Phật giáo Việt Nam [48]. Ta thấy, mức đóng góp cao kỷ lục, phản ánh năng lực vận động, kết nối và thực thi mạnh mẽ ở cấp địa phương. Đặc biệt, Tp. Hồ Chí Minh đạt trên 689 tỷ đồng - giữ vị trí dẫn đầu, cho thấy sự lan tỏa của Phật giáo đô thị trong công tác ASXH. Không chỉ dừng lại ở phát quà hay hỗ trợ ngắn hạn,

nhều Ban TTXH đã triển khai các chương trình xây nhà tình thương, nuôi dưỡng trẻ em, người già, hỗ trợ y tế, học bổng dài hạn, khắc phục thiên tai...

Thứ ba, mục đích hướng tới

Trong quá trình thực hiện ASXH, đặc biệt là lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, các hoạt động của Phật giáo Việt Nam không đơn thuần mang tính chất hỗ trợ vật chất mà còn phản ánh những mục đích mang tính triết lý nhân sinh, đạo đức và trách nhiệm xã hội sâu sắc. Các mục tiêu hướng tới thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo lý nhà Phật và nhu cầu phát triển bền vững trong xã hội hiện đại.

Một là, các hoạt động xóa đói giảm nghèo của Phật giáo là sự thể hiện trực tiếp tinh thần từ bi, cứu khổ ban vui - một giá trị cốt lõi trong giáo lý đạo Phật. Tinh thần này không chỉ dừng lại ở khía cạnh tu hành cá nhân mà còn được cụ thể hóa trong các hành động hỗ trợ người nghèo, người yếu thế vượt qua khó khăn về vật chất lẫn tinh thần. Trong quan niệm Phật giáo, mọi hành động thiện nguyện đều xuất phát từ tâm nguyện cứu khổ, mang lại an lạc cho chúng sinh, coi đó là con đường tích lũy công đức và thực hành đạo pháp trong đời sống thường nhật [72, tr 60].

Hai là, GHPG hướng tới việc góp phần giảm nghèo và hỗ trợ những người đang gặp hoàn cảnh khó khăn vượt qua giai đoạn cấp bách. Không ít chương trình từ thiện tập trung vào những thời điểm nhạy cảm như thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, hoặc khi giá cả leo thang, đời sống nhân dân trở nên bấp bênh. Mục tiêu thiết thực này thể hiện tinh thần đồng hành của Phật giáo với cộng đồng, không phân biệt tín ngưỡng hay địa vị xã hội, nhằm giúp người nghèo không bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển [63, tr 67]. Qua đó, hoạt động từ thiện Phật giáo còn góp phần củng cố lòng tin xã hội và tăng cường tính gắn kết cộng đồng.

Ba là, thông qua các hoạt động thiện nguyện, Phật giáo thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của tôn giáo trong xã hội hiện đại. Từ góc nhìn khoa học xã hội, tôn giáo không chỉ là một hệ thống tín ngưỡng mà còn là một thiết chế văn hóa - xã hội, có vai trò tham gia vào các quá trình phát triển quốc gia, trong đó bao gồm cả lĩnh vực ASXH. Việc các tổ chức Phật giáo chủ động tổ chức cứu trợ, dạy nghề, hỗ trợ sinh kế đã vượt ra ngoài phạm vi hành lễ hay

truyền giáo, và chuyển hóa thành những hành động mang tính chính sách xã hội, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều của quốc gia [52, tra 46]. Điều này càng trở nên có ý nghĩa trong bối cảnh Đảng và Nhà nước khuyến khích phát huy vai trò của tôn giáo trong quá trình phát triển đất nước, như đã nêu tại Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị.

3.2.1.2. Về dịch vụ việc làm

Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là giảm nghèo đa chiều và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, trong đó có Phật giáo, vào lĩnh vực an sinh xã hội ngày càng trở nên thiết thực và cần thiết.

Thứ nhất, về nguồn lực thực hiện

Phật giáo Việt Nam sở hữu nhiều yếu tố nội sinh thuận lợi để thực hiện các hoạt động hướng nghiệp và tạo việc làm cho người nghèo. Trước hết, về cơ sở vật chất, hệ thống chùa chiền, tự viện trải rộng khắp các địa phương, đặc biệt ở vùng nông thôn và ngoại thành, có thể tận dụng làm địa điểm tổ chức các lớp học nghề, buổi hướng nghiệp và sinh hoạt cộng đồng. Sự hiện diện rộng rãi này giúp Phật giáo có khả năng tiếp cận gần gũi và nhanh chóng với các nhóm yếu thế trong xã hội.

Về nguồn lực tài chính, các hoạt động tạo việc làm thường được tài trợ từ công đức của tín đồ, quyên góp từ cộng đồng Phật tử và sự đóng góp của các doanh nghiệp có đạo tâm. Hình thức tài trợ này mang tính linh hoạt, không đòi hỏi thủ tục hành chính phức tạp, giúp các cơ sở Phật giáo dễ dàng tổ chức các chương trình hỗ trợ nghề nghiệp ngắn hạn cho người lao động nghèo.

Cuối cùng, nhân lực tham gia thực hiện chủ yếu là tăng ni và Phật tử có tinh thần thiện nguyện cao. Nhiều người trong số này có kinh nghiệm trong việc tổ chức lớp học, giảng dạy kỹ năng sống hoặc nghề thủ công. Nhờ đó, các hoạt động hướng nghiệp của Phật giáo thường gắn với tinh thần sẻ chia, gần gũi và khuyến khích người tham gia phát huy nội lực của bản thân.

Trong thời gian qua, GHPGVN chỉ đạo thực hiện các hoạt động Phật sự đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước, không ngừng tiếp xúc với những đối tượng yếu thế, những người có hoàn cảnh khó khăn để họ được thụ hưởng, sử

dụng những dịch vụ thiết yếu của cuộc sống như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và thông tin.

Thứ hai, về nội dung thực hiện

Về mặt nội dung, các hoạt động hỗ trợ việc làm do Phật giáo tổ chức tuy còn đơn giản nhưng có định hướng rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của người lao động nghèo. Tiêu biểu là việc một số cơ sở Phật giáo mở lớp dạy nghề thủ công như may mặc, làm nhang, nấu ăn chay, làm bánh, đan lát... Các lớp học này thường hướng đến phụ nữ đơn thân, người cao tuổi, hoặc người dân nông thôn có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có thêm nguồn thu nhập ổn định.

Bên cạnh đó, nhiều cơ sở kết hợp giảng đạo và chia sẻ kỹ năng sống, truyền cảm hứng vượt khó thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề. Việc lồng ghép yếu tố giáo lý Phật giáo trong hoạt động hướng nghiệp giúp người lao động không chỉ học nghề mà còn nâng cao nhận thức, sống có trách nhiệm và tự tin hơn trong cuộc sống.

Ngoài ra, một số chùa còn hỗ trợ vốn nhỏ hoặc giới thiệu việc làm tại địa phương thông qua kết nối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hoặc hộ kinh doanh. Tuy quy mô còn nhỏ và chưa mang tính hệ thống, nhưng hoạt động này bước đầu đã hình thành mạng lưới liên kết cộng đồng trong tạo việc làm.

Thứ ba, về mục đích hướng tới

Các hoạt động tạo việc làm do Phật giáo triển khai hướng tới mục tiêu cốt lõi là giúp người nghèo có sinh kế bền vững, giảm sự phụ thuộc vào trợ cấp, và từng bước chủ động thoát nghèo bằng chính sức lao động của mình. Phật giáo quan niệm rằng, cứu khổ không chỉ dừng lại ở việc ban phát, mà quan trọng hơn là trao cho người khốn khó khả năng tự cứu mình, đúng với tinh thần “tự độ” trong Phật pháp [72, tr 97].

Đồng thời, việc Phật giáo tích cực tham gia hỗ trợ sinh kế cũng là sự thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội của tôn giáo trong bối cảnh hiện đại. Điều này phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong phát triển xã hội, như đã được khẳng định tại Chỉ thị số 18-CT/TW (2018) của Bộ Chính trị.

Cuối cùng, thông qua việc tổ chức lớp học nghề kết hợp giảng đạo, Phật giáo tạo nên môi trường hướng thiện, phòng ngừa tái nghèo, đặc biệt đối với những nhóm dễ bị tổn thương như người hồi gia, trẻ em bỏ học, phụ nữ đơn thân.... Đây là một đóng góp quan trọng nhằm xây dựng cộng đồng nhân ái và phát triển bền vững.

**Bảng 3.1. Thống kê các hoạt động từ thiện, nhân đạo của GHPGVN
(tính đến ngày 11/01/2024)**

TT	Hình thức từ thiện, nhân đạo	Tổng số
1	Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi	46
2	Trung tâm nuôi dưỡng người neo đơn	15
3	Lớp học tình thương	12
4	Phòng khám Đông y	33
5	Phòng khám Tây y	10
6	Bếp cơm chay từ thiện	135
7	Nồi cháo tình thương	48
8	Hoạt động xây nhà tình thương, xây cầu, làm đường	167
9	Hoạt động cứu trợ, bão lũ, hạn hán, thiên tai, động đất	69
10	Hoạt động phát triển từ thiện	688

Nguồn: Báo cáo công tác từ thiện xã hội của GHPG Việt Nam tại Hội nghị kỳ 3 Khóa VIII, tính đến ngày 11/01/2024 [48].

Để tìm hiểu rõ hơn về các hoạt động từ thiện, nhân đạo của GHPG Việt Nam, tác giả đã phỏng vấn Sư Thầy chùa Địa tạng phi lai tự - Hà Nam:

Câu hỏi phỏng vấn: “Xin Thầy cho biết: Nhà Chùa mình có thường xuyên làm từ thiện không? Hình thức từ thiện là gì? Đối tượng thụ hưởng là những ai? Xin trân trọng cảm ơn!”

“Nhà Chùa chúng tôi làm từ thiện đã từ rất lâu, từ những năm 1995, các hoạt động từ thiện được tiến hành theo tuần (Chủ nhật hàng tuần). Nhà Chùa kêu gọi các Phật tử thành lập hội “Bát cháo tình nghĩa”, mỗi tuần các Phật tử nào có thời gian, có điều kiện quyên góp gạo, muối, thịt băm...nấu cháo từ thiện. Đối tượng thụ hưởng là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

Trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, không nơi nương tựa; Trẻ khuyết tật, bị bỏ rơi hoặc sống trong các gia đình đặc biệt khó khăn; Trẻ em nghèo vùng sâu, vùng xa, không có điều kiện học tập”.

3.2.2. Vai trò của Phật giáo trong chăm sóc trẻ mồ côi

Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là giảm nghèo đa chiều và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, trong đó có Phật giáo, vào lĩnh vực an sinh xã hội ngày càng trở nên thiết thực và cần thiết. Một trong những lĩnh vực tiêu biểu mà Phật giáo đã và đang đóng góp là dịch vụ việc làm và hỗ trợ sinh kế cho người có hoàn cảnh khó khăn. Bài viết này tập trung phân tích ba khía cạnh chính trong thực trạng tham gia của Phật giáo vào lĩnh vực này: nguồn lực huy động, nội dung triển khai và mục đích hướng tới.

3.2.2.1. Về nguồn lực thực hiện

Phật giáo Việt Nam sở hữu nhiều yếu tố nội sinh thuận lợi để thực hiện các hoạt động hướng nghiệp và tạo việc làm cho người nghèo. Trước hết, về cơ sở vật chất, hệ thống chùa chiền, tự viện trải rộng khắp các địa phương, đặc biệt ở vùng nông thôn và ngoại thành, có thể tận dụng làm địa điểm tổ chức các lớp học nghề, buổi hướng nghiệp và sinh hoạt cộng đồng. Sự hiện diện rộng rãi này giúp Phật giáo có khả năng tiếp cận gần gũi và nhanh chóng với các nhóm yếu thế trong xã hội.

Về xây dựng hệ thống nhà dưỡng lão, trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự các tỉnh, thành của Giáo hội không ngừng nỗ lực huy động các nguồn lực, vận động tài chính, phẩm vật để thực hiện các hoạt động từ thiện, cứu trợ xã hội, trong đó có hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhà dưỡng lão, trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi.

Về quy mô, các hoạt động ASXH của GHPGVN nói chung và GHPG các tỉnh nói riêng trong những năm qua đã không ngừng gia tăng về số lượng, mặc dù đời sống của nhân dân cũng như của tăng, ni, Phật tử còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng Phật giáo vẫn tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện. Nếu như trong giai đoạn (1992-1997), số lượng các cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật trong cả nước được GHPGVN xây dựng là 116

cơ sở, với trên 6.467 em. Tính đến năm 2018, GHPG Việt Nam đã mở gần 2.000 lớp học tình thương nuôi dạy trẻ mồ côi, lang thang, không nơi nương tựa và trẻ khuyết tật; hàng trăm cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú miễn phí với trên 20.000 em theo học; hàng chục cơ sở dưỡng lão nuôi dưỡng, chăm sóc hàng ngàn cụ già neo đơn [48].

Bên cạnh đó, đã có hàng trăm chùa ở nhiều địa phương đã trở thành các trường mầm non, trường nuôi dạy trẻ em lang thang, bất hạnh, góp phần giảm bớt gánh nặng cho xã hội, như: Chùa Long Hoa (Quận 7), chùa Diệu Giác (Quận 2), chùa Kỳ Quang 2 (quận Gò Vấp) ở Thành phố Hồ Chí Minh; chùa Bảo Quang (thành phố Hải Phòng); chùa Quang Châu; chùa Quang Minh (Đà Nẵng)... Đến năm 2019, số lượng các trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi tại 16 tỉnh, thành trong cả nước là tương đương nhau, trung bình mỗi tỉnh có số lượng từ 1 đến 2 trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi. Nhưng trong số những trung tâm đó, có một vài trung tâm ở các tỉnh, thành có số lượng trẻ mồ côi tăng vọt như: Bến Tre (103 trẻ/3 trung tâm), Đà Nẵng (105 trẻ/2 trung tâm) và Bạc Liêu (121 trẻ/3 trung tâm). Tuy nhiên, có 02 tỉnh, thành có số lượng trung tâm tăng vọt là Bắc Ninh: 9, nhưng số lượng trẻ mồ côi lại rất ít. Trong khi đó, Đồng Nai: 8, lại có số lượng trẻ tăng rất cao, hơn so với số lượng trẻ ở Bắc Ninh là 320 em [48].

Về nguồn lực tài chính, các hoạt động tạo việc làm thường được tài trợ từ công đức của tín đồ, quyên góp từ cộng đồng Phật tử và sự đóng góp của các doanh nghiệp có đạo tâm. Hình thức tài trợ này mang tính linh hoạt, không đòi hỏi thủ tục hành chính phức tạp, giúp các cơ sở Phật giáo dễ dàng tổ chức các chương trình hỗ trợ nghề nghiệp ngắn hạn cho người lao động nghèo. Năm 2023, 16 tỉnh thành đều có trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, trung bình từ 1- 2 trung tâm/tỉnh. Tuy nhiên, một số địa phương có số lượng trẻ quá tải, như: Bến Tre: 103 trẻ/3 trung tâm; Đà Nẵng: 105 trẻ/2 trung tâm... Ngoài ra, còn chênh lệch giữa số trung tâm và số lượng trẻ cần hỗ trợ: Bắc Ninh có đến 9 trung tâm nhưng số trẻ nuôi dạy lại rất ít, còn Đồng Nai, ngược lại, là nơi cần ưu tiên tăng hỗ trợ, do số lượng trẻ mồ côi đông mà cơ sở có thể đã quá tải [48].

Phật giáo ngày càng chú trọng tới các hoạt động bảo trợ thường xuyên, mang tính bền vững: hình thành được hệ thống trường nuôi dạy trẻ, chăm sóc người già cô đơn không nơi nương tựa, như: tại Hà Nội có Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, trẻ bị nhiễm HIV chùa Bồ Đề; lớp học tình thương chùa Đồng Cự; thành phố Hồ Chí Minh có 5 trường nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật; 4 cơ sở chăm sóc người già neo đơn, 13 lớp tình thương; Thừa Thiên - Huế có Trường dạy nghề miễn phí Tây Linh, trường mầm non tư thục Diệu Đế, trường mẫu giáo từ thiện Phú Lộc 2 v.v.. [48]. Nhìn chung, các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo khá khang trang, tiện ích. Hoạt động bảo trợ xã hội thường xuyên của Phật giáo đã đi vào nền nếp và mang lại hiệu quả cao.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự các tỉnh, thành của Giáo hội không ngừng nỗ lực huy động các nguồn lực, vận động tài chính, vật phẩm để thực hiện các hoạt động từ thiện, cứu trợ xã hội, trong đó có hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống nhà dưỡng lão, trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi. Năm 2020, nhiệm kỳ VII (2015- 2020), các Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, nuôi 1.936 em; các Trung tâm nuôi dưỡng người già, nuôi 1.859 người [48].

Hoạt động giáo dục tại Trung tâm từ thiện xã hội Phật Quang đã thực hiện được việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở 5 cấp học: giáo dục mầm non; bậc tiểu học; phổ thông cơ sở, phổ thông trung học và bậc đại học. Thành quả hoạt động giáo dục đạt như sau: năm học 2013- 2014 đã thu nhận 166 trẻ; năm học 2014- 2015 là 189 trẻ; năm học 2015-2016 và 2016-2017 có 202 em ở 5 cấp học [48].

Qua số liệu cho thấy Trung tâm đã tổ chức giảng dạy đầy đủ 5 cấp học: từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT đến bậc đại học. Đây là một trong những mô hình rất hiếm trong lĩnh vực từ thiện - xã hội của các tổ chức tôn giáo, cho thấy tầm nhìn giáo dục bền vững và dài hạn, thay vì chỉ dừng lại ở cứu trợ nhất thời. Số lượng học sinh tiếp nhận ngày càng tăng: Từ 166 em năm học 2013-2014, lên đến 202 em trong các năm học 2015-2017, cho thấy uy tín và năng lực của trung tâm ngày càng được công nhận và nhu cầu xã hội lớn, và trung tâm đã đáp ứng kịp thời, hiệu quả. Với mô hình này, Trung tâm Phật

Quang không chỉ cứu giúp các em về vật chất, mà còn trao cho các em cơ hội đổi đời thông qua tri thức. Góp phần tạo ra lực lượng lao động có trình độ, tự lập, và biết quay lại phục vụ cộng đồng - đúng với tinh thần “tri ân và báo ân” trong đạo Phật.

Về nhân lực, nhân lực tham gia thực hiện chủ yếu là đội ngũ tăng ni và Phật tử có tinh thần thiện nguyện cao. Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2022), hiện cả nước có hơn 55.000 tăng ni đang tu học tại hơn 18.000 cơ sở tự viện, trong đó hàng nghìn người trực tiếp tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực chăm sóc người yếu thế, hướng nghiệp và hỗ trợ sinh kế. Trong đó, tại một số địa phương như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Thừa Thiên Huế..., đã hình thành các nhóm Phật tử thiện nguyện chuyên tổ chức lớp dạy nghề miễn phí, sinh hoạt kỹ năng sống hoặc hỗ trợ vốn nhỏ cho phụ nữ nghèo.

Nhiều tăng ni không chỉ thực hành nghi lễ Tôn giáo mà còn có kinh nghiệm thực tiễn trong việc tổ chức lớp học, giảng dạy kỹ năng sống và kỹ năng nghề thủ công đơn giản. Một số vị còn được đào tạo bài bản về công tác xã hội, giáo dục hoặc tâm lý học, qua đó nâng cao hiệu quả tiếp cận và hỗ trợ người học trong hoàn cảnh khó khăn. Nhờ đó, các hoạt động hướng nghiệp của Phật giáo không đơn thuần là dạy nghề, mà còn gắn với giáo dục đạo đức, tinh thần sẻ chia và định hướng sống tích cực, khuyến khích người tham gia phát huy nội lực của bản thân để vươn lên trong cuộc sống.

3.2.2.2. *Về nội dung thực hiện*

Về mặt nội dung, các hoạt động hỗ trợ việc làm do Phật giáo tổ chức tuy còn đơn giản nhưng có định hướng rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của người lao động nghèo. Một số cơ sở Phật giáo đã chủ động mở lớp dạy nghề thủ công cho người có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là phụ nữ đơn thân, người khuyết tật và thanh niên chưa có việc làm. Các nghề được đào tạo phổ biến bao gồm may mặc, làm nhang, nấu ăn chay, làm bánh, đan lát, thêu thùa và thủ công mỹ nghệ. Theo báo cáo của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương (2021), chỉ tính riêng trong giai đoạn 2016-2020, đã có hơn 70 cơ

sở Phật giáo trên toàn quốc triển khai các mô hình dạy nghề thủ công, với quy mô từ 15-50 học viên mỗi lớp, thời gian học từ 1 đến 6 tháng [37].

Tiêu biểu có thể kể đến các mô hình như: Chùa Kỳ Quang 2 (Tp. Hồ Chí Minh) mở lớp dạy may và làm bánh cho trẻ mồ côi và người nghèo; Chùa Bửu Trì (Cần Thơ) tổ chức dạy nghề đan lát và chế tác hàng thủ công cho phụ nữ nông thôn; Chùa Quan Âm Tu Viện (Đồng Nai) kết hợp hướng nghiệp và dạy nghề làm nhang cho người khuyết tật và người hồi gia. Những mô hình này không chỉ cung cấp kỹ năng nghề nghiệp cơ bản mà còn giúp người học rèn luyện kỹ năng sống, tính kỷ luật và tinh thần tự lập, qua đó góp phần tạo sinh kế bền vững, giảm nguy cơ tái nghèo và lệ thuộc vào trợ cấp xã hội.

Bên cạnh việc tổ chức các lớp dạy nghề thủ công, nhiều cơ sở Phật giáo còn kết hợp giảng đạo và chia sẻ kỹ năng sống, truyền cảm hứng vượt khó thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề. Hoạt động này nhằm hỗ trợ người lao động nghèo không chỉ về mặt kỹ năng nghề nghiệp mà còn về tinh thần, thái độ sống và định hướng nhân cách. Theo thống kê của Ban Văn hóa Trung ương, GHPGVN (2021), trong giai đoạn 2016-2020, có khoảng 3.500 buổi nói chuyện chuyên đề, khóa tu, tọa đàm đạo đức và hướng nghiệp được tổ chức tại các cơ sở tự viện trên cả nước, thu hút hơn 450.000 lượt người tham dự, chủ yếu là thanh niên, học sinh, sinh viên, công nhân nhập cư và người có hoàn cảnh khó khăn [37].

Nội dung của các buổi chuyên đề thường lồng ghép giữa giáo lý nhà Phật với các chủ đề xã hội thiết thực như: sống tích cực, vượt lên nghịch cảnh, làm chủ cảm xúc, giữ gìn nhân cách trong môi trường lao động, và trách nhiệm công dân. Ví như, tại chùa Hoằng Pháp (Tp. HCM), các khóa tu mùa hè không chỉ có phần tụng kinh niệm Phật mà còn mời các chuyên gia, giảng sư, tăng sĩ chia sẻ về kỹ năng mềm, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp cho thanh thiếu niên. Hoặc tại chùa Từ Nghiêm (Hà Nội), các buổi “Pháp thoại cho người đi làm” được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao năng lực ứng xử và thích nghi trong môi trường công nghiệp hóa.

Việc lồng ghép yếu tố đạo đức tôn giáo vào chương trình hướng nghiệp giúp người học không chỉ trang bị kỹ năng lao động mà còn nâng cao ý thức tự lập, trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, từ đó tăng khả năng hòa nhập và thích nghi trong môi trường làm việc hiện đại. Đây là đặc điểm riêng có của Phật giáo trong quá trình tham gia vào lĩnh vực đào tạo nghề và hỗ trợ sinh kế - không đơn thuần là dạy nghề, mà còn giáo dục nhân cách, tạo lập nền tảng tâm lý vững vàng cho người lao động nghèo.

3.2.2.3. Về mục đích hướng tới

Các hoạt động tạo việc làm do Phật giáo triển khai hướng tới mục tiêu cốt lõi là giúp người nghèo có sinh kế bền vững, giảm sự phụ thuộc vào trợ cấp, và từng bước chủ động thoát nghèo bằng chính sức lao động của mình. Phật giáo quan niệm rằng, cứu khổ không chỉ dừng lại ở việc ban phát, mà quan trọng hơn là trao cho người khốn khó khả năng tự cứu mình, đúng với tinh thần “tự độ” trong Phật pháp.

Đồng thời, việc Phật giáo tích cực tham gia hỗ trợ sinh kế cũng là sự thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội của tôn giáo trong bối cảnh hiện đại. Điều này phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong phát triển xã hội, như đã được khẳng định tại Chỉ thị số 18-CT/TW (2018) của Bộ Chính trị.

Cuối cùng, thông qua việc tổ chức lớp học nghề kết hợp giảng đạo, Phật giáo tạo nên môi trường hướng thiện, phòng ngừa tái nghèo, đặc biệt đối với những nhóm dễ bị tổn thương như người hồi gia, trẻ em bỏ học, phụ nữ đơn thân.... Đây là một đóng góp quan trọng nhằm xây dựng cộng đồng nhân ái và phát triển bền vững.

Với truyền thống "hộ quốc, an dân", GHPGVN luôn đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước. Các trung tâm bảo trợ thực hiện hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa của Phật giáo đã góp phần giúp đỡ những mảnh đời khó khăn, chia sẻ gánh nặng cho các gia đình, cho cộng đồng. Thông qua những hoạt động từ thiện nói chung và hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa nói riêng càng làm cho

tâm từ bi, giá trị nhân văn, nhân đạo của Phật giáo ngày càng phát triển, lan tỏa đến mọi tầng lớp nhân dân.

3.2.3. Vai trò của Phật giáo đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa

3.2.3.1. Nguồn lực thực hiện

Phật giáo Việt Nam hiện đang vận hành một mạng lưới hơn 18.000 cơ sở tự viện trên toàn quốc, với đội ngũ hơn 55.000 tăng ni (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2024). Đây là nền tảng cơ sở vật chất - nhân lực rộng khắp, đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động ASXH ở cấp cộng đồng. Nhiều chùa được cải tạo hoặc xây dựng mới để trở thành nơi nuôi dưỡng người cao tuổi, có phòng nghỉ, khu sinh hoạt, nhà ăn và khu chăm sóc y tế cơ bản.

Bên cạnh hoạt động từ thiện nhân đạo trên lĩnh vực y tế, GHPG còn chú trọng công tác nuôi dạy trẻ mồ côi và chăm sóc, nuôi dưỡng người già neo đơn trong cả nước. Hệ thống trường nuôi dạy trẻ mồ côi, các lớp học tình thương, các trung tâm nuôi dưỡng người già không nơi nương tựa, có hoàn cảnh khó khăn.... Theo GHPGVN đều đang hoạt động ổn định, hiệu quả, đã nuôi dưỡng gần 3.000 trẻ em mồ côi, cơ nhỡ và khuyết tật; chăm sóc hơn 1.500 cụ già neo đơn [36]

Về tài chính, nguồn lực chủ yếu đến từ công đức, quyên góp tự nguyện của tín đồ, doanh nghiệp Phật tử, và các mạnh thường quân trong và ngoài nước. Đây là hình thức tài trợ linh hoạt, ít ràng buộc hành chính, cho phép các cơ sở Phật giáo nhanh chóng triển khai các chương trình hỗ trợ người già cô đơn, neo đơn, không người thân thích. Đặc biệt, nhiều cơ sở kết hợp với các hội từ thiện Phật tử để duy trì mô hình chăm sóc dài hạn tại chùa như chùa Lâm Quang (Tp. HCM), chùa Pháp Lạc (Bình Dương), chùa Phước Quang (Quảng Trị)...

Có thể thấy GHPGVN đã xây dựng và duy trì một mạng lưới các trường nuôi dạy trẻ mồ côi, lớp học tình thương, trung tâm nuôi dưỡng người già, trải dài ở nhiều tỉnh, thành. Hệ thống này không chỉ hoạt động ổn định, mà còn được đánh giá là hiệu quả, bền vững và mang tính chuyên nghiệp ngày càng cao. Tính đến nay, các cơ sở thuộc GHPGVN đã: Nuôi dưỡng gần 3.000 trẻ mồ côi, trẻ cơ nhỡ và khuyết tật. Những con số này cho thấy sức lan tỏa và khả năng gánh vác một phần trách nhiệm xã hội đáng kể của Phật giáo,

nhất là trong bối cảnh dân số già hóa và số lượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt ngày càng tăng. Các trung tâm, lớp học không chỉ đơn thuần là nơi ăn, ở mà còn là môi trường giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, giúp trẻ em có định hướng phát triển lành mạnh. Việc chăm sóc người già không nơi nương tựa thể hiện truyền thống hiếu đạo và tinh thần “lá lành đùm lá rách”, đồng thời góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống phúc lợi công.

Về nhân lực, đội ngũ tăng ni và Phật tử thường xuyên tham gia vào công tác chăm sóc người cao tuổi với tinh thần thiện nguyện, xem đây là một hình thức hành trì Phật pháp và thực hiện hạnh từ bi trong đời sống thường nhật. Theo báo cáo của Ban Từ thiện - Xã hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2021), có khoảng 12.000 tăng ni và trên 20.000 Phật tử thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, trong đó gần 30% tập trung vào công tác chăm sóc người già neo đơn, không nơi nương tựa tại chùa hoặc tại cộng đồng.

Ngoài lực lượng tôn giáo nòng cốt, một số cơ sở còn chủ động hợp tác với đội ngũ y tế thiện nguyện để nâng cao chất lượng chăm sóc. Tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Huế..., nhiều cơ sở Phật giáo đã kết nối với bác sĩ hưu trí, y tá về hưu, sinh viên ngành điều dưỡng của các trường đại học y để thực hiện khám sức khỏe định kỳ, chăm sóc đặc biệt cho người cao tuổi mắc bệnh mãn tính, tổ chức các lớp tư vấn sức khỏe và hỗ trợ y tế cơ bản.

Trụ trì tịnh xá Ngọc Xuân năm 2016, nhà sư bắt đầu tiếp nhận các cụ già neo đơn, bệnh tật, không có người thân để chăm sóc. Đến nay, nơi đây đang nuôi dưỡng từ 65-70 cụ già bị bại liệt, mù, tai biến hoặc già yếu, bị con cái bỏ rơi...

Nhiều cụ là nạn nhân của sự bỏ rơi từ chính con cháu hoặc không còn người thân thích, cho thấy tịnh xá đã trở thành nơi nương tựa cuối đời cho những mảnh đời khốn khó. Hoạt động nuôi dưỡng trẻ mồ côi, chăm sóc người già yếu và người bệnh tại chùa Huyền Trang và tịnh xá Ngọc Sơn là minh chứng sinh động cho tinh thần tương trợ cộng đồng. Nhờ vậy, trẻ mồ côi được chăm lo đầy đủ và người cao tuổi có nơi nương náu, bình yên tuổi già.

3.2.3.2. Về nội dung thực hiện

Thứ nhất, tiếp nhận và nuôi dưỡng tại cơ sở Phật giáo

Một trong những nội dung nổi bật thể hiện vai trò của Phật giáo trong công tác ASXH đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa chính là việc tiếp nhận và nuôi dưỡng tại các cơ sở tự viện. Đây là mô hình mang tính đặc thù, được vận hành bởi tinh thần từ bi, bác ái và nhập thế của đạo Phật.

Theo thống kê của GHPGVN (2023), hiện cả nước có khoảng 20 cơ sở tự viện đang trực tiếp nuôi dưỡng trên 1.000 cụ già không nơi nương tựa, trong đó riêng Tp. Hồ Chí Minh chiếm hơn 500 người. Huế cũng có trung tâm Tịnh Đức nuôi khoảng 60 cụ và Diệu Viên khoảng 25 cụ [103]. Phần lớn đối tượng được tiếp nhận là phụ nữ từ 70 tuổi trở lên, không có thân nhân chăm sóc, thuộc diện nghèo hoặc vô gia cư. Việc tiếp nhận diễn ra trên cơ sở tự nguyện, không phân biệt tôn giáo, dân tộc hay địa vị xã hội.

Cung cấp nơi ăn, ở và chăm sóc y tế cơ bản: Các cơ sở dưỡng lão Phật giáo không chỉ dừng lại ở việc cung cấp chỗ ở, mà còn tổ chức chăm sóc toàn diện cho người già: Chỗ ở: Các cụ được bố trí lưu trú trong không gian yên tĩnh, sạch sẽ, có giường nghỉ, phòng tắm, nhà vệ sinh và khu vực sinh hoạt chung phù hợp với đặc điểm thể chất tuổi già. Ăn uống: Hằng ngày, các cụ được cung cấp đủ bữa ăn chay bảo đảm dinh dưỡng, do Phật tử và thiện nguyện viên phụ trách nấu nướng, phục vụ. Chăm sóc sức khỏe cơ bản: Nhiều chùa phối hợp với các phòng chẩn trị y học cổ truyền (Tuệ Tĩnh Đường) hoặc đội ngũ y tế thiện nguyện để theo dõi tình trạng sức khỏe, cấp phát thuốc Đông y, xoa bóp bấm huyệt và chăm sóc ban đầu.

Thứ hai, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần

Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí qua hệ thống Tuệ Tĩnh Đường. Một trong những nội dung thực hiện nổi bật là mô hình Tuệ Tĩnh Đường - các phòng khám y học cổ truyền không thu phí, hoạt động tại nhiều tự viện trên cả nước. Tính đến năm 2023, cả nước có khoảng 165 Tuệ Tĩnh Đường do Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập và quản lý. Các phòng khám này tổ chức khám bệnh, bốc thuốc, châm cứu, bấm huyệt và tư vấn sức khỏe, đặc biệt cho người cao tuổi, người nghèo và người không có bảo hiểm y tế. Năm 2023 Tuệ Tĩnh Đường Linh Quang (Đà Lạt) khám hơn 7.500 lượt bệnh

nhân/năm, cấp hơn 25.000 thang thuốc miễn phí, trong đó trên 60% đối tượng là người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn. Tại TP. Huế, Tuệ Tĩnh Đường Hải Đức hoạt động đều đặn 5 buổi/tuần, chủ yếu điều trị các bệnh mãn tính, xương khớp, mất ngủ, cao huyết áp... thường gặp ở người già [48].

Ngoài ra, nhiều chùa, tịnh xá và tự viện Phật giáo tổ chức thường xuyên các hoạt động pháp thoại, thiền tập, tụng kinh, đặc biệt dành riêng cho người cao tuổi. Đây là các nội dung thực hành tâm linh có tính trị liệu tinh thần, giúp người già giảm cảm giác cô đơn, trầm cảm và nâng cao ý thức hướng thiện, bình an nội tại. Việc pháp thoại tập trung vào các chủ đề như luân hồi, nhân quả, sinh - tử, cách buông xả và đối diện với bệnh tật, cái chết một cách nhẹ nhàng; Thiền nhẹ (thiền buông thư, thiền đi bộ chậm, thiền chánh niệm) được hướng dẫn bởi các vị tăng, ni có chuyên môn, giúp giảm stress và điều hòa khí huyết.

Đối với những người già đang được nuôi dưỡng tại các chùa (như chùa Lâm Quang, Diệu Pháp, Diệu Viên...), sinh hoạt hàng ngày luôn gắn với thời khóa tụng kinh sáng - tối, nghe pháp thoại, tiếp xúc với không gian thanh tịnh, có cây xanh, tiếng chuông, tiếng mõ - tất cả đều có tác dụng trấn an tinh thần và duy trì sự quân bình nội tâm cho người già trong giai đoạn cuối đời.

Thứ ba, tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng

Một trong những hoạt động sinh hoạt cộng đồng là tổ chức lớp giáo lý, lớp học chữ, thiền tập nhẹ cho người cao tuổi. Hiện nay, nhiều cơ sở Phật giáo tại các địa phương đã chủ động tổ chức các lớp học giáo lý, học chữ hoặc thiền tập nhẹ dành riêng cho người lớn tuổi với mục đích tạo môi trường học tập suốt đời, duy trì trí lực và gắn kết cộng đồng. Các lớp giáo lý nhằm giúp người cao tuổi tiếp cận giáo lý Phật giáo một cách nhẹ nhàng, ứng dụng vào đời sống hằng ngày, hiểu rõ các khái niệm về vô thường, buông xả, tái sinh... qua đó tạo dựng lối sống thanh thản, an nhiên; Lớp học chữ: được tổ chức tại một số chùa ở vùng sâu vùng xa như chùa Bửu Hưng (An Giang), chùa Quan Âm (Đắk Lắk), hỗ trợ người cao tuổi biết đọc, biết viết cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp và tự chủ thông tin trong cuộc sống và các lớp thiền tập

nhẹ: như thiền thở, thiền đi bộ chậm, thiền buông thư – giúp điều hòa huyết áp, cải thiện giấc ngủ, giảm lo âu và tăng khả năng tập trung ở người già.

Ngoài ra, việc tổ chức khóa tu một ngày an lạc, đạo tràng người già diễn ra thường xuyên. Một hình thức sinh hoạt cộng đồng đặc trưng của Phật giáo là khóa tu một ngày an lạc, được tổ chức định kỳ tại các chùa lớn như: Chùa Diệu Pháp (Tp. Hồ Chí Minh), Chùa Hoằng Pháp (Hóc Môn), Chùa Diệu Viên (Huế) tổ chức từ 1 đến 2 lần/tháng, thu hút từ 100-300 người cao tuổi tham dự. Nội dung khóa tu bao gồm tụng kinh, nghe pháp thoại, ăn cơm chánh niệm và thiền hành. Đạo tràng người già: là mô hình sinh hoạt riêng theo nhóm nhỏ từ 15-30 cụ, hoạt động theo lịch cố định hàng tuần tại các tự viện, nơi các cụ cùng nhau tụng kinh, chia sẻ đời sống tâm linh, kinh nghiệm sống và hỗ trợ tinh thần cho nhau.

Thứ tư, bảo đảm đời sống cuối đời

Thông qua hệ thống tự viện, Phật giáo Việt Nam đã thực hiện nhiều nội dung chăm sóc đời sống cuối đời một cách toàn diện - từ vật chất đến tinh thần và tâm linh - cho người cao tuổi không nơi nương tựa. Đây là mô hình an sinh xã hội mang đậm tính nhân đạo, tâm linh và bản sắc văn hóa, cần được nghiên cứu, đánh giá và nhân rộng. Việc phát huy các giá trị này sẽ không chỉ giúp người già có được một cái kết thanh thản, đầy phẩm giá, mà còn góp phần xây dựng một xã hội nhân văn, hài hòa và gắn kết hơn trong kỷ nguyên già hóa dân số hiện nay.

Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc tinh thần và tâm linh cuối đời. Tụng kinh, niệm Phật và hộ niệm là hoạt động thường nhật trong các cơ sở dưỡng lão Phật giáo, giúp người cao tuổi định tâm, thanh thản và chuẩn bị tinh thần cho quy luật “sinh - lão - bệnh - tử”. Ngoài ra, trong giai đoạn hấp hối, các cụ thường được hộ niệm, nghe kinh Di Đà, kinh Vô Thường, niệm danh hiệu Phật A Di Đà nhằm giúp họ ra đi trong sự an yên, buông xả phiền não và chấp nhận vô thường một cách nhẹ nhàng.

Việc hỗ trợ hậu sự và tâm linh sau khi qua đời đối với người cao tuổi cũng được Phật giáo quan tâm. Đối với những cụ không có thân nhân, nhiều chùa đứng ra tổ chức hậu sự, hỏa táng hoặc chôn cất theo nghi thức Phật giáo,

bảo đảm tôn nghiêm và nhân đạo. Một số chùa có *ngõia trang từ thiện* hoặc lưu giữ tro cốt miễn phí trong khuôn viên chùa, giúp thân nhân hoặc cộng đồng có nơi tưởng niệm, cầu nguyện. Ngoài ra, chư tăng, ni tổ chức *lễ cầu siêu*, thất tuần, giỗ chạp... để tiếp tục duy trì mối liên kết tinh thần giữa người mất và cộng đồng Phật tử, thể hiện trọn vẹn đạo hiếu và đạo nghĩa.

Thứ năm, vận động, kết nối cộng đồng cùng chăm lo

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ nhanh, nhu cầu chăm lo người cao tuổi, đặc biệt là người cô đơn, không nơi nương tựa, không có lương hưu hoặc bảo hiểm y tế, trở thành một thách thức lớn đối với hệ thống ASXH quốc gia. Trước thực tế đó, Phật giáo Việt Nam - với tinh thần từ bi, nhập thế và gắn bó với cộng đồng - đã không chỉ trực tiếp chăm sóc người già tại các cơ sở tự viện mà còn chủ động vận động, kết nối cộng đồng để huy động nguồn lực xã hội cùng chung tay hỗ trợ nhóm đối tượng này.

Nhằm mở rộng phạm vi chăm sóc và lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội trong cộng đồng, các cơ sở Phật giáo không chỉ trực tiếp thực hiện hoạt động từ thiện mà còn chủ động vận động nguồn lực xã hội và kết nối các lực lượng khác nhau để cùng tham gia hỗ trợ người cao tuổi, nhất là nhóm người không nơi nương tựa, neo đơn, gặp khó khăn. Các nội dung hoạt động cụ thể bao gồm:

Một là, kêu gọi sự đóng góp từ Phật tử, doanh nghiệp và mạnh thường quân. Các chùa và Ban Trị sự GHPGVN tại các tỉnh, thành phố thường xuyên phát động các chương trình từ thiện định kỳ hoặc đột xuất, đặc biệt vào các dịp lễ lớn (Vu lan, Phật đản, Tết Nguyên đán). Trong năm 2024, Ban Từ thiện Xã hội Trung ương GHPGVN và các phân ban địa phương đã triển khai tổng trị giá các chương trình từ thiện – xã hội khoảng 3.227 tỷ đồng là con số thật sự ấn tượng, khẳng định sự nỗ lực hết mình của Ban Từ thiện Xã hội [105]. Năm 2023, Ban và các Ban Trị sự tỉnh thành đã thực hiện hơn 2.106 tỷ đồng hỗ trợ từ thiện. Tại Tp.HCM, trong 5 năm qua (2017-2022), GHPGVN Tp.HCM đóng góp hơn 3.500 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện xã hội. Riêng năm 2024, con số đó đạt hơn 735 tỷ đồng tại địa phương [107].

Hai là, GHPG liên kết với chính quyền địa phương và tổ chức xã hội trong việc thực hiện ASXH. Phật giáo phối hợp với các cơ quan như UBND xã/phường, Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận Tổ quốc để: Lập danh sách các cụ già có hoàn cảnh khó khăn; Xác minh nhu cầu cấp thiết về nơi ở, sức khỏe, dinh dưỡng và tinh thần; Triển khai các hoạt động hỗ trợ cụ thể như xây dựng nhà tình thương, cấp phát thuốc, tổ chức khám bệnh lưu động.

Ba là, GHPG hợp tác với sinh viên và nhóm thiện nguyện trẻ. Nhiều cơ sở tự viện (đặc biệt là các chùa đô thị hoặc gần trường đại học) thường xuyên kết nối với các nhóm sinh viên tình nguyện, câu lạc bộ công tác xã hội để: Tổ chức các đợt thăm hỏi, chăm sóc, trò chuyện với người già đang được nuôi dưỡng tại chùa hoặc đang sống trong cộng đồng; Hỗ trợ lau dọn, nấu ăn, tặng quà, tổ chức văn nghệ giao lưu, cùng người già tham gia thiền nhẹ, đọc kinh, viết thư pháp...

Bốn là, tổ chức các buổi pháp thoại, hội thảo, khóa tu hướng đến người cao tuổi: các chùa tổ chức các buổi pháp thoại chuyên đề dành riêng cho người già; Mở các khóa tu một ngày an lạc hay đạo tràng người cao tuổi được tổ chức định kỳ, mời gọi cả cộng đồng - bao gồm gia đình, người thân, Phật tử và thanh niên – cùng tham gia hỗ trợ, chăm sóc và đồng hành. Ngoài ra, một số chùa còn tổ chức hội thảo, chuyên đề kết hợp y học - Phật giáo, mời các chuyên gia lão khoa, nhà nghiên cứu và chư tăng giảng giải về chăm sóc thân - tâm - tuệ cho người già, nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề già hóa và trách nhiệm xã hội.

Về nhân sự chăm sóc: Đội ngũ chăm sóc chủ yếu là sư cô, Phật tử, người tình nguyện, có tâm nguyện hành đạo qua phụng sự, đảm bảo sự đồng cảm và gần gũi trong đời sống tinh thần của người cao tuổi.

3.2.3.3. Về mục đích hướng tới

Chăm lo cho người cao tuổi không nơi nương tựa là hoạt động từ thiện tiêu biểu, thể hiện tinh thần hộ quốc. Những việc làm này gắn kết cộng đồng, củng cố đoàn kết, khơi dậy tinh thần tương thân tương ái, giúp người dân vượt qua khó khăn và lan tỏa tinh thần từ bi cứu khổ của Phật giáo.

Trong khi hệ thống bảo trợ xã hội công lập còn gặp nhiều hạn chế về nguồn lực và quy mô, thì các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc hỗ trợ người cao tuổi yếu thế, thông qua các hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc và đồng hành tinh thần. Vai trò này có thể được nhìn nhận rõ nét qua ba khía cạnh: nguồn lực thực hiện, nội dung triển khai và mục đích hướng tới.

Mô hình nuôi dưỡng tại chùa không chỉ giải quyết nhu cầu thiết yếu cho người già yếu thế mà còn xây dựng môi trường sống mang đậm tính nhân văn, tạo điều kiện để người cao tuổi duy trì phẩm giá, an tâm trong những năm tháng cuối đời. Đồng thời, đây cũng là phương thức thể hiện sinh động sự gắn kết giữa đạo và đời, giữa lòng từ bi Phật giáo với yêu cầu cấp thiết của xã hội hiện đại về bảo vệ nhóm yếu thế.

Các hoạt động này trên của Phật giáo đối với người cao tuổi làm tăng cường tính gắn kết xã hội, khơi dậy ý thức cộng đồng, đồng thời mang lại cảm giác thanh thản, an yên và làm vơi bớt cảm giác cô đơn - một trong những yếu tố hàng đầu dẫn đến suy giảm sức khỏe ở người cao tuổi.

Việc thu hút thanh niên, sinh viên, Phật tử trẻ tham gia chăm sóc, thăm hỏi người già không chỉ giúp người cao tuổi cảm thấy được tôn trọng, lắng nghe và sẻ chia, mà còn tạo cầu nối cảm xúc, đạo đức giữa các thế hệ – điều đang ngày càng mai một trong xã hội đô thị hóa.

Những mô hình như “Nhóm Phật tử chăm sóc người già”, “Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau gắn với chùa”, “Tuệ Tĩnh Đường chăm sóc cuối đời”, v.v... đã trở thành những thiết chế hỗ trợ xã hội phi chính thức nhưng hiệu quả và linh hoạt, bổ sung cho hệ thống dịch vụ công hiện nay còn nhiều hạn chế.

Trong thực tiễn hiện nay, việc Phật giáo chủ động vận động và kết nối cộng đồng cùng chăm lo cho người cao tuổi không chỉ mang ý nghĩa từ thiện thuần túy, mà còn thể hiện rõ trách nhiệm xã hội, vai trò chủ thể và tinh thần nhập thế của tôn giáo trong thời đại mới. Những đóng góp này không chỉ giúp người cao tuổi được chăm sóc tốt hơn cả về vật chất lẫn tinh thần, mà còn thúc đẩy quá trình xây dựng cộng đồng nhân văn, gắn kết và có trách nhiệm - nền tảng cốt lõi của một xã hội phát triển bền vững.

3.2.4. Vai trò của Phật giáo trong giáo dục tình thương

3.2.4.1. Nguồn lực thực hiện

Về trụ sở và cơ sở vật chất, để thực hiện tốt các hoạt động trong giáo dục tình thương, Phật giáo thực hiện các công việc chủ yếu tại các chùa, tịnh xá, tịnh thất, các trung tâm nuôi dưỡng và cơ sở từ thiện Phật giáo trên cả nước. Cơ sở vật chất tận dụng các phòng học trong khuôn viên chùa, tu viện; nhiều nơi còn tổ chức lớp học ngoài trời, lớp học bán trú đơn giản. Bởi lẽ, các hoạt động tại cơ sở Phật giáo thường mang tính linh hoạt và cộng đồng, phù hợp với đặc điểm địa phương, khả năng tài chính và nhu cầu thực tiễn. Phật giáo không áp đặt mô hình cứng nhắc, mà tùy vào quy mô chùa, sự đóng góp của Phật tử và điều kiện nhân lực mà hình thành lớp học chữ, lớp dạy nghề, lớp đạo đức, hay đơn giản là nơi tụ họp, sinh hoạt tinh thần. Ngoài ra, mô hình này thường không yêu cầu thủ tục hành chính phức tạp, giúp người nghèo, người không có giấy tờ tùy thân, người di cư... dễ dàng tiếp cận.

Về nhân lực, bao gồm: Tăng, ni: Là lực lượng cốt lõi tại các cơ sở tự viện, đóng vai trò điều phối, tổ chức và trực tiếp tham gia giảng dạy, hướng dẫn đạo đức và chăm sóc tâm linh cho người học; Phật tử và tình nguyện viên: Là lực lượng đông đảo, thường xuyên hỗ trợ các công việc như nấu ăn, dọn dẹp, chuẩn bị lớp học, chăm sóc sinh hoạt cho trẻ em và người yếu thế; Giáo viên nghỉ hưu: Là lực lượng có kinh nghiệm sư phạm, am hiểu tâm lý người học, thường tham gia giảng dạy tại các lớp tình thương với tinh thần hoàn toàn thiện nguyện. Sinh viên ngành sư phạm, cán bộ đoàn thể: Sinh viên năm cuối các ngành giáo dục thường chọn các lớp học tình thương của Phật giáo làm nơi thực hành kỹ năng nghề nghiệp, vừa học tập, vừa cống hiến.

Về nguồn tài chính: Phụ thuộc vào sự quyên góp của Phật tử, các nhóm thiện nguyện, doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, cùng với nguồn hỗ trợ nhỏ từ chính quyền địa phương (nếu có).

3.2.4.2. Nội dung thực hiện

Trong nỗ lực thực hiện an sinh xã hội, nhiều cơ sở Phật giáo Việt Nam đã tổ chức và duy trì các hoạt động giáo dục dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Một trong những hình thức tiêu biểu là giáo dục văn hóa chữ viết

thông qua việc mở lớp học tình thương dành cho trẻ em nghèo, trẻ mồ côi ở độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở. Nội dung giảng dạy trong các lớp học này bám sát chương trình phổ thông cơ bản, chú trọng các môn học thiết yếu như Toán, Tiếng Việt và Đạo đức. Tiêu biểu, chùa Kỳ Quang 2 (Tp. Hồ Chí Minh), chùa Diệu Giác (quận 2), chùa Pháp Bửu (Long An) hiện đang duy trì các lớp học miễn phí cho hàng trăm trẻ em cơ nhỡ, góp phần giúp các em tiếp cận tri thức và giảm thiểu nguy cơ bỏ học giữa chừng [73].

Bên cạnh đó, các cơ sở Phật giáo còn lồng ghép giáo dục nhân cách và đạo đức vào quá trình học tập và sinh hoạt thường nhật, thông qua việc giảng dạy các giá trị như hiếu thảo, biết ơn, trung thực, sẻ chia và chánh niệm. Mô hình giáo dục này góp phần hình thành phẩm chất đạo đức vững chắc cho trẻ, phù hợp với triết lý từ bi và vị tha của Phật giáo.

Ngoài ra, các khóa hướng nghiệp như dạy nghề thủ công, tin học cơ bản, kỹ năng giao tiếp cũng được tổ chức nhằm giúp trẻ có định hướng nghề nghiệp sớm và khả năng thích ứng xã hội. Các hoạt động ngoại khóa như lễ hội Phật giáo, khóa tu mùa hè, chương trình giao lưu, cùng với việc chăm lo bữa ăn, chỗ nghỉ và dịch vụ y tế cơ bản đã tạo nên môi trường giáo dục toàn diện, vừa bồi dưỡng tri thức vừa chăm sóc đời sống thể chất và tinh thần cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn [63, tr 47].

3.2.4.3. Về mục đích hướng tới

Giáo dục tình thương do Phật giáo triển khai không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ nhất thời cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, mà còn hướng tới những mục tiêu nhân văn, sâu rộng và bền vững, gắn liền với lý tưởng từ bi - cứu khổ - nhập thế trong giáo lý nhà Phật.

Trước hết, mục tiêu trọng yếu của giáo dục tình thương Phật giáo là bảo đảm quyền được học tập cho trẻ em yếu thế, bao gồm trẻ em mồ côi, lang thang, không có hộ khẩu, hoặc không đủ điều kiện theo học tại các cơ sở giáo dục công lập. Việc thực hiện giáo dục miễn phí cho các đối tượng này thể hiện sự cụ thể hóa tinh thần của Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em (1989), đặc biệt là quyền được học tập và phát triển toàn diện, không phân biệt hoàn cảnh xuất thân.

Thứ hai, việc giáo dục tình thương hướng tới ngăn chặn nguy cơ mù chữ, thất học và tái nghèo, những yếu tố vốn là nguyên nhân sâu xa dẫn đến bất bình đẳng và bất ổn xã hội. Thông qua việc cung cấp tri thức cơ bản, giáo dục đạo đức, hướng nghiệp và kỹ năng sống, Phật giáo tạo điều kiện để trẻ em yếu thế phát triển nhân cách, có định hướng nghề nghiệp và tăng khả năng hòa nhập xã hội trong tương lai.

Thứ ba, các hoạt động này còn góp phần lan tỏa tinh thần từ bi, nhập thế và hành đạo bằng hành động thiết thực. Việc tổ chức lớp học miễn phí, chăm sóc đời sống vật chất - tinh thần cho học sinh không chỉ là hành vi từ thiện mà còn là sự thể hiện cụ thể lý tưởng Phật giáo trong đời sống xã hội hiện đại.

Cuối cùng, mô hình giáo dục tình thương do Phật giáo đảm trách còn đóng vai trò như một mô hình giáo dục nhân văn ngoài công lập, góp phần giảm tải cho hệ thống giáo dục chính thống, đồng thời tăng tính công bằng trong tiếp cận tri thức. Sự tồn tại và phát triển của các lớp học tình thương tại chùa, tịnh xá không chỉ mang giá trị cứu tế mà còn thể hiện vai trò chủ thể tích cực của tôn giáo trong công cuộc thực hiện ASXH một cách toàn diện và bền vững.

3.2.5. Vai trò của Phật giáo trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS

3.2.5.1. Nguồn lực thực hiện

Về nhân lực thực hiện, lực lượng tham gia thực hiện các hoạt động ASXH mang tính đa thành phần như các hoạt động khác trong lĩnh vực thực hiện ASXH của Phật giáo, bao gồm: Tăng, ni và Phật tử: là lực lượng nòng cốt, thường xuyên hiện diện tại cơ sở tôn giáo, tham gia trực tiếp vào hoạt động tổ chức, chăm sóc và hỗ trợ tinh thần; Tình nguyện viên: bao gồm các cá nhân có tâm huyết, đóng góp công sức vào các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục và nuôi dưỡng. Giáo viên nghỉ hưu, sinh viên ngành sư phạm: đảm nhiệm vai trò giảng dạy, hỗ trợ giáo dục tình thương và kỹ năng sống tại các lớp học bán trú hoặc lớp học ngoài giờ. Cán bộ đoàn thể địa phương: tham gia hỗ trợ kết nối, quản lý cộng đồng và truyền thông chính sách an sinh tại các khu vực có hoạt động Phật giáo mạnh.

Về nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động ASXH của Phật giáo, bao gồm chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, giáo dục nhân đạo và hỗ trợ y tế, chủ yếu từ sự đóng góp của tín đồ Phật tử, các nhà hảo tâm, nhóm thiện nguyện trong và ngoài nước; sự tài trợ của doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội (CSR), thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng và nguồn lực hỗ trợ từ chính quyền địa phương (nếu có), thường là hỗ trợ về vật tư y tế, đất đai hoặc điều phối hành chính.

Phật giáo chủ yếu tận dụng cơ sở vật chất sẵn có trong khuôn viên chùa, tu viện để tổ chức các hoạt động ASXH. Trong đó có các phòng học cũ, giảng đường nhỏ hoặc nhà tổ được chuyển đổi thành lớp học bán trú, nơi tổ chức sinh hoạt kỹ năng hoặc tư vấn y tế, một số nơi linh hoạt tổ chức lớp học ngoài trời, các buổi sinh hoạt tập thể hay lớp châm cứu, dưỡng sinh ngay tại khu vực sân chùa. Các phòng khám y học cổ truyền hoặc Tuệ Tĩnh đường tại chùa cũng được huy động để khám chữa bệnh miễn phí cho người dân, trong đó có người nhiễm HIV/AIDS, người cao tuổi và người nghèo.

3.2.5.2. Nội dung thực hiện

Một là, tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo và người nhiễm HIV/AIDS trong hoạt động an sinh của Phật giáo. Nhiều chùa và cơ sở từ thiện Phật giáo đã thành lập phòng khám y học cổ truyền, Tuệ Tĩnh đường, tổ chức khám chữa bệnh, châm cứu, bấm huyệt, cấp thuốc Đông y miễn phí. Một số cơ sở còn kết hợp Đông - Tây y, mời bác sĩ, y tá thiện nguyện hoặc đã nghỉ hưu cùng tham gia phục vụ bệnh nhân. Người nhiễm HIV/AIDS, người nghèo, người cao tuổi là đối tượng ưu tiên, được hỗ trợ điều trị dài hạn và tư vấn sức khỏe.

Một trong những nội dung nổi bật trong hoạt động ASXH của Phật giáo Việt Nam là việc tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng yếu thế, đặc biệt là người nghèo và người nhiễm HIV/AIDS. Nhiều chùa, tịnh xá và cơ sở từ thiện Phật giáo trên cả nước đã chủ động thành lập các phòng khám y học cổ truyền, tiêu biểu là các Tuệ Tĩnh đường, nhằm thực hiện chức năng khám bệnh, châm cứu, bấm huyệt, cấp phát thuốc Đông y miễn phí cho

người dân có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, một số cơ sở còn vận dụng linh hoạt mô hình kết hợp giữa Đông y và Tây y, thông qua việc mời các y, bác sĩ, điều dưỡng thiện nguyện hoặc đã nghỉ hưu cùng tham gia vào công tác điều trị. Nhờ vậy, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của người bệnh.

Đối tượng ưu tiên trong các hoạt động này bao gồm: *người nhiễm HIV/AIDS, người già neo đơn, người nghèo ở vùng sâu, vùng xa và người khuyết tật*. Ngoài việc hỗ trợ điều trị dài hạn, các cơ sở còn tổ chức *tư vấn sức khỏe, hướng dẫn phòng bệnh, nâng cao nhận thức cộng đồng* về phòng ngừa các bệnh mãn tính, truyền nhiễm. Đây không chỉ là hoạt động từ thiện đơn thuần, mà còn thể hiện rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo, góp phần cụ thể hóa mục tiêu “không ai bị bỏ lại phía sau” trong chính sách ASXH quốc gia.

Hai là, thành lập các trung tâm hỗ trợ, tư vấn và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS trong hệ thống an sinh Phật giáo. Trong bối cảnh HIV/AIDS không chỉ là vấn đề y tế mà còn là thách thức xã hội, GHPGVN đã chủ động phối hợp với các tổ chức y tế trong và ngoài nước để xây dựng và vận hành nhiều trung tâm hỗ trợ, tư vấn và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại các tỉnh, thành trên cả nước. Đây là một bước phát triển quan trọng trong việc chuyên nghiệp hóa hoạt động từ thiện Phật giáo, đặc biệt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho nhóm yếu thế.

Các trung tâm này hoạt động đa chức năng, với ba nội dung chính. Trước hết, trung tâm thực hiện tư vấn y tế và tâm lý cho người nhiễm HIV/AIDS cũng như người thân, nhằm giúp họ ổn định tinh thần, tuân thủ điều trị và hạn chế tự kỳ thị. Thứ hai, trung tâm đóng vai trò là kênh truyền thông cộng đồng, tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục về phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, góp phần nâng cao nhận thức và giảm kỳ thị xã hội. Cuối cùng, trung tâm còn hỗ trợ pháp lý và kết nối điều trị y tế cho người bệnh thông qua việc phối hợp với các cơ sở y tế công lập, đồng thời hướng dẫn họ tiếp cận các dịch vụ an sinh y tế do Nhà nước hoặc tổ chức xã hội cung cấp.

Thông qua việc thành lập và vận hành các trung tâm này, Phật giáo không chỉ đóng vai trò là lực lượng nhân đạo trong việc “cứu khổ cứu nạn”

mà còn trở thành đối tác xã hội quan trọng trong việc thực hiện chính sách y tế công bằng và nhân đạo, phù hợp với mục tiêu an sinh toàn diện và phát triển bền vững quốc gia.

Ba là, tổ chức chăm sóc dài hạn và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS không nơi nương tựa. Phật giáo tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội, trong đó đặc biệt góp phần cùng toàn nhân loại ngăn chặn bệnh dịch thế kỷ HIV/AIDS và xoa dịu nỗi đau của những người không may bị nhiễm căn bệnh thế kỷ này. Trong hơn một thập niên trở lại đây, Phật giáo Việt Nam đã thành lập nhiều cơ sở nuôi người nhiễm HIV/AIDS cũng như thành lập các trung tâm tư vấn HIV/AIDS.

Ở phương diện cụ thể, hoạt động chăm sóc người bệnh nhiễm HIV/AIDS hiện nay nổi bật là các phòng khám chữa bệnh, các trung tâm hỗ trợ, tư vấn cho người nhiễm HIV/AIDS. Hoạt động của hàng trăm phòng khám, chữa bệnh Tuệ Tĩnh đường và các trung tâm tư vấn, giúp đỡ người nhiễm HIV/AIDS đã cho thấy tính hiệu quả của mô hình này. Nổi bật là GHPGVN kết hợp với MTTQVN và UNICEF triển khai “*Sáng kiến lãnh đạo Phật giáo tham gia phòng, chống HIV/AIDS*” tại một số ngôi chùa ở Hà Nội, Huế và Tp. Hồ Chí Minh.

Bốn là, tổ chức các chương trình dinh dưỡng, phát quà và hỗ trợ sinh hoạt cho người nhiễm HIV/AIDS. Bên cạnh các hoạt động chăm sóc y tế và tư vấn tinh thần, nhiều cơ sở Phật giáo còn triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ dinh dưỡng và sinh hoạt nhằm cải thiện điều kiện sống của người nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt là những trường hợp điều trị nội trú, không có người thân chăm sóc hoặc có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại nhiều bệnh viện, trung tâm y tế và trạm y tế cơ sở, các chùa và nhóm Phật tử thiện nguyện đã phối hợp tổ chức các bữa ăn miễn phí hằng ngày hoặc định kỳ, cung cấp suất ăn đảm bảo dinh dưỡng cho bệnh nhân HIV/AIDS và người nhà nuôi bệnh. Việc này không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng tài chính mà còn thể hiện sự quan tâm nhân đạo sâu sắc đối với người bệnh vốn đã chịu nhiều thiệt thòi trong đời sống xã hội.

Đặc biệt, một số chùa đã sáng tạo và duy trì các mô hình như “nồi cháo từ thiện”, “gian hàng 0 đồng”, nơi bệnh nhân và người thân có thể nhận miễn phí các suất ăn, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày một cách trang trọng, không phân biệt đối tượng.

Năm là, tư vấn tâm lý, giáo dục cộng đồng và xóa kỳ thị. Đặc trưng của mô hình này vừa tuyên truyền, tư vấn tâm lý cho hàng chục nghìn người về kiến thức HIV/AIDS; vừa tổ chức nhiều lớp tập huấn cho các Tăng Ni, Phật tử và người dân; đồng thời thăm hỏi và tặng quà cho hàng nghìn người nhiễm HIV/AIDS và con em của họ. Nhất là công tác chăm sóc chữa bệnh, hỗ trợ chữa bệnh, cấp phát thuốc cho hàng chục nghìn người nhiễm HIV... Khi người bệnh AIDS chết, các Tăng Ni đã tổ chức khâm liệm theo nghi lễ Phật giáo. Nhìn chung, mô hình này đã có sự phát triển đáng kể thông qua việc nhân rộng ở nhiều tỉnh thành, tiêu biểu là ở Đà Nẵng, Trà Vinh,... Điều này khiến tâm lý nhiều người bệnh không muốn đến các cơ sở y tế khám chữa bệnh, họ sống khép mình, sống bất cần và có thái độ tiêu cực với cuộc đời thì đến nay, ở chùa thì họ cởi bỏ được những tâm lý này.

Tại TP.HCM, Học viện PGVN vận hành một trung tâm tư vấn HIV/AIDS hoạt động hiệu quả theo mô hình có tài trợ quốc tế. Hoạt động cốt lõi gồm: (i) tư vấn cho người nhiễm HIV/AIDS để họ hiểu bệnh và hòa nhập cộng đồng; (ii) truyền thông – tư vấn trong cộng đồng nhằm giảm thiểu và chống lại sự kỳ thị đối với người nhiễm HIV/AIDS [39, tr 236].

Giáo hội PGVN đã thể hiện rõ vai trò tích cực và mang tính nhân đạo sâu sắc trong lĩnh vực y tế cộng đồng, đặc biệt là thông qua việc thành lập các trung tâm tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS, cũng như vận hành hiệu quả hệ thống Tuệ Tĩnh đường, phòng khám Đông - Tây y, phòng thuốc Nam trên phạm vi toàn quốc. Những đóng góp này không chỉ mang giá trị vật chất mà còn góp phần lan tỏa tinh thần từ bi, vô phân biệt của Phật giáo trong chăm sóc sức khỏe người dân.

Trong thời gian qua, hội Phật giáo và tăng, ni, Phật tử các tỉnh, thành dưới sự chỉ đạo của GHPHVN đã nỗ lực vận động tài chính, vật phẩm cứu trợ đồng bào bị thiên tai, xây dựng đường sá, bắc cầu; ủng hộ các chiến sĩ biên phòng, hải

đảo; thăm hỏi và động viên hỗ trợ các thương binh, bệnh binh, bệnh nhân nghèo khó tại các bệnh viện, trại phong, trại tâm thần, nhà dưỡng lão; ủng hộ quỹ bảo thọ, trợ cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo hiếu học.

Ngoài ra, với việc trợ giúp đột xuất, GHPGVN tập trung vào các hoạt động cứu trợ đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc; thăm và tặng quà cho bệnh nhân trại phong, trại tâm thần, nhà dưỡng lão, người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam; tặng xe đạp cho học sinh nghèo; tổ chức bữa ăn từ thiện, nồi cháo tình thương cho bệnh nhân nghèo, v.v.. Cùng với trợ giúp xã hội trong nước, năm 2015, GHPGVN còn phát động đợt quyên góp cứu trợ đồng đất ở Nepal với số tiền quyên góp tương đương 552.700 USD và 4.700 rupi.

3.2.5.3. Về mục đích hướng tới

Hoạt động ASXH của Phật giáo trong lĩnh vực chăm sóc y tế và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS không chỉ đơn thuần là sự hỗ trợ vật chất, mà còn mang tính nhân văn sâu sắc, hướng tới những giá trị căn bản của đạo Phật và phù hợp với mục tiêu phát triển xã hội bền vững. Trước hết, mục đích cốt lõi của các hoạt động này là nhằm *giảm nhẹ nỗi đau thể xác và tinh thần* cho người nhiễm HIV/AIDS - một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và thường xuyên phải đối mặt với sự kỳ thị xã hội.

Cách tổ chức tận dụng cơ sở vật chất sẵn có giúp giảm chi phí vận hành, đồng thời tạo không gian gần gũi, nhân văn, phù hợp với đặc thù hoạt động từ thiện Phật giáo.

Những mô hình chăm sóc dài hạn đối với những người nhiễm HIV/AIDS đã và đang góp phần tích cực vào việc giảm áp lực cho hệ thống bảo trợ xã hội công lập, đồng thời lan tỏa thông điệp nhân văn sâu sắc về sự bình đẳng, bao dung và tôn trọng phẩm giá con người - đúng với tinh thần cốt lõi của đạo Phật.

Hoạt động ASXH của Phật giáo trong lĩnh vực chăm sóc y tế và nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS không chỉ đơn thuần là sự hỗ trợ vật chất, mà còn mang tính nhân văn sâu sắc, hướng tới những giá trị căn bản của đạo Phật và phù hợp với mục tiêu phát triển xã hội bền vững. Trước hết, mục đích cốt lõi của các hoạt động này là nhằm *giảm nhẹ nỗi đau thể xác và tinh thần* cho

người nhiễm HIV/AIDS - một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và thường xuyên phải đối mặt với sự kỳ thị xã hội.

Thông qua việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe miễn phí, hỗ trợ điều trị, dinh dưỡng và tư vấn tinh thần, các cơ sở Phật giáo hướng tới mục tiêu *bảo đảm quyền được chăm sóc y tế cơ bản cho mọi người, không phân biệt bệnh tật, hoàn cảnh hay thân phận*. Điều này thể hiện tinh thần bình đẳng, từ bi và vô ngã của Phật giáo, đồng thời góp phần cụ thể hóa quyền tiếp cận dịch vụ y tế được ghi nhận trong các văn kiện pháp lý quốc gia và quốc tế.

Bên cạnh đó, mục đích sâu xa của hoạt động an sinh này là lan tỏa tinh thần từ bi, cứu khổ và nhập thế của Phật giáo trong đời sống xã hội hiện đại. Trong đó, Phật giáo không chỉ giữ vai trò tâm linh mà còn là một chủ thể xã hội tích cực, đồng hành cùng Nhà nước và cộng đồng trong việc chăm lo đời sống cho những nhóm dân cư yếu thế, góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân ái và phát triển bền vững.

Thực hiện chương trình hoạt động Phật sự năm 2024, Ban Từ thiện Xã hội Trung ương đã tổ chức chuyến công tác thăm viếng và làm việc với Ban TTXH các tỉnh thành, thăm hỏi và hỗ trợ các tỉnh thành bị ảnh hưởng nặng nề bởi bão lũ Yagi, với kinh phí thực hiện là 14.115.240.000đ [48]. Qua số liệu cho thấy: Hoạt động này thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội sâu sắc của PGVN, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai ngày càng diễn biến khó lường. Ban TTXH Trung ương không chỉ thăm hỏi về tinh thần mà còn hỗ trợ vật chất kịp thời, chia sẻ khó khăn với đồng bào, qua đó góp phần ổn định đời sống người dân sau thiên tai. Kinh phí hơn 14 tỷ đồng dành cho một hoạt động cứu trợ thiên tai là con số đáng kể, cho thấy năng lực vận động, kết nối và tổ chức của Ban TTXH Trung ương GHPGVN. Điều này cũng phản ánh niềm tin mạnh mẽ của cộng đồng Phật tử và xã hội đối với các hoạt động từ thiện của Giáo hội.

Một mục tiêu quan trọng khác là *giúp người nhiễm HIV/AIDS tái hòa nhập cộng đồng một cách bền vững*. Việc kết hợp giữa chăm sóc y tế với tư vấn tâm lý, giáo dục cộng đồng và các hoạt động xóa bỏ kỳ thị góp phần nâng cao nhận thức xã hội, tạo dựng môi trường nhân văn, khoan dung và bao dung

hơn đối với người mang bệnh. Qua đó, các hoạt động an sinh Phật giáo không chỉ giúp người bệnh sống khỏe mạnh, có phẩm giá mà còn tạo điều kiện để họ đóng góp trở lại cho xã hội theo khả năng của mình.

Cuối cùng, mục đích sâu xa của hoạt động an sinh này là *lan tỏa tinh thần từ bi, cứu khổ và nhập thế của Phật giáo trong đời sống xã hội hiện đại*. Trong đó, Phật giáo không chỉ giữ vai trò tâm linh mà còn là một chủ thể xã hội tích cực, đồng hành cùng Nhà nước và cộng đồng trong việc chăm lo đời sống cho những nhóm dân cư yếu thế, góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân ái và phát triển bền vững.

3.3. Đánh giá thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam thời gian qua

3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Những kết quả đạt được

Với những đóng góp to lớn của Giáo hội vào công tác từ thiện, nhân đạo, đảm bảo ASXH hơn 40 năm qua, GHPGVN đã vinh dự hai lần được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, phần thưởng cao quý nhất của Đảng, Nhà nước ta cùng với nhiều danh hiệu cao quý khác. Tại Đại lễ kỷ niệm 35 năm thành lập GHPGVN, GHPGVN cũng đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Đảng và Nhà nước trao tặng vì *“Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụng sự đạo pháp và dân tộc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”*.

Năm 2019, Phân ban Ni Giới Trung ương đã kết hợp với Viện Nghiên cứu Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội tổ chức thành công Đại lễ kỷ niệm và hội thảo khoa học 906 năm ni sư Diệu Nhân viên tịch cùng chư vị tổ sư ni tiền bối hữu công. Điều này mang một ý nghĩa rất lớn, đó là ngoài việc ghi nhận, tôn vinh những đóng góp lớn lao của ni giới đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Phật giáo nước nhà trong bối cảnh hiện nay. Bất cứ việc làm nào trong Phật pháp cùng hướng đến mục đích giải thoát giác ngộ của con người và vì lợi ích thiết thực để mang lại sự an lạc hạnh phúc cho nhân quần xã hội, là việc hoằng dương chính pháp lợi lạc quần sinh.

Trong thời gian qua, các lớp học tình thương, trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, mồ côi, nhà dưỡng lão, trường dạy nghề, Trung tâm tư vấn người nhiễm HIV/AIDS... trong hệ thống GHPGVN đều hoạt động ổn định, có kết quả.

Các tăng, ni, Phật tử cả nước đã nhiệt liệt hưởng ứng các phong trào ích nước lợi dân, ủng hộ quỹ “đền ơn đáp nghĩa”, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà Đại đoàn kết, áo quan, gạo, quần áo, thuốc men, ủng hộ tuyến đầu Tổ quốc, chiến sĩ biên phòng, trại tâm thần, nhà dưỡng lão, quỹ bảo thọ, hàng ngàn ca hiến máu nhân đạo và nhiều công tác từ thiện khác...

Có thể thấy, vai trò của Phật giáo tham gia công tác ASXH ở Việt Nam hiện nay là vô cùng tích cực, luôn sẵn sàng tham gia góp sức cùng các tổ chức liên ngành, liên lĩnh vực và luôn phát huy tính chuyên nghiệp để gánh vác trách nhiệm bảo trợ xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. GHPGVN đóng góp vào xã hội hóa hoạt động giáo dục. Trong điều kiện hiện nay nhằm góp phần chung tay thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục. Việc tổ chức Phật giáo xây dựng hàng trăm cơ sở giáo dục tình thương đã góp phần giải quyết về số lượng các cháu được đến trường mầm non, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh, tăng tỷ lệ cháu mầm non ra lớp.

Đóng góp về các cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở dạy nghề của GHPGVN. Các cháu được nuôi dưỡng chu đáo, nguồn kinh phí nuôi dưỡng và dạy nghề khá ổn định, các cháu trưởng thành, trở thành công dân tốt, hòa nhập cộng đồng, học được nghề: thêu, vi tính, nấu ăn, may mặc.

Tinh thần ASXH của Phật giáo được hiện thực hóa qua một phổ hoạt động phúc lợi toàn diện: hỗ trợ bệnh nhân tại bệnh viện bằng các suất cháo từ thiện; trợ giúp người già neo đơn bằng áo ấm, vật dụng thiết yếu; tiếp sức hộ nghèo bằng nhu yếu phẩm hằng ngày; chăm lo trẻ em vùng cao bằng áo ấm và các lớp học khang trang; xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình có công; cứu trợ đồng bào chịu thiên tai, lũ lụt và nạn nhân tai nạn giao thông. Đồng thời, Phật giáo đặc biệt chú trọng giáo dục hướng thiện—giúp người dân, nhất là thanh thiếu niên, rèn luyện trách nhiệm công dân và sống hữu ích cho xã hội.

Các đối tượng yếu thế trong xã hội được chăm lo, quan tâm nhiều hơn hỗ trợ người nghèo, chăm sóc học sinh nghèo, nuôi dưỡng người già neo đơn,

xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo, hỗ trợ vốn, tặng phương tiện mưu sinh cho người có hoàn cảnh khó khăn.

Đội ngũ ni sư được đào tạo chuyên môn ngày càng tăng, kinh nghiệm tham gia hoạt động từ thiện xã hội, các chư ni năng động tích cực tham gia công tác từ thiện ASXH đến các vùng cao như tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Tây Nguyên, Đắk Lắk,....

Tích cực phối hợp với các ban khác của Trung ương Giáo hội và các tổ chức đoàn thể xã hội khác trong hoạt động đảm bảo ASXH cho người dân. Trong quá trình công tác từ thiện kết hợp với các ban, ngành của Giáo Hội và liên hệ trực tiếp với chính quyền Mặt trận Tổ quốc các địa phương đến từ thiện.

Công tác tuyên truyền về hoạt động ASXH của ni giới được đẩy mạnh: kết hợp tuyên truyền trên các kênh truyền hình An Viên, Phật sự online, bài viết, Đặc san Hoa Đàm, Nội san Hoàng pháp, tạp chí Khuông Việt...

Có thể khẳng định rằng, trong thời gian qua các hoạt động ASXH của Phật giáo ngày càng tăng về quy mô, mở rộng về đối tượng thụ hưởng, phong phú, đa dạng về hình thức thể hiện tính linh hoạt, sáng tạo trong cách thức tổ chức. Trong quá trình triển khai, các hoạt động được phối hợp chặt chẽ với chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị – xã hội. Đặc biệt, phạm vi huy động vượt ra ngoài cộng đồng Tăng Ni, Phật tử, thu hút đông đảo người dân và doanh nghiệp tham gia, qua đó chia sẻ gánh nặng với Nhà nước trong bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội và cùng hướng tới mục tiêu mọi người dân có cuộc sống hạnh phúc.

Những thành tựu thuận lợi đạt được bởi đức tính tỉ mỉ, cần cù nhẫn nại và khiêm cung, chư tôn đức ni Phân ban Ni giới Trung ương và các tỉnh thành luôn giữ gìn giới luật uy nghi trong tu học và hoằng pháp; bằng sự vận dụng và phát huy trí tuệ tập thể trên tinh thần đoàn kết hòa hợp trường dưỡng đạo tâm trang nghiêm giáo hội, hoạt động theo hiến chương giáo hội và theo nội quy Ban Tăng sự đề ra; luôn chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống tốt đời đẹp đạo, góp phần giữ vững niềm tin đạo pháp cho hàng Phật tử tại gia, hướng dẫn chư ni Phật tử cả nước đoàn kết một lòng hoàn thành nhiệm vụ của Trung ương Giáo hội giao phó.

Tăng Ni và các cơ sở Phật giáo không chỉ thực hiện tốt sứ mệnh hoằng pháp - truyền bá giáo lý nhà Phật, nuôi dưỡng đời sống tâm linh cho cộng đồng - mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động ASXH. Nhờ đời sống đạo hạnh, uy tín và sự gần gũi với nhân dân, các vị Tăng Ni thường được tín đồ và cộng đồng tin tưởng, sẵn sàng đồng hành trong các chương trình từ thiện, cứu trợ, chăm lo cho người nghèo, người yếu thế. Việc hoằng pháp vì thế không chỉ dừng lại ở lời giảng mà còn thể hiện sống động qua hành động thiết thực, góp phần xây dựng xã hội nhân ái, hài hòa và bền vững.

Nhìn chung, các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự, Ban Từ thiện Xã hội các cấp, các Hệ phái Phật giáo, chư Tôn đức Tăng Ni các tu viện và Phật tử cả nước đã rất tích cực nỗ lực trong công tác từ thiện, ASXH, đồng thời nhiệt liệt hưởng ứng các phong trào ích nước lợi dân, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ áo quan, gạo, quần áo, thuốc men, ủng hộ tuyển đầu Tổ quốc, chiến sĩ biên phòng, hải đảo, Trại tâm thần, Nhà dưỡng lão, Quỹ Bảo thọ, hàng chục ngàn ca hiến máu nhân đạo và nhiều công tác từ thiện khác. Phật giáo là một tôn giáo lớn, có số lượng tín đồ đông đảo. Phần lớn tín đồ Phật giáo thấu triệt giáo lý từ, bi, hỷ, xả cùng các quan niệm “cứu một người phúc bằng hà sa”, “Dù xây chín bậc phù đề/Không bằng làm phúc cứu cho một người”. Chính những nền tảng ấy tạo nên động lực nội sinh, khiến họ tự tâm, tự nguyện phát khởi công đức. Thực tế cho thấy không cần sự hô hào vận động, thuyết phục của chính quyền, đoàn thể, nhiều nơi các Phật tử họ tự nguyện tìm đến các tổ chức từ thiện, tổ chức chữ thập đỏ để đóng góp hoặc các Phật tử tự tập hợp nhau lại thành nhóm tham gia công tác ASXH. Thực tế cho thấy rất nhiều Phật tử chưa có nhiều điều kiện về kinh tế nhưng với tinh thần “Lá rách ít đùm lá rách nhiều”, họ tự nguyện tham gia. Lực lượng tham gia hoạt động ASXH của Phật giáo thu hút được hầu hết các thành phần xã hội, các lứa tuổi. Đây là một lợi thế mà không phải tổ chức tôn giáo nào ở Việt Nam cũng có được.

3.3.1.2. Nguyên nhân kết quả đạt được

Trong thời gian qua, Phật giáo không chỉ tích cực tham gia mà còn đạt được nhiều kết quả thiết thực, bền vững trong công tác ASXH. Để có được kết quả trên, có thể kể đến một số nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, Nhà nước luôn ghi nhận vai trò tích cực của tôn giáo trong phát triển xã hội và tạo điều kiện pháp lý, hành chính thuận lợi để các tổ chức tôn giáo tham gia ASXH. Nhà nước tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch trong việc thực hiện ASXH. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 và các văn bản hướng dẫn cho phép tổ chức tôn giáo được mở cơ sở từ thiện, y tế, giáo dục, dạy nghề... theo quy định pháp luật. Phật giáo được công nhận tư cách pháp nhân, có quyền đứng ra tổ chức hoạt động thiện nguyện hợp pháp, xin phép thành lập cơ sở chăm sóc xã hội, tiếp nhận tài trợ, phối hợp với chính quyền. Chính quyền các cấp đã đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp phép tổ chức hoạt động từ thiện, cứu trợ, đặc biệt trong tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh. Do vậy, các chùa, tăng ni không bị rào cản giấy tờ rườm rà khi làm thiện nguyện, miễn là tuân thủ đúng quy định. Bên cạnh đó, chính quyền hỗ trợ phối hợp với GHPGVN để giám sát, điều phối và đảm bảo minh bạch trong hoạt động an sinh, tránh trùng lặp, sai lệch hoặc lợi dụng từ thiện.

Mọi đóng góp của Phật giáo cho ASXH bắt đầu từ chính bản chất nhân đạo, vị tha, yêu thương con người trong giáo lý của nhà Phật. Đây không chỉ là lời dạy mang tính triết lý, mà còn là động lực thúc đẩy hành động cụ thể vì cộng đồng, thể hiện rõ qua hàng loạt việc làm thiết thực vì người yếu thế trong xã hội, do vậy có thể nói: “Cội nguồn từ giáo lý từ bi, cứu khổ cứu nạn”. Giáo lý Phật giáo khuyến khích con người hành thiện, sống vị tha, thương yêu và giúp đỡ nhau. Từ tinh thần này, các hoạt động từ thiện, hỗ trợ người yếu thế không chỉ là “Việc làm xã hội” mà còn là bổn phận tu hành và công đức tâm linh đối với tăng ni, Phật tử. Đây là một trong những động lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy sự bền bỉ, chân thành và tự nguyện trong các hoạt động an sinh.

Thứ hai, hệ thống tổ chức Giáo hội chặt chẽ, lan tỏa rộng khắp trong ASXH, thể hiện ở việc: GHPGVN có một cơ cấu tổ chức thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, giúp triển khai hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội trên phạm vi cả nước, với sự phối hợp nhịp nhàng giữa tăng ni, chùa chiền và tín đồ. Cơ cấu tổ chức của GHPGVN: Trung ương Giáo hội, Giáo

hội cấp tỉnh/thành phố, Giáo hội cấp huyện/quận và các tự viện (chùa, thiền viện, tu viện) là đơn vị cơ sở. Điều này giúp chỉ đạo, điều phối và triển khai các hoạt động an sinh theo chiều dọc rất nhanh và hiệu quả. Ngoài ra, GHPGVN thành lập Ban Từ thiện - Xã hội ở cả Trung ương và địa phương. Ban này chuyên tổ chức các hoạt động như: Cứu trợ thiên tai, xây nhà tình thương, tặng học bổng, xe lăn, gạo, nhu cầu yếu phẩm, duy trì bếp ăn từ thiện, nuôi trẻ mồ côi, người già neo đơn...

Mạng lưới chùa chiền phủ khắp cả nước chính là cánh tay nối dài của Giáo hội và cũng là điểm tựa an sinh xã hội tại cộng đồng, giúp Phật giáo triển khai kịp thời, sâu rộng và hiệu quả các hoạt động thiện nguyện, góp phần xây dựng một xã hội nhân ái, đoàn kết và phát triển bền vững.

Việt Nam hiện có hơn 18.000 cơ sở tự viện (chùa, thiền viện, tu viện...) phân bố đều khắp các vùng miền - từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mạng lưới rộng lớn này mang lại nhiều lợi thế thiết thực trong công tác ASXH, thể hiện ở việc các chùa nằm trong cộng đồng dân cư, gắn bó mật thiết với đời sống người dân nên nắm bắt sớm các hoàn cảnh khó khăn, như: người nghèo, người bệnh, người neo đơn, trẻ mồ côi... Từ đó có thể kịp thời hỗ trợ trực tiếp, không cần chờ chỉ đạo từ trung ương. Bên cạnh đó, chùa là nơi người dân đến tu tập, học đạo, đồng thời cũng là nơi huy động, tập hợp lực lượng thiện nguyện đông đảo và bền bỉ, nhờ vậy, công tác từ thiện không chỉ là hoạt động vật chất, mà còn là quá trình giáo dục đạo đức, nuôi dưỡng lòng từ bi trong cộng đồng. Hiện nay, các Chùa duy trì các hoạt động an sinh như: Bếp ăn từ thiện, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, người già neo đơn, tặng quà Tết, phát thuốc miễn phí, học bổng cho học sinh nghèo...

Thứ ba, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chính quyền địa phương là yếu tố then chốt giúp các hoạt động ASXH triển khai đúng người, đúng việc, kịp thời và minh bạch. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã. Nhờ vậy, các chương trình từ thiện, cứu trợ xã hội được triển khai có định hướng chung, không chồng chéo hay tự phát. Khi có biến cố lớn (thiên tai, dịch bệnh...), lệnh điều phối từ trung ương Giáo hội được các chùa địa phương

thực hiện nhanh chóng, phối hợp ăn ý. Các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ trong việc cung cấp danh sách người khó khăn, vùng cần giúp đỡ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, cấp phép tổ chức từ thiện, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình phát quà, cứu trợ. Để có được kết quả trên, Giáo hội thường xuyên huy động tín đồ, mạnh thường quân; chính quyền huy động doanh nghiệp, đoàn thể cùng tham gia, từ đó, nguồn lực được tăng lên nhiều lần, đủ để triển khai các chương trình quy mô lớn.

Thứ tư, ASXH bao gồm nhiều lĩnh vực như bảo hiểm xã hội, y tế, hỗ trợ người nghèo, trợ cấp thất nghiệp, chăm sóc người già, trẻ em... Để các hoạt động ASXH thực hiện thường xuyên, bền vững cần có kinh phí để duy trì và hoạt động. Tất cả những chính sách này đều cần nguồn lực tài chính và nhân lực lớn để triển khai hiệu quả. Giáo hội thường xuyên huy động được vốn để hoạt động. Khi huy động được các nguồn lực xã hội như từ doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cá nhân, quỹ từ thiện..., sẽ đa dạng hóa nguồn lực, giúp ổn định và mở rộng quy mô ASXH.

Tăng ni và các cơ sở Phật giáo có uy tín, đạo đức cao nên được người dân tín nhiệm, sẵn sàng đóng góp và đồng hành. Tăng Ni và các cơ sở Phật giáo uy tín, với đời sống đạo đức mẫu mực và sự gắn bó sâu sắc với cộng đồng, luôn nhận được sự tin tưởng từ người dân. Chính vì vậy, họ không chỉ là điểm tựa tinh thần mà họ còn trở thành cầu nối hiệu quả trong việc huy động sự đóng góp, đồng hành của xã hội cho các hoạt động ASXH, từ thiện và hỗ trợ người yếu thế. Niềm tin và tín nhiệm từ cộng đồng là nền tảng vững chắc giúp các hoạt động của Phật giáo lan tỏa sâu rộng và bền vững trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, Phật giáo đóng góp lớn vào hoạt động ASXH vì có các tình nguyện viên và Phật tử tham gia đông đảo, bền bỉ. Phật giáo có hàng triệu tín đồ sẵn sàng tham gia công tác thiện nguyện với tinh thần vô ngã, không màng lợi ích.

Như vậy, có thể thấy Phật giáo đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công tác ASXH là nhờ sự kết hợp hài hòa giữa giáo lý từ bi, tổ chức bài bản, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và lòng tin của cộng đồng.... Đây là nền tảng

vững chắc để Phật giáo tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng một xã hội nhân ái, công bằng và bền vững.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Những hạn chế

Những năm qua, đại đa số hoạt động ASXH do GHPGVN tổ chức đều đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, qua đó góp phần duy trì ổn định xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH hiện nay, còn một số hạn chế, như:

Thứ nhất, Phật giáo tham gia xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm. Quy mô hỗ trợ còn nhỏ lẻ, phân tán, thiên về cứu trợ trước mắt. Hoạt động xóa đói giảm nghèo của Phật giáo hiện nay chủ yếu dựa trên nguồn công đức, quyên góp tự nguyện của Phật tử, mạnh thường quân, nên thường mang tính tự phát, mùa vụ, gắn với các dịp lễ, Tết, thiên tai, dịch bệnh. Phần lớn chương trình tập trung vào phát quà, phát gạo, nhu yếu phẩm, hỗ trợ tiền mặt cho hộ nghèo, người yếu thế. Mặc dù giúp giảm bớt khó khăn tức thời, nhưng lại chưa hình thành được các mô hình sinh kế bền vững, ít có chương trình hỗ trợ dài hạn để giúp người nghèo tự vươn lên. Nhiều nơi, hoạt động trợ giúp diễn ra rời rạc, thiếu sự liên kết giữa các chùa, tự viện, chưa tạo thành mạng lưới hỗ trợ có chiến lược, nên tác động tổng thể còn hạn chế. Các hoạt động thực hiện ASXH vẫn còn manh mún, còn tình trạng “mạnh ai người nấy làm”, chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Khuyết điểm đó xảy ra trong một số hoạt động tại các cơ sở từ thiện, nhân đạo như trường mầm non, Tuệ Tĩnh đường, trung tâm chăm sóc người già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, hội khuyết tật dân sinh...

Trong lĩnh vực dịch vụ việc làm, một số chùa có mở lớp dạy nghề miễn phí, song điều kiện thực tế còn nhiều hạn chế. Cơ sở vật chất đào tạo đơn giản, phòng học tận dụng từ không gian chùa, thiếu trang thiết bị thực hành đạt chuẩn. Đội ngũ hướng dẫn viên chủ yếu là người thiện nguyện, có kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu kỹ năng sư phạm nghề, dẫn đến chất lượng đầu ra thấp. Nội dung đào tạo cũng chưa theo kịp nhu cầu thị trường lao động hiện

đại, phần lớn là nghề truyền thống như may, cắt tóc, sửa xe nhỏ lẻ. Việc kết nối với doanh nghiệp để giới thiệu việc làm sau đào tạo còn yếu, khiến tỷ lệ người học tìm được việc làm ổn định không cao. Thêm vào đó, hầu hết chương trình không có hoạt động theo dõi, đánh giá sau đào tạo, dẫn đến không đo lường được hiệu quả thực chất của các hoạt động giảm nghèo gắn với việc làm.

Việc thực hiện hoạt động ASXH nhìn chung chỉ tập trung vào khía cạnh nhân đạo, từ thiện mà chưa chú ý đúng mức tới phương diện thực hiện chính sách ASXH, bảo đảm phúc lợi xã hội. Do vậy, tính bền vững và hiệu quả thấp: Nếu chỉ chú trọng vào hoạt động từ thiện, hỗ trợ tình huống ngắn hạn mà không có các chính sách và giải pháp lâu dài, người dân có thể trở nên phụ thuộc vào sự giúp đỡ mà không có cơ hội cải thiện điều kiện sống một cách tự chủ. Việc không tập trung vào các chương trình chính sách ASXH có thể khiến các đối tượng dễ bị tổn thương không được tiếp cận các cơ hội phát triển bền vững, như đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm, hay tạo ra cơ hội cho những người gặp khó khăn hòa nhập xã hội.

Đối với các cơ sở dạy nghề: Nhìn chung còn chưa thật tương xứng với yêu cầu chung. Các cơ sở ở các địa phương còn tản mạn, nhỏ bé về quy mô, nghèo nàn về trang thiết bị, chủ yếu mới dừng lại ở dạy nghề ngắn hạn, giản đơn. Chương trình còn giản lược, đội ngũ cán bộ điều phối, giảng dạy còn hạn chế về trình độ, kỹ năng, kỹ thuật, nghiệp vụ sư phạm. Nhìn chung chưa có điều kiện để đào tạo đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật lành nghề, chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động hiện đại.

Hiện nay, các cơ sở dạy nghề còn phân tán, nhỏ lẻ về quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bị nghèo nàn, vì vậy chỉ mới đào tạo được những nghề giản đơn, như: dạy nghề làm hoa đất; vẽ, lớp tranh gỗ, lớp may... Các cơ sở dạy nghề Phật giáo đôi khi không có đủ trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập, điều này ảnh hưởng đến chất lượng học tập và khả năng tiếp cận các kiến thức mới của người học. Các cơ sở dạy nghề có sự phân tán và thiếu sự kết nối giữa các cơ sở: Khi các cơ sở dạy nghề nhỏ lẻ và không có sự kết nối, việc chia sẻ tài nguyên, kinh nghiệm hay phương pháp giảng dạy

giữa các cơ sở sẽ gặp khó khăn. Điều này làm cho công tác đào tạo nghề trong Phật giáo chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở dạy nghề Phật giáo thiếu giảng viên có trình độ chuyên môn cao, bởi lẽ giảng viên không chỉ giảng dạy mà còn truyền đạt những giá trị, tri thức sâu sắc của Phật giáo.

Thứ hai, Phật giáo tham gia hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi. Phật giáo có truyền thống cứu mang trẻ mồ côi, song phần lớn các cơ sở như mái ấm, nhà tình thương do chùa quản lý đều mang tính nhân đạo, tự phát, không phải cơ sở chăm sóc trẻ em chuyên nghiệp theo quy định pháp luật. Đội ngũ chăm sóc trẻ đa phần là sư thầy, ni sư hoặc Phật tử thiện nguyện, với tấm lòng lớn nhưng chưa được đào tạo chuyên môn về giáo dục mầm non, công tác xã hội, tâm lý trẻ em. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, đặc biệt với trẻ nhỏ hoặc trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Trong hoạt động giáo dục mầm non, cơ sở vật chất của một số trường mầm non còn thiếu và kém, nguồn nhân lực chưa đáp ứng đủ số lượng và chất lượng; vẫn còn tình trạng phải thuê các địa điểm khác nhau để tổ chức giảng dạy cho các cháu. Hệ thống giáo cụ giảng dạy cũng thiếu, các bé chưa được tiếp cận nhiều giáo cụ và chương trình giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Đặc biệt, chất lượng giáo viên giảng dạy còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều tăng, ni, Phật tử không được đào tạo bài bản nghiệp vụ sư phạm nhưng vẫn phải thực hiện công tác giảng dạy và chăm sóc các cháu. Cơ sở vật chất của trường ở một số điểm còn chưa đảm bảo các tiêu chí của ngành quy định.

Nguồn tài chính để vận hành cho các hoạt động ASXH hoàn toàn phụ thuộc vào sự đóng góp của cá nhân, các tổ chức từ thiện trong và ngoài nước. Hiện, các nhân viên làm việc tại các trung tâm bảo trợ, các trường dạy nghề, các trung tâm y tế, các trường mẫu giáo, các nhân viên làm công tác ASXH số ít chỉ được tham dự các lớp tập huấn ngắn hạn về công tác xã hội, chưa qua đào tạo chuyên môn. Trong khi nguồn lực ni giới trẻ của Phật giáo nhiều nơi có kiến thức và trình độ chuyên môn về giáo dục mầm non, nhưng không được giảng dạy vì hình thức tôn giáo, buộc các nơi này phải hợp đồng giáo viên mầm non bên ngoài về đảm trách công tác giảng dạy tại các hệ thống trường mầm non của Phật giáo. Vì vậy, hằng năm các cơ sở Phật giáo nhiều

nơi phải lo xoay xở nguồn kinh phí khá lớn để trả lương cho giáo viên. Trái lại, một nguồn nhân lực tiềm năng và tâm huyết sẵn có lại không được sử dụng. Hơn nữa, nhiều cơ sở đang bị xuống cấp, thiếu các trang thiết bị cần thiết. Do phần lớn cơ sở bảo trợ đặt trong khuôn viên chùa nên diện tích sử dụng còn chật hẹp; vì vậy, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động và chưa đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Cơ sở vật chất tại nhiều nơi còn thiếu thốn: phòng ở chật, thiếu sân chơi, thiết bị dinh dưỡng không đồng bộ. Một số chùa có số lượng trẻ lớn nhưng không tương xứng với năng lực chăm sóc, dẫn đến quá tải trong sinh hoạt và giám sát. Hoạt động giáo dục văn hóa, kỹ năng sống cho trẻ cũng chưa được đầu tư đúng mức, thiếu chương trình dài hạn giúp trẻ hòa nhập cộng đồng. Ngoài ra, việc quản lý hồ sơ trẻ mồ côi còn hạn chế, thiếu sự phối hợp chặt chẽ với ngành lao động - thương binh - xã hội trong công tác xác minh nhân thân, bảo trợ, hoặc bố trí đỡ đầu lâu dài. Tất cả những yếu tố này khiến việc chăm sóc trẻ mồ côi của Phật giáo dù thiện tâm nhưng chưa đạt chuẩn về chuyên môn, khó đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ.

Thứ ba, Phật giáo tham gia hoạt động an sinh đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa. Nhiều chùa có mở nhà dưỡng lão, nhưng quy mô nhỏ, cơ sở vật chất không đồng đều, phần lớn dựa trên phòng ốc sẵn có của chùa nên không theo mô hình chuẩn dưỡng lão hiện đại. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt là người có bệnh nền, bệnh mãn tính. Đội ngũ chăm sóc chủ yếu là tình nguyện viên hoặc tăng ni, thiếu kiến thức y tế - điều dưỡng cơ bản nên việc hỗ trợ còn mang tính chăm sóc đời sống, ít có hoạt động chăm sóc sức khỏe chuyên sâu.

Hoạt động khám bệnh định kỳ hoặc theo dõi sức khỏe hằng ngày cho người cao tuổi chưa được tổ chức khoa học, nhiều nơi chỉ dừng ở việc phát thuốc đơn giản hoặc mời đoàn y bác sĩ theo từng đợt, dẫn đến hiệu quả chăm sóc y tế không liên tục. Mặt khác, các chương trình hỗ trợ tinh thần như tư vấn tâm lý, hoạt động thiền trị liệu, sinh hoạt văn hóa cho người cao tuổi còn hạn chế, khó đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng cao của đối tượng này. Nguồn kinh phí duy trì các hoạt động dưỡng lão không ổn định, phụ thuộc

vào sự đóng góp của Phật tử nên dễ bị gián đoạn khi tình hình kinh tế biến động. Điều này khiến hoạt động chăm sóc người cao tuổi thiếu tính bền vững.

Thứ tư, Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương. Hoạt động ASXH của Phật giáo chưa thực sự chú trọng đến các hoạt động tinh thần để cho con người quyền được sống yên bình và tốt đẹp. Cảnh trí chùa chiền, mái chùa chưa trở thành nơi che chở vỗ về, nương tựa của những tâm hồn còn nhiều loạn, bất an chưa kết nối thường xuyên với nhu cầu tâm linh của con người; không ít người đến với chùa chiền vì mưu lợi vật chất mà không phải vì nhu cầu tinh thần; và cả đâu đó bóng áo cà sa còn vẫn đục những suy tính thiệt hơn,...

Công tác tuyên truyền về các hoạt động đảm bảo ASXH đến với người dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số của Phân ban Ni giới còn gặp nhiều khó khăn (chưa đi sâu; chưa thường xuyên, liên tục;...) thiếu những phương pháp, cách thức sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng.

Ngoài ra, việc thực hiện ASXH chỉ tập trung vào khía cạnh nhân đạo mà không kết hợp với các chính sách ASXH có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ và không hiệu quả trong việc phân bổ tài nguyên, hỗ trợ đúng đối tượng và giải quyết đúng vấn đề. Chính sách ASXH bao gồm nhiều yếu tố như BHXH, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, hỗ trợ thất nghiệp... sẽ mang lại một hệ thống bảo vệ toàn diện và công bằng hơn cho mọi tầng lớp trong xã hội. Do vậy, trong quá trình thực hiện ASXH, Phật giáo cần phải cân bằng giữa việc hỗ trợ nhân đạo và phát triển các giải pháp dài hạn, để đảm bảo phúc lợi xã hội không chỉ mang tính tạm thời mà còn bền vững và hiệu quả.

Nhiều lớp học tình thương tại chùa được lập nên để hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhưng về chuyên môn còn hạn chế. Giáo viên chủ yếu là Phật tử hoặc sinh viên tình nguyện, thiếu chuyên môn sư phạm, chưa nắm được phương pháp giáo dục hòa nhập hoặc phương pháp giáo dục trẻ có hoàn cảnh đặc thù. Chương trình giảng dạy thường được biên soạn theo kinh nghiệm cá nhân, không theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do vậy, chất lượng học tập không đồng đều.

Một trong những tồn tại hiện nay còn được thấy rõ ở chỗ, các cơ sở bảo trợ xã hội của Phật giáo thường mới chỉ tập trung vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng thuộc diện đặc biệt khó khăn; chưa cung cấp các loại dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng, do thiếu sự liên kết với các cơ quan phúc lợi xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, trợ giúp xã hội khác. Trong khi đó, việc triển khai chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội của các cơ quan chức năng của chính quyền chưa thống nhất trong việc thực hiện chính sách trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở của Phật giáo. Một số cơ sở chưa đủ tính pháp lý nên đối tượng bảo trợ chưa được giải quyết chính sách trợ giúp bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí.

Ngoài ra, cơ sở vật chất cho dạy học còn thiếu thốn, không có phòng học riêng, bàn ghế, đồ dùng học tập đôi khi do người dân quyên góp nên không đồng bộ. Một số lớp học hoạt động trong thời gian ngắn rồi buộc phải dừng lại do thiếu kinh phí, thiếu giáo viên hoặc không đủ học sinh duy trì. Bên cạnh đó, việc liên kết với ngành giáo dục để đánh giá năng lực, kiểm tra, chuyển tuyến cho trẻ chưa được thực hiện thường xuyên. Điều này khiến nhiều trẻ khó hòa nhập vào trường học chính quy, dù đã tham gia học tập tại lớp tình thương trong thời gian dài.

Thứ năm, Phật giáo tham gia hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS. Đối với các cơ sở khám, chữa bệnh từ thiện: Bên cạnh những nỗ lực đóng góp lớn, một số cơ sở trong quá trình hoạt động chưa thực hiện tốt các yêu cầu quy định chuyên môn, trong công tác vệ sinh, an toàn sức khỏe, chống phơi nhiễm, chống nhiễm khuẩn, quy trình khử trùng, sử dụng thuốc an toàn, báo cáo đúng định kỳ. Nguồn thuốc sử dụng để cấp phát thuốc miễn phí là do nhiều nguồn gốc khác nhau cho nên có hiện tượng quá hạn sử dụng và trong quy trình sử dụng còn chưa đúng chuẩn. Một số điểm chưa có sự phối kết hợp với chính quyền và với các ban, ngành, để nâng cao hiệu quả chất lượng của hoạt động này. Một số điểm về cơ sở vật chất còn chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn. Trong các hoạt động nhân đạo có các

đoàn y tế nhân đạo nước ngoài đến khám, chữa bệnh ở vùng sâu, vùng xa cần chú ý vấn đề bảo đảm an toàn, an sinh, các tai nạn nghề nghiệp phát sinh.

Hoạt động khám chữa bệnh miễn phí của Phật giáo thường mang tính thời điểm, phụ thuộc vào các đoàn y bác sĩ tình nguyện. Do không có đội ngũ y tế thường trực, việc CSSK *không liên tục*, không theo dõi được bệnh mãn tính hoặc bệnh cần điều trị lâu dài. Cơ sở vật chất tại các phòng khám từ thiện của chùa cũng còn nhiều hạn chế, không đủ thiết bị để khám sâu, nên phần lớn chỉ dừng ở mức sơ cứu ban đầu hoặc kê thuốc cơ bản.

Hoạt động hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS trong các cơ sở Phật giáo hiện nay còn gặp nhiều trở ngại, trong đó nổi bật nhất là định kiến xã hội và sự kỳ thị đối với người sống chung với HIV. Dù chủ trương của Giáo hội là mở rộng vòng tay tiếp nhận mọi đối tượng khó khăn, nhưng trong thực tế, nhiều người nhiễm HIV/AIDS vẫn e ngại khi tìm đến chùa để nhận trợ giúp, bởi lo sợ bị cộng đồng phát hiện, bị gán nhãn hoặc gặp sự phân biệt đối xử. Trong không gian tôn giáo vốn mang tính cộng đồng cao, người nhiễm HIV/AIDS thường lựa chọn giấu kín tình trạng sức khỏe, khiến họ không tiếp cận đầy đủ các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc tinh thần và y tế mà nhà chùa tổ chức.

Một hạn chế khác là đội ngũ tham gia hỗ trợ phần lớn là tăng ni, Phật tử thiện nguyện, chưa được đào tạo bài bản về kiến thức HIV/AIDS, quy trình chăm sóc sức khỏe, phòng lây nhiễm hoặc kỹ năng tư vấn tâm lý – xã hội. Điều này dẫn đến việc hỗ trợ chủ yếu dừng lại ở mức chia sẻ tinh thần, phát quà, thăm hỏi... mà chưa tiếp cận được nhu cầu sâu hơn của nhóm dễ tổn thương này, như tư vấn điều trị ARV, hỗ trợ tuân thủ phác đồ, chăm sóc tinh thần lâu dài hay xử lý các khủng hoảng tâm lý. Sự thiếu chuyên môn khiến việc đồng hành cùng người nhiễm HIV/AIDS còn hạn chế, đặc biệt là trong các trường hợp cần tư vấn chuyên sâu về sức khỏe, định hướng cuộc sống hoặc hòa nhập cộng đồng.

Mặt khác, cơ chế phối hợp giữa các cơ sở Phật giáo với hệ thống y tế như trung tâm phòng chống HIV/AIDS, bệnh viện tuyến huyện/tỉnh hoặc các câu lạc bộ tự lực của người nhiễm HIV chưa thực sự chặt chẽ. Hoạt động phối hợp chủ yếu mang tính tự phát, không theo quy trình thống nhất. Điều này khiến việc chuyển gửi DVYT, theo dõi tình trạng bệnh, tư vấn xét nghiệm lại, hoặc hỗ trợ điều trị dài hạn

khó thực hiện. Sự thiếu gắn kết cũng làm giảm hiệu quả trong phòng ngừa lây nhiễm, trong khi nhu cầu kết nối đa ngành (y tế - tâm lý - xã hội - pháp lý) của người nhiễm HIV/AIDS là rất lớn.

Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động hỗ trợ HIV/AIDS tại các chùa cũng mang tính *bấp bênh và không ổn định*, phụ thuộc hoàn toàn vào sự phát tâm của Phật tử, mạnh thường quân hoặc các nhóm thiện nguyện. Khi kinh tế xã hội gặp biến động hoặc khi địa phương có nhiều hoạt động từ thiện khác, nguồn lực này dễ bị thu hẹp, khiến các chương trình hỗ trợ bị gián đoạn, khó duy trì thường xuyên. Việc thiếu nguồn lực chuyên biệt không chỉ ảnh hưởng đến khả năng cung cấp thuốc men, hiện vật, lương thực mà còn làm hạn chế việc mở rộng các chương trình chăm sóc tinh thần, tư vấn, hoặc tổ chức sinh hoạt nhóm dành cho người nhiễm HIV/AIDS.

3.3.2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế trên, có thể kể đến một số nguyên nhân chính sau:

Một là, nguyên nhân về nhận thức. Nhận thức chưa đầy đủ của cộng đồng và của chính các chủ thể tham gia là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế trong hoạt động an sinh của Phật giáo. Cộng đồng xã hội vẫn tồn tại tư duy cho rằng vai trò của tôn giáo chỉ gói gọn trong tu tập và hoạt động từ thiện nhỏ lẻ, chưa nhìn nhận đầy đủ vai trò của Phật giáo như một lực lượng xã hội có thể tham gia vào các DVC về chăm sóc xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo theo hướng chuyên nghiệp.

Một bộ phận tăng ni và Phật tử cũng chưa có nhận thức sâu về phát triển an sinh bền vững, vẫn thiên về hỗ trợ vật chất theo mùa vụ, thiếu quan tâm đến các mô hình hỗ trợ dài hạn (sinh kế, tư vấn nghề nghiệp, trị liệu tâm lý...). Ngoài ra, nhận thức sai lệch và định kiến đối với một số nhóm yếu thế (người nhiễm HIV/AIDS, người tâm thần, trẻ đặc biệt khó khăn...) vẫn còn, khiến nhiều đối tượng e ngại tiếp cận, làm giảm hiệu quả của các chương trình hỗ trợ.

Hai là, nguyên nhân về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất. Hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo phụ thuộc gần như hoàn toàn vào tài chính từ đóng góp tự nguyện, nên thiếu tính ổn định, dễ biến động theo tình hình kinh tế và theo uy tín của từng chùa. Khi nguồn đóng góp giảm, các chương trình nuôi

đưỡng trẻ mồ côi, chăm sóc người già, mở lớp học tình thương hoặc khám bệnh miễn phí đều bị thu hẹp.

Cơ sở vật chất tại các chùa phần lớn không được đầu tư theo tiêu chuẩn của cơ sở DVXH, thiếu các phòng chức năng, phòng y tế, thiết bị dạy nghề, phòng học đạt chuẩn. Điều này khiến nhiều hoạt động chỉ mang tính hỗ trợ cơ bản, không đáp ứng được yêu cầu chăm sóc toàn diện, đặc biệt đối với các nhóm cần hỗ trợ chuyên sâu như trẻ mồ côi, bệnh nhân mãn tính, người khuyết tật.

Tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, biến đổi khí hậu, thiên tai,... đang đặt ra hàng loạt vấn đề xã hội, như: tình trạng thiếu việc làm, mất đất sản xuất và điều kiện sinh kế gặp nhiều khó khăn, tình trạng tái nghèo, thiếu khả năng chăm sóc sức khỏe,... Trong khi đó, nguồn lực của nhà nước để bảo đảm ASXH còn hạn chế; hệ thống ASXH hiện còn phân tán, chồng chéo và hiệu quả chưa cao. Trong bối cảnh đó, rất cần sự tham gia của toàn xã hội vào ASXH.

Phật giáo ở Việt Nam, cũng như trên thế giới, có sự phân chia thành nhiều trường phái và giáo phái khác nhau, dẫn đến sự thiếu đồng nhất trong việc triển khai các hoạt động xã hội. Mỗi tông phái có cách tiếp cận và ưu tiên khác nhau, điều này có thể khiến các hoạt động từ thiện, ASXH của Phật giáo không được tập trung và hiệu quả, do vậy sự phân chia và phân tán trong nội bộ Phật giáo cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả việc thực hiện ASXH của Phật giáo.

Mặc dù Phật giáo có nguồn lực tài chính từ các đóng góp của tín đồ, nhưng việc sử dụng nguồn lực này vào các hoạt động ASXH vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Các cơ sở tôn giáo còn thiếu kinh phí, nhân lực chuyên môn để thực hiện các chương trình xã hội quy mô lớn.

Trong thời đại công nghệ số hiện nay, Phật giáo có thể tận dụng các phương tiện truyền thông, mạng xã hội và các công cụ công nghệ để mở rộng các hoạt động ASXH. Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ trong công tác từ thiện và ASXH của Phật giáo vẫn còn khá hạn chế. Các cơ sở Phật giáo chưa có sự đầu tư đầy đủ vào việc sử dụng công nghệ để tối ưu hóa các hoạt động xã hội.

Ba là, nguyên nhân về năng lực chuyên môn và trình độ của đội ngũ tham gia. Đa số các hoạt động an sinh trong Phật giáo hiện nay được thực hiện bởi

tăng ni, Phật tử hoặc người thiện nguyện, với lòng từ bi sâu sắc nhưng thiếu đào tạo bài bản về công tác xã hội, chăm sóc y tế, giáo dục hoặc tâm lý.

Việc chăm sóc trẻ mồ côi ở nhiều cơ sở chưa có kế hoạch giáo dục cá nhân hóa, thiếu kiến thức về tâm lý trẻ em và kỹ năng nuôi dưỡng chuyên môn. Trong chăm sóc người già, đội ngũ tình nguyện còn thiếu kiến thức về điều dưỡng người cao tuổi, hỗ trợ người có bệnh nền hoặc bệnh mãn tính.

Đối với người nhiễm HIV/AIDS, việc thiếu hiểu biết về bệnh học, tâm lý nhóm đặc thù và quy trình tư vấn khiến các chương trình hỗ trợ chỉ dừng ở mức thăm hỏi - chia sẻ - phát quà, chưa đạt ngưỡng hỗ trợ chuyên nghiệp và bền vững. Năng lực chuyên môn hạn chế là nguyên nhân trực tiếp khiến nhiều hoạt động an sinh không đạt hiệu quả như mong đợi.

Bốn là, nguyên nhân về cơ chế phối hợp giữa Phật giáo - Nhà nước - tổ chức xã hội. Cơ chế phối hợp hiện nay chủ yếu mang tính tự phát, chưa có quy định liên ngành ổn định để phối hợp giữa chùa với chính quyền cơ sở, cơ quan y tế, ngành giáo dục, các hội đoàn và tổ chức xã hội dân sự. Việc phối hợp không thường xuyên khiến: 1) Không có sự chia sẻ dữ liệu đối tượng giữa nhà chùa và xã hội. Hiện nay, giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội chưa có một khung phối hợp chính thức, mang tính pháp lý ổn định. Các văn bản quy định về vai trò tôn giáo trong hoạt động xã hội mới dừng lại ở mức định hướng chung, chưa cụ thể hóa trách nhiệm của từng bên trong: Xác định đối tượng hỗ trợ; Phân công nhiệm vụ; Cơ chế chia sẻ thông tin; Cơ chế giám sát - đánh giá các chương trình. Vì thiếu quy định thống nhất nên mỗi địa phương triển khai một kiểu, nhiều chương trình hoàn toàn dựa vào thiện chí cá nhân của trụ trì hoặc cán bộ. 2) Thiếu tính liên tục trong hỗ trợ (ví dụ: trẻ mồ côi khó chuyển tuyến vào cơ sở giáo dục chính quy; người nhiễm HIV/AIDS không được kết nối với dịch vụ ARV; người nghèo không được hỗ trợ sinh kế sau khi nhận quà). 3) Trùng lặp trong hỗ trợ hoặc bỏ sót người cần trợ giúp. Khi thiếu sự phối hợp chính thức, Phật giáo phải tự xoay sở, khiến các chương trình dễ gián đoạn hoặc không đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình thực hiện ASXH còn thiếu sự kết nối giữa Phật giáo và chính quyền. Mối quan hệ giữa Phật giáo và các cơ quan nhà nước đôi khi

chưa được tối ưu hóa. Chính quyền có thể chưa thấy được tiềm năng của Phật giáo trong việc tham gia vào các công tác ASXH, hoặc có thể có những e ngại về sự can thiệp của tôn giáo vào công việc của nhà nước.

Các hoạt động của Phật giáo đối với ASXH chưa phát huy được sức mạnh cộng đồng: Mặc dù Phật giáo có cộng đồng tín đồ rất lớn và rộng khắp, nhưng việc huy động cộng đồng này để tham gia vào các hoạt động ASXH vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ và mạnh mẽ. Phần lớn, các hoạt động ASXH của Phật giáo chủ yếu diễn ra trong phạm vi hẹp, chưa tạo ra sự lan tỏa rộng lớn.

Năm là, nguyên nhân từ hệ thống chính sách và khung pháp lý

Khung pháp lý hiện nay về ASXH và các cơ sở dịch vụ xã hội vẫn chưa tạo điều kiện đầy đủ để Phật giáo tham gia chuyên nghiệp vào lĩnh vực này. Nhiều quy định về tiêu chuẩn cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc hoặc dạy nghề đòi hỏi cơ sở vật chất, nhân sự, hồ sơ pháp lý mà khó phù hợp với điều kiện của chùa. Chưa có chính sách hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế hoặc hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở tôn giáo trong lĩnh vực ASXH, dẫn đến thiếu động lực và thiếu khả năng mở rộng mô hình.

Các cơ sở Phật giáo cũng lúng túng trong việc xin phép thành lập cơ sở chăm sóc trẻ, trung tâm dạy nghề, phòng khám từ thiện... do quy trình thủ tục phức tạp. Điều này khiến nhiều hoạt động chỉ hoạt động ở mức tự phát, nhỏ lẻ, không thể nâng cấp thành mô hình chuẩn.

Sáu là, nguyên nhân về tổ chức quản lý, điều hành và phương thức triển khai. Hoạt động an sinh của Phật giáo chủ yếu gắn liền với vai trò của từng trụ trì, dẫn đến sự chênh lệch lớn giữa các chùa. Những chùa có uy tín, nhiều Phật tử, nguồn lực mạnh thì hoạt động hiệu quả; trong khi chùa nhỏ khó có khả năng duy trì hoạt động lâu dài.

Nhiều chương trình chưa có kế hoạch chiến lược, không có hệ thống theo dõi - đánh giá hiệu quả, không có cơ chế phân công chuyên trách, dẫn đến hoạt động mang tính sự vụ, không ổn định.

Phương thức hoạt động chủ yếu tập trung vào từ thiện ngắn hạn (phát quà, cứu trợ) mà chưa chuyển sang phương thức công tác xã hội chuyên nghiệp:

tư vấn, trị liệu, giáo dục kỹ năng, hỗ trợ sinh kế, phát triển cộng đồng. Điều này làm giảm đáng kể hiệu quả dài hạn của hoạt động an sinh trong Phật giáo.

Bây là, xuất phát từ đặc thù đối tượng được hỗ trợ. Nhóm mà Phật giáo hỗ trợ thường có mức độ tổn thương cao: trẻ mồ côi đặc biệt, người già bệnh nặng, người nghèo lâu năm, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS.

Đây là nhóm cần được hỗ trợ đa chiều: y tế, tâm lý, xã hội, giáo dục, nghề nghiệp... nhưng năng lực của các cơ sở Phật giáo khó đáp ứng tất cả. Đặc thù đối tượng phức tạp khiến quá trình chăm sóc đòi hỏi chuyên môn, sự kiên trì và nguồn lực lớn - điều mà các chùa không phải lúc nào cũng đủ khả năng đáp ứng.

Tiểu kết Chương 3

Chương này, tác giả đã thống kê, phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được, hạn chế về thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam trong các lĩnh vực: 1) Xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; 2) Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; 3) Hoạt động ASXH đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; 4) Hoạt động an sinh trong giáo dục tình thương; 5) Hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS.

Thông qua các hoạt động thực tiễn của Phật giáo trong việc thực hiện các nội dung trên, có thể thấy, trong thời gian qua GHPG không chỉ là một tôn giáo, mà còn là một lực lượng xã hội lớn góp phần quan trọng trong thực hiện chính sách ASXH của Nhà nước. Thông qua các hoạt động nhân đạo, giáo dục, y tế, đào tạo nghề và hỗ trợ người yếu thế, Phật giáo đã và đang đồng hành cùng dân tộc, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững.

Mặc dù Phật giáo đã có nhiều đóng góp to lớn đối với các hoạt động xóa đói giảm nghèo, chăm sóc trẻ mồ côi, ASXH đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa, trong giáo dục tình thương, trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề nhất định cần được nhìn nhận khách quan, như: Hoạt động còn mang tính tự phát, thiếu tính hệ thống; Nhiều chương trình thiện nguyện được thực hiện từ tâm của chư Tăng Ni và phật tử, thiếu quy hoạch dài hạn hoặc kế hoạch phối hợp chính

thống; chưa có cơ chế liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở Phật giáo với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội hoặc doanh nghiệp để nâng tầm hoạt động ASXH. Ngoài ra, nhiều chư Tăng Ni có tâm thiện nguyện nhưng thiếu kỹ năng chuyên môn về y tế, giáo dục, tâm lý, xã hội học..., gây khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dạy các đối tượng đặc biệt như trẻ em tự kỷ, người tâm thần, người khuyết tật nặng.

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA
PHẬT GIÁO TRONG VIỆC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Quan điểm phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

4.1.1. Tôn giáo - trong đó có Phật giáo - là nguồn lực quan trọng góp phần phát triển đất nước và bảo đảm an sinh xã hội

Quan điểm của Đảng về vai trò của tôn giáo được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo. Nghị quyết khẳng định tôn giáo là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân, thừa nhận sự tồn tại khách quan và lâu dài của tôn giáo trong đời sống xã hội Việt Nam. Đồng thời, Nghị quyết nhấn mạnh rằng nhiều giá trị đạo đức tôn giáo phù hợp với việc xây dựng xã hội mới, đặc biệt là các giá trị hướng thiện, đề cao lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, lối sống giản dị và trách nhiệm xã hội. Nhà nước khẳng định việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo được hoạt động trong khuôn khổ pháp luật vì lợi ích cộng đồng.

Từ định hướng chung đó, có thể thấy Đảng và Nhà nước xem tôn giáo - trong đó có Phật giáo, với lịch sử hơn 2.000 năm gắn bó với dân tộc - như một nguồn lực xã hội quan trọng. Phật giáo không chỉ đóng vai trò trong đời sống tâm linh mà còn có khả năng huy động các giá trị đạo đức, vật chất và tinh thần để đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Các giá trị cốt lõi của Phật giáo như từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn, vô ngã vị tha được xem là phù hợp với mục tiêu của chính sách ASXH hiện nay: chăm lo người yếu thế, bảo đảm công bằng xã hội và nâng cao phúc lợi cộng đồng. Trên thực tế, Phật giáo đã và đang tham gia nhiều lĩnh vực của ASXH

như: hỗ trợ giảm nghèo, cứu trợ thiên tai, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người già neo đơn, người khuyết tật, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS, người có hoàn cảnh đặc biệt.

Việc Đảng xác định tôn giáo là một nguồn lực quan trọng đã tạo cơ sở để Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách cho phép và khuyến khích Phật giáo tham gia sâu rộng vào các hoạt động ASXH. Qua đó, Phật giáo không chỉ là một thực thể tôn giáo mà còn trở thành đối tác hỗ trợ Nhà nước trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nhất là trong bối cảnh nhu cầu về ASXH ngày càng cao và đa dạng.

Có thể khẳng định rằng quan điểm của Nghị quyết 25-NQ/TW đã đặt nền tảng chính trị – pháp lý quan trọng để nhìn nhận vai trò của Phật giáo như một chủ thể tích cực trong hệ thống ASXH, giúp huy động sức mạnh tinh thần, đạo đức và nguồn lực xã hội nhằm cải thiện đời sống người dân và góp phần vào mục tiêu phát triển đất nước.

4.1.2. Khuyến khích tổ chức Phật giáo tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện và chăm lo nhóm yếu thế

Theo Hiến pháp 2013 (Điều 24): Nhà nước “tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người”, khuyến khích các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động xã hội vì mục tiêu nhân đạo, công ích. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016, Điều 55: Tổ chức tôn giáo được “tham gia các hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo phù hợp với pháp luật” và các nghị định hướng dẫn như Nghị định 162/2017/NĐ-CP tạo cơ chế pháp lý cụ thể để tôn giáo vận hành các cơ sở từ thiện.

Như vậy, Nhà nước đã hợp pháp hóa vai trò của Phật giáo trong việc: Nuôi dạy trẻ mồ côi, vận hành cơ sở bảo trợ xã hội tôn giáo, khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, cứu trợ thiên tai, khủng hoảng xã hội, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, người già neo đơn. Có thể thấy Phật giáo được thừa nhận như một tác nhân của hệ thống phúc lợi xã hội, cùng Nhà nước chia sẻ trách nhiệm bảo đảm an sinh.

4.1.3. Xã hội hóa an sinh xã hội - Phật giáo là đối tác quan trọng của Nhà nước trong các chương trình mục tiêu

Trong các văn kiện phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình Mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng dân tộc thiểu số...), Nhà nước xác định: Huy động sức mạnh của toàn xã hội và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức tôn giáo và cộng đồng. Theo đó, Phật giáo được khuyến khích tham gia vào: Các mô hình nấu cháo từ thiện, bếp ăn miễn phí, lớp học tình thương; Các chương trình trao sinh kế, hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo; Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các phong trào xây nhà tình thương, nhà nhân ái, nhà đại đoàn kết. Khi chính sách an sinh của Nhà nước gắn với nguồn lực xã hội (trong đó có Phật giáo), hiệu quả hỗ trợ được mở rộng mà không tạo gánh nặng cho ngân sách.

4.1.4. Tôn vinh giá trị đạo đức tôn giáo - nền tảng thúc đẩy trách nhiệm xã hội của Phật giáo

Hiện các văn kiện của Đảng đều nhấn mạnh rằng đạo đức tôn giáo có nhiều giá trị phù hợp với: Mục tiêu phát triển con người Việt Nam, nuôi dưỡng nhân ái - đoàn kết - hướng thiện, xây dựng văn hóa lành mạnh. Với Phật giáo, các giá trị từ bi, hỷ xả, vô ngã, cứu khổ được xem là rất gần gũi với mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Đảng và Nhà nước xem đạo đức Phật giáo như một nguồn vốn xã hội giúp: nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng, động viên tăng ni, phật tử tham gia thiện nguyện, củng cố tính nhân văn trong các hoạt động ASXH. Nhờ đó, các hoạt động của Phật giáo được xã hội ghi nhận và có chỗ đứng vững chắc trong chiến lược phát triển xã hội.

4.1.5. Nhà nước tạo điều kiện để Phật giáo phát huy vai trò an sinh, đồng thời bảo đảm quản lý theo pháp luật

Thứ nhất, Nhà nước tạo điều kiện để Phật giáo thực hiện các hoạt động ASXH. Nhà nước khẳng định và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức Phật giáo tham gia đa dạng vào lĩnh vực ASXH. Các nội dung trọng tâm gồm: 1) Cho phép các cơ sở tôn giáo thành lập và vận hành cơ sở bảo trợ xã hội: Các chùa, tịnh xá, cơ sở tu hành có thể tổ chức nuôi dạy trẻ mồ côi, chăm sóc người già neo đơn, người khuyết tật hoặc người có hoàn cảnh đặc biệt khó

khăn theo đúng quy định của pháp luật. 2) Cấp phép và hỗ trợ triển khai các hoạt động từ thiện - nhân đạo: Phật giáo được phép thực hiện các chương trình khám chữa bệnh miễn phí, phát thuốc, mở lớp học tình thương, chăm sóc trẻ em, cứu trợ thiên tai và các hình thức phúc lợi khác. 3) Tạo cơ chế tiếp nhận tài trợ trong và ngoài nước: Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tạo điều kiện để các cơ sở Phật giáo huy động nguồn lực xã hội, tiếp nhận tài trợ hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế phục vụ cho các hoạt động an sinh.

Thứ hai, bảo đảm quản lý hoạt động an sinh của Phật giáo theo pháp luật. Nội dung quản lý thể hiện ở các điểm sau: 1) Hoạt động của cơ sở Phật giáo phải đăng ký và tuân thủ quy định chuyên môn: Các mô hình như cơ sở bảo trợ xã hội, lớp học, phòng khám từ thiện... phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và thực hiện đúng các tiêu chuẩn về y tế, giáo dục, chăm sóc xã hội. 2) Bảo đảm an toàn, minh bạch và đúng mục tiêu công ích: Nguồn tài trợ, kinh phí vận hành, hoạt động hỗ trợ đối tượng đều cần minh bạch, có sổ sách đầy đủ, đúng đối tượng, tránh lạm dụng hoặc nhầm lẫn trong quá trình triển khai. 3) Có sự giám sát của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc: Cơ quan quản lý nhà nước phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ để bảo đảm hoạt động của Phật giáo phù hợp pháp luật và thực sự hướng đến mục tiêu nhân đạo, không gây tác động tiêu cực đến cộng đồng.

Việc Nhà nước tạo điều kiện để Phật giáo phát huy vai trò an sinh, đồng thời bảo đảm quản lý theo pháp luật có ý nghĩa trong việc giúp Phật giáo vừa được khuyến khích đóng góp, vừa bảo đảm chất lượng hoạt động an sinh và tránh tình trạng tự phát, chồng chéo, kém hiệu quả.

4.1.6. Phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện an sinh xã hội gắn với củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

Đảng ta luôn xác định tôn giáo, trong đó có Phật giáo, là một thành phần quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc, đó là sự gắn bó giữa Nhà nước - nhân dân - tôn giáo. Phật giáo được đánh giá là tôn giáo gắn bó lâu đời với dân tộc, có truyền thống “hộ quốc an dân”. Phật giáo khi tham gia ASXH sẽ:

tăng cường sự tin cậy giữa nhân dân và chính quyền, lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, góp phần ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Nhìn chung, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH thể hiện sự nhất quán và toàn diện, vừa đề cao giá trị nhân văn của tôn giáo, vừa khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và định hướng hoạt động tôn giáo theo pháp luật. Đảng coi Phật giáo không chỉ là nhu cầu tinh thần của nhân dân mà còn là nguồn lực xã hội quan trọng, có khả năng đóng góp thiết thực vào sự nghiệp giảm nghèo, chăm sóc nhóm yếu thế và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước đặc biệt nhấn mạnh việc phát huy giá trị đạo đức, văn hóa của Phật giáo - như tinh thần từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn - nhằm lan tỏa lối sống nhân ái, củng cố niềm tin xã hội và tăng cường trách nhiệm cộng đồng. Sự tham gia của Phật giáo vào các hoạt động an sinh không chỉ góp phần giải quyết những vấn đề trước mắt mà còn tạo nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Tuy nhiên, việc phát huy vai trò này phải gắn liền với yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật, minh bạch, đúng mục tiêu công ích, đảm bảo các hoạt động của Phật giáo vừa phát huy truyền thống tốt đẹp, vừa phù hợp với định hướng phát triển chung. Như vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước đã xác lập cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc để Phật giáo trở thành một đối tác quan trọng trong hệ thống ASXH quốc gia hiện nay và trong tương lai.

4.2. Giải pháp phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Tăng cường nhận thức về vai trò của Phật giáo đối với các hoạt động an sinh xã hội

Trong những năm qua, từ thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH cho thấy, một vấn đề cơ bản đã ảnh hưởng việc phát huy vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH của các chủ thể xã hội về ASXH. Những hạn chế trong nhận thức về ASXH chưa thấy được vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, chưa nhận thức đầy đủ tính phức tạp,

đa diện của ASXH, các chủ thể xã hội chưa nhận thức rõ vai trò của mình trong thực hiện ASXH...

Thứ nhất, về đối tượng: 1) Đối với các chủ thể bên ngoài (Nhà nước, xã hội, tổ chức chính trị - xã hội): Trước hết, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục xã hội về giá trị nhân văn, nhân đạo và tinh thần nhập thế của Phật giáo trong việc giảm nghèo, chăm sóc y tế, giáo dục, bảo vệ trẻ em, người yếu thế. Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; 2) Đối với nội bộ Phật giáo: cần đẩy mạnh giáo dục ý thức xã hội, tinh thần nhập thế và trách nhiệm cộng đồng cho đội ngũ tăng ni, Phật tử; 3) Tăng cường phối hợp truyền thông - giáo dục liên kết: Giữa các chủ thể bên ngoài và bên trong, cần thiết lập cơ chế phối hợp truyền thông và giáo dục nhận thức giữa GHPGVN, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thứ hai, về nội dung và phương thức thực hiện: Việc đổi mới nhận thức về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, theo nghiên cứu sinh, cần phải tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

Một là, cần nhận thức rõ thực chất “Chiến lược ASXH Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” chính là một bộ phận cấu thành của “Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”. Khi “Chiến lược ASXH Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” đã trở thành chiến lược quốc gia thì công tác giáo dục, tuyên truyền phải tiến hành hết sức sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, và đặc biệt từ các Phật tử.

Hai là, GHPG cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ASXH nhằm nâng cao nhận thức về những nội dung, chức năng, vai trò, ý nghĩa của ASXH để mọi người có thể thấy được quyền và nghĩa vụ của mình trong việc xây dựng và thực thi ASXH. Để nâng cao hoạt động tuyên truyền, cần:

1) Cần đẩy mạnh truyền thông đại chúng về hoạt động an sinh xã hội. Giáo hội nên phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), các đài phát thanh - truyền hình địa phương cùng các cơ quan thông tấn, báo chí để xây dựng các chuyên mục, chương trình giới thiệu hoạt động từ thiện - nhân đạo và bảo đảm ASXH của Tăng Ni, Phật tử trong

và ngoài nước, qua đó lan tỏa giá trị của lòng nhân ái và hành vi tốt đẹp đối với việc duy trì, ổn định đời sống xã hội. Các chương trình giới thiệu về hoạt động ASXH phải liên tục được phát sóng trên những khung giờ quan trọng để mọi người dân có thể nắm bắt kịp thời thông tin.

Trong công tác tuyên truyền, ngoài sử dụng những phương tiện truyền thông đại chúng thông dụng như báo đài, GHPGVN cần sử dụng các trang mạng xã hội để tuyên truyền hiệu quả và nhanh chóng hơn. Một số quốc gia trên thế giới đã coi mạng xã hội là một trong những phương tiện truyền thông đại chúng. Ngày nay, bất kỳ hoạt động nào của con người đều được phản ánh lên trang mạng xã hội bởi tốc độ lan truyền thông tin trên các phương tiện truyền thông này diễn ra vô cùng nhanh chóng và cập nhật. Đồng thời, số lượng người tiếp cận thông tin cũng đa dạng và phong phú. Do đó, Giáo hội cũng cần tạo lập những kênh tuyên truyền trên các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube... Mỗi đợt tổ chức hoạt động ASXH như trao quà cho các gia đình nghèo, cứu trợ đồng bào bị thiệt hại bởi thiên tai,... Giáo hội nên đăng tải lên trang mạng xã hội để mọi người ghi nhận tấm lòng của tăng, ni, phật tử và đồng thời cũng là kênh để tín đồ phật tử, các nhà hảo tâm kiểm tra, giám sát. Xây dựng những phong trào từ thiện, nhân đạo trên trang Facebook, thông qua các phong trào có thể huy động nhiều sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng trong nước và nước ngoài.

2) Giáo hội cần thông qua các buổi sinh hoạt Phật pháp, qua các buổi khóa tu để tuyên truyền cho các hoạt động ASXH. Bất kỳ ai đã là tín đồ của đạo Phật thì đều phải thực hiện lễ quy y cửa Phật cho dù là tu tại gia hay nương thân tại cửa chùa. Quy y là việc phật tử chấp nhận Phật, pháp, tăng. Trong đó, pháp là tập hợp những lời dạy của Đức Phật về đời sống đạo đức, thiên định, trí tuệ, giác ngộ và sự giải thoát. Trong quy định của đạo Phật để các đại chúng có thể tinh tiến trong nghiệp tu hành nhanh chóng đắc quả A La Hán, các phật tử phải siêng năng, chăm chỉ, hoan hỷ nghe pháp, thường xuyên vận dụng những lời răn của Đức Phật, của chư tăng, ni để rèn luyện làm cho mình hết tham, sân si trở thành La Hán. Vì vậy, hàng tháng các cơ sở thờ tự của đạo Phật thường mở những buổi giảng về pháp, những vị bậc đại tu sẽ có

buổi thuyết giảng trực tiếp cho các Phật tử với nhiều chủ đề khác nhau, nội dung xoay quanh các lời răn của Đức Phật được ghi nhận trong các bài kinh.

Hoạt động ASXH của Tăng, ni, Phật tử được khởi nguồn từ tấm lòng từ bi của Đức Phật và mong muốn được hưởng an lạc do luật nhân quả kết thành. Hầu hết Phật tử của Giáo hội cầu mong có cuộc sống bình yên và hạnh phúc. Muốn vậy, mỗi Phật tử cần siêng năng làm việc thiện, tích cực chia sẻ với những người kém may mắn trong cuộc sống thì cuộc sống mới được hạnh phúc viên mãn, lâu dài. Cuộc sống của con người vốn là một chu trình đã được định sẵn, an lạc và khổ đau, hạnh phúc và bất hạnh luôn song hành, hết khổ sẽ đến vui và qua giai đoạn vui sẽ đến giai đoạn khổ, “Khổ tận cam lai”, “Qua cơn bĩ cực đến hồi thái lai”. Để có một đời sống hạnh phúc, bền vững, mỗi người cần biết yêu thương và san sẻ với những phận đời kém may mắn, giúp người yếu thế bớt khổ đau; khi cộng đồng an vui thì từng cá nhân cũng được hạnh phúc. Vì vậy, để Phật tử thấu hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa và vai trò của hoạt động ASXH, chư Tăng, Ni cần tích cực lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các buổi giảng pháp. Chẳng hạn, qua các thời thuyết giảng về hạnh phúc, về cách vượt qua khổ đau, hướng dẫn Phật tử siêng tu, biết lắng nghe và chia sẻ nỗi đau của đồng loại, thực hành yêu thương và trợ giúp với tâm từ bi, bác ái - từ đó nhận ra giá trị của cuộc sống, cảm nhận hương vị hạnh phúc và an lạc.

Ngoài ra, GHPGVN tại các địa phương cần chú trọng đến những *bài thuyết giảng cho các thanh, thiếu niên* tại các khóa học tu. Trẻ em là mầm non, tương lai của đất nước và là thế hệ sẽ thay thế những người đi trước để giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của con người và dân tộc Việt Nam. Nếu thế hệ trẻ không được quan tâm, chỉ bảo cẩn thận thì tương lai của đất nước sẽ bị lay lắt. Chúng ta đều thấy được vai trò của nhận thức đối với hành động đúng, khi nhận thức đúng thì mới có hành động tốt, còn nhận thức lệch lạc thì hành động sẽ sai lầm. Do đó, để các em trở thành công dân tốt, một con nhà Phật đúng nghĩa thì cần tích cực tuyên truyền, giảng dạy cho các em hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động từ thiện, nhân đạo đối với cuộc sống của những người yếu thế trong xã hội và đối với chính cuộc sống của

các em. Phải cho các em hiểu hạnh phúc là sự sẻ chia, là để cho đi rồi mới nhận lại, vì vậy, hãy siêng năng, hoan hỉ làm nhiều việc có ích cho xã hội.

3) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và người dân để họ nắm rõ và biết được quyền, lợi ích và trách nhiệm của bản thân khi công khai, minh bạch các nội dung, thông tin, tài liệu ASXH. Để nâng cao hoạt động này cần: Xây dựng các tài liệu hướng dẫn dễ hiểu cung cấp tài liệu pháp lý, văn bản hướng dẫn, tờ rơi, áp phích có nội dung dễ hiểu về các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức và người dân khi tham gia vào việc công khai thông tin ASXH. Việc đẩy mạnh việc tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình, mạng xã hội, các ứng dụng di động, để thông tin được lan tỏa rộng rãi và dễ dàng tiếp cận.

4) Các tăng, ni, phật tử cần thực hiện nghiêm chỉnh hoạt động ASXH để tạo dựng niềm tin. Để các hành vi tốt đẹp được lan tỏa sâu rộng trong xã hội thì rất cần được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Trong quá trình thực hiện các hoạt động ASXH, các bậc cao tăng, ni, phật tử cần thực hiện nghiêm chỉnh, quyên góp bao nhiêu là san sẻ bấy nhiêu, người đáng nhận trợ giúp thì trợ giúp. Những hành vi nghiêm chỉnh đó sẽ giúp cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hoạt động hơn. Do đó, các hoạt động ASXH trong tín đồ phật tử diễn ra thuận lợi và nhanh chóng hơn, sẽ luôn hoan hỉ thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội mà không có sự nghi ngờ hay gượng ép.

5) GHPGVN ở các cấp địa phương cần liên tục mở rộng chương trình thuyết pháp cho các đại chúng, phật tử. Hoạt động thuyết pháp, giảng pháp của đạo Phật là hoạt động quan trọng, giúp lan tỏa tinh thần thương yêu của Đức Phật đến với mọi người. Hoạt động đó đã và đang được các giảng sư tiến hành khắp mọi vùng miền của cả nước. Quá trình tuyên truyền sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa của hoạt động ASXH. Muốn đạt được mục tiêu ấy, cần lồng ghép nội dung vào các thời giảng pháp, giúp đại chúng thấu hiểu vai trò của hành vi thiện đối với hạnh phúc của con người. Đối tượng cần tập trung đẩy mạnh nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan

trọng của hoạt động ASXH, như: i) Phật tử cao niên trong các gia đình: Đây là những người có uy tín, có tiếng nói trong gia đình. Đồng thời, cũng là những Phật tử siêng năng, chăm chỉ nhất vì họ có quỹ thời gian rảnh rỗi nhiều, con cháu đã trưởng thành nên có thể dành toàn bộ tâm sức của mình cho hoạt động của nhà chùa. Do đó, cần tăng cường nâng cao nhận thức của Phật tử cao tuổi về ý nghĩa, vai trò của hoạt động ASXH. ii) Các Phật tử có điều kiện: Khi đề cập Phật tử là người có điều kiện, chúng ta không chỉ nói đến những người có điều kiện kinh tế mà còn hướng đến những người có điều kiện khác như nghề nghiệp, thời gian.

4.2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền về các hoạt động an sinh xã hội cho các tăng ni Phật tử

Tuyên truyền hoạt động ASXH là một phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về các chính sách, chương trình hỗ trợ cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, như người nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, và các đối tượng gặp khó khăn khác. Mục tiêu của tuyên truyền ASXH là giúp người dân hiểu rõ hơn về các dịch vụ, quyền lợi mà họ có thể nhận được, từ đó giúp giảm bớt khó khăn và nâng cao chất lượng cuộc sống. Để nâng cao công tác tuyên truyền về các hoạt động ASXH cần thực hiện một số các công việc sau:

Thứ nhất, lên kế hoạch tổ chức tuyên truyền.

Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả, cần xác định mục tiêu tuyên truyền: Cần làm rõ mục đích của việc tuyên truyền, đó là nâng cao nhận thức cộng đồng, lan tỏa giá trị từ bi của Phật giáo, ghi nhận đóng góp ASXH. Xác định đối tượng tiếp nhận thông tin: Phật tử, công chúng, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, truyền thông.

Việc chuẩn bị nội dung và thông điệp truyền thông cũng rất cần thiết: Tổng hợp số liệu, hình ảnh, báo cáo về các hoạt động an sinh tiêu biểu (cứu trợ lũ lụt, xây nhà tình thương, phát cơm từ thiện...). Trong quá trình chuẩn bị nội dung cần mời các tăng ni, chuyên gia, lãnh đạo Giáo hội có uy tín phát biểu để tạo sức lan tỏa.

Lên kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo có vai trò quan trọng. Việc lựa chọn chủ đề phù hợp, ví dụ: “Phát huy vai trò của Phật giáo trong công tác an sinh xã hội thời đại mới”, “Từ bi hành động - Vai trò của Phật giáo trong giảm nghèo bền vững”; “Lan tỏa trí tuệ và từ tâm: Phát huy Tam học trong xây dựng xã hội nhân văn”; “Tăng cường phối hợp Nhà nước - Giáo hội trong các hoạt động từ thiện xã hội”... Việc phối hợp với các cơ quan chức năng (UBND, Mặt trận Tổ quốc, Sở Nội vụ, Hội Chữ thập đỏ...) là rất cần thiết. Ngoài ra việc xây dựng chương trình, phân công nhiệm vụ cụ thể (người điều phối, người phát biểu, người tiếp đón...) cần được quan tâm.

Để nâng cao hiệu quả hội nghị, hội thảo cần thực hiện công tác truyền thông. Truyền thông trước, trong và sau sự kiện trong hội nghị ASXH có vai trò cực kỳ quan trọng nhằm lan tỏa thông điệp, nâng cao nhận thức cộng đồng, ghi nhận đóng góp của Phật giáo và tạo hiệu ứng xã hội tích cực. Mục đích cụ thể của từng giai đoạn như: i) Truyền thông trước sự kiện: Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, nội dung và mục tiêu hội nghị. Kêu gọi sự tham gia của các tăng ni, Phật tử, cơ quan truyền thông, nhà hảo tâm và cộng đồng xã hội. Hình thức truyền thông, đó là: Đăng tải trên website Giáo hội, mạng xã hội (Facebook, YouTube), báo chí, thư mời, poster, banner, thư ngỏ... ii) Truyền thông trong sự kiện - Ghi nhận, kết nối, lan tỏa: Trong quá trình thực hiện cần ghi lại hình ảnh, phát biểu, hoạt động thực tế để làm tư liệu truyền thông. Cần tăng tính tương tác qua livestream, bài đăng nhanh, video ngắn, phỏng vấn tại chỗ... Từ đó tạo cảm xúc, sự đồng thuận và lan truyền thông điệp từ bi, vị tha ngay trong thời điểm sự kiện diễn ra. Hình thức: Livestream trên fanpage, quay phim, chụp ảnh, đưa tin ngắn trên báo chí, truyền hình... iii) Truyền thông sau sự kiện - Tổng kết, khẳng định, nhân rộng: Cần đánh giá hiệu quả hội nghị, ghi nhận thành tựu và bài học kinh nghiệm; gửi thông điệp rõ ràng về vai trò tích cực của Phật giáo trong công tác an sinh xã hội. Các mô hình hay, tấm gương điển hình, góp phần định hướng truyền thông lâu dài cho các hoạt động tương tự cũng có thể đề cập đến. Hình thức: Viết bài tổng kết, phát hành thông cáo báo chí, xuất bản kỷ yếu hội nghị, chia sẻ clip highlight, đăng tải báo cáo trên các nền tảng chính thức...

Với sự quan tâm và tham gia tích cực từ cộng đồng và các chuyên gia, hội thảo hoặc tọa đàm về ASXH có thể tạo ra những thay đổi tích cực, giúp cải thiện các chính sách và chương trình bảo vệ phúc lợi xã hội cho mọi người.

Đánh giá và duy trì hiệu quả truyền thông: Để đánh giá tốt, hiệu quả cần thu thập phản hồi từ người tham dự, cơ quan báo chí và cộng đồng, tiếp tục chia sẻ nội dung hội thảo qua các lớp giảng pháp, khóa tu, chương trình từ thiện định kỳ.

Thứ hai, phát tờ rơi, sách báo: Phát tờ rơi, sách báo, tài liệu về các chương trình hỗ trợ ASXH, các quyền lợi và trách nhiệm của người dân. Những tài liệu này có thể cung cấp thông tin chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội, hay các dịch vụ chăm sóc sức khỏe miễn phí hoặc trợ cấp cho người nghèo.

Để phát tờ rơi và sách báo về hoạt động ASXH một cách hiệu quả, cần:

i) Xác định đối tượng tiếp cận: Các tờ rơi và sách báo cần phải nhằm đến đúng đối tượng. Có thể là người dân sống trong khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, người cao tuổi, trẻ em, người tàn tật, hoặc cộng đồng có nguy cơ dễ bị tổn thương. Mục tiêu: Cung cấp thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức ASXH, các quyền lợi và dịch vụ mà cộng đồng có thể tiếp cận. Nội dung thông tin cần truyền tải về các chính sách ASXH: Thông tin về các chương trình trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ nhà ở, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, trợ cấp cho gia đình nghèo, v.v. ii) Thiết kế tờ rơi và sách báo phải gọn gàng, đơn giản, dễ đọc. Sử dụng hình ảnh minh họa sinh động để người dân dễ dàng tiếp nhận thông tin. Các thông tin quan trọng cần được nổi bật như các chương trình hỗ trợ, địa chỉ liên hệ, cách thức đăng ký. Sách báo: Sách báo có thể chi tiết hơn tờ rơi, có thể chia thành các mục thông tin cụ thể về từng loại hỗ trợ, quyền lợi, và các bước thực hiện. Nên chia thành các phần dễ hiểu và dễ tiếp cận.

Việc phát hành tờ rơi và sách báo cần thực hiện theo các cách: i) Phát trực tiếp tại các địa điểm cộng đồng: Các khu vực như chợ, trung tâm y tế, các tổ chức phi chính phủ, trường học, khu dân cư hoặc các khu vực sinh sống

của nhóm người yếu thế (người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật). ii) Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm: Tổ chức các buổi chia sẻ thông tin về chính sách ASXH để người dân được giải đáp thắc mắc và nhận tờ rơi, sách báo. ii) Phát qua các kênh trực tuyến: Đưa tờ rơi, sách báo lên các trang web của Chính phủ, các tổ chức ASXH, hoặc trên các mạng xã hội để lan tỏa thông tin rộng rãi hơn, đặc biệt với những đối tượng có thể truy cập internet. Việc phát tờ rơi và in sách báo sẽ giúp cho chiến dịch về hoạt động ASXH trở nên hiệu quả và có tính lan tỏa cao, đảm bảo thông tin được cung cấp đầy đủ, rõ ràng và tiếp cận đúng đối tượng cần thiết.

Thứ ba, sử dụng truyền thông đại chúng: Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo chí và mạng xã hội để lan tỏa thông tin về các hoạt động ASXH.

Sử dụng truyền thông đại chúng trong ASXH là việc áp dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình, radio, internet và các nền tảng mạng xã hội để nâng cao nhận thức cộng đồng về các vấn đề liên quan đến ASXH, đồng thời cung cấp thông tin, hỗ trợ và khuyến khích hành động tích cực từ phía xã hội.

Mục đích của việc sử dụng truyền thông đại chúng trong ASXH nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng: Truyền thông giúp người dân hiểu rõ hơn về các chính sách ASXH, quyền lợi mà họ có thể nhận được và những hành động cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình. Tuyên truyền và giáo dục: Thông qua các chiến dịch truyền thông, các chương trình xã hội có thể được phổ biến rộng rãi, nhằm khuyến khích người dân tham gia các hoạt động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hay các hỗ trợ tài chính cho người nghèo.

Việc chọn lựa các kênh truyền thông phù hợp như truyền hình, radio, báo chí, internet, mạng xã hội để tiếp cận đối tượng mục tiêu là rất cần thiết. Cần chuẩn bị các bài viết, video, chương trình truyền hình, phát thanh và đồ họa minh họa dễ hiểu về các chủ đề liên quan đến ASXH. Các thông tin cung cấp cần rõ ràng, dễ tiếp cận và dễ hiểu đối với đối tượng người dân, đặc biệt là những người chưa có nhiều hiểu biết về các chính sách, quyền lợi ASXH.

Nội dung truyền thông để nâng cao nhận thức về các vấn đề ASXH, chẳng hạn như BHXH, BHYT, hỗ trợ người nghèo, bảo vệ quyền lợi người lao động, v.v. từ đó khuyến khích cộng đồng tham gia các chương trình hỗ trợ xã hội, đóng góp từ thiện, tình nguyện.

Trong quá trình thực hiện truyền thông đại chúng, việc sử dụng mạng xã hội (Facebook, Twitter, Instagram, Zalo, TikTok...) để tạo các chiến dịch trực tuyến, kêu gọi người dân tham gia, tìm hiểu và chia sẻ thông tin về các chính sách ASXH giúp cho người dân, tăng ni, phật tử nhanh chóng tiếp nhận thông tin. Các ứng dụng di động, website và nền tảng trực tuyến cũng để cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các công việc này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng các chương trình an sinh xã hội được hiểu rõ, tiếp cận đúng đối tượng và mang lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng. Như vậy, thông qua các chiến dịch truyền thông sẽ thúc đẩy cộng đồng tham gia vào các hoạt động như tình nguyện, đóng góp từ thiện, hoặc hỗ trợ những người gặp khó khăn trong xã hội. Truyền thông đại chúng là công cụ mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả của các chính sách ASXH, tạo sự kết nối và hỗ trợ từ cộng đồng đối với các đối tượng cần được bảo vệ và giúp đỡ.

Thứ tư, tổ chức các chiến dịch cộng đồng: Các chiến dịch tuyên truyền trực tiếp trong cộng đồng, từ các hoạt động tình nguyện đến các buổi tư vấn tại các xã, phường giúp người dân dễ dàng tiếp cận các thông tin về ASXH.

Chiến dịch cộng đồng trong việc thực hiện tuyên truyền ASXH là một hoạt động tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng về các vấn đề ASXH, như bảo vệ quyền lợi của các nhóm dễ bị tổn thương (người nghèo, người già, trẻ em, người khuyết tật...), cải thiện điều kiện sống và đảm bảo quyền lợi cơ bản cho tất cả các thành viên trong xã hội.

Chiến dịch cộng đồng thể thông qua các hình thức như hội thảo, cuộc thi, chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, các sự kiện cộng đồng, hay những hoạt động giúp đỡ trực tiếp như phân phát thực phẩm, quần áo, hay tổ chức các dịch vụ y tế miễn phí.

Thứ năm, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội: Các tổ chức, đoàn thể xã hội như hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hay các tổ chức từ

thiện có thể tham gia vào việc tuyên truyền và hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận các chương trình ASXH. Những hoạt động này không chỉ giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về các chương trình ASXH, mà còn góp phần tạo ra một xã hội công bằng và bao dung hơn, nơi mọi người đều có cơ hội hưởng lợi từ các dịch vụ hỗ trợ và phúc lợi xã hội.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về những trung tâm bảo trợ, tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình khi tham gia vào hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa.

Ngoài ra, cần lồng ghép hoạt động ASXH với công tác xóa đói giảm nghèo ở các cộng đồng dân cư, như vận động người dân xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, những hoạt động tiêu dùng tốn kém trong cúng tế tang ma cưới hỏi, làm nhà, hướng dẫn người dân tiếp nhận kỹ thuật mới, cách làm ăn mới. Các hoạt động này cần kết hợp vào trong những sinh hoạt giáo lý, lễ nghi của Phật giáo ở các gia đình phật tử, các chùa chiền và mọi hoạt động của giáo hội Phật giáo ở các địa phương và trung ương.

4.2.3. Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc thực hiện an sinh xã hội

Trong thời gian qua, chủ trương, chính sách ASXH ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện để các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng thuận lợi hơn trong việc tham gia vào công tác ASXH. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác ASXH. Chính phủ đã xây dựng Chương trình hành động với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản hình thành hệ thống ASXH bao phủ toàn dân nhằm bảo đảm việc làm, thu nhập tối thiểu của mỗi người dân tăng số lượng người tham gia bảo hiểm xã hội; trợ giúp cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bảo đảm để người dân tiếp cận được với các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu.

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật còn bất cập. Theo rà soát Luật TNTG và các văn bản hướng dẫn thi hành để loại bỏ những quy định còn gây khó khăn trong việc cấp phép, tổ chức hoạt động từ thiện, xã hội của các cơ sở Phật giáo. Mặc dù Luật TNTG 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang

pháp lý cơ bản cho các tổ chức tôn giáo hoạt động, tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn tồn tại nhiều quy định bất cập, gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động từ thiện, ASXH của Phật giáo. Đặc biệt, TTHC rườm rà, quy trình xin phép tổ chức các hoạt động nhân đạo còn phức tạp, nhất là ở cấp cơ sở, đã phần nào hạn chế tính chủ động và linh hoạt của các cơ sở Phật giáo trong việc ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ người nghèo... Một số quy định hiện hành còn chưa phân định rõ giữa hoạt động tôn giáo thuần túy và hoạt động xã hội có tính nhân đạo, dẫn đến việc các chương trình thiện nguyện, phát quà từ thiện, cứu trợ... cũng phải qua quy trình cấp phép như một sự kiện tôn giáo, gây chậm trễ, thiếu hiệu quả. Bên cạnh đó, việc chưa có hướng dẫn rõ ràng về quản lý nguồn lực xã hội hóa do tổ chức tôn giáo huy động cũng khiến nhiều cơ sở e ngại trong triển khai các hoạt động quy mô lớn. Do vậy, cần tiến hành rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật theo hướng minh bạch, thông thoáng và hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Phật giáo tham gia các hoạt động ASXH một cách chủ động, hợp pháp và hiệu quả.

Hiện nay, mặc dù các cơ sở tôn giáo, trong đó có Phật giáo, đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác ASXH, tuy nhiên các quy định về quản lý tài sản, đất đai liên quan đến tôn giáo còn nhiều bất cập, gây trở ngại cho việc mở rộng các hoạt động cộng đồng. Phần lớn cơ sở đất đai của các chùa, tự viện đều có nguồn gốc lâu đời, nhưng lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc còn vướng mắc pháp lý, khiến việc xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ từ thiện như nhà tình thương, trạm y tế, lớp học tình thương... gặp khó khăn, dễ bị coi là vi phạm hành chính hoặc sử dụng sai mục đích. Ngoài ra, hiện vẫn thiếu cơ chế rõ ràng cho phép các tổ chức tôn giáo được thuê, mượn hoặc nhận tài trợ đất hợp pháp để triển khai các chương trình phục vụ cộng đồng, trong khi nhu cầu thực tế rất lớn và tính cấp thiết cao.

Do vậy, Nhà nước cần sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan trong Luật Đất đai, Luật TNTG theo hướng: Công nhận quyền sử dụng hợp pháp đất đai tôn giáo có từ trước và cấp giấy chứng nhận đầy đủ. Cho phép sử dụng đất tôn giáo phục vụ mục đích nhân đạo, không vì lợi nhuận, phù hợp với tinh thần

từ bi của Phật giáo. Tạo cơ chế để các tổ chức tôn giáo có thể hợp tác với chính quyền hoặc tổ chức xã hội khác trong việc sử dụng đất cho hoạt động ASXH.

Việc hoàn thiện khung pháp lý về chính sách ASXH cần đồng bộ và toàn diện. Đây là cơ sở để điều chỉnh tất cả các trụ cột của ASXH bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các quy định pháp luật. Qua đó, giúp hệ thống ASXH hoạt động hiệu lực, hiệu quả và minh bạch, bảo đảm quyền lợi của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thực thi pháp luật. Đơn cử như Luật BHXH sửa đổi năm 2014 mặc dù đã mở rộng đối tượng tham gia nhưng vẫn còn hạn chế trong việc áp dụng đối với lao động phi chính thức. Do đó, việc hoàn thiện pháp lý đối với các đối tượng này là yêu cầu cấp thiết để mở rộng độ bao phủ và bảo đảm quyền lợi cho mọi người dân.

Vì thế, thời gian tới các bộ, ngành liên quan cần tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật hiện hành để nhận diện mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập; trên cơ sở đó, hoàn thiện các quy định rõ ràng, thống nhất giữa các trụ cột ASXH, từ bảo hiểm xã hội đến trợ giúp xã hội.

Thứ hai, Nhà nước ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích tôn giáo tham gia ASXH.

Mục tiêu của chính sách này là phát huy vai trò truyền thống của Phật giáo trong từ thiện - nhân đạo, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các tổ chức Phật giáo thực hiện công tác ASXH một cách bài bản, minh bạch và hiệu quả. Các chính sách này nên tập trung theo hướng:

Một là, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận với hoạt động ASXH. Hướng dẫn cụ thể về việc tiếp nhận - sử dụng nguồn lực từ thiện của cơ sở Phật giáo (theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định tài chính liên quan). Ví như, quy trình này gồm các bước: *Tiếp nhận nguồn lực từ thiện* (Tài chính, vật phẩm, biên bản tiếp nhận, ghi sổ kế toán, và giấy tờ chứng minh nguồn gốc, tài khoản ngân hàng); *Lập kế hoạch sử dụng* (Lập kế hoạch chi tiết: mục tiêu - đối tượng - địa điểm - hình thức hỗ trợ - thời gian thực hiện; phối hợp với UBND xã/phường, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ... *Phân phối và thực hiện* (Giao nhận minh bạch, có danh sách đối tượng hưởng lợi, chữ ký nhận, hình ảnh minh chứng; Trường hợp quyên

góp lớn (thiên tai, dịch bệnh...) cần báo cáo kế hoạch phân phối với chính quyền. *Báo cáo và công khai* (Miễn/giảm một số TTHC đối với hoạt động nhân đạo có quy mô phù hợp; Hướng dẫn chế độ kế toán đơn giản cho các cơ sở tôn giáo khi làm từ thiện như: Sổ tiếp nhận tài trợ - công đức - quyên góp từ thiện; Sổ chi hoạt động từ thiện - ASXH; Sổ tổng hợp báo cáo cuối kỳ/tháng/quý).

Hai là, hỗ trợ tài chính, vật chất: Xây dựng chính sách cấp kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất cho các mô hình như: Bếp ăn từ thiện, nhà tình thương, cơ sở nuôi dưỡng người già, trẻ em; hà nước có thể hỗ trợ, cấp ngân sách hỗ trợ hoặc vận động xã hội hóa để trang bị (Thiết bị nấu ăn, tủ lạnh, máy lọc nước; giường, chăn, gối, thiết bị chăm sóc cơ bản cho người già - trẻ em; thiết bị phòng cháy, chữa cháy - vệ sinh an toàn); Miễn/giảm các loại thuế, phí dịch vụ công: tiền nước, rác thải, vệ sinh môi trường và ưu tiên phân bổ nguồn hỗ trợ thực phẩm, hàng hóa từ ngân hàng thực phẩm, hội từ thiện... Bên cạnh đó, có thể hỗ trợ chuyên môn, nhân sự, như: Tập huấn kiến thức cơ bản cho tăng ni, tình nguyện viên: Chăm sóc người cao tuổi, trẻ em; kỹ năng sơ cứu, dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ kết nối với ngành Y tế, Nội vụ để phối hợp chăm sóc người yếu thế.

Ba là, việc đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự làm công tác ASXH của Phật giáo cũng rất quan trọng. Mở các lớp tập huấn pháp luật, quản lý dự án xã hội, truyền thông minh bạch cho chư Tăng Ni, tình nguyện viên Phật tử. Đối tượng tham gia là các Chư Tăng Ni đang trụ trì hoặc phụ trách hoạt động từ thiện tại các chùa, tự viện; Tình nguyện viên Phật tử thường xuyên tham gia các chương trình ASXH và thành viên Ban Hộ tự, Ban Từ thiện - Xã hội thuộc GHPGVN. Căn cứ một số văn bản có liên quan như: Luật TNTG, nội dung liên quan đến hoạt động xã hội; Nghị định 93/2021/NĐ-CP về kêu gọi và sử dụng tiền từ thiện và pháp luật liên quan đến phòng cháy, an toàn thực phẩm, bảo vệ trẻ em, người cao tuổi... Trên cơ sở đó bồi dưỡng các kỹ năng quản lý dự án xã hội: Xây dựng kế hoạch hoạt động từ thiện, ngân sách và nhân lực; kỹ năng điều phối tình nguyện viên,

quản trị rủi ro trong hoạt động cộng đồng và đánh giá hiệu quả và tác động xã hội của dự án từ thiện.

Ngoài ra, việc tuyên dương, nhân rộng mô hình tốt là một trong những chính sách cần hướng tới. Có chính sách khen thưởng, tuyên dương công khai đối với những cá nhân, tổ chức Phật giáo làm tốt công tác an sinh. Đưa các mô hình hiệu quả vào chương trình tọa đàm, hội thảo cấp tỉnh/thành phố để lan tỏa, như: “Chùa không rác thải” kết hợp hỗ trợ người nghèo; “Bếp cơm 0 đồng - Tình người trong từng suất ăn”, “Tủ quần áo từ thiện” đặt tại cổng chùa. “Chùa nuôi dưỡng trẻ mồ côi/người già neo đơn” (nếu được cấp phép theo quy định).

Thứ ba, nâng cao năng lực pháp lý và hành chính cho các tổ chức Phật giáo.

Nhằm trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng hành chính cho các tổ chức Phật giáo (chùa, tịnh xá, Ban Từ thiện...) khi thực hiện các hoạt động ASXH. Nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, phối hợp và giám sát của các cơ sở tôn giáo và đảm bảo sự minh bạch, đúng quy định pháp luật, hạn chế rủi ro trong tiếp nhận, sử dụng tài trợ, quản lý nhân lực và vận hành hoạt động từ thiện.

Đối tượng thụ hưởng là Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh, chùa, tự viện có hoạt động thiện nguyện; Ban Từ thiện - Xã hội, Ban Hộ tự, Tăng Ni trụ trì trực tiếp tổ chức hoạt động an sinh và các tình nguyện viên, phật tử tích cực, phụ trách công việc hành chính - truyền thông tại cơ sở.

Nội dung nâng cao năng lực pháp lý và hành chính cho các tổ chức Phật giáo trong hoạt động ASXH đó là: 1) Trang bị kiến thức về pháp lý chuyên sâu cho tổ chức tôn giáo: Luật TNTG và các văn bản hướng dẫn; Luật Kế toán, Luật Dân sự, Luật Trẻ em, Luật Người cao tuổi, Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 93/2021/NĐ-CP về vận động, tiếp nhận, sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện; các quy định liên quan đến viện trợ nước ngoài, phòng chống rửa tiền, thuế - phí phi lợi nhuận. 2) Các kỹ năng hành chính - tổ chức như: Lập hồ sơ pháp lý cho dự án/phòng bếp từ thiện/nhà tình thương; Kỹ năng xây dựng kế hoạch, làm báo cáo, lưu trữ sổ sách minh bạch; Kỹ năng quản lý nhân sự tình nguyện, phân công công việc và giám sát và giao tiếp và phối hợp hiệu quả với chính quyền, đoàn thể địa phương. 3) Quản trị tài chính

đơn giản, như: Ghi chép sổ thu - chi, lưu trữ biên nhận, minh bạch hóa tài trợ; Hướng dẫn mở tài khoản ngân hàng, sử dụng chuyển khoản, kê khai tài sản (nếu cần) và cách công khai tài chính đơn giản tại bảng tin, mạng xã hội.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, có thể tổ chức hình thức triển khai như: Tập huấn trực tiếp (Tổ chức tại chùa lớn, văn phòng GHPGVN hoặc trung tâm đào tạo tôn giáo); Tập huấn trực tuyến (Zoom, Google Meet – phù hợp với vùng sâu, vùng xa); Hướng dẫn văn bản (Soạn bộ tài liệu in hoặc PDF: cẩm nang pháp luật - hành chính dành cho tổ chức Phật giáo)

Về cơ chế hỗ trợ và phối hợp: Giao Ban Trị sự GHPGVN tỉnh/thành chủ trì phối hợp với: Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ; Sở Tư pháp, Sở LĐ-TB&XH; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, các tổ chức phi chính phủ (nếu có); Có thể mời giảng viên chuyên ngành luật - xã hội học - kế toán phi lợi nhuận tham gia đào tạo và cấp giấy chứng nhận cho người tham gia để công nhận năng lực khi phối hợp với chính quyền.

Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tham gia xã hội. Pháp luật cần có tư duy mở, không chỉ nhìn nhận tôn giáo là lĩnh vực quản lý hành chính, mà còn là đối tác đồng hành trong phát triển xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khi các tổ chức tôn giáo - đặc biệt là Phật giáo - ngày càng có nhiều đóng góp thiết thực cho công cuộc ASXH, thì pháp luật không thể tiếp tục chỉ nhìn tôn giáo dưới góc độ quản lý hành chính, kiểm soát hoạt động thuần túy. Thay vào đó, cần có một tư duy mở, coi tôn giáo là đối tác tích cực của Nhà nước trong quá trình phát triển xã hội.

Thứ năm, cần siết chặt cơ chế giám sát và hoàn thiện quy định về chế tài xử lý đối với các vi phạm. Các cơ quan chức năng phải tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ tại doanh nghiệp để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm, đặc biệt là trốn đóng bảo hiểm xã hội. Về phạm vi giám sát, cần:

Giám sát về pháp lý: Các hoạt động ASXH cần thực hiện theo đúng quy định của Luật TNTG, Luật Kế toán, Nghị định 93/2021/NĐ-CP về vận động - sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện. Kiểm tra việc xin phép và báo cáo các hoạt động an sinh quy mô lớn, có yếu tố nước ngoài, hoặc liên tỉnh. Các chùa, tự viện, Ban Từ thiện GHPGVN cấp tỉnh/huyện tổ chức các chương

trình có quy mô lớn như: Cứu trợ thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh quy mô liên tỉnh hoặc nhiều địa phương; Dự án xây nhà tình thương, trung tâm nuôi dưỡng, bếp ăn tập trung dài hạn; Chương trình tiếp nhận tài trợ quốc tế, vận động tài trợ cộng đồng quy mô lớn (từ 100 triệu trở lên hoặc kéo dài trên 30 ngày); các đợt vận động quà Tết, tặng xe lăn, hỗ trợ y tế số lượng lớn....

Giám sát tài chính - tài sản: Cần giám sát việc ghi chép, công khai thu chi tài trợ tại chùa, cơ sở từ thiện. 1) Giám sát sổ sách ghi chép thu - chi (Giám sát sổ ghi thu, sổ ghi chi, biên nhận/hóa đơn kèm theo; phân biệt rõ tiền công đức, tiền tài trợ từ thiện, tiền chi riêng và có tên, ngày tháng, mục đích cụ thể từng khoản). 2) Biên nhận - chứng từ (Phiếu thu -chi đúng mẫu: Phiếu có số, ngày, chữ ký (có thể dùng mẫu đơn giản nếu chưa áp dụng kế toán chính thức, Biên bản tặng quà, cứu trợ có xác nhận người nhận hoặc đại diện địa phương, hóa đơn mua sắm có đính kèm chứng từ chi tiền hoặc hàng hóa số lượng lớn). 3) Công khai tài chính (Bảng tin chùa/tự viện có dán thông báo tổng kết hoạt động từ thiện, có liệt kê thu - chi chính; Mạng xã hội, website có đăng bài tổng hợp hoạt động + ảnh minh chứng, tổng số tiền/hàng đã sử dụng; Báo cáo gửi Ban Trị sự hoặc chính quyền nếu có tổ chức hoạt động quy mô lớn hoặc vận động nhiều nguồn lực (>100 triệu đồng). Bên cạnh đó có kiểm tra việc sử dụng tài sản công đức, hiện vật từ thiện đúng mục đích công bố và kiểm tra hồ sơ nhận - chi của các chương trình như: bếp ăn từ thiện, nhà tình thương, cứu trợ khẩn cấp.

Giám sát truyền thông và uy tín: Trong quá trình thực hiện ASXH, nếu phát hiện - xử lý các hình thức truyền thông sai lệch, gây ngộ nhận hoặc phô trương hoạt động thiện nguyện cần có hình thức xử lý kịp thời. Các hình thức truyền thông sai lệch phổ biến như: Tự ý nhân danh Phật giáo để vận động tài trợ; tô vẽ quá mức hoặc phô trương hình ảnh cá nhân; công khai thông tin người được giúp đỡ một cách phản cảm; thông tin tài chính thiếu minh bạch hoặc gây hiểu lầm; dùng lời lẽ mê tín, cường điệu hóa kết quả từ thiện.

Bên cạnh đó, cần có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các doanh nghiệp vi phạm để răn đe và ngăn chặn tình trạng trốn đóng BHXH, như:

Về hành chính: 1) Thường xuyên nhắc nhở, cảnh cáo bằng văn bản đối với cơ sở vi phạm nhẹ hoặc lần đầu. Các trường hợp nhắc nhở, cảnh cáo bằng văn bản như: Không xin phép hoặc không báo cáo hoạt động từ thiện quy mô lớn; Ghi chép tài chính không minh bạch; Truyền thông sai lệch, phản cảm; Vận động tài trợ trái quy định. 2) Tạm dừng hoạt động từ thiện, yêu cầu khắc phục nếu có vi phạm về tài chính, thiếu minh bạch, chi sai mục đích, các hoạt động này là: Sai phạm về pháp luật và tài chính, gây mất đoàn kết hoặc phản cảm trong cộng đồng, không chấp hành yêu cầu chấn chỉnh, cảnh cáo trước đó. 3) Đình chỉ hoạt động vận động tài trợ nếu không báo cáo hoặc vi phạm quy định tại Nghị định 93/2021/NĐ-CP. Việc đình chỉ hoạt động vận động tài trợ từ thiện - ASXH của tổ chức Phật giáo là một biện pháp xử lý mạnh và mang tính cảnh báo cao, thường được áp dụng khi có vi phạm nghiêm trọng hoặc tái phạm nhiều lần liên quan đến công tác huy động, sử dụng nguồn lực từ thiện. Đó là các trường hợp: Vi phạm quy định pháp luật về vận động tài trợ, không minh bạch, có dấu hiệu gian dối tài chính, tái phạm sau khi đã bị nhắc nhở, cảnh cáo.

Về pháp luật: Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động ASXH của Phật giáo là hình thức chế tài của Nhà nước nhằm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật khi tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo (như chùa, tự viện, Ban từ thiện Phật giáo...) không tuân thủ đúng quy định về tổ chức, vận động, sử dụng tài trợ, hoạt động từ thiện - nhân đạo.

Việc hoàn thiện pháp luật và chính sách không chỉ giúp Phật giáo phát huy đầy đủ tiềm năng trong lĩnh vực ASXH, mà còn góp phần khẳng định vai trò tích cực của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân ái và phát triển bền vững.

4.2.4. Giáo hội Phật giáo cần đào tạo, bồi dưỡng các tăng, ni và tín đồ Phật giáo kỹ năng tham gia hoạt động an sinh xã hội

Thứ nhất, về nâng cao trình độ dân trí, trình độ am hiểu pháp luật cho Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo.

Với tinh thần từ bi, cứu khổ cứu nạn Phật giáo đã và đang nỗ lực không ngừng góp phần khắc phục những vấn đề xã hội nóng bỏng hiện nay. Hoạt

động từ thiện chỉ là một trong các công việc mà Phật giáo luôn tự nguyện đóng góp tích cực cho cộng đồng, để chung sức nâng cao mức sống người dân, phát triển xã hội văn minh giàu mạnh.

Hoạt động từ thiện xã hội là một hạnh lành cao quý mà mỗi tăng ni và tín đồ Phật giáo, Phật tử dù tu theo truyền thống, tông phái nào trong Giáo hội PGVN cũng đều thực hành. Đó là sự hiến tặng, ban cho bất vụ lợi, từ vật chất đến tinh thần trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Đức Phật thường nêu cao tinh thần hiến tặng tuyệt đối này bao gồm: (1) Không nghĩ đến tự ngã (bản thân) mình được lợi ích gì; (2) Không phân biệt đối tượng người nhận (dù người đó là lương thiện hay không lương thiện, người đó là thân hay sơ, là cùng dân tộc hay khác, cùng giới tính hay khác), v.v...; (3) Người hiến tặng với tâm thế không dính mắc với những vật chất mà mình đang (đã và sẽ) ban tặng. Tất cả đều hướng đến một mục đích duy nhất là làm vơi bớt nỗi khổ niềm đau và chia sẻ những niềm vui trong điều kiện cho phép của người con Phật. Để nâng cao trình độ dân trí, trình độ am hiểu pháp luật cho Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo trong các hoạt động ASXH cần:

Nâng cao nhận thức về công tác từ thiện trong Phật giáo. Không ít người vẫn hiểu từ thiện một cách giản đơn là mang quà cứu trợ cho người nghèo hoặc các hộ chịu thiên tai, trong khi cách làm này chưa tạo được chuyển biến căn cơ cho họ. Vì vậy, cần phải xây dựng đa dạng các hình thức từ thiện để có thể giúp người dân khắc phục tư tưởng thụ động, chờ đợi được nhận quà, như khuyến khích mọi người tích cực tham gia sản xuất, giúp đỡ nhau sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức xây dựng các chương trình, kế hoạch chủ động cụ thể trong hoạt động từ thiện tránh tình trạng “mạnh ai nấy làm” hoặc thụ động chờ đợi.

Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ làm công tác từ thiện xã hội. Các tăng ni, tín đồ và cơ sở làm công tác từ thiện xã hội phải được đào tạo nghiệp vụ. Đặc biệt, Giáo hội cũng cần quy hoạch đào tạo nhân sự cho ngành từ thiện để người làm công việc này có kiến thức chuyên môn về công tác xã hội, công tác quản lý, để họ có đủ kiến thức nhằm phục vụ lợi ích của Phật giáo và người dân nghèo.

Thứ hai, GHPGVN phối hợp với các trường đại học trong việc ĐTBD đội ngũ tăng, ni, tín đồ về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH.

Trung ương GHPGVN và GHPG các cấp phải thường xuyên phối hợp với các trường đào tạo chuyên nghiệp để đào tạo nhân sự cho hoạt động ASXH. GHPGVN có nhiều cơ sở phục vụ công tác giáo dục nhưng chủ yếu là cơ sở đào tạo về lĩnh vực Phật giáo như Học viện PGVN tọa lạc tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Trường Cao đẳng Phật giáo; Trung cấp Phật giáo... Còn các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có công tác từ thiện nhân đạo chưa được đào tạo bài bản tại các cơ sở giáo dục của Giáo hội. Cho đến nay, chỉ có Học viện PGVN tại miền Nam bước đầu nghiên cứu, triển khai đào tạo một số lĩnh vực liên quan đến ASXH cho người dân: Khoa Công tác xã hội, Khoa Giáo dục mầm non. Trong thực tế, hoạt động ASXH cần huy động nhiều nhân lực chất lượng cao, đội ngũ nhân lực phải được đào tạo bài bản, chặt chẽ để các hoạt động từ thiện được tổ chức hướng đến chuyên nghiệp. Do đó, Giáo hội tiếp tục phối hợp, liên kết chặt chẽ với các cơ sở ĐTBD chuyên nghiệp về công tác ASXH như Đại học Lao động - Xã hội, Đại học Công đoàn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc các cơ sở dạy nghề (phục vụ hoạt động đảm bảo ASXH bền vững) có các ngành liên quan đến các hoạt động ASXH (công tác xã hội, giáo dục mầm non, giáo dục đặc biệt...) để có thể đào tạo đội ngũ nhân viên thật sự giỏi về chuyên môn.

Giáo hội nên phối hợp với trường đại học, cao đẳng trong lĩnh vực y tế để đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ làm việc tại các Tuệ Tĩnh đường (Đại học Y Hà Nội, Đại học Y - Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Điều dưỡng Nam Định,...), lưu tâm đến Phật tử, số điều dưỡng viên tại các cơ sở chăm sóc người già neo đơn, không nơi nương tựa. Đồng thời, cần phải phối hợp với khối trường sư phạm để đào tạo nghiệp vụ sư phạm và chuyên môn giảng dạy cho đội ngũ giáo viên dạy học tại các cơ sở mầm non do Giáo hội thành lập. Đối với số giáo viên tại các trung tâm dạy nghề của Giáo hội cũng phải được đào tạo bài bản. Giáo hội phải liên kết với các trường dạy nghề có uy tín để đào tạo đội ngũ giáo viên và hình thành chuỗi liên kết trong đào tạo nghề cho người nghèo, trẻ em mồ côi...

Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần tổ chức các khóa tập huấn và hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ công tác từ thiện - xã hội. Đây là một lĩnh vực mang tính nghề nghiệp và ngày càng đòi hỏi sự chuyên nghiệp; vì vậy, Tăng Ni, Phật tử và các cơ sở tham gia phải được đào tạo bài bản. Đồng thời, Giáo hội cần quy hoạch đào tạo nhân sự để đội ngũ phụ trách có kiến thức chuyên môn về ASXH.

Giáo hội Phật giáo các cấp cần đa dạng hóa các hình thức ASXH với mục tiêu hướng đến nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội. Đối tượng được quan tâm gồm người nhập cư, người nghèo, cộng đồng sống trong vùng ô nhiễm nặng, người già lang thang cơ nhỡ, người khuyết tật, trẻ em vô gia cư, cư dân ở các khu vực chịu thiên tai, dịch bệnh tàn phá và người mắc bệnh hiểm nghèo... Các hoạt động hỗ trợ không chỉ đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn nâng đỡ tinh thần, giúp họ thân yên ổn, tâm an lạc trước biến cố. Thông qua tham vấn, trò chuyện, trao đổi và vận dụng khéo léo giáo lý Phật giáo của tăng, ni, phật tử, người gặp khó khăn sẽ vơi bớt lo âu, giảm đau buồn, khơi dậy niềm vui sống và ý chí vươn lên.

Câu hỏi: Xin Hòa thượng cho biết, thời gian qua công tác bồi dưỡng các Tăng Ni như thế nào?

“Thời gian qua, GHPGVN Tỉnh “Hà Nam” nay là GHPG Việt Nam Tỉnh Ninh Bình. Hội Phật giáo Tỉnh Ninh Bình đã chủ động cử tăng, ni đi đào tạo các lớp học ngắn hạn, dài hạn (như các lớp bồi dưỡng chứng chỉ, các lớp đào tạo như cử nhân) trong lĩnh vực y tế ở các cơ sở đào tạo có uy tín. Trong quá trình học tập, người học có kiến thức thực tiễn, có sự phối hợp giữa khám, chữa bệnh kết hợp giữa y học dân tộc và tây y...”

Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả đối với Hòa Thượng “Thích Thiện Hưởng” Phó Trưởng Ban Trị Sự Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Tỉnh “Hà Nam” nay là Tỉnh Ninh Bình, năm 2024.

Về nội dung đào tạo, cần chú trọng đến đào tạo kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với số nhân viên là các y, bác sĩ đang làm việc tại các Tuệ Tĩnh đường cần thường xuyên thuê hoặc mời những giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ đầu ngành y để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề. Đồng thời, GHPG các tỉnh có thể mở lớp đào tạo ngay tại các Tuệ Tĩnh

đường hoặc đến các trường đại học, viện nghiên cứu để tham vấn các chuyên gia. Ngoài ra, Giáo hội cần mời đội ngũ y, bác sĩ có trình độ chuyên môn cao tham gia vào các hoạt động khám, chữa bệnh, hướng dẫn, phối hợp. Dưới sự chỉ dẫn của các bác sĩ đầu ngành, đội ngũ nhân viên có thể học hỏi thêm kinh nghiệm, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Giáo hội Phật giáo các cấp nên tận dụng nguồn lực có sẵn từ những phật tử là các chuyên gia hàng đầu về công tác đào tạo nghề hoặc có thể mời những thầy giáo có uy tín của những cơ sở đào tạo nghề có chất lượng cao đến giảng dạy, hoặc đang công tác, hoặc đã nghỉ hưu. Hiện nay, trong lĩnh vực đào tạo nghề có một số doanh nghiệp tư nhân tự đào tạo nhân sự theo những tiêu chí mà doanh nghiệp đó đề ra, Giáo hội có thể đưa nhân viên sang học tập kinh nghiệm đào tạo cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại

Thứ ba, nội dung và chương trình ĐTBĐ

Một là, lập kế hoạch xây dựng chương trình ĐTBĐ: là một hoạt động có tính hướng đích nhằm xác định một cách chính xác mục tiêu của chương trình ĐTBĐ từ đó xây dựng một hệ thống những giải pháp quản lý đào tạo để chương trình ĐTBĐ đạt được mục tiêu, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Việc tuyển chọn đội ngũ giáo thọ rất quan trọng. Ngoài các giáo thọ cơ hữu, thì trường chủ yếu thỉnh giảng các vị chức sắc tôn giáo trên địa bàn tham gia giảng dạy theo chương trình ĐTBĐ. Trong đó có chọn lọc các văn bản pháp luật, nội dung bộ kinh nào trong kinh điển để đưa vào môn học cho phù hợp với quy định trong các văn bản, thực tế xã hội, nhằm đạt hiệu quả công tác ASXH.

Hai là, xây dựng và kiện toàn đội ngũ giáo thọ để triển khai nội dung đào tạo, bảo đảm thực thi các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBĐ) đã đề ra. Việc lựa chọn giảng viên gồm cả giáo thọ cơ hữu và lực lượng thỉnh giảng, khuyến khích mời chuyên gia ngoài đạo tham gia giảng dạy.

Việc lựa chọn nội dung và chương trình ĐTBĐ có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính khả thi công tác BD. Có thể lựa chọn các chương trình chủ yếu như: 1) CTBD kiến thức về chính sách ASXH: Mục tiêu của chương trình cung cấp hiểu biết nền tảng về hệ thống chính sách ASXH của Nhà nước (bảo trợ xã hội, y tế, giáo dục, giảm nghèo...). Nội dung chính về

Luật người khuyết tật, Luật Trẻ em, bảo hiểm y tế, an sinh cộng đồng...2) Chương trình BD kỹ năng công tác xã hội: nhằm trang bị kỹ năng thực hành hỗ trợ nhóm yếu thế (trẻ em, người già, người khuyết tật, người nghèo...). Nội dung BD nhằm tham vấn tâm lý, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá nhu cầu - lập kế hoạch hỗ trợ, xử lý khủng hoảng, thông qua các CTBD này giúp việc chuyên nghiệp hóa hoạt động từ thiện, giảm tính tự phát. 3) Chương trình bồi dưỡng quản lý tổ chức từ thiện - thiện nguyện: Chương trình nhằm nâng cao năng lực quản trị cơ sở Phật giáo thực hiện các chương trình xã hội. Nội dung bồi dưỡng: Quản lý tài chính minh bạch, xây dựng kế hoạch hoạt động, giám sát - đánh giá, truyền thông trách nhiệm xã hội. 4) CTBD về đạo đức - trách nhiệm xã hội Phật giáo. Mục tiêu: củng cố nhận thức về trách nhiệm cộng đồng trong tinh thần Phật pháp. Nội dung giảng dạy các giá trị từ bi, vô ngã, vị tha, khuyến thiện - hành thiện, ứng xử đạo đức với người yếu thế. 5) CTBD kỹ năng làm việc liên ngành và kết nối cộng đồng. Mục tiêu: Hỗ trợ Tăng, Ni và Phật tử trong việc phối hợp với các tổ chức nhà nước, doanh nghiệp, xã hội dân sự. Nội dung BD thiết lập mạng lưới hỗ trợ, vận động nguồn lực xã hội, kỹ năng làm việc nhóm đa ngành

Bên cạnh việc lựa chọn CTBD thì Ban tổ chức cần xác định các bộ phận, lực lượng tham gia ĐTBĐ; Bố trí, phân công nhiệm vụ các lực lượng ĐTBĐ Tăng Ni và tín đồ Phật giáo; Huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch ĐTBĐ và tổ chức các điều kiện và phương tiện kỹ thuật cho các lớp ĐTBĐ.

Ba là, chỉ đạo triển khai kế hoạch ĐTBĐ tăng, ni, tín đồ. Đó là chỉ đạo triển khai kế hoạch hoạt động ĐTBĐ tăng, ni, tín đồ là quá trình chủ thể quản lý sử dụng quyền lực quản lý để tác động một cách có chủ đích đến đội ngũ tham gia ĐTBĐ, phát huy cao nhất tinh thần trách nhiệm và trình độ năng lực của lực lượng này vào công việc, nhằm đạt mục tiêu theo kế hoạch đề ra. Đôn đốc, động viên, kích thích hình thành động cơ thúc đẩy mọi người cùng thực hiện nhiệm vụ thực hiện chương trình ĐTBĐ, theo đó: Chỉ đạo triển khai thực hiện các quyết định ĐTBĐ; Chỉ đạo triển khai các điều kiện cho ĐTBĐ; Chỉ đạo thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ cho ĐTBĐ; Chỉ đạo triển khai các phương pháp, hình thức ĐTBĐ đối với từng lớp bồi dưỡng, khóa đào tạo... Chỉ

đạo thực hiện phương pháp, hình thức ĐTBĐ nhằm tổ chức cho các giáo thọ giảng dạy và Tăng Ni tín đồ dưới nhiều hình thức, phương pháp khác nhau.

Thứ tư, kiểm tra, đánh giá (KTĐG) hoạt động ĐTBĐ Tăng, Ni tín đồ.

Mục đích của KTĐG đào tạo là việc đo lường kết quả hoạt động đào tạo, so sánh với mục tiêu ban đầu đã đề ra, phân tích và điều chỉnh những sai lệch (nếu có) trong quá trình thực hiện để đảm bảo hoạt động đào tạo đạt kết quả cao nhất.

Nội dung kiểm tra, đánh giá cần: Đánh giá về nội dung đào tạo: về tính pháp lý: Cần đánh giá các nội dung được quy định pháp luật thiết yếu (Luật Tín ngưỡng - Tôn giáo, Nghị định số 93/2021...). Tính thực tiễn các nội dung cần cần bám sát tình huống thực tế mà chùa, tự viện gặp phải. Về kỹ năng thực hành: có thể tập huấn kỹ năng (quản lý dự án, lập kế hoạch, ghi chép tài chính, truyền thông...

Đánh giá kết quả học viên. Có thể dùng phiếu khảo sát cuối khóa (Kiến thức tiếp thu, mức độ hài lòng, đề xuất cải tiến); Bài kiểm tra/đánh giá (Kiểm tra mức độ hiểu và khả năng áp dụng) và quan sát thực tế sau đào tạo (Đo lường khả năng vận dụng tại các hoạt động từ thiện cụ thể tại chùa, cơ sở Phật giáo).

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá: Phỏng vấn nhóm với tăng ni, giảng viên, Phật tử; Quan sát thực địa tại các mô hình đã vận dụng kiến thức từ lớp học; Tổng hợp hồ sơ lớp học: tài liệu, danh sách, kết quả học tập, hình ảnh minh chứng hoặc phiếu khảo sát định lượng/định tính trước và sau đào tạo.

Như vậy, việc nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ tăng, ni, Phật tử trong GHPGVN, việc trải qua quá trình tập huấn sẽ giúp cho đội ngũ tăng, ni, Phật tử hình thành được những kỹ năng, kiến thức, bản lĩnh chăm sóc, nuôi dưỡng những người già neo đơn và trẻ em mồ côi.

Thứ năm, vận động các tăng, ni, Phật tử trong cả nước thực hiện sâu, rộng các hoạt động ASXH

Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn động viên đông đảo tăng, ni, Phật tử trong và ngoài nước với trong tinh thần từ, bi, hỷ, xả, chủ động hăng hái tham gia các công việc chung của đất nước thông qua các phong trào ích nước lợi dân, thiện tâm công đức: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phát triển sản xuất, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, góp sức

giảm nghèo bền vững, hướng dẫn thanh, thiếu niên Phật tử làm điều thiện, không rơi vào các tệ nạn xã hội.

Các cấp Giáo hội Phật giáo cần đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực, huy động rộng rãi sự tham gia của cộng đồng nhằm hỗ trợ hiệu quả các nhóm yếu thế thông qua các chương trình từ thiện - xã hội. Việc mở rộng chủ thể tham gia không chỉ giới hạn ở Tăng Ni, Phật tử mà còn khuyến khích các thành phần xã hội khác cùng đóng góp, qua đó định hướng cộng đồng “hướng thiện - hành thiện”, bồi dưỡng lòng từ bi và góp phần hạn chế các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

Giáo hội cần thường xuyên quan tâm việc tăng cường đoàn kết, thắt chặt mối quan hệ gắn bó của các thành viên, các thế hệ; duy trì và phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa của Phật giáo. Tăng cường mối quan hệ đồng đạo, tình đoàn kết thân ái giữa Phật giáo với các tôn giáo Việt Nam, đồng thời có chương trình hỗ trợ các hoạt động Phật sự của Phật giáo các tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào Phật tử đang sinh sống, học tập ở nước ngoài, góp phần cùng Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào xa Tổ quốc luôn hướng về cội nguồn, về quê hương đất nước, góp công sức cùng nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

4.2.5. Tăng cường sự phối hợp giữa Phật giáo với các cơ quan dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện an sinh xã hội

Thứ nhất, ASXH của Phật giáo cần phải có sự liên kết chặt chẽ với các tổ chức xã hội, như đoàn đội, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội phụ lão, cũng như hệ thống các trường học, các tôn/bản,... Có như vậy, ASXH của Phật giáo mới có điều kiện ảnh hưởng sâu rộng đến cộng đồng. Ví như, Phật giáo nên có sự liên kết với các đoàn đội, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội phụ lão để mục tiêu đạt được của hoạt động này thêm sâu rộng và mang tính đồng thuận cao; liên kết với các trường phổ thông để tổ chức các buổi ngoại khóa thuyết pháp về giáo lý, lễ nghi của Phật giáo theo từng chủ đề, như bảo vệ

môi trường. yêu thương ông bà cha mẹ và quê hương, giúp đỡ người nghèo... hay liên kết với các thôn/bản để thực hiện các hoạt động cứu trợ xã hội, như giúp đỡ các gia đình có người bị ốm đau, chết chóc, gia đình gặp hoạn nạn, nghèo khổ, hỗ trợ công tác đền ơn đáp nghĩa,...

Thứ hai, cần chú ý điều chỉnh một số hoạt động ASXH theo nghĩa rộng ở các chùa chiền, như giúp đỡ chữa trị người ốm đau bệnh tật, người gặp hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống... nhưng bị lợi dụng vào các mục đích buôn thần bán thánh, mưu lợi vật chất làm vãn đục đạo đức giáo lý lễ nghi Phật giáo. Hiện tượng này không nhiều nhưng đã và đang tồn tại với những biểu hiện đậm nhạt khác nhau cần phải có những giải pháp mang tính nguyên tắc để ngăn chặn kịp thời.

Thứ ba, giáo hội Phật giáo các cấp cần nâng cao một số hoạt động của Phật giáo thành công tác xã hội. Thành lập các trường nuôi dạy trẻ mồ côi, cơ sở nuôi dưỡng người già, người khuyết tật, đơn vị tham vấn về HIV ở nhiều địa phương trong cả nước. Những hoạt động này góp phần tăng cường sức khỏe cho cộng đồng, giảm thiểu lo âu, phiền muộn từ bệnh tật, tạo điều kiện cho xã hội phát triển, ổn định. Hoạt động từ thiện xã hội này của Phật giáo Việt Nam cần đi vào chiều sâu nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

Thứ tư, xây dựng cơ chế trao đổi thông tin với cơ quan, tổ chức từ thiện, nhân đạo của Nhà nước và cá nhân, tổ chức ngoài xã hội khác. An sinh xã hội là hoạt động nhân đạo mang ý nghĩa nhân văn, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc nên được nhiều tổ chức tích cực tham gia. Hiện nay, theo phân cấp quản lý, Bộ Lao động Thương binh và xã hội là cơ quan chủ quản tiến hành hoạt động QLNN về mặt bảo trợ xã hội. Ngoài ra, các cá nhân và tổ chức cũng thường xuyên tiến hành hoạt động từ thiện, nhân đạo ở khắp mọi vùng miền của Tổ quốc, trong đó có nhiều tín đồ và chức sắc của các tổ chức tôn giáo lớn.

Tuy nhiên, do thiếu cơ chế phối hợp thông tin giữa các ban ngành, các tổ chức từ thiện nên dẫn đến hoạt động thiếu chuyên nghiệp. Chẳng hạn, nhiều trường hợp cần giúp đỡ song không được hỗ trợ kịp thời hoặc có hỗ trợ nhưng quá ít so với thực tế. Cá biệt có trường hợp mới chỉ gặp trưởng ngại

thông thường có thể tự giải quyết thì vẫn được quan tâm, giúp đỡ thường xuyên. Ngoài ra, cũng vì thiếu thông tin, đôi khi hoạt động từ thiện xã hội đã xảy ra hiện tượng bị các đối tượng xấu lừa gạt, chiếm đoạt tài sản. Một số cá nhân chưa từng rơi vào tình trạng nghèo đói, khó khăn, thậm chí kinh tế gia đình còn thuộc diện khá giả nhưng lại nhận được sự quyên góp, giúp đỡ của mọi người.

Cần xây dựng cơ chế trao đổi thông tin giữa GHPG với các cơ quan quản lý, các tổ chức từ thiện, nhân đạo để có thể nắm bắt nhanh chóng thông tin về những trường hợp cần hỗ trợ một cách kịp thời và hiệu quả, do vậy cần:

i) Ban Từ thiện xã hội cần phối hợp với Bộ, Sở, các Phòng lao động - Thương binh và xã hội, các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh để nắm bắt số lượng gia đình thương binh, bệnh binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể đến trường. Đặc biệt, cần nắm bắt số lượng gia đình có người thân bị nhiễm chất độc da cam, đây là trường hợp rất cần sự hỗ trợ bởi chi phí điều trị và duy trì sinh hoạt hằng ngày tốn kém trong khi các nạn nhân nhiễm chất độc da cam không thể lao động, kiếm tiền phục vụ những nhu cầu cơ bản của bản thân.

ii) Ban Từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo các cấp, nhất là cấp huyện cần thường xuyên liên lạc với chính quyền xã, phường, thị trấn để nắm bắt thông tin về hoàn cảnh của những gia đình khó khăn. Xã, phường, thị trấn là cấp quản lý hành chính gần dân nhất, là nơi hiểu rõ mọi tâm tư, nguyện vọng của đông đảo bà con tín đồ Phật tử và nhân dân. Do đó, mọi thông tin về người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đều được cập nhật kịp thời và chính xác. Hằng năm, bộ phận cán bộ trong lĩnh vực lao động của xã, phường có nhiệm vụ cập nhật tình hình hộ nghèo ở địa phương, thậm chí thường xuyên bổ sung danh sách hộ tái nghèo (đối với trường hợp bị tai nạn bất ngờ, bị bệnh hiểm nghèo hoặc bị bệnh mà qua đời...). Do đó, Ban Từ thiện xã hội nên thường xuyên phối hợp với chính quyền cấp xã để kịp thời cập nhật thông tin về những trường hợp khó khăn cần sự chung tay giúp đỡ của toàn xã hội. Việc thu thập những thông tin từ chính quyền cơ sở cũng giúp cho hoạt động từ thiện, nhân đạo được thực hiện đúng người, phù hợp với mức độ cần trợ giúp, tránh tình trạng cá nhân chỉ cần

hỗ trợ ít thì lại được hỗ trợ rất nhiều, ngược lại người cần hỗ trợ nhiều và thường xuyên thì không được quan tâm đầy đủ.

Như vậy, công tác ASXH cần tiếp tục được đẩy mạnh, tăng cường tính hệ thống, kết nối trong hoạt động xã hội; tăng cường sự phối hợp với chính quyền, các đoàn thể nhân dân; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động ASXH của cơ sở. Về phía các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, cần tăng cường hơn nữa sự định hướng và phối hợp với Giáo hội Phật giáo trong các hoạt động xã hội, bảo đảm các hoạt động đúng với tôn chỉ, mục đích trong Hiến chương của Giáo hội, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và quy định, pháp luật của Nhà nước.

4.2.6. Tăng cường sự phối hợp của Giáo hội Phật giáo với các cơ quan chức năng đảm bảo công khai, minh bạch tài chính trong quá trình thực hiện an sinh xã hội của Phật giáo

Thứ nhất, cần nhận thức rõ và khách quan về vai trò nguồn lực tài chính của các tổ chức tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng.

Tôn giáo là một thực thể xã hội tồn tại khách quan và mang trong mình những giá trị tích cực. Số lượng tín đồ tôn giáo là nguồn nhân lực của đất nước, không chỉ là người trực tiếp làm ra của cải để phát triển đất nước. Nguồn nhân lực đó có niềm tin tôn giáo sẽ làm tăng tính hiệp thông giữa những người cùng đức tin, tạo nên sức mạnh, tính cố kết cộng đồng cao, là những hạt nhân quan trọng làm nên đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc và là lực lượng quần chúng góp phần ổn định, phát triển đất nước, đó là một thực tế không thể phủ nhận.

Khi đã nhìn nhận đúng và đặt đúng vai trò của tổ chức tôn giáo, thì trong thực thi cần đưa tôn giáo vào tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, điều đó không chỉ kích đẩy được nguồn vốn xã hội từ tôn giáo, mà còn tạo sự đồng thuận xã hội. Khi nhìn nhận tôn giáo là một thực thể xã hội, tổ chức này sẽ có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ như những tổ chức xã hội khác trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội. Tạo ra cơ sở pháp lý bình đẳng để phát huy nguồn vốn xã hội của tôn giáo cho phát triển đất nước.

Trong thời kỳ hội nhập, giao lưu quốc tế và kinh tế thị trường hiện nay, các tôn giáo ở Việt Nam nói chung, Phật giáo nói riêng đang và sẽ trở thành một nguồn lực vật chất và tinh thần để phát triển xã hội, đóng góp vào các lĩnh vực văn hóa, xã hội, cộng đồng trách nhiệm với toàn thể dân tộc trong phát triển bền vững đất nước.

Trong phát huy nguồn lực tôn giáo, về chính sách chỉ cần tạo hành lang pháp lý để tổ chức tôn giáo được tham gia các lĩnh vực bình đẳng như những pháp nhân khác. Chúng ta chỉ cần khơi thông nguồn lực tôn giáo sẵn có và đưa nguồn lực ấy vận hành trong khung pháp lý với những điều kiện như những pháp nhân khác.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang rộng mở chủ trương, chính sách đổi mới trong việc khuyến khích cộng đồng các tôn giáo phát huy vai trò nguồn lực xã hội của mình trong phát triển ổn định kinh tế, xã hội. Để phát triển bền vững đất nước rất cần chú trọng tới đóng góp nguồn lực của tôn giáo cả trong lĩnh vực tinh thần, vật chất. Tôn trọng và phát huy những đóng góp của các tôn giáo chính là thúc đẩy tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, thúc đẩy tôn giáo tăng cường mối quan hệ với Nhà nước vì mục tiêu chung.

Thứ hai, tăng cường hoạt động thu hút nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động ASXH.

Các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng là tổ chức xã hội tự nguyện không mang tính ép buộc. Tất cả các hoạt động của các tôn giáo được khởi xướng và duy trì là nhờ sự đồng tình và ủng hộ của tín đồ trong và ngoài nước. Hiện nay, hoạt động ASXH của Giáo hội Phật giáo đã thu hút được đông đảo tín đồ phật tử tham gia. Những đóng góp của tín đồ rất phong phú và đa dạng, tín đồ có điều kiện về kinh tế thì đóng góp tài chính, người không có điều kiện về tiền bạc, vật chất thì đóng góp thời gian đồng hành cùng các hoạt động xã hội, làm công quả cho nhà chùa. Kinh phí duy trì các hoạt động ASXH đều do các phật tử phát duyên mà thành, nhờ đó mà trong nhiều năm qua, các hoạt động của GHPGVN nói chung, GHPG tại các tỉnh, thành phố được tổ chức thường xuyên, liên tục, năm sau tiếp tục tăng cao hơn năm trước.

Một là, GHPGVN cần mở rộng hoạt động quyên góp ra hải ngoại. Hầu hết, người Việt Nam cho dù đang sinh sống, làm việc ở trong nước hay đang định cư, học tập, lao động ở nước ngoài thì trong tâm thức đều ẩn chứa những đức tính tốt đẹp như nhân hậu, nhân ái, giàu lòng yêu thương đồng bào... Hiện nay, khoảng 05 triệu người Việt Nam đang lao động và sinh sống ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đa số người Việt Nam ở hải ngoại là tín đồ của nhiều tôn giáo và loại hình tín ngưỡng khác nhau, trong đó Phật giáo chiếm số lượng đông đảo. Những năm qua, GHPGVN, đại diện là Ban Từ thiện xã hội, Ban Phật giáo quốc tế đã tổ chức nhiều chương trình kêu gọi kiều bào đang sinh sống, lao động ở các nước trên thế giới chung tay chia sẻ với những nỗi đau, bất hạnh của những người yếu thế trong xã hội. Tuy nhiên, hoạt động gây quỹ từ thiện ở hải ngoại chưa được Giáo hội thực hiện tốt, lượng kiều hối gửi về nước chủ yếu ủng hộ cho người thân, bạn bè, chưa có nhiều tổ chức tham gia sâu vào hoạt động đảm bảo ASXH trong nước như đầu tư tiền xây nhà tình thương, thành lập trại trẻ mồ côi...

Do đó, GHPGVN nên hướng tới việc tuyên truyền, thuyết phục số kiều bào là tín đồ của đạo Phật đồng hành cùng các phong trào của Giáo hội ở trong nước. Ban Từ thiện xã hội, Ban Phật giáo quốc tế và Ban Thông tin truyền thông có kế hoạch phối hợp nhịp nhàng, xây dựng các chiến lược truyền thông có nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, nêu rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động nhân văn này. Trong quá trình tuyên truyền, phát động phong trào tương thân tương ái cần thực hiện khéo léo, tránh gây hiểu nhầm, nhất là công việc quyên góp tài chính, phải được tiến hành công khai minh bạch, phải có báo cáo công khai tài chính đến từng tín đồ đang sinh sống tại nước ngoài để họ hiểu rõ hơn những hoạt động từ thiện, nhân đạo của Giáo hội.

Hai là, hình thành những quỹ đầu tư góp phần duy trì và phát triển dòng vốn cứu trợ cho những hoàn cảnh khó khăn. Những năm gần đây, các hoạt động ASXH của GHPGVN được tổ chức liên tục, thường xuyên là bởi Giáo hội đã tích cực huy động được nguồn tài chính từ các Phật tử và người dân mến mộ đạo Phật.

Tuy nhiên, để duy trì các hoạt động từ thiện, nhân đạo được diễn ra liên tục và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy định của pháp luật thì đòi hỏi nguồn tài chính rất lớn. Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động ASXH chưa đủ, trong khi đó, có rất nhiều yếu tố bất lợi đang tác động thường xuyên, làm cuộc sống của người dân thêm khó khăn như thiên tai lũ lụt, bệnh tật, tai nạn lao động, tác động của khủng hoảng kinh tế xã hội... Những yếu tố bất lợi không chỉ tác động trong khoảng thời gian ngắn mà chúng còn tác động liên tục, trải dài qua nhiều năm, nhiều tháng (trong năm 2018, Việt Nam phải gánh chịu khoảng 14 cơn bão và siêu bão). Vì vậy, Giáo hội luôn phải đề ra phương án chủ động nguồn tài chính để bảo đảm thường xuyên những hoạt động cứu trợ đột xuất khi có yếu tố bất lợi tác động, cũng như các hoạt động trợ cấp thường xuyên. Chủ động nguồn tài chính được hiểu là ngoài số tiền do các nhà hảo tâm quyên góp, Giáo hội cũng phải cần phát triển các số tiền đã quyên góp để tránh bị lệ thuộc vào các nhà hảo tâm, đồng thời mở rộng được phạm vi và đối tượng thụ hưởng.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế tài chính và huy động nguồn lực cho ASXH. Để tạo nguồn tài chính đủ mạnh đảm bảo thực hiện ASXH, Nhà nước cần có chính sách, cơ chế để huy động mạnh mẽ các lực lượng xã hội tham gia trực tiếp vào thực hiện ASXH vừa giảm gánh nặng về tài chính vừa tạo được sự gắn kết, phát huy được tính tích cực trong thực hiện và quản lý các nguồn lực tài chính của ASXH. Các chính sách này trước hết cần thực hiện như:

Nghiên cứu khả năng chuyển đổi một số mô hình tín dụng nhỏ sang mô hình tài chính tín dụng chính thức nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của người dân nông thôn, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

Hỗ trợ các sáng kiến về mô hình ASXH phi chính thức ở cộng đồng. Tổng kết và nhân rộng các mô hình có hiệu quả. Thí điểm hình thành các Quỹ phát triển thôn bản, quỹ quản lý rủi ro cộng đồng.

Hỗ trợ phát triển các thể chế cộng đồng (các đoàn thể địa phương, các tổ nhóm tín dụng tiết kiệm, tổ liên gia đình, nhóm sở thích, nhóm sử dụng) để

trở thành điểm tựa chống đỡ rủi ro cho các hộ nghèo, cận nghèo, các nhóm đối tượng đặc thù, hướng đến giảm nghèo nhanh và bền vững.

Xã hội hóa các phong trào hỗ trợ đối tượng khó khăn: ngày vì người nghèo, phong trào tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách. Khuyến khích thành lập các tổ, hội, đoàn làm công tác cứu trợ như Hội chữ thập đỏ, Hội tương tế.

Chủ động, tranh thủ hơn nữa việc quy tụ những tấm lòng trợ giúp của đội ngũ tăng, ni, phật tử và các nhà hảo tâm trong xã hội. Nguồn lực tài chính phải được huy động từ nhiều nguồn song phải hướng tới tính ổn định, bền vững.

Thứ tư, cần nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn của những người thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH, đặt biệt chú ý đến kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện về công khai, minh bạch nội dung, thông tin ASXH, kỹ năng công khai qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là việc sử dụng công nghệ thông tin số hóa. Đồng thời cũng nâng cao nhận thức của người dân để người dân thấy được vị trí, tầm quan trọng của các chính sách, pháp luật ASXH trong cuộc sống.

Thứ năm, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ASXH, từng bước số hoá QLNN lĩnh vực ASXH là công cụ bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch lĩnh vực này, do vậy việc lên kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá các hoạt động ASXH của các cơ quan, đơn vị cần phải có sự thống nhất, phối hợp thực hiện công khai, minh bạch tránh gây những phiền hà, những nhiễu, tốn kém cho người dân. Ngoài ra, cũng cần có những biện pháp chế tài để xử lý nghiêm minh, răn đe những hành vi thực hiện trái pháp luật về công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH.

Nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn của những người thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH, đặc biệt chú ý đến kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện về công khai, minh bạch nội dung, thông tin ASXH, kỹ năng công khai qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là việc sử dụng công nghệ thông tin số hóa.

Đơn giản hóa TTHC và hiện đại hóa hệ thống quản lý rất cần thiết. Việc đơn giản hóa TTHC sẽ giúp giảm bớt gánh nặng cho người dân và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ASXH. Cùng với đó, khuyến

khích người dân truy cập, theo dõi và nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng thông tin điện tử chung về xử lý hồ sơ bảo hiểm. Các cơ quan nhà nước các cấp cũng cần hợp tác chặt chẽ với các cơ quan địa phương để bảo đảm việc thực thi đúng và đủ; đồng thời, nâng cao công tác giám sát và kiểm tra việc áp dụng pháp luật tại các cấp.

Thứ sáu, đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động công khai, minh bạch ASXH của những chủ thể có trách nhiệm thực hiện được giao, nhằm nhanh chóng phát hiện để kịp thời xử lý và điều chỉnh đúng theo các quy định của pháp luật, giúp cho các chủ thể có trách nhiệm thực hiện hơn, không qua loa, đại khái.

Thứ bảy, nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn của những người thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH, đặc biệt chú ý đến kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện về công khai, minh bạch nội dung, thông tin ASXH, kỹ năng công khai qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là việc sử dụng công nghệ thông tin số hóa.

Thứ tám, thực hiện thường xuyên các hình thức công khai, minh bạch trong ASXH. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm công khai tùy theo nội dung, đối tượng, mục đích công khai và điều kiện thực tế mà lựa chọn trong số các hình thức công khai như: Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; phát hành ấn phẩm; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có); cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4.2.7. Tăng cường sự phối hợp của Giáo hội Phật giáo với các cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động an sinh xã hội

Thanh tra và kiểm tra các hoạt động ASXH là một quá trình giám sát, đánh giá và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ xã hội để đảm bảo rằng các nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và công bằng. Giáo hội Phật giáo các cấp cần tổ chức mang tính hệ thống cùng

cơ chế hoạt động và giám sát, hỗ trợ vật chất đồng bộ, khoa học trong cả nước. Đó là hệ thống các trường tình thương, trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người neo đơn, phòng khám từ thiện trên toàn quốc. Những cơ sở xã hội này, thông qua việc tổ chức mang tính hệ thống và giúp đỡ của GHPGVN sẽ duy trì được hoạt động lâu dài, hiệu quả và được hỗ trợ khi gặp khó khăn, được trao đổi và học tập kinh nghiệm, tham gia tập huấn kỹ năng...

Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động ASXH là một phần quan trọng để đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả và công bằng trong việc thực hiện các chính sách ASXH, từ đó bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là những nhóm yếu thế trong xã hội, có thể kể đến các giải pháp như:

Thứ nhất, GHPGVN cần thành lập cơ quan chuyên trách tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Hiện nay, Ban Từ thiện xã hội là cơ quan phụ trách chính về vấn đề từ thiện, nhân đạo, đảm bảo ASXH của GHPGVN. Giáo hội có chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai và quản lý hoạt động, trong đó có hoạt động kiểm tra, giám sát. Tuy nhiên, những năm qua, hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Từ thiện xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều trường hợp lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo để trục lợi cho bản thân nhưng chưa được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Do đó, Giáo hội cần thành lập một cơ quan chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Cơ quan kiểm tra, giám sát nên được tổ chức theo cấp dọc, tức là ở Trung ương GHPGVN thì lập Ban Kiểm tra, giám sát Trung ương Giáo hội (tương tự Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng), ở các tỉnh phải thành lập cơ quan kiểm tra, giám sát của Giáo hội tỉnh.

Về cơ chế hoạt động, ban kiểm tra, giám sát có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động của Trung ương Giáo hội và GHPG tỉnh, trong đó có kiểm tra công tác đảm bảo ASXH. Cơ quan kiểm tra phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra các vấn đề liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo như thời gian tiến hành hoạt động, số lượng người tham gia, số tiền quyên góp, số lượng tiền đã trợ giúp người khó khăn...

Khi phát hiện ra dấu hiệu lừa đảo, cơ quan kiểm tra, giám sát có toàn quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức ngừng hoạt động và được phép thu thập chứng cứ buộc tội lừa đảo để trình lên cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Việc giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về ASXH nhằm theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra, việc đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ thanh tra có đủ năng lực và chuyên môn để thực hiện việc giám sát và thanh tra các hoạt động ASXH một cách hiệu quả là rất cần thiết.

Thứ hai, về nội dung thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ASXH. Các hoạt động ASXH bao gồm nhiều lĩnh vực như trợ cấp xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các chương trình hỗ trợ người nghèo, người có công, người khuyết tật, trẻ em và các nhóm yếu thế khác trong xã hội. Do vậy, thanh tra và kiểm tra các hoạt động này bao gồm những nội dung như: 1) Kiểm tra việc phân bổ nguồn lực để đảm bảo rằng các nguồn lực tài chính, vật chất, nhân lực được phân bổ đúng theo các đối tượng thụ hưởng. 2) Kiểm tra việc thực hiện chính sách: Đánh giá xem các chương trình ASXH có được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật hay không. 3) Kiểm tra tính minh bạch và công bằng: Đảm bảo rằng các chính sách ASXH không có sự phân biệt đối xử, và các nhóm yếu thế được hưởng lợi một cách công bằng. 4) Đánh giá hiệu quả của các chương trình ASXH: Kiểm tra xem các chương trình hỗ trợ có đạt được mục tiêu đề ra, giúp cải thiện đời sống của các đối tượng thụ hưởng hay không. 5) Đánh giá hiệu quả của các chương trình ASXH: Kiểm tra xem các chương trình hỗ trợ có đạt được mục tiêu đề ra, giúp cải thiện đời sống của các đối tượng thụ hưởng hay không. 6) Phát hiện sai phạm và xử lý: Phát hiện các hành vi vi phạm, tham nhũng hoặc lãng phí trong việc thực hiện các chính sách ASXH và đưa ra các biện pháp xử lý, khắc phục.

Như vậy, các cơ quan thanh tra, kiểm tra thường xuyên thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện ASXH giúp nâng cao tính minh bạch, tránh tham nhũng và lãng phí, đồng thời nâng cao hiệu

quả của các chương trình ASXH trong việc hỗ trợ người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội.

Thứ ba, tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động ASXH là một yếu tố quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, phát triển bền vững. Việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng nhằm đạt được một số mục tiêu như:

Tạo ra nhận thức cộng đồng: Các tổ chức, cơ quan nhà nước cần tăng cường truyền thông, giáo dục về tầm quan trọng của ASXH và những lợi ích của việc tham gia vào các hoạt động này. Việc tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, hoặc chiến dịch truyền thông sẽ giúp người dân nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng.

Khuyến khích sự tham gia của các nhóm cộng đồng: Khuyến khích các tổ chức xã hội, các nhóm thanh niên, các tổ chức tôn giáo, hoặc các câu lạc bộ cộng đồng tham gia vào các hoạt động ASXH. Những nhóm này có thể tổ chức các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia: Các chính sách cần đảm bảo dễ tiếp cận và thuận tiện cho người dân tham gia. Điều này bao gồm việc tổ chức các sự kiện, chương trình ASXH ở các địa phương, nơi dễ dàng cho người dân tham gia và đóng góp.

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức chính quyền và xã hội: Chính quyền các cấp có thể hợp tác chặt chẽ với các tổ chức xã hội, NGO (tổ chức phi chính phủ) để triển khai các hoạt động ASXH. Điều này không chỉ giúp huy động tài trợ, mà còn tăng cường sự kết nối và hỗ trợ giữa các bên.

Xây dựng các mô hình hỗ trợ cộng đồng bền vững: Các mô hình như “Cộng đồng tự quản”, “Chợ tình nguyện”, “Quỹ hỗ trợ cộng đồng” có thể là những hình thức để người dân chủ động tham gia. Các mô hình này cần được phát triển một cách bền vững, có sự giám sát, đánh giá để đảm bảo hiệu quả lâu dài.

Thúc đẩy các hoạt động thiện nguyện, quyên góp: Khuyến khích các hoạt động từ thiện, quyên góp bằng tiền hoặc hiện vật cho các đối tượng cần

hỗ trợ. Cộng đồng có thể góp sức thông qua các phong trào, chiến dịch do các tổ chức hoặc cá nhân phát động.

Xây dựng môi trường pháp lý hỗ trợ: Các chính sách và luật pháp cần tạo điều kiện cho người dân tham gia các hoạt động ASXH mà không gặp phải rào cản về pháp lý hoặc tài chính. Cần có các quy định rõ ràng về việc bảo vệ quyền lợi cho những người tham gia.

Khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong các hoạt động ASXH: Các sáng kiến mới, phương pháp tổ chức sáng tạo có thể giúp thu hút cộng đồng tham gia nhiều hơn. Các hoạt động này cần được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của cộng đồng, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Xử lý nghiêm các hành vi phạm. Cần có chế tài mạnh mẽ đối với các hành vi vi phạm trong công tác triển khai các chính sách ASXH, như tham nhũng, lạm dụng chức vụ, trục lợi từ các chính sách an sinh.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và xã hội. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức xã hội để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và thực hiện giám sát các hoạt động ASXH theo tiêu chuẩn quốc tế. Có thể thấy, việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động ASXH không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng cho nhà nước mà còn góp phần tạo ra một xã hội đoàn kết, phát triển bền vững và công bằng hơn. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hội nghị, diễn đàn để người dân phản ánh ý kiến và yêu cầu các cơ quan chức năng giải trình về các vấn đề liên quan.

Thứ tư, cần thực hiện thêm một số biện pháp xử phạt bổ sung đối với hoạt động ASXH. Hiện nay, các hành vi bị xử phạt phổ biến đối với hoạt động ASXH như: Tổ chức vận động tài trợ trái phép: Mức phạt từ 5 triệu đến 30 triệu đồng (căn cứ Nghị định 93/2021/NĐ-CP, Điều 29); không công khai, minh bạch tài chính: Mức phạt: Từ 5 triệu đến 50 triệu đồng, tùy theo hành vi và hậu quả. Vi phạm quy định về trật tự, an ninh trong hoạt động từ thiện: Mức phạt: 1 triệu đến 15 triệu đồng (theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP). Sử dụng sai mục đích nguồn tài trợ: Mức phạt: Lên đến 70 triệu đồng; có thể bị thu hồi tài sản, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra nếu có dấu hiệu hình sự.

Đề hoạt động ASXH mang tính răn đe hơn, cần thực hiện thêm một số biện pháp bổ sung có thể áp dụng, như: 1) *Buộc hoàn trả tiền, hàng hóa* cho bên bị thiệt hại: Đây là một biện pháp xử lý hành chính hoặc dân sự nhằm khôi phục quyền lợi hợp pháp cho người bị ảnh hưởng, đồng thời răn đe và ngăn chặn hành vi sai phạm trong tổ chức, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực từ thiện. Biện pháp này được áp dụng khi tổ chức, cá nhân có hành vi như: Chiếm dụng, sử dụng sai mục đích tiền – hàng từ thiện; Lừa đảo, gian dối trong quá trình vận động tài trợ; Phân phối sai đối tượng và không bàn giao tài sản đúng thời hạn, đúng địa chỉ. 2) *Buộc công khai xin lỗi* hoặc đính chính thông tin sai lệch. Đây biện pháp xử lý mang tính khắc phục hậu quả tinh thần và truyền thông, áp dụng khi tổ chức hoặc cá nhân thuộc tổ chức Phật giáo đưa tin sai, gây hiểu lầm hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng, đối tượng thụ hưởng hoặc uy tín của Giáo hội và Nhà nước. Các hình thức công khai xin lỗi hoặc đính chính, như: Ban hành văn bản: Gửi đến Ban Trị sự GHPGVN, cơ quan quản lý và bên bị ảnh hưởng (có thể kèm trên bảng tin chùa); Phát biểu công khai tại chùa hoặc nơi tổ chức sự kiện: Trình bày lý do sai phạm, xin lỗi, cam kết khắc phục và không tái phạm; Đăng trên mạng xã hội, website chính thức: Đăng bài viết đính chính thông tin sai, để chế độ công khai trong ít nhất 30 ngày; Báo chí hoặc truyền thông đại chúng (trường hợp ảnh hưởng nghiêm trọng): Yêu cầu đăng bài đính chính - xin lỗi trên phương tiện truyền thông đã phát tin sai. 3) *Dình chỉ hoạt động* vận động tài trợ hoặc tổ chức từ thiện có thời hạn. Đây là biện pháp quản lý hành chính được áp dụng nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, đồng thời tạo điều kiện để cơ sở từ thiện hoặc tổ chức Phật giáo khắc phục sai phạm trước khi được phép hoạt động trở lại. Do vậy, cần tăng cường hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, như: Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh, UBND xã; Sở Nội vụ; Mặt trận Tổ quốc; Sở Tài chính; Công an, Thanh tra tài chính, Chi cục thi hành án. 4) *Tịch thu tang vật, phương tiện* dùng để vi phạm (trong một số trường hợp nặng). Đây là một biện pháp xử lý hành chính bổ sung, được áp dụng khi tổ chức hoặc cá nhân thuộc cơ sở tôn giáo sử dụng công cụ, tài sản,

phương tiện để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội, tài chính, hoặc đạo đức công chúng.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào công tác kiểm tra, giám sát hoạt động từ thiện, nhân đạo. Hiện nay, việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào mọi hoạt động quản lý, điều hành đã trở thành xu thế chung của nhân loại. Đối với các hoạt động nhân đạo, đảm bảo ASXH do tăng, ni, phật tử tổ chức, Giáo hội cũng nên áp dụng khoa học và công nghệ để quản lý hiệu quả hơn. Trên thực tế, trong thời gian qua, một số cơ sở của Giáo hội Phật giáo các tỉnh, thành chưa ứng dụng khoa học, công nghệ vào khâu quản lý, điều hành hoạt động từ thiện, nhân đạo. Một số hoạt động từ thiện trong quá trình tiến hành chỉ được kiểm tra thông qua con người, chẳng hạn cử đoàn giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc sử dụng hình thức kiểm tra bằng cách yêu cầu gọi điện báo cáo nhưng do không quan sát trực tiếp nên đã xảy ra một số trường hợp thực hiện không đúng.

Ngoài ra, có những trường hợp không sử dụng ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý tài chính nên hiệu quả sử dụng nguồn tài chính không cao, thậm chí có hiện tượng thất thoát tài chính do mục đích vụ lợi của cá nhân. Nguồn tiền quyên góp được chủ yếu vẫn đang được cất giữ theo phương thức truyền thống là lập một tài khoản ngân hàng sau đó khi bắt đầu thực hiện thì mới rút tiền. Điều này ẩn chứa nhiều rủi ro khi người đứng đầu có thể thực hiện các giao dịch bất hợp pháp, chẳng hạn sử dụng nguồn vốn đó đầu tư ngắn hạn để tiêu xài cá nhân hoặc rút toàn bộ số tiền để sử dụng....

Trong thời gian tới, để kiểm tra, giám sát tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo, Giáo hội cần ứng dụng khoa học công nghệ cho một số nội dung như: Xây dựng một dữ liệu lớn về công tác tổ chức từ thiện, nhân đạo, đảm bảo ASXH. Trong đó cần thống kê toàn bộ hoạt động đảm bảo ASXH của các phật tử ở mọi miền Tổ quốc, tập trung thống kê số lượng người tham gia, số tiền quyên góp, số lượng người được trợ giúp, số lượng người cần trợ giúp. Ngoài ra, cần lưu trữ thông tin về hiệu quả công tác từ thiện, đảm bảo ASXH do Giáo hội tổ chức như thống kê bao nhiêu cá nhân, tổ chức sau khi được trợ giúp, bao nhiêu trường hợp tái nghèo có cuộc sống vật chất và tinh thần được nâng cao.

Những dữ liệu này cần được lưu trữ trong một trang thông tin chính thức của Giáo hội để bất cứ ai muốn tìm hiểu về hoạt động từ thiện, nhân đạo do Giáo hội các tỉnh, thành đã tổ chức thì đều có thể kiểm tra nhanh chóng, chính xác, hiệu quả. Cần xây dựng như trang thống kê của Tổng cục Thống kê với những con số đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Cần mạnh dạn sử dụng ứng dụng quản lý dữ liệu kết hợp truy xuất nguồn gốc mới nhất, hiện đại hơn cả Big Data là Blockchain (là một trong bốn thành tố của cách mạng công nghiệp 4.0). Phần mềm quản lý Blockchain đang được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như ngân hàng, giao thông, mua bán hàng hóa. Bởi các dữ liệu gốc khi đã được mã hóa thì không thể sửa nội dung nên Blockchain được ứng dụng để truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Họ cần chủ động và cho phép thực hiện lưu trữ thông tin đã thực hiện các hoạt động ASXH lên không gian đám mây của 1 bên thứ 3. Điều này buộc họ cần tin tưởng vào các tầng ni, phật tử và thực hiện trao quyền, nhờ đó, họ không mất nhiều thời gian để trực tiếp theo dõi tầng ni, phật tử làm việc mà vẫn nắm được tình hình hoạt động trong lĩnh vực ASXH. Việc ứng dụng CNTT sẽ giúp tăng cường liên kết giữa các bộ phận, các đầu mối hoạt động có mục tiêu liên quan tới nhau và họ có thể dễ dàng nắm bắt được nhờ thông tin trên hệ thống. Điều này sẽ giúp tăng tính minh bạch trong tổ chức và tối ưu hiệu suất làm việc của tất cả các thành viên trong tổ chức.

Do vậy, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động ASXH là rất phù hợp để quản lý công tác đảm bảo ASXH, đồng thời nó mang lại sự tin tưởng gần như tuyệt đối giữa các chủ thể và đối tượng được thụ hưởng từ hoạt động từ thiện, nhân đạo. Từ dữ liệu của Blockchain, có thể biết các nhà hảo tâm đã tổ chức từ thiện bao nhiêu lần, quà từ thiện được sản xuất ở đâu, có đảm bảo chất lượng không,... Đối với người yếu thế cần trợ giúp, họ sẽ hoàn toàn tin tưởng vào hàng hóa mà mình được trao tặng, bởi đây là hàng hóa đã có đầy đủ thông tin về quá trình sản xuất, bảo quản, lưu thông. Đối với những nhà hảo tâm, họ cũng sẽ tin tưởng hơn vào các hoạt động từ thiện, họ sẽ biết được số tiền từ thiện của mình có được sử dụng đúng mục đích không, bao nhiêu người đã được

hưởng, và tác dụng của những hoạt động từ thiện, nhân đạo, cứu trợ mà mình tham gia đến đâu.

Đặc biệt, khi sử dụng Blockchain, Ban Từ thiện xã hội các cấp sẽ có một công cụ kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng rất chính xác. Chẳng hạn, sau khi quà là hàng hóa trao đến tay đối tượng yếu thế để giúp đỡ họ thì có được sử dụng vào đúng mục đích không hay là lại bán cho người khác. Từ dữ liệu số lượng người được trợ cấp, nhờ có dữ liệu của Blockchain, Giáo hội có thể đánh giá hiệu quả của hoạt động từ thiện, chuyển biến đời sống nhân dân trong khoảng thời gian một tuần, một tháng hay một năm.

Qua phân tích trên có thể thấy, việc áp dụng công nghệ Blockchain sẽ giúp cho GHPGVN, Ban Từ thiện xã hội các cấp có thể đánh giá nhanh chóng, hiệu quả các hoạt động từ thiện, đồng thời có thể giám sát chặt chẽ các hoạt động từ thiện, những trường hợp lợi dụng hoạt động từ thiện để mưu lợi cá nhân sẽ không thể thực hiện được.

Cần xây dựng một số trang thông tin chỉ dành riêng cho hoạt động từ thiện, nhân đạo để công khai toàn bộ hoạt động từ thiện, nhân đạo của tín đồ, chức sắc đạo Phật đã và đang tiến hành. Giáo hội cần thành lập một trang thông tin điện tử dành riêng cho hoạt động từ thiện, nhân đạo như website, trang Facebook mang tư cách pháp nhân GHPGVN để truyền tải thông tin của các hoạt động đảm bảo ASXH như thời gian thực hiện, số lượng người được hỗ trợ, số lượng người ủng hộ, số tiền quyên góp được.

Giáo hội phải yêu cầu tất cả các cá nhân, tổ chức có mong muốn lấy danh nghĩa nhà Phật để tổ chức hoạt động từ thiện, nhân đạo thì phải đăng ký với Ban Từ thiện xã hội Giáo hội ở các tỉnh. Phải đăng và lưu trên website của GHPGVN. Những trường hợp không đăng ký hoạt động, Giáo hội cần yêu cầu không được sử dụng danh nghĩa tín đồ của đạo Phật để tiến hành các hoạt động ASXH để tránh tình trạng lợi dụng danh nghĩa nhà Phật huy động đóng góp tài chính rồi sử dụng vào mục đích cá nhân, không trao tận tay đến đối tượng cần trợ giúp.

Việc yêu cầu tất cả các hoạt động ASXH đều phải có minh chứng bằng ảnh, video, thậm chí sử dụng các trang mạng xã hội để lưu giữ hình ảnh, đăng tải thông tin trực tiếp là cần thiết. Khi thực hiện nội dung này cũng cần phân định rõ hoạt động từ thiện đúng nghĩa hay là đánh bóng. Thực tế, có một số hoạt động từ thiện dù chỉ được tiến hành với quy mô khiêm tốn, không có chất lượng nhưng do biết cách quảng bá, tạo dựng hình ảnh nên dễ làm cho mọi người tin đó là sự kiện được tổ chức hoành tráng, chất lượng, tạo cơ hội để trục lợi trong những lần tiếp theo. Yêu cầu minh chứng bằng hình ảnh và đăng tải những hình ảnh đó lên trang mạng xã hội là để phục vụ hoạt động giám sát nên cần thực hiện theo nguyên tắc làm thế nào thì đăng tải đúng như vậy, tránh hành vi làm ít, báo cáo nhiều.

Bên cạnh đó, việc phát triển các ứng dụng di động để người dân có thể dễ dàng phản ánh, khiếu nại về các vấn đề liên quan đến ASXH là rất cần thiết. Để phát triển các ứng dụng di động giúp người dân dễ dàng phản ánh, khiếu nại về các vấn đề liên quan đến ASXH, cần xây dựng một hệ thống tích hợp các tính năng tiện ích và dễ sử dụng. Một số tính năng quan trọng có thể được tích hợp vào ứng dụng như: 1) Giao diện người dùng (UI) thân thiện và dễ sử dụng: Giao diện cần dễ hiểu với các nút bấm lớn, biểu tượng rõ ràng, dễ dàng truy cập các tính năng chính, các hướng dẫn ngắn gọn và dễ hiểu để người dùng mới có thể sử dụng ứng dụng mà không gặp khó khăn. 2) Chức năng phản ánh khiếu nại: Mẫu khiếu nại tích hợp sẵn: Cho phép người dùng chọn các chủ đề khiếu nại liên quan đến ASXH như trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, v.v. Mẫu này sẽ giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao độ chính xác của phản ánh. 3) Theo dõi trạng thái khiếu nại: Cập nhật thông tin thời gian thực: Người dân có thể theo dõi tiến trình giải quyết khiếu nại của mình qua một hệ thống thông báo tự động hoặc thông qua trang cá nhân. Sau khi khiếu nại được giải quyết, người dân có thể đánh giá chất lượng giải quyết vấn đề để giúp cải thiện quy trình. 4) Bản đồ và định vị địa lý: Chức năng GPS: Cho phép người dân gửi khiếu nại kèm theo vị trí địa lý để các cơ quan chức năng dễ dàng nắm bắt và xử lý, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất, dịch vụ công cộng. 5) Tích hợp với hệ thống cơ quan

chức năng: Liên kết với các cơ quan chức năng: Các phản ánh và khiếu nại sẽ được gửi trực tiếp đến các cơ quan có thẩm quyền như Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội, hoặc các cơ quan chính quyền địa phương để xử lý. 6) Hỗ trợ cho người khuyết tật: Đảm bảo rằng ứng dụng có thể sử dụng được bởi những người khuyết tật, như hỗ trợ âm thanh cho người khiếm thị hoặc kích thước chữ lớn cho người khiếm thính. 7) Phản hồi và cải thiện liên tục: Chế độ khảo sát: Cung cấp chế độ khảo sát sau mỗi lần giải quyết khiếu nại để thu thập phản hồi từ người dân, nhằm cải thiện ứng dụng và dịch vụ công.

Với những tính năng này, ứng dụng sẽ tạo ra một kênh giao tiếp hiệu quả giữa người dân và các cơ quan chức năng, đồng thời giúp cải thiện chất lượng dịch vụ ASXH và nâng cao sự minh bạch trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến phúc lợi xã hội.

Tiểu kết Chương 4

Phật giáo có một vai trò đặc biệt quan trọng trong các hoạt động ASXH nhờ vào những giá trị như từ bi, nhân ái, công bằng và trách nhiệm xã hội. Những hoạt động không chỉ giúp cải thiện cuộc sống của những người khó khăn mà còn thúc đẩy một xã hội đoàn kết, bình đẳng và hòa bình.

Chương 4, tác giả nghiên cứu 06 quan điểm về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, đó là: Tôn giáo - trong đó có Phật giáo - là nguồn lực quan trọng góp phần phát triển đất nước và bảo đảm ASXH; Khuyến khích tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện và chăm lo nhóm yếu thế; Xã hội hóa ASXH - Phật giáo là đối tác quan trọng của Nhà nước trong các chương trình mục tiêu; Tôn vinh giá trị đạo đức tôn giáo - nền tảng thúc đẩy trách nhiệm xã hội của Phật giáo; Nhà nước tạo điều kiện để Phật giáo phát huy vai trò an sinh, đồng thời bảo đảm quản lý theo pháp luật; Phát huy vai trò của Phật giáo trong củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn kết quả đã đạt được, hạn chế và nguyên nhân tồn tại của hoạt động Phật giáo trong việc thực hiện ASXH trong Chương 3, tác giả đã đề xuất một số giải pháp tăng cường vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH, như: 1) Tăng cường nhận thức về tầm quan trọng vai trò của Phật giáo đối với các hoạt động ASXH. 2) Tăng cường công tác tuyên truyền về các hoạt động ASXH. 3) Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc thực hiện ASXH. 4) Giáo hội Phật giáo cần đào tạo, bồi dưỡng các Tăng, Ni và tín đồ Phật giáo. 5) Tăng cường sự phối hợp các cơ quan dân vận, mặt trận tổ quốc, các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện ASXH. 6) Đảm bảo công khai, minh bạch tài chính trong việc thực hiện ASXH; 7) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ASXH. Việc kết hợp giải quyết đồng bộ các giải pháp trên giúp cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động ASXH, phát huy được tác dụng, vai trò của Phật giáo đối với hoạt động ASXH hiện nay.

KẾT LUẬN

Hoạt động ASXH của Phật giáo ở Việt Nam không chỉ mang ý nghĩa từ thiện thuần túy, mà còn thể hiện một cách sinh động giá trị nhân văn sâu sắc của đạo Phật - tinh thần từ bi, cứu khổ và nhập thế. Thông qua mạng lưới cơ sở tôn giáo rộng khắp, Phật giáo đã góp phần bổ sung nguồn lực quan trọng cho hệ thống an sinh xã hội quốc gia, hỗ trợ kịp thời các nhóm yếu thế, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời lan tỏa những chuẩn mực đạo đức, tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, ASXH là một trụ cột quan trọng của phát triển bền vững, được ghi nhận trong các công ước quốc tế về quyền con người và trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. Phật giáo, với triết lý từ bi, cứu khổ, vị tha, đã hình thành hệ thống giá trị và hành động gắn bó mật thiết với hoạt động trợ giúp xã hội, phù hợp với mục tiêu và nguyên tắc của an sinh xã hội hiện đại. Trong bối cảnh xã hội hiện nay, việc nhận diện và hệ thống hóa vai trò của Phật giáo trong ASXH sẽ góp phần bổ sung luận cứ lý luận cho chính sách tôn giáo và chính sách xã hội của Nhà nước.

Trong rất nhiều nỗ lực và cố gắng, luận án đã đạt được nhiệm vụ đề ra, cụ thể:

Thứ nhất, luận án tiến hành phân tích, hệ thống hóa và khái quát các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH, qua đó xác định khoảng trống nghiên cứu và những nội dung cần tiếp tục làm rõ trong phạm vi luận án.

Thứ hai, luận án làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH ở Việt Nam: Khái niệm Phật giáo và đặc điểm của Phật giáo; đặc điểm của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH; Cơ sở lý luận về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH. Tác giả đã đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH hiện nay.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam trên 5 nội dung: 1) Xóa đói giảm nghèo và dịch vụ việc làm; 2) Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi; 3) Hoạt động ASXH đối với người cao tuổi, không nơi nương tựa; 4) Hoạt động an sinh trong giáo dục

tình thương; 5) Hoạt động an sinh trong chăm sóc y tế, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS, luận án đánh giá khách quan những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân hạn chế về vai trò của Phật giáo trong việc thực hiện ASXH ở Việt Nam thời gian qua.

Thứ tư, trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, nguyên nhân hạn chế luận án đề xuất quan điểm và một số giải pháp tăng cường và phát huy vai trò của Phật giáo trong thực hiện ASXH ở Việt Nam, góp phần vào quá trình xây dựng xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững. Các giải pháp đó là: 1) Tăng cường nhận thức về vai trò của Phật giáo đối với các hoạt động ASXH; 2) Tăng cường công tác tuyên truyền về các hoạt động ASXH; 3) Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc thực hiện ASXH; 4) Giáo hội Phật giáo cần đào tạo, bồi dưỡng các tăng, ni và tín đồ Phật giáo kỹ năng tham gia hoạt động ASXH; 5) Tăng cường sự phối hợp các cơ quan dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện ASXH; 6) Đảm bảo công khai, minh bạch tài chính trong thực hiện ASXH; 7) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ASXH.

Giáo hội PGVN thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả to lớn trong công tác ASXH, tuy nhiên vẫn còn một số thách thức như: thách thức về nguồn lực; về quản lý và tổ chức; về bối cảnh xã hội; về pháp lý và chính sách... Do vậy, đòi hỏi các hoạt động của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH có sự thay đổi để thích ứng nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong quá trình hội nhập và phát triển hiện nay.

Nghiên cứu khẳng định rằng Phật giáo giữ vai trò quan trọng trong hệ thống ASXH ở Việt Nam thông qua các hoạt động hỗ trợ người nghèo, cứu trợ thiên tai, chăm sóc nhóm yếu thế và nuôi dưỡng tinh thần nhân ái trong cộng đồng. Các mô hình từ thiện và chăm sóc xã hội do Phật giáo triển khai đã góp phần giảm gánh nặng cho Nhà nước và tăng cường tính gắn kết xã hội. Tuy nhiên, vai trò này vẫn còn hạn chế bởi tính tự phát, thiếu chuyên nghiệp, thiếu cơ chế phối hợp và nguồn lực tài chính chưa ổn định. Luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm phát huy tốt hơn tiềm năng của Phật giáo trong lĩnh vực ASXH, qua đó góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nhân văn và bền vững.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hữu Nhượng (2024), *Các yếu tố chi phối vai trò của Phật giáo với việc thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, chuyên đề số 1/2024, ISSN: 1869- 1485, tr 53-56.
2. Nguyễn Hữu Nhượng (2024), *Phật giáo Việt Nam tham gia thực hiện chính sách bảo đảm an sinh xã hội hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị.
3. Nguyễn Hữu Nhượng (2023), *Phát huy vai trò của Phật giáo đối với an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, chuyên đề số 2/2023, ISSN: 1869- 1485, tr 56 - 60.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TRONG NƯỚC

1. Đặng Nguyên Anh (2015) (Chủ nhiệm đề tài), “*Đảm bảo an sinh xã hội: Định hướng mô hình và giải pháp*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
2. Mai Ngọc Anh (2010), *An sinh xã hội đối với nông dân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Thị Vân Anh. (2021). “An sinh xã hội với phát triển bền vững: Tiếp cận dưới góc nhìn quyền con người.” Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, (16), tr. 23 - 29.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng Trung ương, (2012), “*An sinh xã hội ở nước ta: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) (2012), Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012, về một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, Hội nghị lần thứ 5.
6. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2018), Chỉ thị số 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003), Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo.
8. Bộ Chính trị (2018), Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25- NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới.
9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam (2009), *Nhìn lại quá khứ đổi mới trong thách thức – đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2008*, chế bản và in tại Công ty Cổ phần in La Bàn, Hà Nội.

10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010) - *Chiến lược an sinh xã hội 2011 - 2020*, Hà Nội.
11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010) - *Chiến lược an sinh xã hội 2011 - 2020*, Hà Nội.
12. Nguyễn Thanh Bình - Phan Thành Quốc (2021), Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay.
<https://truyenthongdaolamcon.net/vai-tro-cua-phat-giao-viet-nam-trong-cong-tac-xa-hoi-hien-nay/>.
13. Kinh Trường Bộ, Kinh Đại Bát-niết-bàn, số 16.
14. Kinh Tăng Chi, Chương 3, phẩm Sa-môn, phần Học pháp, thứ 89.
15. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002) (chủ biên), *Tiến bộ xã hội một số vấn đề lý luận*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến (1996), *Góp phần đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Đức Cường (2012), *Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Mai Ngọc Cường (2013) (chủ biên), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Mai Ngọc Cường (2013), “Về phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (192), tr 11-23.
20. Mai Ngọc Cường (2013) (chủ biên), *Về an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Thích Minh Châu (2001), *Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người* (Tuyển tập bài pháp). Nhà xuất bản Tôn Giáo.
22. Thích Minh Châu (2001), *Triết lý Phật giáo về con người*. Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam.
23. Nguyễn Văn Chiêu (2014), *Chính sách an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Chính phủ (2023), Nghị định số 95/2023/NĐ-CP, ngày 29/12/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành tín ngưỡng, tôn giáo.
25. Chính phủ (2021), Nghị định số 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.
26. Chính phủ (2017), Nghị định số 103/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
27. Chính phủ (2021), Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
28. Chính phủ (2024), Nghị định số 136/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
29. Doãn Mậu Diệp (2015), *Cơ sở khoa học xây dựng an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Đề tài KX.02.07/11-15.
30. Nguyễn Ngọc Dung (2020), *Phật giáo Việt Nam trong an sinh xã hội - giáo lý và thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, số 2 (45) - 2020.
<https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHVCN/Attachments/288409/CVv512S452020016.pdf>
31. Nguyễn Ngọc Dung (2020), *Phật giáo Việt Nam trong an sinh xã hội - giáo lý và thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, số 2 (45).
32. Nguyễn Hữu Dũng (2011), *Bảo đảm gắn kết chặt chẽ tăng trưởng kinh tế trong tiến bộ và công bằng xã hội trong chiến lược phát triển nước ta đến năm 2020*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số tháng 1 (163).
33. Nguyễn Văn Định. (2019). Chính sách an sinh xã hội trong nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nxb. Chính trị Quốc gia.
34. Thích Thanh Điện (Chủ biên) (2020), *Phật giáo trong vấn đề an sinh xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

35. Dương Quang Điện (2016), “*Hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo Việt Nam*”, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107).
36. Dương Quang Điện (2016), *Hoạt động phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nxb Khoa học xã hội.
37. Dương Quang Điện (Chủ biên) (2021), Hoạt động phật sự của Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bài viết: “*Giáo hội phật giáo Việt Nam tham gia bảo đảm ASXH hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đồng bào dân tộc thiểu số*”, tác giả Nguyễn Văn Thành (trang 30), Nxb Khoa học xã hội.
38. Dương Quang Điện (Chủ biên) (2021), Hoạt động phật sự của Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bài viết: “*Phát huy vai trò lãnh đạo và công tác ASXH ở địa phương*”, tác giả Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Tây Ninh (trang 54), Nxb Khoa học xã hội.
39. Dương Quang Điện (Chủ biên) (2021), Hoạt động phật sự của Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bài viết: “*Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Ninh với công tác đảm bảo ASXH một số gợi ý cho tỉnh Hòa Bình*”, tác giả Đại Đức Thích Đạo Hiền (tr 60), Nxb Khoa học xã hội.
40. Dương Quang Điện (Chủ biên) và Nguyễn Văn Tuấn (2021), *Phật giáo với hoạt động bảo đảm ASXH, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Tôn giáo.
41. Dương Quang Điện (2020), *Phật giáo với vấn đề an sinh xã hội (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
42. Thích Thanh Điện (2020), *Phật giáo trong vấn đề an sinh xã hội* (Chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
43. Thích Thanh Điện (2020), *Một số hoạt động phật sự góp phần bảo đảm ASXH trong thời kỳ phát triển và hợp tác quốc tế*, Nxb Tôn giáo.
44. Nguyễn Văn Định (2019), *Chính sách an sinh xã hội trong nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

45. Trần Ngọc Đường (2014), *Các điểm mới về quyền bảo đảm an sinh xã hội, quyền làm việc trong Hiến pháp mới*, tại trang, <http://daibieunhandan.vn>, truy cập ngày 2/3/2014.
46. M. Evans, I. Gough, S. Harkness, A. McKay, Đào Thanh Huyền và Đỗ Lê Thu Ngọc (2007), *An sinh xã hội ở Việt Nam - Lũy tiến đến mức nào?*, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam - Báo cáo Đối thoại Chính sách của UNDP.
47. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Báo cáo công tác Phật sự năm 2018*, Tp. Hồ Chí Minh.
48. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2024), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2024 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, ngày 3.12.2024, Hà Nội.
49. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2020), *Báo cáo tổng kết các nhiệm kỳ*, Hà Nội.
50. Lương Đình Hải (2015), “Thực hiện công bằng xã hội đối với các hình thức sở hữu vì sự phát triển con người ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (3), tr. 52-62.
51. Trần Hoàng Hải, Lê Thị Thuý Phương (2011), *Pháp luật an sinh xã hội - Kinh nghiệm của một số nước đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Trần Quang Huy (2019), *Hệ thống tổ chức Phật giáo Việt Nam từ 1981 đến nay*. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (4), 45–53).
53. Trần Hậu, Đoàn Minh Tuấn (2012), *Phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta đến năm 2020 - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đỗ Lan Hiền (2020), *Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, Viện tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Nxb Tôn giáo.
55. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Nguồn lực tôn giáo, kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, bài viết: “*Tôn giáo với công tác an sinh xã hội ở Việt Nam, triển vọng và rào cản*”, Nxb Tôn giáo.
56. Nguyễn Thị Huệ (2023), *Vai trò của Phật giáo đối với công tác an sinh xã hội*, tác giả, *Tạp chí Nghiên cứu Phật giáo*, số ISSN: 2734-9195.

57. Đỗ Lan Hiền, Vũ Thị Mai Hiền (2020), *Tôn giáo và phát triển bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
58. Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên) (2014), *Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội.
59. Đỗ Quang Hưng (2021), *Phật giáo Việt Nam trong công tác đảm bảo an sinh xã hội trong sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước*, <http://danvan.vn/Home/Cong-tac-ton-giao/13430/Phat-giao-Viet-Nam-voi-cong-tac-dam-bao-an-sinh-xa-hoi-trong-su-phat-trien-ben-vung-va-hoi-nhap-quoc-te-cua-dat-nuoc>, truy cập tháng 3/2022.
60. Đỗ Quang Hưng (2020), *Phật giáo đồng hành cùng an sinh xã hội*. <http://baolamdong.vn/xahoi/201601/phat-giao-dong-hanh-cung-an-sinh-xa-hoi-2660700>, truy cập tháng 3/2022.
61. Nguyễn Hải Hữu (2007), *Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
62. Nguyễn Hải Hữu (2007), *Giáo trình nhập môn an sinh xã hội*, Nxb Lao động, Hà Nội.
63. Nguyễn Hoàng Anh, & Trần Văn Khánh, (2020), *Phật giáo và các hoạt động xã hội tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (2), 65-73.
64. Nguyễn Thị Lan (2020), *Chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật).
65. Trương Lai (1994), *Người cao tuổi và an sinh xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Nguyễn Lang (1995). *Việt Nam Phật giáo sử luận* (Tập I–III). Nhà Xuất bản Văn Học.
67. Bùi Sĩ Lợi (2015), “Nghèo ở Việt Nam - những thách thức và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản*, (870), tr.75-80.
68. Bùi Sĩ Lợi (2015), “Tính ưu việt của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế - thách thức trong triển khai và giải pháp đảm bảo an sinh xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, (873), tr.50-56.
69. Trần Hồng Liên (2017), “*Hoàng pháp và từ thiện của ni giới Phật giáo Việt Nam*”, Tạp san Hoa Đàm, số 43.

70. Trần Hồng Liên (2018), “*Học tập tinh thần linh hoạt, sáng tạo của Ni trưởng Huệ Giác*”, tập san Hoa Đàm, số 53.
71. Lê Quốc Lý (2013), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Lê Thị Mai (2021), *Vai trò xã hội của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
73. Lê Thị Minh (2021), *Vai trò xã hội của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*. Nhà xuất bản Tôn giáo.
74. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển xã hội và quản lý xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*, (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Phạm Xuân Nam (2008), *Triết lý phát triển ở Việt Nam - Máy điều cốt yếu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
76. Phạm Xuân Nam (2012), “An sinh xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Xã hội học*, (2) (118), tr.3-13.
77. Nguyễn Thị Nga (2006), “Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay - những quan điểm cơ bản của Đảng”, *Tạp chí Triết học*, (9) (184), tr.3-8.
78. Nguyễn Thị Nga (2012), *Tiếp cận an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay trên quan điểm phát triển bền vững*, tại trang, <http://www.doanhnghieptrunguoc.vn> , truy cập tháng 3/2022.
79. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (2013), *Những thách thức và giải pháp đối với chính sách an sinh xã hội bền vững cho tất cả mọi người tại Việt Nam và Đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp.HCM (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Tp. HCM xuất bản.
81. Nhà xuất bản Tôn giáo (2020), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hoạt động an sinh xã hội*, Hà Nội.
82. “Ngôi nhà chung” của trẻ mồ côi, người già neo đơn - Báo Đồng Nai điện tử
83. Phùng Hữu Phú (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

84. Vũ Văn Phúc (2012), *An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Thích Trí Quảng (2022) *Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hoạt động an sinh xã hội*, Nxb Tôn giáo.
86. Quốc hội (2016), Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016
87. Quốc hội (2013), Hiến pháp năm 2013
88. Quốc hội (2013), Luật Việc làm năm 2013
89. Nguyễn Thanh Bình - Phan Thành Quốc (2021), *Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay*. <https://truyenthongdaolamcon.net/vai-tro-cua-phat-giao-viet-nam-trong-cong-tac-xa-hoi-hien-nay/>, truy cập tháng 3/2022.
90. Nguyễn Văn Tuấn (2016), *Quá trình thực hiện chính sách ASXH ở tỉnh Hải Dương từ năm 1997 đến năm 2010*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr. 11-12.
91. Mạc Văn Tiến (2005), *An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
92. Thích Nhật Từ (2020), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, tác giả, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Hồ Chí Minh.
93. Nguyệt Thu (2020), *Phật giáo đồng hành cùng an sinh xã hội*, <http://baolamdong.vn/xahoi/201601/phat-giao-dong-hanh-cung-an-sinh-xa-hoi-2660700/>, truy cập tháng 3/2022.
94. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 31/2011/QĐ-TTg ngày 02/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về ASXH.
95. Thủ tướng Chính phủ (2018), Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2018 về nâng cao hiệu quả công tác nhân đạo và hoạt động chữ thập đỏ trong tình hình mới.
96. Thích Nhật Từ (2020), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, tác giả, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Hồ Chí Minh.

97. Trường đại học KHXH và Nhân văn - Ủy Ban Trung Ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam - Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp tổ chức (2017), *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện*, Kỷ yếu hội thảo.
98. Nguyễn Văn Thành (2021), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Tổ chức và vai trò trong xã hội đương đại*. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
99. <https://phatgiao.org.vn/bat-chanh-dao-d25026.html>
100. <https://sites.google.com/a/webdanang.com/chua-cat-tuong/home/phat-hoc/phat-hoc-co-ban/tong-quan-ve-phat-giao>
101. <https://phatgiao.org.vn/muoi-dac-diem-co-ban-cua-phat-giao-dao-phat-ma-ban-nen-biet-d32517.html>
102. https://zenodo.org/records/13710939?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22.7.2025.
103. https://www.researchgate.net/publication/392001361_The_Significance_of_Buddhist_Social_Work_A_Study_on_its_Impact_on_Community_Development_and_Social_Justice?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 22.7.2025.
104. https://frs.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/tac-gia-tac-pham/phat-giao-viet-nam-voi-cong-viec-tu-thien-117.html?utm_source=chatgpt.com.
105. https://phatsuonline.vn/tu-thien-xa-hoi-duoc-phat-giao-thuc-hien-trong-nam-2024-75?utm_source=chatgpt.com.
106. <https://btgcp.gov.vn/doi-song-tin-nguong-ton-giao/giao-hoi-phat-giao-viet-nam-trien-khai-tren-2106-ty-dong-tu-thien-xa-h>.
107. <https://giacngo.vn/phat-giao-tphcm-thuc-hien-hoat-dong-an-sinh-xa-hoi-tu-thien-voi-tong-tri-gia-tren-735-ty-dong-post74258.html?utm-source=chatgpt.com>.

B. TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

108. Cittasobhano, P. (1982). *Buddhism and Thai Culture*. Bangkok: International Buddhist Students Association Annual Magazine.
109. International Labour Organization. (2017). *World Social Protection Report 2017-19*. Geneva: ILO.

110. L. Iannaccone (1998). Introduction to the Economic of Religion. *Journal of Economic Literature*, Vol. 36, pp. 1465-96.
111. Liên Hiệp Quốc (1948). Universal Declaration of Human Rights (Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Nghị quyết số 217A – III). <https://www.un.org/en/universal-declaration-human-rights>.
112. Midgley, J. (2008). *Social Security, the Economy and Development*. Palgrave Macmillan.
113. James Midgley (2011), *Basis of social security in Asia: mutual aid, micro-insurance and social security*, Palgrave Macmillan.
114. Joseph Matthews Attorney (2012), *Social Security, Medicare & Government Pensions*, No. 170.
115. William Reichenstein, William Meyer (2011), *Social Security Strategies: How to Optimize Retirement Benefits*, tại trang <https://www.amazon.ca> , truy cập tháng 3/2022.
116. Hoang, H. T., Nguyen, T. T., & Reynolds, J. F. II. (2019). *Buddhism-based charity, philanthropy, and social work: A lesson from Vietnam*. *International Social Work*, 62(3), 1075–1087.
117. Social Welfare in Buddhism.